

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

Directeur Rédacteur en chef }
Chủ-nhiệm kiêm chủ-bút }

PHẠM QUỲNH

TOME XXXI

N^{os} 174 179

JUILLET DÉCEMBRE

X

1932



IN TAI

ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN (Imprimerie Tonkinoise)

80-82, Rue du Chanvre. Hanoi

NAM - PHONG TẠP - CHÍ

MỤC-LỤC

QUYỀN THỨ XXXI (từ số 174 đến số 179)

Số 174 — Juillet 1982

	Số trang
Đức Bảo-đại về nước.	1
Nhà luân-lý học.	8
Câu chuyện ba khúc rồng.	16
Lý thú đọc sách.	22
Thăm ông Phạm Quỳnh.	25
Một vị cao-tăng nước nhà : Sự cụ Cồ-lễ.	30
Giáo-dục phổ-thông phải lấy tinh-thần làm trọng.	46
Khảo về luân-lý học-sử nước Tàu. V.	48
Việt-Nam tở-quốc túy-ngôn. VI.	60
Tuồng hát : Trung-hiếu thần-tiên. V.	65
Văn-uyên.	76
Thời-dàm.	80

Số 175 — Août 1982

Nghĩa-tôn quân đối với thời-thế mới.	101
Thăm lăng Sĩ-vương.	109
Câu chuyện cây bằng bút.	114
Lược khảo về sự tiến-hóa của quốc-văn trong lối viết tiểu-thuyết. I.	116
Quốc-âm thi-văn tùng-thoại. II.	135
Cuộc tiền-dồ Mãn-châu của nước Tàu.	141
Thơ Đường diễn nôm.	151
Khảo về cách thức làm báo. III.	159
Thế-thao.	165
Tuồng hát : Trung-hiếu thần-tiên. VI.	174
Thời-dàm.	186

Số 176 — Septembre 1982

Văn-minh nước Mĩ cùng văn-minh thế-giới.	219
Làm án nước Mĩ.	221
Lược khảo về sự tiến-hóa của quốc-văn trong lối viết tiểu-thuyết. II.	228
Quốc-âm thi-văn tùng-thoại. III.	248
Trên đường Nam Pháp.	257

Khảo về luân-lý học-sử nước Tàu. VI.	Số trang	270
Tuồng hát : Trung-hiếu thần-tiên. VII.		287
Văn-uyên.		302
Thời-dàm.		305

Số 177 — Octobre 1982

Chủ-nghĩa Pha-xi nước Ý.	329
Cải phong cầu trực-ngôn.	337
Cải bệnh tự-lử.	340
Truyện làng Ni.	344
Một làng ở xứ Bắc-kỳ hiện nay.	351
Nghề báo bên Âu Mỹ.	304
Việt-Nam địa-dư ngữ-ngôn-thi. I.	376
Việt-Nam tổ-quốc tùy-ngôn. VII.	386
Quốc-âm thi-văn tùng-thoại. IV.	396
Luận-ngữ quốc-văn giải-thích. VI	403
Gương đẹp dân bà.	411
Thời dàm.	423

Số 178 — Novembre 1982

Văn-minh nước Nhật.	443
Câu chuyện có con phải cho đi học.	458
Khảo về luân-lý học-sử nước Tàu. VII.	466
Việt-Nam tổ-quốc tùy-ngôn. VIII.	478
Quốc-âm thi-văn tùng-thoại. V.	488
Lịch-sử Phật-giáo nước Tàu.	492
Sưu-tập thơ văn-cổ : (Chính-khi ca. Văn-tế tương-sĩ về tết trung-nguyên. Văn tế chúng-sinh về tết trung-nguyên. Văn tế mười loài chúng-sinh). VI.	498
Luận-ngữ quốc-văn giải-thích. VII.	504
Văn-uyên.	511
Thời-dàm.	516

Số 179 — Décembre 1982

Mừng vua về nước.	545
Nghề hàng-không hiện nay.	549
Một nhà cao-sĩ nước Tàu : Đào Uyên-Minh.	560
Việt-Nam dân chính-luận.	578
Bàn về nhân vật Tướng Giới-Thạch.	586
Việt-Nam địa-dư ngữ-ngôn-thi. II.	593
Luận-ngữ quốc-văn giải-thích. VIII.	598
Quốc âm thi-văn tùng-thoại. VI.	604
Đường-thi diễn âm.	607

	<i>Số trang</i>
Hát chèo (Truyện Tú-Uyên).	612
Tình xưa (Đoán-thiên tiêu-thuyết).	621
Văn-uyên.	628
Phong-dao cổ.	633
Thời-dâm.	640

Pháp-Việt tự-điều dự-thảo.	1-48
-----------------------------------	------

Các tranh ảnh

- Số 174. — Ảnh đức Bảo-đại và sư cụ chùa Cồ-lễ.
- Số 175. — Tranh danh-họa được thưởng tại hội Đấu-xảo Quốc-tế, và ảnh ông Nam-sơn là nhà danh-họa.
- Số 176. — Ba bức vẽ của họa-sĩ Nam-sơn, hai bức bày tại Đông-dương Kinh-tế cục Paris và một bức bày tại cuộc Đấu xảo Mĩ-thuật Rome năm 1931.
- Số 177. — Tranh chợ gạo bên hữu-ngạn sông Hồng-hà ; tranh quan viên sắp vào tế của họa-sĩ Nam-sơn họa.
- Số 178. — Tranh tháp chùa Thiên-mụ ở Huế.
- Số 179. — Ảnh Hoàn g-thuộc ngự miển Bắc Trung-kỳ.

Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français

Philosophie d'Extrême-Orient.	1
La morale et la religion selon M. BERGSON.	3
La morale de M. BERGSON	7
Une rénovation de l'Art Annamite.	10
La mission de la France.	11
Politique d'Egard.	13
L'Ecole des Beaux-Arts à l'Exposition coloniale	16
La Grammaire de l'Académie.	18
Les Idéaux de l'Orient.	21
Proclamation de S. M. l'Empereur d'Annam à son peuple.	23
Retour de S. M. l'Empereur d'Annam : Discours de M. le Gouverneur Général Pasquier.	26
Reflexions sur la Chine.	29
En Annam : La Cour de Huế.	32
Un diner chez le « Petit Maréchal »	35
Finances Indochinoises.	36
Jean depuis, l'explorateur du Tonkin.	38
Interprétation du Bouddhisme.	39
Le Japon s'explique	41
La réforme de l'Enseignement en Annam.	46
L'individu dans la vieille cite Annamite	48
Machinisme et civilisation	51
L'homme moderne	53
La France et la nouvelle Europe.	55

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

ĐỨC BẢO-ĐẠI VỀ NƯỚC

Hiện nay người mình đối với chính-trị trong nước, bất-phân là thuộc về đảng-phái nào, hầu hết đều có một cái quan-cảm chung: là cho rằng việc chính-trị cần phải cải-cách. Cải-cách ra thế nào, có lẽ cũng ít người hiểu rõ, ít người nghĩ tới nữa. Nhưng ai ai cũng đồng-tình là nên cải-cách. Bởi có cái quan-cảm chung đó, nên thành ra có mỗi hi-vọng chung. Bởi có mỗi hi-vọng chung, nên gặp việc gì xảy ra cũng là sẵn lòng mong-mỏi. Mấy tháng trước kia thì mong-mỏi về việc quan Tổng-trưởng Thuộc-địa PAUL REYNAUD sang tuần-lịch bên này. Hiện nay thì đương mong-mỏi về việc đức Bảo-đại Hoàng-đế sắp hồi-loan tháng sau.

Nhưng sự hi-vọng vốn không có mục-dịch phân-minh, nên lòng mong-mỏi cũng là mơ-màng phảng-phất. Cho nên được vừa ý cũng không biết, mà không vừa ý cũng chẳng hay. Thủy-chung là phiên-lưu trong cõi mộng-tưởng cả.

Việc quan Tổng-trưởng tuần-lịch đã thuộc về quá-khứ rồi, nay không nói làm chi. Việc đức Bảo-đại hồi-loan là đương thuộc về thời-kỳ nữa hiện-tại nữa tương-lai, tức là thời-kỳ rất lợi cho cái lòng hi-vọng mơ-màng. Tây-ngữ có câu: « Ở đời không gì tốt đẹp bằng cái hi-vọng. » Việc chưa đến thời trí-tưởng-tượng của ta có thể tô-diêm cho nó đủ các màu-sắc tốt-tươi. Việc chưa đến mà còn xa-xôi, thời như cái cảnh mung-lung phiêu-diêu trong bức tranh thủy-mạc tàu, có đẹp mà là cái đẹp lãnh-diêm của người khuê-các

thanh-cao. Việc chưa đến mà sắp đến nay mai, thời như cái cảnh vắng đông đã rặng, cảnh-vật xôn-xao, sương tan ngọn cỏ, chim gọi trên cánh, mặt trời chưa ló, nhưng cái khí quang-minh ăm-áp đã bàng-bạc trong khắp chốn vũ-trụ nhân-gian, có cái đẹp như người danh-kỹ còn đương thập-thò trên sân khấu, trăm nghìn con mắt chiếu vào một nơi.

Đối với việc đức Bảo-đại hồi-loan, chúng ta đương xử vào cái cảnh thứ nhì đó, là cái cảnh lòng hi-vọng đã tới trình-độ rất cao, trong sự mong-mỏi đã có ý thấp-thỏm bồn-chồn vậy.

Nếu ở đời không gì tốt đẹp bằng cái hi-vọng, thời trong cái hi-vọng cũng không gì tốt đẹp bằng buổi cuối cùng này, là lúc cái tương-lai đương biến thành hiện-tại, ngoài cái khoái-lạc mong-mỏi, lại thêm cái nao-nhiệt đợi chờ vậy.

Chúng ta đương xử trong cái cảnh tuyệt-thù đó, nữ nào bỏ qua đi mà không hưởng cho hết cái thú.

Ấu là ta tự hỏi xem ta mong-mỏi những gì. Dù kết-quả có đến như giấc mộng đêm xuân nữa, thời đêm mới đến canh tư, ta còn thể tiếp-tục được một vài giờ vậy...

Nếu nay hỏi người trong nước mong-mỏi cải-cách về chính-trị thời muốn cải-cách ra thế nào, có lẽ cũng ít người biết rõ mà nói ra cho tỏ-tường được. Đối với một dân-tộc mơ-màng như dân ta, thật khó lòng mà biết được ý-hướng của dân thế nào. Nhà cầm

quyền tóng-sử có muốn dò dân-y mà định phương-châm cho chính-trị, nhiều khi cũng không biết bằng - cứ ở đâu cho đích-thực. Không phải là dân ta không có tư-tưởng về chính-trị, có lẽ chỉ tại không biết đạo-đạt tư-tưởng ấy ra cho phân-minh mà thôi, không biết đạo-đạt cho người rõ, mà cũng không biết tự đạo-đạt cho mình hay nữa. Cho nên về chính-trị cũng như về mọi phương-diện khác, còn ở trong cõi mơ-màng vô-y-thức cả. Chính đó là cái nguyên-nhân đệ-nhất làm cho việc gì ở nước ta cũng khó-khăn, là không có một cái dư-luận có ý-thức để làm tiên-phong, làm hậu-thuần cho những người mưu-tính công-việc chung. Song cái dư-luận phân-minh không có, nhưng cái khuynh-hướng thâm-trầm thời vẫn có. Bởi cái khuynh-hướng đó mạnh nên mới sinh ra lòng mong-mỏi như trên kia. Muốn biết mong-mỏi những gì thời phải dò xem cái khuynh-hướng thâm-trầm ấy thế nào.

Nay nhân đức Bảo-đại hồi-loan, tôi muốn bình-tình xét xem cái khuynh-hướng thâm-trầm của dân ta về chính-trị gần đây thế nào.

Trong bức thư ngỏ cho quan Tổng-trưởng REYNAUD hồi nọ, tôi có nói rằng: « Điều cầu-nguyện thứ nhất của chúng tôi, là làm sao cho có một tổ-quốc để mà thờ ». Lại nói rằng: « Chúng tôi là một dân-tộc đương đi tìm tổ-quốc mà chưa thấy tổ-quốc ở đâu ».

Ấy tôi tưởng cái khuynh-hướng thâm-trầm của dân ta về chính-trị hiện nay là ở cái lòng tìm-tòi, mong-mỏi, cầu-nguyện, khát-khao đó. Không biết phát-biểu ra một cách phân-minh chánh-đáng, nhưng vẫn là hoài-bảo ngấm-ngấm như vậy.

Dù đảng nào, phái nào, chính-kiến trái nhau, tư-tưởng nghịch nhau mặc lòng, đảng thanh-niên, đảng lão-thành, phái thủ-cự, phái duy-tân, phe lập-hiến, phe trực-trị, danh-hiệu có khác

nhau mà xét cho đến cùng cũng là tiêu-biểu cho một cái khuynh-hướng thâm-trầm ấy cả, là cầu cho người An-Nam có một cái tổ-quốc để mà thờ.

Đó là điều thứ nhất, nghĩ cho kỹ, xét đến nơi, ai ai cũng phải công-nhận như vậy, dù người Pháp đề ý quan-sát về cái hiện-tình dân ta ngày nay, cũng phải bình-tình công-nhận như vậy.

Điều thứ nhì là cái tổ-quốc chúng ta đương cầu-vọng đó, đối với chúng ta không thể là nước Pháp được. Điều đó trong bức thư cho quan REYNAUD tôi cũng đã nói rõ-ràng. Tôi nói rằng: « Chúng tôi không thể coi nước Pháp làm tổ-quốc chúng tôi được. Nghe câu đó xin quan lớn đừng mếch lòng. . . »

Thực thế: Đại-Pháp là ân-quốc của chúng ta, Đại-Pháp không thể làm tổ-quốc cho chúng ta được. Người nào ngộ-nhận như vậy, một là người vô-y-thức, hai là người không thành-thực. Điều đó cũng phải nên biểu rõ. Nhưng điều đó cũng lại chính là một cái khuynh-hướng tự-nhiên trong tâm-tri người nước Nam vậy.

Nhưng nước Pháp tuy không thể làm tổ-quốc cho chúng ta được, mà nước Pháp có thể giúp cho chúng ta gây-dựng lại cái tổ-quốc cố-hữu của chúng ta, ơn ấy chúng ta thật thành-tâm trông cậy ở Đại-Pháp. Đó là điều thứ ba, trong bức thư ngỏ cho quan Tổng-trưởng tôi cũng đã bày tỏ rõ-ràng. Tôi nói rằng: « Người An-Nam không thể coi nước Pháp làm tổ-quốc được, vì vốn đã có tổ-quốc của mình rồi. Mà cái tổ-quốc đó, nước Pháp có thể vì chúng tôi khôi-phục được, cho chúng tôi cũng có một cái đời làm nước xứng-đáng ở ngay trong phạm-vi Đế-quốc của Đại-Pháp. Như vậy thì nước Pháp lại còn hơn là tổ-quốc chúng tôi, nước Pháp sẽ là ân-quốc của chúng tôi, giúp cho chúng tôi khôi-phục được một cái tổ-quốc đương suy-vĩ, ơn ấy đời đời cũng không quên vậy. »

Ấy theo sự dò xét của tôi thời cái khuynh-hướng thâm-trầm của người nước ta về chính-trị hiện nay là gồm ở ba điều đó: một là người An-Nam đương khao-khát có một cái tổ-quốc để mà thờ; hai là tổ-quốc ấy đối với người An-Nam không thể là nước Pháp được; ba là tổ-quốc ấy chính người An-Nam cầu-vọng ở nước Pháp giúp cho gây-dựng lại, rồi sẵn lòng để cho sáp-nhập vào trong phạm-vi Đế-quốc của Đại-Pháp.

Cái khuynh-hướng đó là chung cho hầu hết những người có tư-tưởng về chính-trị, dù là trong Nam hay ngoài Bắc, thuộc về đảng nào hay phái nào mặc lòng. Cái khuynh-hướng đó đối với kẻ có học-thức thì rõ-rệt hơn một chút, nhưng dẫu trong dân-gian cũng vẫn phảng-phất âm-âm vậy.

Vậy thời phạm cải-cách mà thuận với cái khuynh-hướng thâm-trầm đó là trùng với dân-ý, dân-nguyện, không còn phải tìm xét đâu xa nữa.

Nhưng còn là cái khuynh-hướng tự-nhiên thì ai ai cũng cùng một lòng ấy, đến lúc nói đến cải-cách thực-sự thì hỗn-độn phân-vân, không thấy có cái chính-kiến gì là xác-đáng, cái chương-trình nào là phân-minh cả.

Vậy mà giữa lúc này là lúc cần phải chương-trình cho phân-minh, chính-kiến cho xác-đáng vậy. Giữa lúc này là cái cơ-hội độc-nhất vô-nhi để định lại hướng-châm chính-trị cho xứ này. Hoàng-thượng đi du-học đã mười năm nay, bây giờ sắp về nước, còn có dịp nào tốt hơn để mà bàn việc cải-cách nữa?

Ta đã biết rằng cử-quốc đều tỏ ra một cái khuynh-hướng chung, một lòng mong-mỏi chung. Vậy chỉ nên xét xem trong các lối chính-trị có thể thi-hành được ở xứ này, lối nào là hợp với cái khuynh-hướng chung đó, lối nào là thỏa được lòng mong-mỏi chung

đó, thời quyết-nhiên chủ-trương lối ấy, gây thành một cái phong trào dư-luận, để làm cái sức tiên-phong hậu-thuần cho mọi sự cải-cách sau này.

Nay các cách chính-trị có thể thi-hành được ở nước ta ngày nay là những cách nào? Xét đi xét lại, duy chỉ có hai cách: một là bảo-hộ, hai là trực-trị. Còn một cách thứ ba nữa là độc-lập tự-trị, thời đã cố-nhiên không thể đề-cập tới rồi.

Trong hai cách bảo-hộ và trực-trị, cách nào là thuận cái khuynh-hướng tự-nhiên của quốc-dân và có thể thỏa được lòng mong-mỏi chung như trên kia vừa nói. tưởng không cần phải biện-giải nhiều lời, ai cũng biết rằng duy có cách bảo-hộ chân-chính mà thôi. Vì cái khuynh-hướng chung, lòng mong-mỏi chung của quốc-dân là thế nào? Là muốn gây-dựng lại cái tổ-quốc Việt-Nam của ta cho có thể-thống, mà nhờ Đại-Pháp giúp cho ta trong việc đó. Chính-sách bảo-hộ là chẳng phải là cốt tôn-trọng cái quốc-thể của ta mà giúp cho ta gây-dựng thành một quốc-gia hoàn-toàn dư? Còn như chính-sách trực-trị thời là chính-sách kiêm-tính, chính-sách tâm-thực, chính-sách đồng-hóa, còn gì là quốc-gia, còn gì là tổ-quốc nữa. Cho nên phạm người thức-giả ai cũng phải nhất-quyết chủ-trương cái chính-sách bảo-hộ, và cố xin cho thi-hành một cách thành-thực chân-chính. Đề-xướng cái thuyết trực-trị, là trái ngược hẳn với cái khuynh-hướng tự-nhiên của cả quốc-dân, dù có dùng cách nguy-biến mà chủ-trương rồi rút cục cũng không có ảnh-hưởng gì trong dân trong nước, mà kết-quả về tương-lai lại không khỏi có nguy-hiểm cho tiền-đồ tổ-quốc nữa.

Song bây giờ không phải là lúc thảo-luận xuống về sự lợi-hại của hai cái chính-sách bảo-hộ cùng trực-trị đó nữa.

Dù thực-sự thế nào mặc lòng, cứ lý-luận, cứ luật-pháp thì Chính-phủ Pháp vẫn công-nhiên tuyên-bổ rằng thủy-chung vẫn trung-thành với điều-ước bảo-hộ, và cái chính-thể thi-hành ở nước Nam này trước sau vẫn là chính-thể bảo-hộ. Nếu nước Pháp có cái ý bội điều-ước mà đổi bảo-hộ thành trực-trị thì ngay khi đức Tiên-đế Khải-định thăng-hà, có thể làm cái thủ-đoạn đó dễ-dàng lắm. Nhưng mà không. Nước Pháp lại đảm-đương cái trách-nhiệm dạy-dỗ gây-dựng cho Kim-thượng trong mười năm, nay đã đến tuổi trưởng-thành, lại lo-liệu cho về nước một cách rất phân-minh đường-hoàng lắm. Gần đây, Hoàng-thượng ở bên Pháp, du-lich khắp mọi nơi, đáp chiến-hạm sang Phi-châu, vào yết-kiến vua Maroc, trong đám tang quan Cố-Giám-quốc DOUMER đi đồng-hàng với vua-chúa các nước như vua ALBERT nước Bỉ, Hoàng-Thái-tử nước Anh v.v.; lại mới đây đến nghỉ mát ở sở ôn-tuyền Vichy là nơi tụ-lập những khách sang khắp thế-giới, thành-phố sở-tại trân-trọng tặng chức « danh-dự công-dân » (*citoyen d'honneur*), lại lấy tên nước Nam đặt cho một đường trong thành-phố; mới rồi, trước khi đáp tàu về nước, Chính-phủ Dân-quốc tự tay quan Giám-quốc LEBRUN, trước mặt quan Thuộc-địa SARRAUT, trình-trọng tặng cái huy-chương quý nhất của Đại-Pháp, là đệ-nhất-hạng Bắc-dầu Bội-tinh; xem các chứng-cớ đó thì hiển-nhiên là nước Pháp dãi đức Bảo-đại như một vị quốc-trưởng hân-hoai, công-nhiên các nước đều biết, không có giấu-giếm gì cả. Khi quan Giám-quốc LEBRUN gần bội-tinh, Hoàng-thượng đáp lại lời chúc mừng có nói rằng: « Đại-Pháp tặng quả-nhân cái huy-chương, rất cao-quí này, không những là danh-giá cho bản-thân quả-nhân, mà là danh-giá cho cả nước Việt-Nam nữa. » Như vậy thời Đại-Pháp dãi đức Bảo-đại là

quân-chủ nước Nam, mà đức Bảo-đại cũng tự-nhận là tiêu-biểu cho nước Nam, danh-chính ngôn-thuận, thật là phân minh lắm.

Hoặc-giả nói: Đó là những cái hình-thức bề ngoài, có quan-hệ gì! — Tôi tưởng trong việc này, cái hình-thức là quan-hệ lắm. Nếu danh-nghĩa không thuận thì việc làm không xuôi được.

Nay danh-nghĩa như vậy, cũng có thể cho là thuận rồi: đối với Đại-Pháp, đức Bảo-đại vẫn nghiêm-nhiên là quân-chủ nước Nam, nhận có vua thì phải nhận có nước, đó là lẽ tất-nhiên rồi; đối với dân An-Nam, đức Bảo-đại cũng nghiêm-nhiên là tiêu-biểu cho nước, nước có tiêu-biểu là nước có căn-bản, có trụ-cốt, có nơi để cho cái tư-tưởng chung về nước về nơi kết-tinh lại mà không đến nỗi bị thời-thế làm cho tiêu-tán đi mất, đó cũng là một lẽ tự-nhiên vậy.

Danh-nghĩa đã thuận như vậy thì việc làm ắt cũng phải xuôi.

Vậy thời việc làm tình ra làm sao?

Đã nhận cho nước có vua, là nhận cho nước có chủ rồi. Cứ lý-thuyết, quyền chúa-tể trong nước vẫn là ở tay quân-chủ. Chính-phủ Bảo-hộ chỉ là đứng về địa-vị cố-vấn, địa-vị giám-đốc mà thôi. Quyền giám-đốc ấy có thể rất to, rất rộng, nhưng không thể làm cho mất được quyền chúa-tể kia đi. Nếu không thì danh lại không chính mà ngôn lại không thuận rồi, còn nói làm công-việc gì nữa.

Quân-chủ đã có quyền chúa-tể, tức là có quyền thống-trị trong nước. Điều-ước lập Bảo-hộ đã nói rõ-ràng rằng: « Hoàng-đế nước Nam vẫn giữ quyền thống-trị trong nước như xưa. »

Nay quân-chủ thi-hành cái quyền ấy thế nào?

Có hai cách: một là cứ giữ lối quân-chủ chuyên-chế như xưa, nghĩa là một tay quân-chủ kiêm hết các quyền, thật là một vị siêu-nhân-loại, toàn-trị, toàn-

năng, chịu mệnh Trời mà trị-vì bách-tính, tức là Thiên-tử, con Trời, thuộc về thần-loại hơn là nhân-loại, mà lại có quyền cai-quản cả bách-thần; đó là cái thuyết thần-bi về quân-chủ, xét về phương-diện triết-lý, phương-diện tôn-giáo, không phải là không có nghĩa-lý cao-thâm, không có giá-trị đặc-biệt, nhưng cứ thực-sự thì cũng khó lòng hoàn-toàn thi-hành được ở đời này; — hai là theo về lối quân-chủ lập-hiến, nghĩa là ban hiến-pháp cho dân cũng được tham-dự một phần vào việc nước, bằng một hội-ng nghị bầu - cử, quyền-hạn rộng hẹp thế nào sẽ tùy trình-độ dân mà định; thuyết này thì thuận theo phong-trào, hợp với thời-thế hơn, hiện nay suốt trong thế-giới có lẽ không đâu còn có nước hoàn-toàn chuyên-chế nữa, đến như nước Xiêm gần đây cũng đòi ra chính-thể lập-hiến rồi.

Đức Bảo-đại mười năm sinh-trưởng ở thành *Paris*, đã hò-hấp được cái không-khí tự-do bình-đẳng của Đại-Pháp, có thể coi là một vị tân-nhân-vật được, tất là tự-nhiên khuynh-hướng về cái lối quân-chủ lập-hiến, chứ không có lẽ thiên về lối quân-chủ chuyên-chế như xưa được. Nhưng cái nhân-cách của Ngài đã đành, còn cái hoàn-cảnh vật-chất tinh-thần trong nước nữa: hoàn-cảnh này có lợi cho lối chính-trị lập-hiến không? Nghĩa là nói tắt một câu rằng: cứ trình-độ dân An-Nam bây giờ thì lập-hiến đã được chưa? Lập-hiến có ích-lợi gì không?

Có người quả-quyết trả lời rằng:

— Hiện nay chưa thể lập-hiến được. Lập-hiến là một việc to-tát, một việc lớn-lao, không phải là một việc tầm-thường, một việc dung-dị; cò-kim Đông-Tây, đâu đâu cũng phải nhọc-nhân khó-khăn mới có thể thành-công được. Không phải là một việc sớm trưa ban-hành một đạo sắc mà làm ngay được. Trình-độ dân ta hiện nay còn kém-cỏi lắm, vì dân An-Nam không phải là chỉ

có mấy chục người có học-thức ở các nơi thành-thị mà thôi, dân An-Nam là chín-mười-chín phần trăm còn quê-mùa mộc-mạc ở các chốn hương-thôn, chỉ biết phục-tòng vua quan, còn có biết hiến-pháp là vật gì, bầu-cử là việc gì nữa. Đặt ra làm chuyện chỉ phiền dân. Trước hết hãy nên dạy dân đã. Bao giờ phổ-thông-giáo-dục ban-bổ được khắp chốn ngõ hẻm hang cùng, bấy giờ sẽ nói chuyện lập-hiến. Cứ trình-độ dân bây giờ, lấy đâu mà bầu được một Nghị-viện cho ra về? Cứ nhân-tài trong nước bây giờ, lấy đâu mà lập được một Nội-các cho xứng-dáng?

Đó là phái quá thận-trọng mà thành ra bi-quan vậy. Xin trả lời rằng:

— Lập-hiến vẫn là một việc quan-trọng. Cái tiếng lập-hiến nó vẫn là to-tát lắm. Các dân-tộc xưa nay mà thu-hoạch được cái kết-quả đó, thật cũng là khò-nhoc gian-nan lắm, chứ không phải dễ-dàng. Cho đến nước Xiêm kia cũng là phải kinh-quá một cuộc chính-biến mới làm nên. Nhưng mà cái cảnh-ngộ của chúng ta nó khác. Chúng ta là vào cái cảnh « ngu-si hưởng thái-bình ». Chúng ta đã nhờ có Đại-Pháp dìu-dắt cho, thời không phải khó-khăn gì cũng lập-hiến được. Vì cái thể-cách lập-hiến của ta có điều không giống các nước khác. Ở nước khác thời vua với dân là đứng hai địa-vị tương-phản nhau, cho nên dân có đòi vua mới chịu nhường quyền-lợi cho. Chứ như ở nước ta thì vua với dân là cùng chung một số-phận như nhau, nên liên-lạc với nhau để củng-cố lấy những quyền-lợi mà điều-ước còn dành lại cho. Vua với dân chỉ có cái duyên-cớ tương-thân, chứ không có cái duyên-cớ cách-biệt. Nói thế cũng đủ hiểu rồi, không cần phải giảng-giải nhiều lời nữa. Vả lại trong việc này Bảo-hộ đã đón trước lòng dân mà phối-thai ra cái chính-thể lập-hiến tự bao nhiêu năm nay rồi. Viện dân-biểu

Trung-kỳ, Bắc-kỳ, há chẳng phải là chính-phủ Bảo-hộ tự ý đặt ra dư? Các hội-ngị đó, há chẳng phải là những cơ-quan cho dân được tham-dự một phần vào việc nước dư? Cho dân tham-dự việc nước, há chẳng phải là cái nguyên-tắc cốt-yếu của chính thể lập-hiến dư? Thế là Bảo-hộ đã khởi đầu việc lập-hiến rồi đó, không phải đợi cho ta bàn đến vậy. Nay chỉ việc thừa cái cơ-sở đã phôi-thai ra đó mà chỉnh-đốn cho có thể-thống, định danh-nghĩa quyền-hạn cho phân-minh mà thôi. Như vậy thời cái tiếng lập-hiến vẫn là to, mà thực-sự muốn làm cũng không phải khó-khăn gì cho lắm. Ở nước người ta thì là khó, vì vua với dân là hai cái sức mạnh đối-trĩ với nhau, tất có xung-đột rồi mới có chăm-chước điều-hòa. Ở nước mình thời sự xung-đột không ở đó, nên vua với dân dễ điều-hòa mà hiệp-tác với nhau được. Duy có khó là về phần Bảo-hộ, nhưng Bảo-hộ đã có công tác-thành cho vua ta, lại có hảo-ý đãi vua ta công-nhiên ra một bậc quốc-trưởng hân-hoi, không có lẽ để cho đến khi về nước không có việc mà làm. Ta có thể chắc rằng Bảo-hộ thế nào cũng sẵn lòng giúp cho vua ta tổ-chức nên một Chính-phủ quốc-gia chân-chính ở dưới quyền giám-đốc của Bảo-hộ. Ta chắc được như vậy là vì chính quan Toàn-quyền đã từng trình-trọng và phân-minh tuyên-bố ở trước Hội-đồng Chính-phủ năm 1930, lời tuyên-bố xin nhắc lại như sau này :

« Dem cái chủ-quyền nội-trị của nước Nam mà chăm-chước với điều-uớc năm 1884 cho thích-hợp với tân-thời, đó là cái mục-dịch việc cải-tà chính-trị cho hai xứ Trung Bắc-kỳ vậy... Nước Pháp sẽ khôi-phục lại, chứ không có làm giảm mất đi, và khôi-phục lại theo nền-nếp cũ của nước Nam. Nước Nam đã có cái lịch-sử quân-chủ bấy lâu nay, không thể là nước không quân-chủ được... Đấng Thiệu-quân ngày nay đương du-học bên Pháp tấn-lời lắm, sau này sẽ là ông vua tân-thời thứ nhất của nước Nam. Khi Ngài về nước thời sẽ có đủ tri thông-minh mà hiểu rõ cái chức-vụ vừa cao-thượng, vừa nguy-hiêm của Ngài. Bấy giờ quan thay mặt nước Pháp sẽ là người cố-vấn cho Ngài. Tự Ngài kén chọn lấy các quan Thượng-thư, sửa-đổi cách hành-chính cho hợp-thời, sẽ giúp cho thi-hành được đúng cái chế-độ Bảo-hộ.

« Bấy giờ sẽ phôi-thai ra một nước Nam mới, phôi-bày cái cảnh-tượng rực rỡ ở giữa đoàn-thể Đông-Pháp, đoàn-thể này rồi cứu-cánh sẽ là một cuộc liên-bang ở dưới quyền thống-trị của Đại-Pháp. Bấy giờ thời người dân Đông Pháp, — và nhất là người Việt-Nam, — sẽ vừa là công dân trong nước mình, được hưởng quyền chính-trị đặc-biệt, lại vừa là công-dân một cuộc liên-bang, nhờ đó mà càng ngày càng được hưởng thêm những sự lợi-ích về đường xã-hội (1). »

(1) « L'adaptation moderne de la souveraineté intérieure de l'Annam au traité de 1884, tel doit être le but de la réorganisation politique de l'Annam-Tonkin... La France restaurera au lieu d'amoindrir, et elle restaurera dans le sens de la tradition nationale annamite. Après un si long passé dynastique, le pays d'Annam ne peut pas cesser d'être un royaume... Le jeune souverain qui poursuit en France de brillantes études sera le premier monarque moderne de l'Annam. Il reviendra avec une suffisante maturité d'esprit pour comprendre la noblesse et les périls de sa tâche. Il trouvera son conseiller dans le représentant de la France. Choisisant lui-même ses ministres, organisant une administration renouvelée, il nous aidera à appliquer intégralement le régime du Protectorat.

« Un nouvel Annam s'esquissera dont le visage brillera au milieu du groupe indochinois, dont la constitution finale sera celle d'une association d'Etats sous la souveraineté française. Alors les indigènes de l'Indochine — et j'ajouterai les Annamites principalement — seront à la fois citoyens de leur propre pays, jouissant des droits politiques particuliers, et citoyens d'une fédération au nom de laquelle s'amplifieront leurs avantages sociaux. »

Thuộc về chính-sách Bảo-hộ, quan Toàn-quyền lại tuyên-bố một cách rất rõ-ràng rằng :

« Bản-chức không muốn để cho phái chủ-trì cái thuyết bảo-hộ chân-chính với phái chủ-trì cái thuyết kiêm-tính giả-dối, hai đảng gây ra một cuộc phân-tranh phái cũ với phái mới. Về phần bản-chức thì chỉ quyết giữ y như lời ước cũ và thủy-chung tôn-trọng cái chữ ký của nước Pháp. Làm được trọn lời ước cũ, đó chính là cái cách rất chánh-đáng cho thỏa-thuận được lòng nguyện-vọng của quốc-dân Nam-Việt, giúp cho nước Nam tự nhận-chân được cái quốc-thê của mình. »

Je ne veux pas faire naître une nouvelle querelle des anciens et des modernes, mettant aux prises les partisans d'un loyal protectorat avec ceux d'une annexion plus ou moins déguisée. Pour moi, mon parti est celui de la parole donnée, du respect à la signature de la France. Remplir nos engagements sera la manière la plus légitime de satisfaire les aspirations de la nation annamite, de l'aider à prendre conscience de sa personnalité).

Quan Toàn-quyền là người thay mặt cao nhất của Đại-Pháp ở đây ; lời quan Toàn-quyền nói là lời Đại-Pháp nói, lại nói giữa Hội-đồng Chính-phủ, thời lời nói quan-trọng biết dường nào. Đọc lại mấy lời đó, thật là rõ cái về chính-dại quang-minh vô-cùng.

Đại-Pháp sẽ hết lòng giúp cho nước Nam thành một quốc-gia chân-chính ; Đại-Pháp sẽ hết lòng giúp vua nước Nam tổ - chức lại việc chính - trị trong nước cho hợp-thời ; Đại-Pháp vẫn thủy-chung trung-thành với điều-ước bảo-hộ. Mấy điều đó đã rõ tỏ như thanh-thiên bạch-nhật, « còn điều chi nữa mà ngờ » ! Vậy mà hoặc còn có người chủ-trương cái thuyết trực-trị, thì tưởng là đẹp lòng Đại-Pháp, chứ kỳ-thực là thất-lễ với Đại-Pháp đó, vì

là xui Đại-Pháp bội lời ước cũ, không khi nào Đại-Pháp làm như vậy !

Như vậy thời việc lập-hiến còn có điều gì là trở-ngại lớn nữa : trong khoảng vua với dân đã không có duyên-cớ gì cách-trở, trong khoảng Vua, Dân với Bảo-hộ cũng không có nguyên-nhân gì ngăn-gián cả. Chỉ có bụng thành-thực là đủ điều-hòa được hết.

Hoặc-giả nói : — Nhưng chính cái thành-thực đó mới khó !

Xin trả lời rằng : — Muốn cho người thành thì mình phải thành trước đã, nếu mình ngờ người thì người sao tin mình được. Ta cứ thành-thực mà mong-mỏi ; bụng chí-thành còn cảm được trời đất nữa là...

Vậy thời Đại-Pháp đã sẵn lòng giúp, vua ta có thể chủ-trương việc cải-lô chính-trị trong nước, không ngăn-ngại gì.

Nhưng còn một câu hỏi nữa cần phải trả lời : là nước ta đã đủ người chưa mà dám khởi-hành một việc cải-cách lớn như vậy ? Làm việc gì cũng phải có người trước đã. Nếu không có người mà cứ miễn-cưỡng làm, thì không những không mong thành-công được, mà lại có cái nguy-hiểm thất-bại nữa.

Xin thú thật rằng trình-độ dân ta hãy còn kém, mà nhân-tài nước ta cũng không nhiều. Nhưng việc lập-hiến ở nước ta không phải là mong cho hoàn-toàn ngay được. Ta không thể nhất-đán có ngay một tòa Nội-các, một viện Dân-biểu đủ tư-cách như các nước văn-minh được. Nhưng cứ hiện-tình bây giờ, suốt trong nước khởi-hữu lại không có được ít nhiều người có thể vào Nội-các được, có thể làm nghị-viên được hay sao ? Sở-dĩ từ trước đến nay không thi-thố ra được, là chỉ vì không có cơ-hội tốt đó mà thôi. Nay nhân Hoàng-thượng về nước, chính là một cái cơ-hội rất tốt đó, rồi sau này có lẽ không còn có dịp nào được như vậy

nữa. Nên thử làm đi, đã có các quan Bảo-hộ sẵn lòng giúp.

Nói tóm lại thời đối với việc đức Bảo-đại về nước, quốc-dân ta có thể lạc-quan được.

Tôi đây vẫn mang tiếng là một người hay đem con mắt bi-quan mà xem-xét thời-thế. Trong việc này tôi cũng xin sẵn lòng cùng quốc-dân tạm tỏ ý lạc-quan. Rồi sau này ra thế nào sẽ hay...

PHẠM QUYNH

NHÀ LUÂN-LÝ-HỌC

Thiên-hạ có lẽ thường tưởng-tượng nhà luân-lý học như một kẻ lão-hải chỉ biết đem mấy câu sáo cũ của thánh hiền mà huyền-diệu người đời. Nhà luân-lý học chân-chính thực không phải thế.

Nhà luân-lý chân-chính là người lấy việc suy-nghĩ nghiên-cứu về cách ăn-ở trên đời làm bản-phận, làm chức-vụ, hay làm một công-việc sở-thích của mình. Thế-thái nhân-tình, ấy là tài-liệu cho sự suy-nghĩ nghiên-cứu đó. Nhưng cái mục-đích là cốt để cho biết tâm-tính người ta.

Vậy thời nhà luân-lý là người suy-xét về tâm-tính người đời, về những mối tình-cảm sâu-xa nó tiềm-tàng ở trong nội-tâm của mỗi người, và chỉ đợi sự kích-thích bên ngoài mà xuất-hiện ra vậy.

Nhưng nhà luân-lý không phải là nhà tâm-lý. Nhà tâm-lý cũng nghiên-cứu về nội-tâm người ta, nhưng xét một cách khách-quan, còn nhà luân-lý thời công-nhiên đứng về phương-diện chủ-quan. Nhà tâm-lý coi con tâm của người ta như một đồ thí-nghiệm; nhà luân-lý coi con tâm của người ta như một vật sinh-hoạt, biết đau-đớn, biết vui-vẻ, biết sợ hãi, biết thẹn-thức bồi-hồi, biết lạnh-lùng té-tái. Nhà tâm-lý là nhà khoa-học; nhà luân-lý là nhà nghệ-thuật. Nhà tâm-lý là cái máy linh-xảo, nhà luân-lý là con người cảm-động.

Người ta ở đời, cũng nhân-tâm ấy, há thiên-lý nào, dầu cò-kim Đông-Tây cũng vậy, cùng chung một cái số-phận mong-manh ở trong khoảng vũ-trụ bát-ngát. Nhưng phần nhiều người quay-cuồng đấy, xuân-động đấy, mà tự mình không biết mình, như cái máy tự-động, không ý-thức vậy. Nhà luân-lý là người đem con mắt sáng-suốt mà thấu tỏ đến căn-nguyên của mọi sự hành-vi cử-động của người đời. Nhà luân-lý là người giúp ta tìm lấy cái ý-nghĩa của đời ta. Công ấy không phải là nhỏ vậy.

Nhà luân-lý có thể tự nói như nhà thi-nhân rằng: Thiên-hạ đại túy, ngã độc tỉnh (Thiên-hạ say cả, một ta tỉnh). Nhưng tỉnh quá thành ra sáng quá, sáng quá thời biết quá, biết quá thời không làm nữa, không làm nữa thời không thiết-tha ham-muốn gì nữa; cho nên nhà luân-lý vẫn đeo cái cảm-tưởng bi-quan vậy.

Trong văn-học-sử, triết-học-sử nước Pháp, nhà luân-lý vẫn chiếm một địa-vị đặc-biệt. Đọc sách của các nhà trước-thuật Pháp, sở dĩ có cái hứng-vị riêng về nhân-sinh, về vũ-trụ, là vì phần nhiều có cái khuynh-hướng về luân-lý cả.

Đọc bài văn sau đây miêu-tả về nhà luân-lý thì đủ rõ vậy.



Chân-dung Đức Bảo-dại Hoàng-dế



Chân-dung sư cụ chùa Cồ-lê

Portrait du moraliste

Il faut faire le portrait du moraliste, qui fait le portrait de tout le monde et de lui-même. Car le moraliste, qui s'applique à la peinture de l'homme, occupe entre la littérature et la philosophie un domaine qu'elles réclament toutes deux ; en les rapprochant jusqu'à les confondre, il cherche à réunir leurs avantages et à compenser leurs faiblesses. Il dépouille la littérature du récit, de l'aventure, de l'ornement et du lyrisme, c'est-à-dire de toutes les séductions destinées à enchanter l'imagination ou à émouvoir la sensibilité : il isole cette révélation de nous-mêmes qu'elle nous donne quelquefois dans ses plus belles rencontres et qui, derrière les actes du héros, nous fait toucher du doigt le secret de notre propre vie. Il cesse d'intéresser notre regard aux événements qui dissimulent notre être véritable au lieu de l'exprimer ; il fait tomber tous nos vêtements et découvre comme un corps nu notre intimité pure. A l'égard de la philosophie, le moraliste exerce un nouveau dépouillement : il lui retire cette armature logique par laquelle elle enserme la réalité, la domine en la contraignant, mais lui ôte si bien parfois la souplesse et la vie que l'on hésite à reconnaître, derrière le système, le visage familier qu'elle nous montre tous les jours. Le moraliste cherche à percevoir la nature de l'homme plutôt qu'à la déduire : mais il ne se distingue plus du philosophe quand celui-ci, faisant trêve à sa dialectique, nous rend tout à coup présents à nous-mêmes par un simple trait qui nous illumine. Le moraliste semble garder la substance

Miêu-tả nhà luân-lý

Nhà luân-lý vẫn hay miêu-tả đủ mọi người, lại tự miêu-tả cả mình nữa, nay ta cũng phải miêu-tả nhà luân-lý. Vì nhà luân-lý chuyên-chủ tả-mạc về loài người, thực là chiếm một cái địa-vị ở khoảng giữa văn-học và triết-học, văn-học cùng triết-học đều muốn đòi về mình cả ; gồm cả văn-học cùng triết-học, hỗn-hợp cả hai, muốn vừa thu lấy phần lợi-ích, vừa bỏ cho phần khuyết-diểm cả đôi bên. Đối với văn-chương thời trước bỏ cả những lối tự-sự, lối phiêu-lưu, giọng véo-von, lời hoa-mĩ, nghĩa là cả những vẻ mỹ-miêu làm cho khoái cái trí tưởng-tượng, động đến mỗi cảm-tình ; còn có khi văn-chương đặc-thể mà lộ được cái chân-tính của người đời, ngoài những sự hành-động của cái vai tưởng-tượng ra đó mà bày tỏ được lẽ u-ân của đời người, thời trích ra mà tiêu-biểu lên. Những tình-tiết không biểu-lộ được chân-tướng của người ta mà lại che lấp đi, thời nhà luân-lý không muốn cho ta dễ mất đến ; lại muốn như cởi cả quần áo ra mà cho trông thấy cái bản-thân ta trơn-trội vậy. Đối với triết-học cũng lại tước bỏ như vậy : triết-học hay đem lý-luận làm như cái áo giáp mà bó-buộc lấy sự thực, miễn-cưỡng mà chi-phối, nhưng có khi làm cho nó mất cả cái vẻ uyên-chuyên hoạt-bát đi, khiến cho nhìn qua lý-thuyết khó nhận được cái diện-mục thông-thường của sự thực thường bày cho ta trông thấy hàng ngày, vậy nhà luân-lý cất cái áo giáp ấy mà bỏ đi. Nhà luân-lý muốn trực-giác mà biết cái bản-tính của loài người hơn là dùng cách suy lý mà biết ; nhưng đến khi nhà triết-học tạm bỏ cách suy-luận mà khám-phá được một điều gì khiến cho ta tỉnh-ngộ, như hốt-nhiên tỏ rõ được chân-thân mình, thời nhà

commune de la littérature et de la philosophie : mais il ôte à la première l'ornement et à la seconde les épines.

Nul pays ne compte autant de moralistes que le nôtre, et il n'y a pas de genre littéraire où s'exprime mieux notre génie. Nous ne demandons guère au roman ou au théâtre de susciter en nous les puissances du rêve ni de nous engager dans les conflits tragiques où nous ne sommes plus que les victimes mystérieuses du Destin : nous aimons surtout qu'on nous offre des situations à notre mesure, dans lesquelles nous retrouvons nos démarches les plus communes, où les forces qui nous sont opposées favorisent le jeu de nos pensées et de nos désirs, au lieu de les opprimer ou de les anéantir. Mais les œuvres que nous préférons peut-être sont celles qui ne craignent point de nous entretenir directement de l'homme, et par conséquent de nous-mêmes, sans avoir besoin de nous décrire les circonstances d'une vie particulière, qui nous découvrent seulement la racine de nos sentiments et de nos actions, et qui nous laissent le soin d'en suivre la croissance à travers les événements personnels que nous sommes seuls à connaître. Montaigne ne nous parle que de lui, mais avec tant de lucidité familière et avec une attention si complaisante à son train quotidien qu'il nous montre en chacun de nous un Montaigne ignoré, jouissant de lui-même, sensible à la vie, content de se posséder plus qu'avide de se dépasser, et cherchant le bonheur dans la maîtrise tranquille de ses mouvements les plus naturels. Pascal nous ôte la sécurité : et dans son âme déchirée nous retrouvons l'angoisse qu'éveille en nous le sentiment de notre destinée et cette

triết-học lại không khác gì nhà luân-lý nữa. Nhà luân-lý hình như gồm được cái bản-chất chung của cả văn-học cùng triết học : nhưng đối với văn-học thời trước bớt cái phần hoa-mĩ đi, mà đối với triết-học thời trước bớt cái phần gian-thâm đi vậy.

Không nước nào là có nhiều nhà luân-lý-học như nước Pháp, và không có lối văn-chương nào là biểu được rõ cái tinh-thần của nước Pháp như lối văn luân-lý. Đối với tiểu-thuyết, đối với diễn-kịch, người Pháp không có cần cho kêu gọi ra những cái sức mạnh mơ-màng ở trong người, cũng không có cần cho bày đặt ra những cái bi-kịch thảm-thương khiến cho người ta chỉ làm hi-sinh cho cái vận-mệnh huyền-bí ; lại ưa nhất là những cái cảnh-ngộ bình-thường, như vừa tâm với người ta, coi đó mà thấy những cách ăn-ở thông-thường của người đời, không bị cái vận-mệnh nó đè-nén, nó tiêu-diệt, mà lại được nó giúp cho sự tư-tưởng, lòng nguyện-vọng được phát-siễn ra vậy. Nhưng những sách-vở mà người Pháp ưa hơn cả, có lẽ là những sách nói thẳng ngay về người ta, nói về người tức là nói về mình, không cần phải kể những tình-trạng của một cái đời riêng nào nữa, chỉ bày tỏ cho biết nguồn gốc những mối tình-cảm cùng sự hành-vi của mình, rồi để cho tự mình xét những công-việc trong đời riêng của mình mà nghiệm lấy. Như MONTAIGNE chỉ nói về mình mà thôi, nhưng nói một cách sáng-suốt dễ dàng, một cách ăn-cần thân-thiết, chăm-chỉ về sự ăn-ở hằng ngày của mình, khiến cho mỗi người trong chúng ta coi đó mà thấy mình cũng là một MONTAIGNE mà không biết, tự khoái mình là mình, có cảm-tình với đời, tự-nguyện giữ lấy bản-thần mình hơn là cần lấy quá cái phận mình, lấy hạnh-phúc là ở sự yên-ôn biết tự-chủ mỗi thất-tình của mình vậy. PASCAL thời không cho ta được yên-ôn : cái

grande oscillation qui remplit l'horizon de notre existence et qui ne nous soulève d'une espérance infinie que pour nous faire retomber aussitôt dans les misères de notre amour-propre. De cet amour-propre qui ne cesse de nous blesser et de nous flatter, et qui trouve dans la bonté et dans la générosité ses formes les plus savantes, La Rochefoucauld, observateur cruel de la vie du monde nous montre la présence subtile dans nos démarches les plus innocentes: et s'il nous atteint d'une pointe si aiguë, c'est moins parce qu'il nous apprend à douter d'autrui que parce qu'il nous donne de nous-mêmes un spectacle dénudé et impitoyable. Les portraits de La Bruyère rassemblent des traits épars empruntés au visage de tous les êtres que nous rencontrons; le peintre est amer, il fixe avec une netteté incisive tous les plis que la frivolité ou la passion impriment à notre physionomie et à notre maintien; et cette galerie où il nous promène, où défilent tant de types qui sont vrais sans être réels, et qui agissent avec tant de fidélité à eux-mêmes que la vie même leur semble retirée, nous inquiète sur le type qui déjà est en nous et qui se réalise sans doute à notre insu au moment même où nous avons encore l'illusion de délibérer et de choisir. Le jeune Vauvenargues lui-même, ambilieux et impuissant à satisfaire son ambition, plein d'amour et de regret pour l'action qui le déçoit, pour la gloire qui se refuse, poursuivant la gloire littéraire à défaut de l'autre, et si plein de confiance dans les passions dont il vante l'énergie et qu'il cherche à discipliner, réussit encore à éveiller en nous toutes les puissances qui remplissaient son âme généreuse, à nous faire sentir en nous la présence de tous ces élans que la vie ne cesse de comprimer, et

hồn tê-tái của ông xúc-dộng tấm lòng khắc-khoải của ta mỗi khi nghĩ đến cái vận-mệnh ở đời, nhìn đến cái nhôn-giới của cuộc nhân-sinh như bị xô bên nọ rồi lại đẩy sang bên kia, khi lên cao thời tưởng bay-bồng bằng cái hi-vọng tuyệt-vời, khi xuống thấp thì như chìm-dắm vào trong cảnh khổ-não của cái lòng tự-ái vậy. Lòng tự-ái đó lúc nào nó cũng vừa làm đau ta lại vừa vỗ-về ta, có khi nó khôn-khéo đến tỏ ra nhân-tửu quảng-đại nữa: La ROCHEFOUCAULD thường đem con mắt khốc-liệt mà quan-sát cuộc giao-tế ở đời, thấy trong những sự cử-động rất tâm-thường của người ta cũng có cái lòng tự-ái đó nó thường lẫn-khuất; ông châm-trích ta đau, không phải là để dạy cho ta biết hoai-nghi đối với kẻ khác, chính là vì bày cho ta xem cái cảnh-tượng của ta một cách trơ-trọi mà vô-tình vậy. Đến những bức tranh nhân-vật của LA BRUYÈRE thời là gom-góp những nét mặt của tất cả các hạng người mà ta thường gặp; tay vẽ cũng chua-cay, bao nhiêu những cái dấu dục-tình hay cái vẻ phù-phiếm nó in trên nét mặt hay nó lộ ở dáng người, đều như vạch chàm ra không sai; tác-giả đưa ta dạo qua cái hiên bày những bức tranh đó, thấy lần-lượt đủ các hạng người, không phải là người thực mà hết như thực, người nào tính-cách thế nào thì thủy-chung ăn-ở một mực như thế, dường như không phải là giống sinh-hoạt nữa, vậy mà nhìn qua một lượt ta cũng lấy làm chột dạ, thấy trong mình ta đã sẵn có một cái kiêu-mẫu người đó rồi, có lẽ giữa lúc ta mơ-tưởng đương bàn-tính lựa-chọn thời nó đã thành-hình mà ta không biết vậy. Cho đến chàng VAUVENARGUES trẻ tuổi kia, có chí công-danh mà không có tài thỏa được bụng công-danh, ham tiếc sự hành-động làm cho mình thất-vọng, ham tiếc cái vinh-dự nó không đến với mình, không được hiển-vinh về sự-nghiệp thì tìm cái danh-

auxquels nous donnons au fond de nous-mêmes une satisfaction illusoire et solitaire qui finit par nous paraître plus pure.

En général, le moraliste ne se met point en scène, au moins d'une manière directe et personnelle. Il n'écrit point un journal intime, ni des mémoires, ni des confessions. Et les événements qui lui sont arrivés ou même les sentiments qu'il a éprouvés ne le retiennent que parce qu'ils lui révèlent une vérité humaine, c'est-à-dire qui est commune à tous. C'est que les traits de notre nature ont beaucoup plus de force, de gravité et de puissance d'émotion quand ils deviennent indépendants des anecdotes qui les traduisent; ils nous livrent alors une disposition constante de l'âme dont tous les hommes sentent en eux la présence et retrouvent l'application dans le moindre de leurs mouvements. Le moraliste a de l'éloignement pour ces documents purement individuels, et qui peuvent séduire à la fois le romancier avide de renouveler sa matière et d'attiser la curiosité et l'auteur qui se confesse, toujours replié sur cet être qui vit en lui, qu'il n'ausculte avec tant d'émotion que parce que précisément il est unique au monde. Il peut même arriver, à l'inverse de Montaigne, qu'il se détourne avec une sorte de pudeur de ses propres singularités: et Montaigne ne s'y arrête ou ne s'y complait que parce que, le goût qu'il y trouve, il est assuré que nous l'éprouvons pour les nôtres. Ainsi le moraliste dirige naturellement son regard vers les parties universelles de la

giá về nghề văn vậy, cho tình-dục là mạnh, tin ở sức mạnh đó mà muốn chế-ngự cho được; cho đến VAUVENARGUES đó cũng đem cái tâm-hồn khảng-khải mà kích-thích được ta, khiến cho lòng ta dũng-dược cò-võ, dù bị đời dè-nén mà không bồng-bột lên được, nhưng riêng mình vẫn được thỏa-thích một mình, hư-không mà lại thuần-túy biết bao vậy.

Thường-thường, nhà luân-lý không tự phô-bày mình ra, ít ra cũng không tự phô-bày một cách tự-kỷ và trực-tiếp. Không phải là người viết nhật-ký về mình, làm sách ký-ức hay sách tự-thuật. Những việc mình kinh-lịch, cùng những tình-cảm ở trong lòng, chỉ chú-ý đến là vì nó bày tỏ ra được một phần sự thực về loài người, nghĩa là chung cho hết thầy mọi người. Vì rằng những cái đặc-tính trong tâm-lý ta thường phải mượn chuyện ngoài mà diễn ra, nhưng bao giờ lột được chuyện mà độc-lập hẳn, thời cái sức mạnh-mẽ, cái vẻ nghiêm-trọng, cái sức cảm-động của nó lại càng tăng lên; bấy giờ mới là lộ được một cái bản-tính thường trong lòng người, người nào cũng thấy sẵn có ở mình và thường nghiệm thấy trong nhất-cử nhất-động của mình. Nhà luân-lý không ưa những cái tài-liệu thuần thuộc về cá-nhân đó, là những tài-liệu mà nhà làm tiểu-thuyết cùng nhà làm văn tự-thuật hay thích, nhà tiểu-thuyết là vì ham cho có chuyện mới lạ để kích-thích cái lòng hiếu-kỳ của người ta, nhà tự-thuật là vì bao giờ cũng chỉ quay lại nhìn cái người sinh-hoạt ở trong mình, thiết-tha mà quan-sát là chính vì cho người ấy là độc-nhất ở đời vậy. Trái lại với MONTAIGNE, nhà luân-lý có khi lấy làm ngượng không muốn đề ý đến những cái đặc-tính kỳ-dị của mình; mà chính MONTAIGNE ăn-căn mà đề ý đến những cái đó, cũng là vì chắc rằng mình thiết-tha đến những

nature humaine, et l'on peut penser que ce n'est pas seulement pour communiquer plus facilement avec autrui, mais pour établir lui-même sa propre vie dans cette région profonde où prennent naissance les sentiments essentiels et où tout souci d'originalité paraît frivole et dérisoire. Il ne peut donc aborder que ces thèmes éternels que tous les êtres méditent obscurément au fond de leur pensée et que le moindre événement se charge de rajeunir, à savoir la puissance de la vanité ou du désir, l'espérance du bonheur, la signification de la souffrance, les mouvements contraires de l'amour, de la jalousie ou de la haine et l'idée toujours présente de la mort qui donne à tous nos sentiments leur caractère à la fois si aigu et si précaire. C'est toujours un péril pour un écrivain de se mesurer avec l'un de ces grands objets qui se trouvent toujours sous nos yeux, où il risque de montrer sa faiblesse s'il s'arrête à la surface, s'il ne dépasse pas l'opinion et même s'il n'atteint pas tout à fait le point où notre propre réflexion nous a déjà portés. Il faut donc, pour que le moraliste soit écouté, qu'il soit pour nous comme une conscience plus distincte, qu'il pénètre plus avant dans notre intimité que nous n'avions pu le faire seuls, qu'il nous rende notre vie cachée à la fois tout-à-fait nouvelle et tout-à-fait familière et qu'il semble nous apporter une révélation alors qu'il ne nous apporte rien de plus que notre présence à nous-mêmes. Mais cela n'est possible que parce que le moraliste est d'abord attentif à soi, ne cesse de s'examiner et de se juger, s'intéresse moins à ce qu'il sent qu'à savoir qu'il le sent, sacrifie l'amour-propre à la lucidité, et, en découvrant les motifs qui le font agir, nous oblige

đặc-tính của mình, kẻ khác tất cũng thiết-tha đến cái đặc-tính của họ vậy. Như vậy thời nhà luân-lý là tự-nhiên dễ mất nhìn về cái phần đại-đồng trong tâm-tính người ta, và sở-đĩ-nhiên không những là dễ dễ giao-thông với kẻ khác, nhưng là dễ tự mình đặt cái đời mình vào một cõi thâm-trầm kia, là nơi phát-nguyên của các mối tình-cảm cốt-yếu, đến đó thời cái lòng hiếu-kỳ lập-dị tự cho là nhỏ-vhen phù-phiếm vậy. Vậy thời nhà luân-lý chỉ có thể nghiên-cứu về mấy cái vấn-đề thiên-niên vĩnh-viễn kia, mà người ta ai cũng ngẫm-ngĩ âm-thầm ở trong tư-tưởng, hễ có việc gì xảy đến thì nó lại xuất-hiện ra mới-mẻ như xưa, như là cái lòng hiếu-danh, cái bụng tham-dục, cái hi-vọng về hạnh-phúc, cái ý-nghĩa của sự khổ, những mối thất-tình giao-tập, ái-ố tương-tranh, cùng là cái quan-niệm thường-thường bất-diệt về sự chết, làm cho hết thấy các tình-cảm của ta có một cái tính-cách vừa thiết-tha mà vừa bất-thường vậy. Nhà văn mà ra tay đối với một cái vấn-đề trong những vấn-đề lớn-lao nó thường bày ra ở dưới con mắt ta đó, thời vẫn là nguy-hiểm, nếu chỉ xét qua ở ngoài mặt nà thôi, không vượt được hơn dư-luận, hay là không quá được cái trình-độ mà tự ta suy-nghĩ đã tới rồi, thời đủ tỏ là bất-tài. Vậy nhà luân-lý muốn cho được người nghe, thời đối với ta phải có cái ý-thức phản-minh hơn ta, phải thấu-đáo đến tâm-tính ta sâu hơn là ta, phải bày tỏ cái đời u-ẩn của ta thế nào cho đối với ta vẫn mới mà vẫn quen, hình như khám-phá được cái gì lạ-lùng cho ta, mà kỳ-thực chỉ là đem ta mà biểu-lộ cho ta biết đó thôi. Nhưng muốn cho được như thế thời nhà luân-lý trước hết phải chú-ý về mình, phải tự xét mình, tự phán-đoán luôn, không đề ý đến cái mình cảm mà đề ý đến sự biết mình cảm, bỏ lòng tự-ái mà cầu lấy sáng-suối, khám-phá những lý-do hành-động của mình, tức là khiến cho ta cũng tự

à les découvrir en nous, presque sans l'avoir cherché.

Le moraliste regarde les autres avec la même perspicacité que lui-même. Il apprend à se connaître en eux aussi bien qu'en lui. Mais la vie intérieure d'autrui demeure close, et même elle se refuse à nous et se défend contre nous si nous tentons de la forcer : elle ne s'ouvre qu'à la sympathie, qui est moins une demande qu'un don et qui nous livre à un autre plus encore qu'elle ne nous le livre ; seule, semble-t-il, elle peut nous permettre de comprendre un autre être, c'est-à-dire de faire naître en nous, par une sorte d'identification avec lui, tous les sentiments qu'il éprouve. Le moraliste ne refuse point le secours de la sympathie, mais elle ne lui suffit pas ; il arrive même qu'il s'en défie et qu'il sente pour elle peu de propension. Il a peur qu'elle n'adoucisse son regard, qu'elle ne le rende moins acéré et même qu'elle ne le voile pour éviter qu'il fasse une blessure. Celui qui cherche à se connaître lui-même avec une exacte rigueur et qui souvent, par crainte de se farder, perçoit en lui avec plus de netteté le mal qui le retient que le bien qui l'attire, montre généralement peu d'indulgence pour autrui : il craint que la vérité ne lui échappe derrière l'apparence et qu'il ne se laisse tromper par un homme qui peut-être se trompe lui-même, comme il se trompe à son tour quand il suit sa propre pente. Et nous ne disons pas qu'il perd à l'égard des autres hommes toute sympathie, mais plutôt que cette sympathie prend une forme nouvelle, intellectuelle, amère et désabusée, et qu'elle se mue en un sentiment de cruelle fraternité.

Le moraliste n'a point de système et ne met pas sa confiance dans le raisonnement. Il a besoin d'un contact immédiat avec lui-même ou avec autrui pour saisir la vérité. Et

khám-phá lấy của ta mà hầu như không phải tìm-tòi vậy.

Nhà luân-lý xét kẻ khác cũng sáng-suốt như tự xét mình. Muốn biết mình ở người cũng như biết mình ở mình. Nhưng cái đời nội-tâm của kẻ khác nó kín-đáo, nếu ta miễn-cưỡng mà xâm-phạm, thời tất nó cưỡng lại mà chống với ta ; chỉ lấy cảm-tình mới vào được, mà cảm-tình không phải là cầu lấy được, chính là người lặng cho, và đem mình phó cho người hơn là đem người phó cho mình ; duy có cảm-tình mới có thể hiểu được một kẻ khác, nghĩa là đem mình sáp-nhập với kẻ ấy mà tự gây lấy trong lòng mình những tình-cảm ở trong lòng kẻ ấy vậy. Nhà luân-lý không phải là không biết nhờ đến cảm-tình, nhưng một cảm-tình không đủ ; lại có khi không tin ở cảm-tình nữa, và không hừng muốn theo cảm-tình. Sợ rằng cảm-tình làm cho con mắt mình dịu đi, khiến cho kém sắc kém mạnh đi, lại có khi làm cho mờ-ám đi để khỏi làm đau phiền cho người. Người nào muốn khắc-khổ để biết mình cho đích-xác, thường sợ đối mình mà nhìn thấy rõ cái ác nó cầm giữ mình hơn là điều thiện nó dẫn-dụ mình, thời thường-thường ít khoan-dung với kẻ khác ; sợ rằng cái bề ngoài làm cho mất sự thực và kẻ khác làm mình chướng, kẻ ấy có lẽ cũng tự làm, như chính mình tự làm, nếu cứ theo cái khuynh-hướng tự-nhiên của mình vậy. Nói thế không phải là nói rằng nhà luân-lý đối với người khác mất cả cảm-tình đâu, nhưng cái cảm-tình ấy nó ra một hình-trạng mới, thuộc về tri-tuệ, có vẻ cay-đắng, có vị chán-dối, biến-thành một cái lòng bác-ái khốc-liệt vậy.

Nhà luân-lý không có lập-thuyết gì cả và không tin ở sự lý-luận. Phải trực-tiếp với mình hay trực-tiếp với người để tìm lấy sự thực. Mà cũng không phải là tìm thấy luôn. Nhiều khi một

il n'y réussit pas toujours. Il arrive souvent qu'un événement grave ou émouvant ne lui apporte aucune lumière et qu'un geste à peine sensible lui dévoile tout le cœur humain; il lui faut, pour percevoir le sens caché de quelque démarche ou le motif universel qui l'explique, certaines circonstances privilégiées, une attention particulièrement présente, et peut-être une heureuse fortune. La lucidité est une grâce que la volonté ne suffit pas à produire. Aussi les moralistes sont-ils incapables d'un discours continu: ils écrivent des maximes, des observations, des réflexions ou des remarques qui n'ont de valeur que parce qu'elles sont une exacte transcription de certains traits de lumière dans lesquels l'être intérieur se découvre à eux tout à coup. De là le désordre de leurs œuvres, faites de vues successives entre lesquelles il n'y a pas toujours de lien ni même de cohérence: s'ils cherchent à y suppléer, c'est par un artifice qui ôte souvent à ces pensées dispensées leur force et leur éclat. Ils le savent bien, et ne consentent point à amortir par un développement le contact immédiat qu'ils ont obtenu: celui-ci leur apporte une révélation qui doit suffire à se justifier; elle porte elle-même la marque de la vérité; elle surpasse l'individu, le temps et le lieu; elle est dépouillée comme une abstraction, mais sensible comme un être vivant; et si on l'enferme dans des maximes où nul mot ne semble pouvoir se changer, c'est afin d'attester qu'elle ne change rien à l'aspect du réel, qu'elle n'y ajoute rien, surtout les grâces de l'expression, qu'elle se borne à nous le rendre présent avec une parfaite fidélité: c'est seulement quand la volonté s'efforce d'imiter la nature jusque dans cette sobriété que la simplicité de la maxime cède parfois la place à l'artifice du trait.

việc quan-trọng hay cảm-động không giúp cho khám-phá được điều gì, mà một cái cử-động nhỏ có thể bày rõ được cả lòng người. Muốn cho hiểu được cái thâm-y của một việc gì, hay tìm được cái nguyên-nhân lớn để giải-thích việc đó, thời cần phải có những cơ-hội đặc-biệt, phải chú ý luôn luôn, và có lẽ cũng phải sự may-mắn mới được. Sự sáng-suốt là một cái thiên-bẩm, không phải tự ý-chi mà ra. Bởi thế nên nhà luân-lý không thể biện-thuyết dài được; thường viết bằng lời cách-ngôn, lời phê-phán, lời tu-nghị hay lời biên-ký, những lời ấy có giá-trị là chỉ vì biên chép được đúng những điều khám-phá hốt-nhiên lộ được cái bản-tâm bản-tính của người ta. Thành ra sách của nhà luân-lý không có trật-tự gì, chỉ lần-lượt biên chép các ý-kiến, không phải là bao giờ cũng có liên-lạc hay thống-hệ với nhau: hoặc muốn bỏ lại sự khuyết-diểm đó, thời lại dùng cách kỹ-xảo, thường làm cho những tư-tưởng rời-rạc đó mất quang-thái và mất lực-lượng đi vậy. Nhà luân-lý biết cái đó lắm, cho nên không chịu suy-diễn dài ra để làm cho nhụt mất cái sức mạnh trực-tiếp: nhờ trực-tiếp mà khám-phá được một điều hay, thế là đủ rồi; điều khám-phá đó nó tự có dấu-hiệu chân-lý; nó cao-siêu hơn cá-nhân, hơn cả thời-gian cùng không-gian; nó trợ-trợ như một cái thể trừu-tượng, mà có cảm-giác như một giống sinh-vật; đặt nó vào trong câu cách-ngôn nhất-định, không di-dịch được một chữ, là để tỏ rằng nó không có thay đổi gì cái bóng-dáng của sự thực, không có thêm-thắt gì, nhất là không thêm những vẻ hoa-mĩ của lời văn, chỉ đem sự thực mà thực-hiện ra cho đúng mà thôi: chỉ người đã cố bắt-chước thiên-nhiên cho đến cái trình-độ giản-phác như vậy, thời khi đó câu cách-ngôn giản-dị mới có lúc thay bằng lời châm-biểu bóng-bẩy.

S'il fallait un exemple vivant qui nous permit de contrôler ce portrait du moraliste, M. Bernard Grasset pourrait nous le fournir. Homme d'action, incapable de séparer sa méditation sur l'homme des circonstances dans lesquelles sa vie est engagée, il écrit des *Remarques sur l'action* (N. R. F.) où il nous montre les déchirements que l'action impose à celui qui la sert, quand il ressent encore la curiosité de soi-même, le goût de la vie intérieure ou la volupté d'écrire. Mais en réfléchissant sur le besoin d'agir il montre en lui une forme du besoin de créer, et dans le besoin de créer une forme du besoin de donner. Ainsi la source de l'action ne peut être que dans le cœur : et la recherche même de la gloire ne fait que poursuivre « on ne sait quelle équivalence chimérique de l'amour ». La *Psychologie de l'immortalité* (N. R. F.) est une œuvre plus suivie, où se dessine déjà une interprétation « du besoin de durer » qui est au fond même de notre nature : déjà le philosophe y fait alliance avec le moraliste. Soit par la paternité, soit par l'action, soit par le livre, il n'y a point d'homme qui ne cherche à se survivre ; mais il succombe à une illusion s'il espère que cette survivance puisse jamais être celle de sa personne, car il ne peut l'obtenir que par le renoncement. C'est que toute création est un abandon ; et la même faculté d'abandon explique les créations de notre chair et celles de notre esprit. Bien plus, le propre des œuvres de notre amour, c'est que nous sommes toujours vaincus par elles ; elles exigent de notre part une véritable dépossession, qui mêle son amertume aux triomphes de la paternité comme à ceux du génie. La nature nous demande une perpétuelle abdication de nous-mêmes : « C'est

Nếu phải cần một cái gương hiền-nhiên để kiểm lại cái bức miêu-tả nhà luân-lý đó, thời ta lấy ngay cái gương ông BERNARD GRASSET vậy. Ông là một nhà hành-động, không thể quan-niệm về người đời mà rời hẳn với những tình-tiết trong đời người, ông có làm bộ sách đề là « Bàn-xét về sự hành-động » (*Remarques sur l'action*, xuất-bản ở hiệu *Nouvelle Revue française*, trong sách ấy ông bày tỏ cái nỗi khổ một người theo về đường hành-động mà vẫn còn có chi muốn khảo-sát về mình, ham về cái đời nội-tâm và sinh muốn làm văn-chương. Nhưng trong khi suy-nghĩ về sự cần hành-động, ông tự nghiệm thấy nó là một trạng-thái của sự cần sáng-tạo, và trong sự cần sáng-tạo lại thấy là một trạng-thái của sự cần cống-hiến. Như vậy thời cái nguồn của sự hành-động chỉ có thể ở trong tâm-tình : và chính sự cầu danh-dự chẳng qua cũng chỉ là « một sự mơ-tưởng cầu lấy cái gì tương-dương với ái-tình mà thôi. » Sách « Tâm-lý sự bất-diệt » (*Psychologie de l'Immortalité*, cũng xuất-bản ở hiệu sách đó) thời là một bộ sách có liên-tiếp hơn, đã thấy phác-họa ra một cái thuyết giải về sự « cần lưu-truyền » là cái gốc của tâm-tính người ta : trong sách này nhà triết-học đã kết-liên với nhà luân-lý rồi. Hoặc bằng cách sinh con, hoặc bằng sự hành-động, hoặc bằng nghiệp văn-chương, không người nào là không tìm cách đề tự lưu-truyền về sau ; nhưng nếu mong rằng lưu-truyền là lưu-truyền được cái bản-thân của mình thì là lầm, vì chỉ có bằng cách hi-sinh mới có thể lưu-truyền được mà thôi. Là bởi phạm sáng-tạo là hi-xả cả ; sáng-tạo về nhục-thể cũng như sáng-tạo về thần-trí, đều là do ở cái sức hi-xả ấy cả. Không những thế : cái đặc-sắc của những sự tạo-tác của ái-tình ta, là bao giờ nó cũng thắng-doạt được ta nó :

n'est pas tant par ses dons qu'elle nous comble que par l'abandon qu'elle nous en permet. » On ne peut pénétrer plus avant que l'auteur dans le secret même de l'abandon, quand il y découvre non pas seulement « cette seule dépense de l'être qui suffit à transmettre la vie, mais l'acceptation par le créateur de l'indépendance de ses créations ». Nulle œuvre, en effet, ne subsiste que si elle a conquis la vie, c'est-à-dire l'indépendance, et c'est de sa propre puissance à la fin qu'elle est appelée à témoigner, et non plus de la nôtre.

Si la plupart des hommes ne prennent point conscience que toute action est un don et qu'elle exige un renoncement à soi-même, du moins faut-il reconnaître que le bonheur est leur préoccupation la plus commune : ainsi, en écrivant des *Remarques sur le bonheur* (N. R. F.), M. Bernard Grasset est fidèle à la tradition des purs moralistes qui cherchent à atteindre le fond de la nature humaine dans l'observation des sentiments les plus simples et les plus constants. Et si l'on reconnaît en lui la marque du moraliste, c'est parce qu'il donne la présence et la vie à des vérités que tout homme, au moment où on les lui révèle, pense avoir toujours portées dans son propre fond et que les événements de tous les jours ne cessent pourtant de lui faire oublier. On en jugera par les réflexions suivantes, que nous ne citons pas seulement pour faire connaître le tour de M. Grasset, mais aussi pour que chacun parvienne, en les méditant, à découvrir le véritable visage du bonheur : « Le bonheur

bắt ta phải mất hẳn cái quyền sở-hữu của ta để lấy cái vị cay-đắng ấy mà pha lẫn với cái khoái-lạc được làm cha cùng cái khoái-lạc có biệt-tài. Tạo-vật bắt ta lúc nào cũng phải tự phóng-khí mình luôn : « Tạo-vật chiều ta không phải bằng sự cống-hiến cho ta, mà bằng cách cho ta biết hi-xả những cái đó. » Cái nghĩa hi-xả huyền-bí đó, không ai khám-phá được sâu-xa bằng tác-giả, như nói rằng trong sự hi-xả « không những là người ta tự phí mình đi để truyền lấy sự sống, lại là kẻ sáng-tạo tự cam-nhận cho cái công sáng-tạo của mình được độc-lập vậy. » Thực thế, phạm công-trình gì cũng phải chiếm được sinh-hoạt, nghĩa là chiếm được độc-lập, thì mới sinh-tồn được, và đến sau là tự tiêu-biểu cho cái mãnh-lực của mình, chứ không phải là cho cái mãnh-lực của kẻ sáng-tạo ra vậy.

Nay phần nhiều người ta không nhận-chân mà biết rằng phạm hành-động là cống-hiến cả, và cần phải tự hi-sinh mình đi, nhưng phần nhiều đều thấy một lòng thiết-tha về sự hạnh-phúc cả : cho nên ông BERNARD GRASSET viết sách « Bàn xét về sự hạnh-phúc » (*Remarques sur le bonheur*, cũng biệu N. R. F.) là trung-thành với cái cô-lệ của các nhà luân-lý thuần-lúy, muốn quan-sát những mối tình-cảm rất giản-dị và rất thông-thường, để thấu-dáo đến tận căn-đề trong lòng người. Và nhận biết ông có cái dấu-hiệu nhà luân-lý, là vì ông khiến được cho những điều chân-lý mà mọi người lúc nghe nói đến ai cũng tưởng rằng mình vẫn mang ở trong mình, nhưng kỳ-thực là vẫn bị những việc hằng ngày làm cho quên đi luôn, khiến được cho nó hiển-nhiên có sinh-hoạt vậy. Cứ xem mấy lời suy-nghĩ như sau này thì đủ biết, ta thuật ra đây không những để cho biết cái lối của ông GRASSET, lại là để cho mọi người ngẫm-ngĩ mà tìm được cái chân-diện-mục của sự hạnh-phúc :

ne se cherche pas, on le rencontre. Il n'est que de savoir le reconnaître et de pouvoir l'accueillir. Ce n'est pas à la possession des biens qu'est attaché le bonheur, mais à la faculté d'en jouir. Le bonheur est une aptitude. Accepter les dépendances que nous impose la Nature, c'est la sagesse ; les aimer, c'est le bonheur. Les plus grands bonheurs humains sont des servitudes bienheureuses. »

Ces quelques observations nous permettent d'achever le portrait du moraliste. Car le regard qu'il dirige sur l'homme n'est pas seulement chargé d'une vaine curiosité ni de cet amour de soi par lequel chacun de nous essaye d'acquérir une parfaite possession de lui-même. Seul mérite le nom de moraliste celui qui tout à la fois ne s'intéresse qu'à son être invisible et pense découvrir, dans la lumière même par laquelle il l'éclaire, les seules valeurs qui puissent émouvoir sa volonté et la satisfaire. La connaissance de soi ne nous met pas en présence d'un spectacle que nous puissions nous contenter de décrire. Ce spectacle, nous ne cessons en même temps de le percevoir et de le créer : il ne contient que des puissances qui s'exercent, des préférences qui se manifestent. Qui pourrait dire quand il s'examine où cesse la pure connaissance de ce qu'il est, où commence le propos de mieux régler sa conduite ? C'est qu'il n'y a rien de plus en nous que des mouvements intérieurs qu'il nous est impossible de pénétrer sans qu'ils nous révèlent aussitôt leur profondeur ou leur inanité. Apprendre à nous connaître, c'est chercher notre plus profond désir.

Le caractère essentiel du moraliste, c'est que l'homme lui suffit. Et même, c'est l'homme abstrait qui est son domaine, c'est-à-dire

« Hạnh-phúc không tìm mà được, gặp mà được. Chỉ cần phải biết nhận-chán lấy và biết hoan-nghehnh lấy mà thôi. Hạnh-phúc không phải ở sự có của, nhưng ở cái năng-lực biết hưởng của. Hạnh-phúc tức là một tư-cách. Cam-nhận những cái lụy của Tạo-vật bắt buộc ta, ấy là trí-tuệ ; biết yêu-mến những cái lụy đó, ấy là hạnh-phúc. Những cái đại-hạnh phúc của loài người, là những sự phiền-lụy mà biết cam-lâm khoái-lạc vậy ».

Mấy điều kinh-nghiệm đó giúp cho ta miêu-tả nốt về nhà luân-lý. Vì nhà luân-lý đem con mắt quan-sát về người đời, không phải là chỉ vì một cái lòng hiếu-kỷ không mà thôi, cũng không phải là vì cái lòng ái-kỷ của mình muốn tìm cách cho được hoàn-toàn tự-chủ về bản-thân mình. Đáng tên nhà luân-lý là duy người nào chỉ biết chú-ý đến cái tâm-hồn của mình, lại vừa muốn nhờ cái ánh sáng mà từ mình chiếu-diện vào tâm-hồn mình, tìm ra được những cái giá-trị gì đủ khiến cho ý-chí được cảm-động và được thỏa-mãn vậy. Sự biết mình không phải là chỉ bày ra một cái cảnh-tượng để cho mà hình-dung tả-mạc ra đâu. Cảnh-tượng ấy, ta lại đồng-thời cảm-giác nó, sáng-tạo nó luôn : nó chỉ bao-hàm những cái tiềm-lực muốn phát-siễn ra, những cái khuynh-hướng muốn thực-hiện ra. Người nào trong khi tự xét mình có thể nói được rằng đến đâu là hết cái chi muốn tự biết mình, tự đâu là bắt đầu cái chi muốn chỉnh đốn cách ăn-ở của mình ? Là bởi trong người ta không có gì cả, chỉ có những cái khuynh-hướng trong nội-tâm, ta không thể thấu-triệt đến nó mà không tức-khắc tả rõ ngay sự thâm-trầm hay sự hư-không của nó. Tìm cách biết mình, ấy là tìm cái dục-vọng tối-thâm-thiết của mình vậy.

Cái đặc-tính của nhà luân-lý, là chỉ lấy người ta làm mục-dịch. Mà cái phạm-vi của nhà luân-lý là xét về cái

cet homme que chacun porte au cœur de soi, qui est plus vrai que l'homme de chair qui s'exprime par des gestes et par des paroles, et que celui-ci cherche toujours, sans y parvenir, à manifester. Un tel domaine est infini ; nous n'épuiserons jamais cet être toujours en train de se former ; et notre attention retrouve toujours avec la même émotion les essais sans cesse recommencés par lesquels, en chaque individu, l'homme entreprend éternellement de se réaliser. Il faut, comme le moraliste, avoir un contact constant et serré avec soi, être capable de le maintenir et de le renouveler à travers toutes les révélations que la conscience nous fait chaque jour, et même garder cette amertume et cette cruauté qui accompagnent toute pénétration sincère au fond de notre nature misérable, si l'on veut que la philosophie, en découvrant l'unité de l'homme et du monde, achève de nous rendre intelligibles à nous-mêmes, et que la vie spirituelle, en nous unissant à un principe qui nous est présent et qui nous dépasse, rassemble et comble toutes nos aspirations dispersées.

LOUIS LAVELLE

người trừu-tượng, nghĩa là cái người mà mỗi chúng ta vẫn tự mang ở trong mình, thực hơn là cái người có hình-thể, có cử-động nói-năng, người hình-thể ấy chẳng qua cũng là chỉ muốn thực-hiện cái người nội-tâm kia mà không được vậy. Một cái phạm-vi như vậy thì vô-cùng, không bao giờ nghiên-cứu được hết cái con người nó cứ tạo-thành luôn luôn đó ; người ta tự thiên-vạn-cổ đến giờ vẫn tìm cách để tự thực-hiện lấy mình, mỗi người vẫn thường thí-nghiệm luôn luôn, và mỗi lần thấy thí-nghiệm như vậy, lòng ta vẫn lấy làm cảm-động. Muốn cho triết-học khám-phá được cái lẽ duy-nhất của nhân-sinh cùng vũ-trụ, khiến cho ta hoàn-toàn hiểu rõ được bản-thân ta, lại muốn cho cái đời tinh-thần nó liên-lạc ta với một cái nguyên-lắc thường hiện ở ta mà cao-siêu hơn ta, vừa tập-hợp được và vừa thỏa-mãn được tất cả những mối hoài-vọng tán-mạn của ta, thời phải như nhà luân-lý, thường thường trực-tiếp thân-mật với cái bản-tâm mình luôn, ngoài những sự khám-phá của ý-thức cố gắng hiểm cho ta hàng ngày, biết vừa duy-trì vừa hoán-cải luôn, lại biết giữ lấy cả cái vị cay-đắng, cái vẻ khốc-liệt nó liền với mọi sự thành-thực suy-nghĩ về cái thân-phận khổ-nạn của loài người.

HỒNG-NHÂN dịch



CÂU CHUYỆN BA KHÚC RỒNG

Rồng là một thứ vật người ta tưởng-tượng ra, hình-thể thật đẹp, tinh-thần thật mạnh, vật khác không thể ví được, đề ví với những bậc thánh-hiền, tài cao đức rộng, người khác không thể ví được. Cũng như kẻ ra con kỳ-lân, con phượng-hoàng, đều là con vật tưởng-tượng ra cả, không phải là con vật thực có.

Đông-phương ta lấy con rồng thủ-tượng với thánh-nhân thì bắt đầu tự kinh Dịch. Như nói rằng: « *Hiện long tại điền, phi long tại thiên* ». Xem vậy thì con rồng cũng là một con vật tối-cổ ở phương Đông vậy.

Lại nên biết rằng con vật tưởng-tượng mới là con vật thiêng-liêng đủ kính-thờ. Lấy con vật thiêng-liêng ví với những bậc hiền-nhân quân-tử, thực là cái tâm-lý người ta thế vậy, không phải là sự hoang-đường. Duy ở trong cuộc phẩm-đề đó, có khi là khúc rồng thật, cũng có khi là khúc rồng giả. Nhưng thế nào mặc dầu, đã có danh-hiệu là rồng, thì cũng có thể kẻ ra mà bàn được, mà câu chuyện lại càng có thú vị.

Nguyên đời Hán-mạt có ba người sĩ là Quán-Ninh 管寧 với Hoa-Hâm 華歆 và Bính - Nguyên 彭原. Gặp khi Hán-vận đã suy kém, kẻ quần-hùng khởi lên, chốn trung-thờ nhiễu-loạn, ba người mới rủ nhau đi tránh-loạn, cùng nhau kết bạn, sang ở đất Liêu-dông, nương tựa với một kẻ hiền-thái-thú mà có thể-lực ở ngoài bề là Công-Tôn Độ.

Ba người khi đã ở Liêu-dông, cày ruộng đọc sách, ngày tháng tiêu-dao, đã chẳng khác gì ông Y-Doãn tránh ông Kiệt đi ra cày đồng Sấn, ông Bá-Di tránh ông Trụ đi ra ở Bắc-hải. Khi đó đất Liêu-dông đã là chỗ Đào-nguyên

của đời Hán-mạt, mà ba người cũng là bậc hiền-sĩ đất Liêu-dông. Nên chi người đời có phê tặng cho cái danh-hiệu rằng: « Đất Liêu-dông có một con rồng, Hoa-Hâm làm đầu rồng, Quán-Ninh làm đuôi rồng, Bính-Nguyên làm lưng rồng ».

Một khi Quán-Ninh cùng với Hoa-Hâm cùng cày đất để trồng rau. Lướt cây thứ nhất, Quán-Ninh thấy dưới đất có khối vàng, Quán-Ninh cứ việc vẩy cây mà cày, chẳng đoái đến vàng, coi vàng cũng như hòn sỏi hòn đá. Đến lướt cây thứ hai, Hoa-Hâm thấy khối vàng, khúm-núm cúi xuống nhặt lên tay, ngấm-nghĩa rồi lại ném đi.

Khi ấy Quán-Ninh đã hơi dòm thấy cái tâm-thuật Hoa - Hâm, nhưng mấy năm kết bạn, nhất-dân không nỡ tuyệt-giao.

Lại một hôm Quán-Ninh với Hoa-Hâm đương cùng nhau ngồi ở trong nhà đọc sách, ngoài cửa nghe có tiếng xe ngựa của kẻ sang, Hoa-Hâm chạy ra cửa dòm, Quán-Ninh trách rằng: « Cái phú-qui mà phải đạo, thì tự mình có thể làm ra được, lại phải dòm người khác đó ru ! »

Tự dấy Quán-Ninh cho Hoa-Hâm là một hạng người đê-tiền khả-bĩ, mới cắt đứt chiếu bạn, không giao du với nhau nữa. Thế là đầu rồng với đuôi rồng đã lìa nhau, đầu đã trở xuống một nơi, đuôi đã trở lên một chốn.

Về sau Hoa-Hâm thì tự khi đã tuyệt-giao với Quán-Ninh, già mấy già nước miền Bắc-hải, già bạn già sách đất Liêu-dông đi về nội-địa theo Tào Tháo, làm chức quan theo hầu ở dưới phủ thừa-tướng. Biết Tào Tháo có chí cướp ngôi nhà Hán, hết sức a-dua, hết

lòng phò giúp. Một khi Tào Tháo có lệnh sai Hoa-Hâm và các tướng vào cung Hán Hiến-đế bắt bà Phục-hậu là đảng với Phục-Hoàn đem giết đi, vì Phục-Hoàn trung với nhà Hán mà phản-đối Tào Tháo.

Khi đó Tào-bình đến trước sân rồng, các tướng đều còn có lương-tâm, cho nên ai nấy đều cúi rạp cả dưới sân, không nỡ bước lên điện. Duy có Hoa-Hâm, hăm-hăm chống gươm đi lên bệ bước vào điện. Bà Phục-hậu trước còn đứng ở đằng sau vua Hiến-đế, khóc-lóc kêu vua bênh-vực cho. Vua cũng khóc-lóc tỏ ý không bênh-vực nổi. Liền thấy Hoa-Hâm sừng-sực lên, Phục-hậu bất-đắc-dĩ chạy vào trong cung, náu mình vào trong cái vách xây kín. Hoa-Hâm cùng mấy tên vũ-sĩ chạy theo vào cung lung soát, phá vách cầm tóc Phục-hậu lôi ra, kéo qua trước mặt Hiến-đế, áp thẳng về phủ thừa-tướng hành-hình.

Khi Phục-hậu qua mặt Hiến-đế, chỉ nói được một câu rằng : «Làm thiên-tử mà không cứu được vợ thì làm thiên-tử làm chi!» Hiến-đế cũng không trả lời được câu gì, chỉ tự trên ngai vật mình xuống chiếu rồng mà thôi. Ai nấy đều lấy làm đau lòng ngại mặt, mà Hoa-Hâm vẫn dương-dương tự đắc, tự cho mình là có công to.

Kể về cái công cướp đỉnh nhà Hán, thì Hoa-Hâm cũng đứng về vai thứ hai, mà kể về cái tài làm cho mau chóng được phú-quí, thì Hoa-Hâm cũng đứng về hạng thứ nhất. Thế là khúc đầu rồng đã đòi lột đi rồi đấy, không phải là đầu rồng nữa.

Quản-Ninh thì thủy-chung làm một người ăn-sĩ đất Liêu-dông, tu-tĩnh tiết-hạnh mình, trong-sạch như băng-tuyết. Thường đội chiếc mũ đen và mặc áo quần đen, lấy nghĩa là huyền-mặc, chẳng tranh sáng với đời. Mấy nước trắng tuyết, đó là cái phong-vị thường-

thực trong bốn mùa ở Bắc-hải của Quản-Ninh. Hàng ngày ra cấy ruộng ở bể Bắc-hải, khi về thì chỉ ngồi ở trên một cái giường bằng gỗ lè, trước sau ba-mươi năm cả thầy, chỗ thành giường là chỗ thường đặt đầu gối xuống thì gỗ đã vẹt mòn.

Viên thái-thủ là Công-Tôn Độ thường kính-trọng Quản-Ninh, mời Quản-Ninh vào tiếp-kiến, hoặc có khi đến tận chỗ thảo-lư tiếp-kiến Quản-Ninh. Khi tiếp-kiến Công-Tôn Độ thì Quản-Ninh chỉ nói chuyện *Thi Thư* mà chẳng nói đến việc đời. Tuy vậy Quản-Ninh cũng không phải là kẻ yếm-thế, thường tập-hợp học trò, giảng nghĩa kinh *Thi* kinh *Thư*. Duy có một điều nghiêm-khắc, là phi bạn học-trò thì không tiếp-kiến ai. Đó cũng là một cách chẳng ưa tọc vậy. Nhưng cái danh-dự Quản-Ninh càng hiển-trứ ở đất Liêu-dông, người Liêu-dông ai nấy đều kính-mến. Mãi đến ngày sau, ông Văn Thiên-Tướng nhà Tống làm bài *Chính-khi ca*, cũng kể ra chiếc mũ Liêu-dông của Quản-Ninh nhà Hán để ví với bài biểu *Xuất-sư* của Chư-Cát Lượng nước Thục, mái chèo độ-giang của Lưu Côn nhà Tấn, cái hốt kích-tặc của Hà Phồn nhà Đường. Thì ra khúc đuôi rồng nghìn năm vẫn còn vất-vẻo lắm!

Còn Binh-Nguyên thì không tìm đâu cho thấy lịch-sử cả. Chỉ biết rằng Binh-Nguyên có kết bạn với Quản-Ninh, Hoa-Hâm, khi họ Quản cấy đất trồng rau, khi họ Quản đọc sách thì họ Binh tất cũng trồng rau cũng đọc sách. Khi họ Hoa khúm-núm nhặt vàng, thì họ Binh tất không khúm-núm nhặt vàng. Khi họ Hoa dòm cửa thì họ Binh tất không dòm cửa. Nếu họ Binh mà khúm-núm nhặt vàng hay là dòm cửa, thì tất là đã theo họ Hoa về với Tào Tháo học lối chống gươm lôi tóc tự bao giờ rồi, hẳn không cùng ở với họ Quản ở đất Liêu-dông mà cấy rau đọc sách nữa.

Thì ra cái lịch-sử Bình-Nguyên, phải lấy ý đoán thì mới tìm ra, khúc lưng rồng cũng khó mà bàn được. Nhưng cũng xin giải ra từng khúc mà lần lượt bàn ra cho vui thú câu chuyện.

Trước hãy bàn về khúc đầu rồng.

Rồng là một thứ đứng đầu trong tứ-linh, huống-chi lại là khúc đầu, thì lại càng vẻ-vang lắm, hiên-hách lắm. Kìa bác Hoa-Hâm kia, thực là một giống tiều-nhân, cấp-cấp cầu phú-quí, tưởng cũng là đạt đến cực-diểm. A-dua với một kẻ gian-hùng, không đoái gì đến thiên-lý nhân-đạo, bác là loài thú dữ chó săn, có hơi-hướng gì với họ nhà rồng, bóng-dáng gì là vẻ loài rồng, mà đời ấy tặng cho bác cái huy-hiệu là rồng! Lại chẳng tặng cho bác cái huy-hiệu là móng rồng hay là vây rồng, mà tặng cho bác cái huy-hiệu là đầu rồng, lại là cơ sao?

Thứ-giả nên biết rằng cuộc đời thường có một thứ người chân-tiều-nhân, thường làm ra được một cách nguy-quân-tử. Ba chữ nguy-quân-tử ấy, chính là cái bản-sắc của kẻ chân-tiều-nhân vậy. Chắc là khi ba người bắt đầu muốn bắt-chước ông Y-Doãn, ông Bá-Đi, tránh đời ra ở Liêu-đông, Hoa-Hâm tất đứng ra làm lãnh-tụ. Khi giảng-bàn đến đạo vua Nghiêu vua Thuấn, Hoa-Hâm tất cả miệng nói nhiều. Khi ngâm-ngợi đến màu trắng tuyết ở bề Bắc, Hoa-Hâm tất gãi rung tay múa. Hoặc cũng có khi trông về cố-quốc tức mình mắng Tào Tháo, Hoa-Hâm tất mắng trước. Hay hoặc thương tình vua Hiến-đế, Hoa-Hâm tất hu-hu khóc vua, giọt lệ chan-chứa hơn người. Vì những cơ ấy, cho nên đất Liêu-đông đã chẳng có rồng thì chớ, đất Liêu-đông mà đã có rồng, thì khúc đầu rồng chẳng thuộc về phần Hoa-Hâm lại thuộc về phần ai?

Lại còn một nghĩa nữa. Hoa-Hâm có phải là tham vàng đầu, có phải là trông thấy vàng mà hípmắt lại, vội-vàng bỏ

lúi đầu. Hoa-Hâm nhặt vàng lên tay rồi lại ném đi, chẳng phải là có cái thói quân-tử đấy ư? Nhưng không biết rằng thấy vàng hípmắt là hạng tiều-nhân thông-thường; thấy vàng nhặt lấy rồi lại ném đi, dường như tuyên-bố rằng ta chẳng tham vàng đây, mới là hạng tiều-nhân quý-quái. Nhưng lại phải biết phạm kẻ tiều-nhân, hề thấy vàng tuy chưa hípmắt, nhưng cũng rõ dãi, tất cầm lên tay ngắm-nghĩa đã rồi mới vứt đi, không khi nào thần-nhiên coi vàng như sỏi đá được, ấy là cái tâm-lý của kẻ tiều-nhân. Sau này cái sự-nghiệp phò Tào cướp Hán của Hoa-Hâm, căn-nguyên ở chốn nào mà phát-hiện ra? Căn-nguyên ở chốn khúm-núm nhặt vàng mà phát-hiện ra vậy. Nghĩa ấy cớ-nhân đã từng bàn đến, nay nhân thuật ra.

Đám mây trắng trên trời, phút chốc biến ra con chó xanh, đời xưa vẫn có lời ấy. Đương lúc là mây ở trên trời, thì thiên-hạ tha-hồ sùng-bái mây; đến lúc biến ra chó, thì thiên-hạ tha-hồ nhĩếc mắng chó. Cuộc đời có thế, sự người há không!

Bác Hoa-Hâm kia, đương lúc đề-huê với họ Quân họ Bình, thì thiên-hạ thiếu gì kẻ sùng-bái Hoa-Hâm, gọi Hoa-Hâm là đầu rồng. Kịp đến lúc biến ra kẻ ưng-khuyến họ Tào, thì thiên-hạ mắng nhĩếc Hoa-Hâm đã chán, lại tiếc thay cho cái danh-hiệu đầu rồng.

Thứ hai xin bàn về khúc đuôi rồng.

Con rồng thiêng kia tốt đẹp vì đuôi, mạnh-mẽ vì đuôi. Giống rồng không như giống khác. Giống khác thì cái đuôi chẳng qua là thể phụ-thuộc mà thôi, giống rồng thì cái đuôi lại là thể chủ-hực chủ-động. Nếu rồng mà mất đuôi, thì bao nhiêu cái tinh-thần thiêng-liêng, cái thể-thái đẹp-đẽ, cái năng-lực vẫy-vùng đều mất cả. Con rồng đất Liêu-đông chia ra ba khúc, khúc đuôi về phần Quân-Ninh thực là xứng-đáng.

Con rồng sở dĩ quý, là quý vì có đức. Đức rồng kể ra cũng nhiều, nhưng bất-ngoại cái đức liêm-khiết thanh-cao. Khi đắc-chí thì làm mây làm mưa, làm lợi cho thiên-hạ. Khi bất-đắc-chí thì đành nằm ao cạn, không chịu tắm nước ao tù. Kinh *Dịch* có lời rằng: *Long đức chính trung*, thầy Quán-Ninh thực có thế.

Rồng cũng có năm vẻ: rồng vàng, rồng đỏ, rồng trắng, rồng xanh, là thứ rồng hoặc bay lên ở trời, hoặc hiện ra ở ruộng, ai ai cũng thấy. Thứ rồng đen là thứ rồng ẩn ở một nơi hẻo-lánh thanh-thoi, ít có người thấy. Thầy Quán-Ninh chính là một con rồng đen ở đời lẩn-mật vậy.

Thầy chỉ đội chiếc mũ đen mà chẳng mặc bộ áo gấm, chỉ nói kinh *Thi kinh Thư* mà chẳng nói sự thiên-hạ, chỉ bàn đạo nhân-nghĩa mà chẳng bàn thuật tung-boanh, chỉ tiếp-kiến học-trò mà chẳng tiếp-kiến khách tục, cái đức thanh-cao hiên-hậu của thầy, thực đã đủ làm gương cho cái đời bạc-bẽo ma-quỉ.

Lại một điều cây dất trồng rau, thấy vàng chẳng nhặt, tự người thường xem ra, thì thực là lạ quá. Thiên-hạ lại chẳng có kẻ chê thầy là cao-thượng quá mà hóa ra hạng người gàn dầy ư! Lẽ ấy thuần-túy tinh-vi, cũng ít người hiểu thấu.

Nay hãy xin đặt ra lời hỏi rằng cây dất mà thấy vàng, cái vàng ấy là cái vàng tự-nhiên, biết đâu không phải là của trời cho, cũng không phải là cái vàng bất-nghĩa gì, nếu cứ nhặt lấy đem về, thì cũng chẳng hại gì đến đạo quân-tử, sao thầy ấy lại chẳng nhặt? Xin trả lời rằng: Phàm người quân-tử muốn tu-thân, trước hết phải chính-tâm; muốn chính cái tâm, trước hết phải trừ tuyệt cái tâm tham. Phải biết rằng tham của người hay là tham của trời, đều là tham cả. Cái tâm mà

đã ấn-lượng về chữ tham, thì cũng không còn là đạo quân-tử nữa. Thí dụ thầy Quán-Ninh thấy khối vàng ấy mà hí-hửng, thì tất sinh ra cái lòng lười biếng, không chịu cày rau để lấy ăn, mà thường đi theo Tào Tháo để lấy ăn cũng nên. Lại thí dụ thầy Quán-Ninh thấy khối vàng ấy mà vồ-vập, thì tất sinh ra cái lòng phú-quí, không chịu làm kẻ xử-sĩ để toàn-danh, mà thường nhân đem cái vàng ấy về Hứa-dò vận-động lấy quan-chức gì đó để ô-danh cũng nên. Ấy cái khối vàng ấy không những vô-ích cho mình, mà thường có khi lại hại cho mình. Thầy Quán-Ninh sở dĩ đối với cái vàng ấy không dám manh ra cái tâm tham, tưởng cũng là vì thế.

Duy thầy Quán-Ninh cơm ăn áo mặc đã có nghề cày rau, vui lòng thích-chí đã có kinh *Thi kinh Thư*, ra vào trong cửa đã có học-trò bè-bạn, nghiêm-trang đã có chiếc mũ đen, tinh-khiết đã có cái giường gỗ lè, khối vàng kia đối với thầy Quán-Ninh thực là vật vô-dụng, trách nào thầy Quán-Ninh chẳng coi cái vàng ấy như hòn sỏi hòn đá. Chắc là thầy Quán-Ninh hàm-dưỡng cái tâm-lý về lúc bình-nhật đã lâu, mới hiện ra có sự ấy vậy.

Chẳng xem bác Hoa-Hàm thấy vàng mà động-tâm dấy ư! Ngày tháng chẳng bao lâu, đã khiến cho cái đầu rồng biến ra cái đầu gì, mà không phải đầu rồng nữa. Nếu thầy Quán-Ninh thấy vàng mà cũng động-tâm, thì chắc là cái đuôi rồng cũng biến ra cái đuôi gì, mà không phải là đuôi rồng nữa.

Thứ ba xin bàn về khúc lưng rồng.

Rồng xinh đẹp về cái đầu, vụng vụng về cái đuôi, cái lưng làm gì đó? Kể ra đề đủ bộ-phận con rồng, không phải là thừa dấy mà thôi. Cho nên khúc lưng rồng bao-hàm có cái tính-cách thanh-tĩnh vô-vi của họ Lão, thanh-nhân vô-danh của họ Trang, sắc-không

của họ Phật, trung-dụng của họ Khổng. Vậy thì cái lịch-sử lưng rồng là cái lịch-sử mập-mờ, không phải là cái lịch-sử rõ-rệt; là cái lịch-sử trơn-chuốt, không phải là cái lịch-sử gai-gợn, là cái lịch-sử bình-thường, không phải là cái lịch-sử kỳ-quái.

Nay bỗng-nhiên hỏi một câu rằng nhân-vật thầy Bình-Nguyên thế nào, đồ ai trả lời được ngay. Vì nhân-vật thầy Quán-Ninh là thế, nhân-vật bác Hoa-Hâm cũng là thế thế, mà nhân-vật thầy Bình-Nguyên còn ở chốn huyền-bi mập-mờ, chưa dễ nói ra được. Nay xem lịch-sử thầy Bình Nguyên như xem tập giấy trắng. Ôi! mà cũng thú-vị thay! Vì khen mãi thầy Quán-Ninh, tuy chưa biết bao giờ khai mực, nhưng chê mãi bác Hoa-Hâm, thì cũng có lúc mỏi mồm. Nay ngẫu-nhiên được một thư nhân-vật khen không phải khen, chê không phải chê, đề phẩm-đề lấy một cách huyền-diệu thanh-cao, cũng là một phép tiêu-thụ mới-mẻ của con nhà văn vậy. Cho nên phẩm kẻ khéo vẽ rồng, vẽ đầu rồng khéo chưa phải là khéo, vẽ đuôi rồng khéo cũng chưa phải là khéo, hoặc vẽ lưng rồng khéo mới là khéo chăng!

Trước-giả phê-phán câu chuyện đến đây, tuy không cầm bút viết nữa, nhưng vẫn còn cái dư-vị vô-cùng. Nhân đặt ra ba cái đầu bài thơ, tả ra cái bản-sắc của ba nhân-vật, bắt đầu thảo bằng luật đường chữ Hán, sau dịch ra thể « hát nói » quốc-âm, đề mua vui với hải-nội chư-quân-tử trong khi nhàn-lãng. Thơ và hát bày ra như sau.

Thơ

1. — Nghi đề Quán Hoa sử thái đồ 擬題管華鋤菜圖

北海烟波歲月深
Bắc-hải yên ba tuế nguyệt thâm,
待晴意氣好相尋
Đãi thanh ý khí hảo tương tìm;

龍頭龍尾千秋事
Long đầu long vĩ thiên-thu sự,
余畝余畦一樣襟
Dư mẫu dư khuê nhất dạng khâm;
蒲櫟挺修沮溺史
Bồ bát nghê tu Thư Nịch sử,
薰蕕未白漢曹心
Huân do vị bạch Hán Tào tâm;
憑誰一筆分優劣
Bằng thùy nhất bút phân ưu-liệt,
畫出當年一塊金
Họa xuất đương niên nhất khối kim.

2. — Nghi đề Quán-Ninh huy sử đồ 擬題管寧揮鋤圖

遼東一帽繫人吟
Liêu-dông nhất mạo hệ nhân ngâm,
龍尾精神何處尋
Long vĩ tinh thần hà xứ tìm;
小萊春秋供野興
Tiểu thái xuân thu cung dã hưng,
黃金瓦石見君心
Hoàng-kim ngổa-thạch kiến quân tâm;
海邊月弄歸人影
Hải biên nguyệt lộng qui nhân ảnh,
門外車無長者音
Môn ngoại xa vô trưởng giả âm;
借問丹青奇妙手
Tá vấn dan-thanh kỳ diệu thủ,
也曾劖劂畫華歆
Đã từng bõ bậc họa Itoa-Hâm.

3. — Vịnh Bình-Nguyên 詠邢原

先生濁世偶居遼
Tiên-sinh trọc thế ngẫu cư Liêu,
何許人哉幾自曉
Hà hử nhân tai kỷ tự nhiên;
華管之間應見我
Hoa Quán chi gian ứng kiến ngã,
漢曹此外不聞朝
Hán Tào thử ngoại bất văn triều;

捉命底事堪羞妬
 Tróc kim đề sự kham tu Trích,
 鋤海當年共樂幾
 Sừ hải đương niên cộng lạc Nghiêu ;
 龍尾龍頭多毀譽
 Long vĩ long đầu đa hủy dư,
 無名終讓一龍腰
 Vô danh chung nhượng nhất long yếu.
 Vô danh chung nhượng nhất long yếu.

HÁT NÓI

1. — Ướm đề bức tranh Quán
 Hoa sừ-thái (1)

Tiền-dao vùng bề Bắc,
 Trải tháng ngày mây nước một phương
 trời ;
 Có Thang Văn thời Y Lã sẽ ra đời (2),
 Chỉ-khi ấy thế nhau ta hợp cộng.
 Đuôi rồng muôn thuở đầu rồng cũng,
 Cây đất đôi ta cuốc đất cùng ;
 Bộ Tráng-Thư vai Kiệt-Nịch đấy phải
 không (3) ?
 Tào hay Hán thôi thớm chưa tỏ dạ.
 Ngồi bút đàm nùng ai khéo tả,
 Nhờ chia ra hơn kém cho xem.
 Vẽ ra một khối hoàng-kim !

2. — Ướm đề bức tranh Quân-
 Ninh huy sừ (4)

Chiếc mũ đen mốc thếch,
 Đủ khiến người ngăm-vịnh khách Liêu-
 đông ;

Tướng năm xưa vất-vẻo khúc đuôi
 rồng,
 Tinh-thần ấy nghìn thu muôn kiếp.
 Néo khổ cày rau là sự-nghiệp,
 Gặp vàng chẳng nhặt thấy tâm óng.
 Chiếc giường mây trên bề bóng trắng
 lồng,
 Xe ngoài cửa mặc ăm-ăm ai phú-quí.
 Nay muốn hỏi họa-công ai khéo vẽ,
 Vẽ cho chưa đáng bộ một chàng :
 Hoa-Hám khâm-núm nhật vàng !

3. — Vịnh Binh-Nguyên

Đời là đời mạt,
 Vây nhà thầy đứng-dĩnh cù sang Liêu;
 Hỏi tiên-sinh nhân-vật thế nào,
 Ai cũng biết mà ai ai không biết cả.
 Hoa Quân chỉ gian ưng kiến ngã,
 Hán Tao thử ngoại bất văn triều ;
 Bạn đi cày vui thú đạo vua Nghiêu,
 Nghề chủ Trích xoay vàng thời cũng
 lay.
 Đuôi rồng đấy mà đầu rồng là thế đấy,
 Lời khen chê miệng tiếng biết bao cùng.
 Thôi thôi thua khúc lưng rồng !

NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

(1) Quán Hoa sừ-thái = Quân-Ninh Hoa-Hám cây đất trồng rau.

(2) Thang Văn Y Lã = Ông Y-Doãn ông Lã Vọng đều là bậc hiền-triết tránh đời ngày xưa, có vua Thương-Thang vua Chu-Văn đón ra, mời ra giúp đời.

(3) Tráng-Thư Kiệt-Nịch = Tên hai người hiền-sĩ cao-ấn ở đời Xuân-thu, cùng nhau kể làm bạn đi cày đôi.

(4) Quân-Ninh huy-sừ = Quân-Ninh cử việc vẫy cây mà cày, là ý chẳng đoái đến vàng.



LÝ-THÚ ĐỌC SÁCH (1)

Nhân vì ngày định cuộc lễ phát phần thưởng cho trường Sơ-đẳng liêu-học, chúng tôi năm nay cấp-bách quá, không được sớm-sửa dự-liệu, trông qua quang-cảnh, các ngài cũng biết là không được vẻ-vang long-trọng như năm rồi (2). Sự đã thế, thôi thì cũng đành như thế, nhưng tuy nói là không bằng năm rồi đó là so-sánh về phương-diện hình-thức mà thôi, chứ nếu xét đến chỗ linh-thần là ở chỗ gia-đình và học đường đôi bên gặp-gỡ tiếp-xúc nhau để âu-yếm những tấm lòng trẻ thơ giữa buổi hôm nay, tấm lòng đó là tấm lòng hi-vọng của nước nhà về luđi sau này đây, thì cũng vẫn được vui-vầy ấm-áp biết bao nhiêu. Thế nên có kém về phương-diện hình-thức mà chưa kém về phương-diện linh-thần, thì đó cũng là việc đáng vui-mừng mà không phải phàn-nản chi nữa.

Cũng nhân ngày định cấp-bách mà trong khi bàn tính tổ-chức cuộc lễ, bạn tôi có người than là sợ không biện sắm được vật thưởng cho xứng-đáng. Nghe qua, tôi cho là bạn tôi lo về nỗi «lài-chánh» không có, tôi vội đáp:

— Có gì mà lo, chỉ sợ không tiền mà thôi, nếu đã có tiền, chỉ bước ngay ra nhà hàng thì đã được bao nhiêu là vật thưởng tươi sáng tốt đẹp.

Bấy giờ bạn tôi mới hiểu cho tôi rằng không phải là phàn-nản về nỗi không tiền mà phàn-nản về nỗi không có vật thưởng cho xứng-đáng. Vật thưởng mà nói xứng-đáng đó há có phải là đồ chơi vật lạ, hay lụa-là châu-

ngọc gì đâu. Phàm làm vật thưởng cho học-trò mà nói xứng-đáng đó là xứng-đáng về đường văn-chương học-thuật, thì dầu cho gấm vóc trân-bảo mà đã có ích gì, vật gì nữa cũng không bằng quyển sách. Nếu làm vật thưởng cho học-trò mà không có sách thì chưa phải là phát thưởng có ý-nghĩa và chưa phải là vật thưởng được xứng-đáng vậy (3).

Phải, phát thưởng cho học-trò mà không có sách thì còn ý-nghĩa gì. Vậy kẻ học-trò và quyển sách tất có chỗ quan-hệ nhau nhiều. Nhân đó mà tôi nghiệm biết được cái lẽ học-trò không nên xa bỏ quyển sách và linh-hội được «cái lý-thú của sự xem sách», lấy làm đầu bài cho bài diễn-văn này.

...

Ai cũng bảo xem sách là để cầu lấy khai-thông tri-thức, tăng-trưởng đạo-đức, để sáng tại sáng mắt ra, để cầu lấy bồi-ich cho sự học-hành, nhưng rút lại cũng chỉ là cầu lấy cái vui thú mà thôi, cho nên đã có câu nói «yếu sách như yếu gái đẹp». — Lại thiết-nghĩ dầu đến bao nhiêu những công-việc ở đời, từ việc lớn đến việc nhỏ, việc gì cũng chỉ là cầu đạt mục-dịch mà thôi. Vậy đạt mục-dịch là để cầu lấy gì? — Chẳng phải là để cầu lấy cái «thích» cho lòng đó vay? Cầu lấy thích đó, há chẳng phải là cầu lấy cái vui thú hay sao? Vậy nên chỉ nói cái vui-thú mà không nói đến sự ích-lợi, nói cái kết-quả mà không nói cái nguyên-nhân. Nên biết rằng không nguyên-nhân thì

(1) Bài diễn-văn trong dịp phát phần thưởng cho học-trò trường Sơ-đẳng liêu-học: Hà-nội, kỷ nghỉ hè năm 1930.

(2) Xem lại bài «Việc giáo-dục ở Phương-thành», N.-P. số 144.

(3) Hà-tiên tỉnh nhỏ, không sẵn có hiệu sách, mua sách phải gửi tận Sài-gòn, Hà-nội.

không có kết-quả. Vậy sự ích-lợi đâu không nói mà tự-nhiên cũng đã có, vì nếu xem sách mà không biết được chỗ vui-thú thì tất không có bổ-ích gì; trái lại nếu đã tìm biết được đến cái vui thú thì tất đã có nhiều bổ-ích. Mà nói « vui », đó là vui về tinh-thần, không phải vui về vật-chất, nên nói « lý-thú », tức là vui có nghĩa-lý chứ không phải là vui ngồng cuồng vậy.

Tiền-nhò Hoàng Đình-Kiến có câu nói: « Kẻ sĩ đại-phu ba ngày không xem sách thì nghĩa-lý không giao-lập trong lòng, nhìn vào gương tự trông thấy mặt đáng ghét, đối với người cái tiếng nói ra lời vô-vị khó nghe ». Đó là nói đọc sách cần cho sự sinh-hoạt, hứng-thú về đường tinh-thần rất nhiều. Người ta không ăn không lấy gì bổ-dưỡng cho thân-thể, không học không lấy gì bổ-dưỡng cho trí-não; về đường vật-chất, không thể nhịn ăn được một ngày thì về đường tinh-thần sao có nhịn học được lâu hơn, cho nên câu nói: « Không đọc sách ba ngày... » đó còn là lâu vậy. Người ta học với thầy còn có hạn, chứ học bằng sách là vô-cùng, không có lúc nào là lúc nên nghỉ, mà đã là kẻ học trò thì quyền sách là người bạn bất-ly, lấy đó làm cái lý-thú suốt đời.

Cái lý-thú của sự đọc sách có thể chia làm hai quan-cảm: là trực-liếp hứng-thú và gián-liếp hứng-thú.

a) — Trực-liếp hứng-thú là khi gặp sách đồng-ý với mình; những ý-kiến lý-lượng mình đã từng suy-nghĩ đến mà chưa từng phổ-diễn ra được, nay gặp lời sách nghị-luận xác-lạc, diễn-lả phán-minh, khiến sáng-sủa rõ-ràng thêm những lý-lượng ý-kiến của mình, hứng-thú phát-sinh ngay trên quyền sách, lấy làm tự-đắc tưởng chừng như những lời kia là lời trong tâm mình nói lên. Hay gặp sách tán-mĩ những luận-lý đạo-đức, phong-nhã anh-hùng, những điều hay lẽ phải,

những cảnh đẹp chuyện vui gợi được mĩ-cảm mĩ-tình, thì như mắt trông thấy cảnh, tai nghe thấy chuyện mà tâm-hồn vui thích, như thân được liêu-dao trong cõi trí nền nhàn, như đặt mình vào một cõi mộng thần-tiên đầy những cảnh xuân-sắc nên thơ, thần-trí nhẹ-nhàng như hững được ngọn gió mát thoảng qua, hay ngửi được mùi hương thơm đưa lại. Bấy giờ vui thú quá, tưởng như quên hết cả những cảnh làm-thường bận-bịu quanh mình, mắt chỉ thấy mình và bao nhiêu cảnh đẹp tình vui, cổ thu nhặt lấy kỷ được cho nhiều. Cái lòng vui-thích say-mê đó, tức cũng như kẻ ăn trộm vàng đang tan ngày, thân ở giữa chợ mà không thấy có người, chỉ thấy trước mắt đầy những sắc vàng sáng đẹp. Đọc sách mà đến được mê-mẩn như thế thì tự-nhiên có không biết bao nhiêu là lý-thú.

b) — Ấy trực-liếp hứng-thú là thế, còn gián-liếp hứng-thú là thế nào? — Gián-liếp hứng-thú là khi gặp sách bất đồng-ý với mình, hoặc tả những chuyện gian-ác đảo-diễn, xấu-xa đê-liện, hoặc bày ra cái tư-tưởng lý-thuyết sai-biệt với mình, nghị-luận phổ-diễn phản-trái với mình, khiến cho mình nhân thấy điều dở điều hèn mà lảng-lòn thêm lòng đạo-đức bụng thanh - cao, hoặc phải chuyển-tân, ngẫm-nghĩ lại những tư-tưởng của mình, gia-công sát-hạch lại những lý-thuyết của mình, biện-bác nghị-luận cho vỡ lẽ ra. Như thế thì mĩ-cảm mĩ-tình không phát-sinh ngay lúc đọc mà lại phát-sinh sau lúc đọc. Cái tự-đắc ấy đâu có gián-liếp, nhưng hứng-thú quan - cảm cũng chưa phải là kém cái trực-liếp quan-cảm. Chẳng những không kém mà dễ thường lại nhiều hơn, vì người ta phần đông đều có bụng hiếu-thắng, đã hiếu-thắng nên khi thấy mình được hơn người ta thì sinh nhiều lòng vui thích. Mà đọc sách có như thế mới trúng phép đọc sách, và đọc sách có như thế mới có ảnh-

hưởng, có tăng-bổ cho sự học, vì trí-não phải nghỉ-ngơi, hoạt-dộng tuần, có như thế mới khiến cho mình phải phê-bình phán-đoán để cầu lấy sáng-sủa tư-lương, rõ-ràng nghĩa-lý hơn thêm, chứ không coi mình như cái kho chứa chữ, bao nhiêu tư-lương tạp-nhập phiền-phức đều chất-chứa vào đó cả, như ăn mà không tiêu-hóa, tích-lũy lâu ngày đến làm cho ứ-tắc ngưng-trệ lại mà khiến cho trí-não năng-lực không vận-dộng được nữa, làm cho kèm sút cái tư-cách đặc-biệt của mình đi, giảm mất cái chủ-quyền phán - đoán của mình đi; có khi « nhồi sọ » quá đến tiêu-ma cả tâm-chí, chấn-át cả tinh-thần, mê-hồn, bại-trí. Nếu đọc sách như thế thì càng ngày càng tối-lắm ngu muội, suốt đời làm nô-lệ cho sách thì sự đọc sách còn có bổ-ích gì, còn có hững-thú gì đâu!— Người đọc sách phải như con tằm mà sự đọc sách cũng như sự nuôi tằm; con tằm khi ăn, thì ăn lá dâu mà khi nhả lại nhả ra sợi tơ; con tằm cũng chẳng là con vật hay đó ru? Lá dâu là vật tằm-thường mà hóa ra được sợi tơ là vật quý-báu thì sự nuôi tằm chẳng là một sự hững-thú đó ru? Nếu con tằm khi ăn lá dâu mà khi nhả cũng còn là dâu thì con tằm kia đã có hay gì mà sự nuôi tằm còn có gì là hững-thú. Lúc cũng như chuyện người thợ dệt bánh xe nói chuyện với vua Hoàn-công nước Tề. Bánh xe có khi lo khi nhỏ, khi rộng khi hẹp khác nhau, muốn chế được cái bánh xe đẹp phải tùy hình mà biến-báo, chứ há chỉ cố giữ mãi một cái kiểu-mẫu từ đời cổ truyền lại được hay sao? Thì sự đọc sách cũng vậy, phải tùy thời mà vận-dụng, tùy cảnh mà diễn-lã, chứ há có nên cố-chấp câu-nệ mãi những câu sách cổ đó hay sao? Đọc sách mà không tìm được chỗ nghĩa-lý tinh-vi, không thấy được chốn lạc-thú cao-thượng, thì cùng với kẻ không đọc sách đã có khác gì nhau. « Nghề chơi cũng

làm công-phu », hưởng đọc sách là một nghề chơi cao-thượng, nghề chơi trong cõi tinh-thần, thì lại còn phải công-phu lắm lắm. Kẻ học trò ta, trong khi tay giở quyển sách, miệng cất tiếng đọc, phòng văn đối ngọn đèn khuya, gập sách hay sách thuận, quan-cảm trực-tiếp thì khỏi nói rồi, nếu gập sách giở sách trái thì há chẳng nên cần-thận chọn lựa, và bình-tâm phán-đoán lắm ru? Biết được như thế rồi, sự đọc sách thực là vô-biên lạc-thú vậy.

...

Có hai đoạn văn dẫn ra sau này đã cực-là cái lý-thú của sự xem sách :

« Hay cho người ta xem sách ! Tối sớm được luôn cùng với kẻ đời xưa mà hoan-hỉ bản-tĩnh nghĩ-suy. Lâm khi đặt quyển sách trước mắt, chống tay ngồi nghỉ, quên dứt hẳn xác thịt mình ở nơi mờ tối, mà đem tinh-thần theo ngọn đuốc lên cõi sáng quang. Ông MONTESQUIEU ngày xưa đã nói : thuộc chán đời không gì bằng quyển sách, dù buồn-bực đến đâu, ngồi với quyển sách một giờ lâu, cũng là quên hết cả. Hay những lúc vắng-vẽ ở chốn quê người, xa cách kẻ yêu thương cùng cô-hương thăm-thăm, thì ta chỉ lấy sách làm bạn cho vui mà khuấy nguôi cơn buồn nhớ. Biết bao phen cùng với sách chuyện-trí than-thở cho được êm-dịu tâm lòng ngao-ngán về nỗi tang-thương. Nào lúc bực dọc, về đường danh-lợi bốn xu; nào khi tức tối về nỗi gươm đao giáo-giờ. Ấy thế mà hễ mở sách ra thì lại tan ngay. Lại thường thường, ta vẫn nhờ quyển sách mà được khoan-khoái, nghỉ-ngơi cơn nhọc mệt chân-thân đầu cùng mộng-ảo. » (Phạm Duy-Tốn).

— Vương Bách-Hối đưa thơ cho Lăng Quang-Lộc nói rằng : Về nhà nằm trong thư-phòng, tạ cả khách, không tiếp ai nữa, một mình một quyển sách xem chơi cho đỡ buồn. Đôi khi ngồi

ngát-ngượng trên giường, nghe tiếng mưa trong cây thông, âm-âm như nước réo. Rót chén rượu trong suốt, bóng ngoài lồng-lạnh như vầng trăng in xuống mặt sông mùa thu, uống một hớp, lạnh buốt như ngậm tuyết. Bấy giờ sượng quá, tưởng như làm vua mà cũng không bằng, còn tưởng gì tranh tiếng khen chê với bọn thường-nhân nữa» (Phan Kế-Binh dịch cổ-văn).

...

Ấy, rừng văn ngan-ngát cổ đẹp hoa thơm, cõi học thanh-kỳ trắng trong gió

mát, cảnh-tình vui đẹp nhường kia; vậy nào ai là học-sĩ, nào ai là thi-nhân, nào ai là người nghiên-bút, nào ai là khách văn-chương, hãy cùng nô-nức, tranh nhau đến mà thưởng sắc đẹp, ngoạn vẻ tươi, văn-chương lý-thú há có riêng ai, đã có xa-xôi cách-biệt gì đâu, quyền sách bên mình, giờ ra là tìm thấy; muốn nuôi lấy tư-cách cho cao-thượng là ở đây chứ ở đâu, muốn giữ lấy lâm-hồn cho thanh-minh là ở đây chứ ở đâu, quyền sách vẫn sẵn đưa đến cho ta đủ cả muôn điều lý-thú.

ĐÔNG-HỒ

THĂM ÔNG PHẠM QUỲNH (1)

Sài-gòn hạ-tuần tháng 11 năm 1931

Một nhà khách-sạn lớn gần mé sông Sài-gòn.

— Phòng số . . . Phía nào ?

— Đây. Có ông ở nhà đây.

Người coi phòng vội gõ cửa, cánh cửa mở hé sẵn.

Phía trong có tiếng cho vào. Lại có tiếng giày đi rất mạnh.

— Ông là ông Phạm ?

— Ông Kiêm ?

Ông Phạm Quỳnh hỏi tôi như thế, rồi cười và cùng đi vào trong, phía gần cửa sổ, được trông ngọn mấy cây me dưới đường. Hôm nay trời tỏ rõ, cảnh-vật bao quanh đều vui lòng chào đón ánh sáng buổi sớm.

Tôi lâu nay, tuy được xem mấy bức thơ tự tay ông viết, được ông tỏ lòng

thương mến, nhưng gặp ông lần thứ nhất này không khỏi lúng-túng ngỡ-ngờ. Thế mà thấy ông tiếp-dãi niềm-nở quá, nên các mối ngỡ-ngờ đều theo khói mây mà tiêu-tán hết cả.

Ông Phạm nói :

— Mời ông ngồi đây.

Rồi thì cứ nói chuyện, trong lòng tôi thật vui-vẻ quá. Có mấy khi kẻ Nam người Bắc mà được gần như thế này !

...

Tình-cờ mà tôi nhớ chuyện ông Vương Dương-Minh. Nào ông Vương Dương-Minh đã dẫu ai điều gì, cắt nghĩa chú-thích sách-vở cũng không dẫu ai điều gì. Mà ngày nọ có người học-sinh đến tìm ông đề hỏi nghĩa câu : *học hi thánh hi hiền*, là phải học như thế nào ?

Vương tiên-sinh hỏi : — Thầy đi đường khó nhọc không, có hao tiền của không, có đau ốm không ?

(1) Bài này của ông Nguyễn Văn-Kiểm ở Nam-trung gửi ra đã mấy tháng nay, bản-chỉ có ý ngần-ngại không muốn đăng, nhưng sợ phụ lòng tác-giả, là một bạn nhiệt-thành của quốc-văn và của bản-chỉ bấy lâu nay. Vậy kỳ này đăng báo, duy có bỏ bớt đi mấy đoạn có ý quá khen. — N. - P.

Người học-sinh đáp là có.

Ông nói : — Thầy quyết-dịnh đến thăm tôi, gặp nhiều sự khó-khăn mà rồi cũng đến thăm được. Nay thầy muốn học, rồi cũng học được, không cần hỏi-han gì thêm nữa, v. v..

Tài ông Phạm Quỳnh dễ dãi dám sánh tài ông Vương Dương-Mir h, là bậc học-giả cả cõi Viễn-dông đều phải tôn-sùng.

Tài của bi-nhân đây dễ dãi dám sánh tài thầy học-sinh cao-dẳng vừa kể chuyện ở trên.

Tuy thế, nhưng tôi cũng tự hỏi : tư-tướng, ý-kiến ông Phạm Quỳnh đã dãi bày hơn mười năm nay trên các báo-chí. Nay còn mong được nghe điều gì mới lạ nữa mà đến thăm ông, chẳng khéo mà làm một việc ngông-cuồng!

Thôi thì đành không học thêm điều mới lạ, nhưng dầu chỉ được biết dung-nhan ông cũng là một điều mới lạ đó.

Tôi ở Tân-an, cả hơn một tháng trước chưa rõ Đại-hội-nghị kinh-tế tài-chánh Đông-Pháp sẽ họp ngày nào, lại chưa rõ ông Phạm có vào Sài-gòn không.

Vì có chút việc nhà, nên tôi đến Sài-gòn thì Đại-hội-nghị đã khai-mạc bữa trước. Lại đây, tìm ông Phạm, giữa mấy ngày hội-nghị họp kín, thật là bỡ-ngỡ (Tôi chưa có tài như các phóng-sự-viên mấy báo lớn bên Âu-châu).

Tôi gửi bức điện-tín xin yết-kiến. Ông trả lời hẹn ngày ấy, giờ ấy...

..

Ông Phạm đội khăn đen, mặc áo trắng dài. Người ông cao lẫm, mà vai thật khòm. Mặt đỏ hoa mè, con mắt lạnh-lẹ, cùn-thị, và thật sâu. Đem sánh sức khỏe với các danh-sĩ Tây-phương thì sức ông Phạm còn kém. Ở xã-hội nước Nam, sức khỏe như ông vừa đến mực trung-bình, nên liệu mà tăng-tiến

thêm lên. Sức khỏe chưa nhiều, cũng còn là tướng nhà nho, nhưng đi đứng nhậm-lẹ, nói chuyện lớn tiếng, chẳng khác người Tây-phương.

Gương mặt ông hiền-lành, đầy-dù, có lẽ ngày nay ông có da có thịt hơn khi vào Nam-kỳ lần trước nhất, vào năm 1919 vậy.

Lâu nay, tôi đọc câu của HERBERT SPENCER : « Đời này, cá-nhân muốn đắc-thắng, điều-kiện thứ nhất mình phải là con vật mạnh (*un bon animal*) » Tôi nghĩ câu ấy là hay, tôi nghĩ là làm việc lớn điều thứ nhất là cái sức mạnh vậy.

Nay trông thấy gương ông Phạm, thật tôi không lẫm.

Nhưng cái tinh-thần lại cũng phải là hoạt-bát lắm, đó là lẽ cố-nhiên.

Ông đương ăn diêm-tám, trên bàn có mấy quyển sách, mấy bức địa-dò, ông đã cúi xuống bàn mà xem khi nãy, khi tôi chưa bước vào.

Ông Phạm hỏi :

— Ông còn ở Hà-tiên không? Có dời đi Tây-ninh không?

Tôi có bệnh, về nghỉ ở Tân-an. Không quyết là bệnh chí, nhưng trong ngực yếu lẫm.

Ông nói :

— Người ông ốm quá, mất máu nhiều. Ông có xem sách, dịch sách cho giải phiền?

— Việc xem sách chẳng phải giải phiền thôi, lại phải lo học, mà học thì phải học hằng ngày. Tôi không biết học thế nào.

— Theo ý tôi, thơ-văn, mỹ-thuật, tình-cảm phải là của mình. Còn khoa-học, nghĩa-lý là của chung. Nên học về sách nghĩa-lý. Mình chưa có sách quốc-văn mà không học sách Pháp-văn sao được. Nhưng tiểu-thuyết thì không ích lẫm. Tiểu-thuyết là đạo-tình, thuyết-lý, mà thuyết-lý theo phong-tục hoàn-cảnh

người ta, người ta chưa thực-hành mà mình thực-hành sao được? ... Tôi có viết thư cho ông Phác, nói tôi sẽ vào Sài-gòn. Ông Phác có cho ông xem thư chẳng?

— Tôi về Tân-an đã lâu rồi. Ông Phác mắc phận-sự, có lẽ không lên Sài-gòn lúc này được. Khi ông vào Sài-gòn tiểu quan A. VARENNE, hai chúng tôi muốn đến thăm ông, mà không đi được.

Ông Phạm nói :

— Tôi tính đi Đế-thiên Đế-thích (Angkor). Có thể ghé Hà-tiên được không? Hà-tiên bao xa?

— Cách Sài-gòn hơn 340 cây số.

— Phải gần như Mĩ-tho tôi đi được. Tôi không được rảnh lắm. Trễ lắm là ngày 10 tháng 12 tôi phải về Hà-nội, có việc nhà. Phải chi không có vấn-đề rượu, tôi cũng không về Sài-gòn. Vấn-đề này sẽ tính xem sao, chớ hôm nay ở các tiểu-ban (*sous-commission*) thì An-Nam thua rồi.

Ông hỏi thăm tuổi, tôi nói ông Phác 26 tuổi, tôi 30. Còn chính ông ngoài 40 (thế thì, khi ông ra chủ-trương báo *Nam-Phong*, ông vừa 24 tuổi; vừa khi ấy mà đã học thâm ba thứ chữ, kẻ cũng là giỏi). Con đường lòng của ông, thầy học-sinh Phạm Giao, được 20 tuổi hiện còn đương đi học. Ông Nguyễn Văn-Ngọc là thông-gia ông Phạm, và là bạn học của ông ngày trước.

Ông Phạm nói số báo *Nam-Phong* bán ở Nam gần bằng ngoài Bắc.

Tôi nói :

— Ông Nguyễn Phan-Long, ông Lê Quang-Liêm thật đã yêu-mến tài ông lắm. Hồi ông Lê Quang-Liêm tạm làm chủ-nhiệm báo *La tribune indochinoise* và *Bước nhà Nam* thì cho lục-dăng cả mấy bài của ông về « Vấn-đề lập-hiến cho nước Nam », cả quốc-văn, cả Pháp-văn.

Còn báo *L'Echo Annamite* ngày trước đăng bài của ông cũng thường (Sau này tôi xem mấy bài của ông bàn về nền sư học Việt-Nam « *A propos de l'enseignement primaire annamite*, E. A. novembre décembre 1922 » thì trên đầu bài có mấy câu giới-thiệu của ông Nguyễn Phan-Long, khen là lời bàn có lý và viết Pháp-văn thật hay).

Về việc học quốc-văn ở Sơ-đẳng-học, lời thỉnh-cầu của ông Nguyễn Phan-Long, ông Bùi Quang-Chiêu mới đây (Tập thỉnh-cầu đưa quan tổng-trưởng Thuộc địa) cũng tựa như ông.

Ông Phạm nói :

— Lời xin của mấy ông cũng giống, thế là chúng tôi đồng-ý nhau cả về cái vấn-đề quan-trọng đó, tôi lấy làm mừng.

Đang nói về việc học ở nước Nam, tôi lại nói sang việc Hạ-nghị-viện bên Pháp.

Ông DIAGNE khi trước là một chức quan nhỏ ở sở Bưu-điện, nhưng là người có tài lắm. Sau này ông ra làm nghị-viên bên Pháp. Hồi chiến-tranh, ông cõ-dộng khéo, số linh tình-nguyên vui lòng ra chốn đường tên mũi đạn rất nhiều. Ở hội Vạn-quốc bàn-bạc về vấn-đề lao-động, ông DIAGNE bênh-vực quyền-lợi nước Pháp rất tài.

Kẻ đồng-hương, là quan cựu cai-trị RENÉ MARAN, hết sức phản-đối ông.

Nước Việt-Nam hiện còn phải cái tệ mua lá thăm. Nay yêu cầu cho người Nam được cử nghị-viên Hạ nghị-viện, không biết có kén được người tài không, việc cử nghị-viên ấy có ích chi không. Tôi hỏi ông Phạm về mấy điều đó, ông cũng có ý hoài-nghi.

Kể đó nói đến chủ-nghĩa quốc-gia.

Ông Phạm nói :

— Nước Nam không theo chủ-nghĩa quốc-gia sao được? Việc cần-

cấp nhất bây giờ là phải làm sao in cái tư-tưởng quốc-gia vào trong óc mọi người. Khuyến dân sao phải thương nước, thương nhà, mà không phải là không tôn quyền Chính-phủ Bảo-hộ.

— Điều ấy cần dạy lắm. Hiện nay cho đến người học Cao-dẳng, cũng còn lắm người kiếm được nhiều tiền thì thôi, việc nhà việc nước mặc ai ai, có không?

— Tôi cũng thấy như vậy. Tự mình không làm gì, mà người ta làm thì hay chê.

Tôi hỏi về cách làm việc, ông Phạm nói :

— Có hai cách : một là bạo-dộng, hai là ôn-hòa. Bạo-dộng thì luy đến thân mà cũng vô-bổ cho nước. Trúng trời với đá sao được ? Vả lại có người nào khá bị tù-tội mất cả thì « nước như bị chặt mất đầu » (*la nation décapitée de son élite*), theo như lời ông GARROS đã nói, còn làm gì được nữa. Nhưng ôn-hòa không phải là nhu-nhược. Ôn-hòa là xữ vào cái tình-thế khó-khẩn thời phải chằm-chước với thời-thế, với cơ-hội, được chút nào hay chút ấy, dần-dần dà-dà, nhạt-lắm nguyệt-tí, rồi cũng có ngày đạt tới mục-đích. Nhưng ôn-hòa là ôn-hòa ở cái phương-tiện làm việc, chứ chủ-nghĩa thì vẫn phải giữ cho vững. Ôn-hòa có khi khó hơn bạo-dộng...

Đương nói về chính-trị, liền nói đến câu chuyện học quốc-văn, câu chuyện dùng quốc-văn để dạy học, là một điều ông Phạm rất nhiệt-thành chủ-trương bấy lâu nay.

Tôi nói :

— Ông Nguyễn Văn-Liễn, hiền-thục tôi, muốn xin phép yết-kiến ông và mời ông diễn-thuyết về vấn-đề tiếng nói, vấn-đề tiếng cơ-quan.

— Tôi sợ không rảnh. Tôi đi đây không sẵn các tài-liệu. Nhưng không sao, nói tóm lược cũng được.

Tôi còn hỏi thăm ông Phạm nhiều điều nữa, hỏi về gia-dinh ông, biết ông thuở nhỏ linh-dinh cô-khổ nhiều lắm, chỉ thân lập lấy thân, một mình học tập mà được như bây giờ ; hỏi về các bạn trong báo quán, như ông Đông-châu, ông Tùng-vân, ông Đờ-nam, ông Sở-cuồng, v. v.. Nhất-thiết ông đều trả lời một cách rất ân-cần, tỏ ra một người ôn-tồn nhã-nhận lắm.

Ông cũng hỏi-han về nhà tôi, về công việc riêng tôi, về cái chí-thú của tôi, tôi cũng thành-thực cảm-động mà đáp lại.

Trời đã trưa, dưới đường xem đã vắng người. Tôi vẫn biết trưa, nhưng mải say-mê câu chuyện mà không thấy dỏi.

Theo phép nói chuyện, một tiếng đồng-hồ là vừa. Tôi ngồi lâu, thật cũng biết mình trái phép. Nhưng tôi đã hỏi trước nên biết rằng chủ-nhân không bận việc chi, tôi càng ở lâu lại càng nghe thêm nhiều việc.

Ông Phạm hẹn chiều hôm sau ông được rảnh, nhờ đưa ông Nguyễn Văn-Liễn lại chơi. Có lẽ sẽ gặp quan Thiếu Hoàng Trọng-Phu.

Ông Nguyễn Văn-Liễn và tôi đi đúng giờ đã hẹn. Hôm ấy, được tiếp-kiến quan Thiếu Hoàng, cũng là một dịp may. Nghe đầu ngài nho-học tây-học đều có, và lại có bụng thương dân. Ngài đã đứng tuổi, ít hay nói, và khi nói thì nói mau lắm.

Bữa ấy, chủ tôi và ông Phạm nói về các sách tự-diễn của Larousse, Littré, và « Việt-Nam tự-diễn » của hội Khai-trí tiến-dức.

Còn định hỏi nhiều điều nữa, nhưng thấy hai ngài sắp đi thăm các ông bạn,

nên đành phải kiến về mà trong lòng tiếc lắm.

∴

Bữa trước, ông Phạm Quỳnh có cho tôi quyển « Thi-ca Việt-Nam » (*La poésie annamite*), toàn chữ Pháp, và hai số báo *France-Indochine*, cùng *Ngọ-báo* có đăng bức thư ngỏ trình quan Tổng-trưởng Thuộc-địa.

Sách trên này, đầu hết là bài « Thi-ca Việt-Nam » đã diễn-thuyết ở Paris, bản dịch mười bài « Khuê-phu thân », nguyên quốc-văn đã đăng số *Nam-Phong* 21. Còn mấy bài khác, có bài tôi đã được đọc trong *Nam-Phong*, cùng là chưa được đọc khi nào.

Ông Phạm nói bức thư đăng trong *Ngọ-báo*, chính ông dịch, và đăng được nguyên-văn. Còn mấy ngày trước, các báo khác trong Nam ngoài Bắc có dịch đăng, nhưng không được trọn, và cũng không đúng.

Lâu nay tôi vẫn biết cái tài diễn-thuyết của ông Phạm, nhưng chưa được nghe ông nói bao giờ.

Kỳ này, tôi được nghe ông đọc suốt bài « Bức thư ngỏ » ở *Ngọ-báo*, thì kẻ như được nghe diễn-thuyết vậy.

Ông Phạm đọc bức thư ngỏ. Đọc rõ-ràng, mạnh-bạo, vừa đọc vừa liếc thỉnh-giả Liếc không dứt mà nhanh lắm. Đọc giòn-dã, tôi không thể hình-dung ra được. Đọc được vài câu thì nói vì có sao ông viết câu nọ, vì có sao ông viết câu kia.

Các có ấy đều ần trong Nam-sử, chứ không đâu lạ.

Cái giọng đọc vẫn giòn-dã, tươi-tỉnh của ông còn văng-vẳng trong tai tôi.

Chữ: — Bầm quan lớn, ông đọc dấu hỏi nghe ra dấu nặng. Chữ: quả, trong

câu: *đau là quả kiếp nhân duyên*, nghe cũng thế.

Mấy câu rất có ý-nghĩa trong bài như các câu:

« Nay đem cái lý-tưởng ấy mà đối-chiến với chân-tướng thì thấy phát-sinh ra một sự khủng-hoảng thâm-trầm, khó giải ra được, nó làm cho lòng chúng tôi thồn-thức và trong tâm-trí như có điều lo nghĩ mơ-mòng.

« Thành ra một sự đau-đớn phiến-muộn, cứ bề ngoài thì tưởng không có cơ gì, nhưng thực là bồi cơ dân chúng tôi nhờ quí-quốc bảo-hộ mà đã được tấn-tới hơn trước... »

Lại như câu:

« Về phương-diện quốc-gia thì sự khủng-hoảng ấy có thể tóm lại một câu như sau này: Chúng tôi là một dân-tộc đương đi tìm tổ-quốc mà chưa thấy tổ-quốc ở đâu.

« Bầm quan Tổng-trưởng, tổ-quốc ấy đối với chúng tôi không thể là nước Pháp được. Lời nói đó, xin ngài đừng méch lòng... »

« Vậy thời thuộc về phần người An-Nam chúng tôi, chúng tôi chỉ thỉnh-cầu quan lớn có một điều, một điều rất là thiết-tha quan-hệ hơn cả các điều khác, là xin ngài cho chúng tôi một cái tổ-quốc để chúng tôi thờ... »

Các câu quan-hệ như thế, thì tôi không hề quên được.

∴

Mấy giờ tiếp chuyện ông Phạm, gặp đầu nói đấy, dường như không đầu không đuôi. Nhưng cảm-tình chan-chứa, như bấy lâu khao-khát mới được gặp, nên nay ghi chép lấy, dù không có mạch-lạc vắn-chương, cũng là chút kỷ-niệm để lại, xin độc-giả lượng cho.

NGUYỄN VĂN-KIỆM

MỘT VỊ CAO-TĂNG NƯỚC NHÀ

DẬT-SỬ CỤ CỒ

Trước kỷ-nguyên Thiên-chúa 1027 năm (có sách chép 552 trước T.-C.) là năm giáp-dần thứ 26 đời Châu Chiêu-vương 周昭王, ở Á-đông ta đã gây lên cái nền tôn-giáo đặc-sắc, trước cả hai giáo Nho và Lão, gọi là « tôn-giáo nhà Phật ».

Phật-lồ nguyên là thần ở Đâu-suất (兜率, *Tushita*) giáng sinh, hủi là Tất-cát-da (悉達多, *Siddharta*) hiện là Thích-già-mâu-ni (釋迦牟尼, *Sakya-muni*), dòng-dõi họ Cồ-đàm 瞿曇 (*Gotama*), là con cả vua Tịnh-Phạn-vương (淨梵王, *Sudhouhana*), mẹ là Ma-da phu-nhân (摩耶夫人, *Maya-devi*) ở nước Đà-duy-la-vệ (伽惟羅衛, *Kapila*), nay là một khu-vực Ấn-độ, thuộc quyền người Anh cai-trị.

Phật-tổ sinh-tri, không học mà biết, tính từ-thiện, thích tu-hành, chỉ muốn độ hết chúng-sinh khỏi vòng khổ-ách. Hiềm về cha mẹ trông cậy có mình, bắt phải lấy lễ kế-tự làm trọng. Bất-đắc-dĩ phải kết duyên cùng bà Da-du-da-la (耶輸陀羅, *Yasoudhara*), không lâu sinh được hoàng-thái-tôn, cho tên là La-hầu-la (羅侯羅, *Rahula*).

Tuổi 29 xuất-gia đi tu, dức ngày cao, đạo ngày sâu, sáu năm khổ-hạnh, nhất-đán đại-ngộ mà thành Phật ở bên gốc cây Sa-la (*sāla*), xứ đó gọi là Phật-đà-già-dồ (佛陀迦耶, *Buddha Gaya*). 80 tuổi rời bỏ cõi trần, sách Phật chép là « Phật nhập nát-bàn » (佛入涅槃).

Giáo Phật bắt đầu phát-siễn ở hạ-lưu sông Hằng-hà (恆河, *Gange*), truyền-bá ở dân Ấn-độ rất mau, rồi lan rộng các nước miền ngoài châu Á, tự

quần-đảo Mã-lai 馬來 cho đến miền khoáng-dã đất Tây-bá-li-á 西伯利亞. Sau chia rẽ làm hai, phái Đại-thừa (大乘, *Mahayana*) và phái Tiểu-thừa (小乘, *Hinayana*).

Đời Tần Thủy-hoàng (秦始皇 221-207 trước T.-C.) giáo Phật tràn vào Trung-quốc, do tự lữ sa-môn là Thất-lị-phòng 室利房 ở Ấn-độ sang thiết-giáo ở Hàm-dương 咸陽. Thủy-hoàng cho là quái-gở bắt giam, đến đêm biến thành người vàng vượt ngục ra.

Đời Hán Vũ-đế (漢武帝, 104-87 trước T.-C.) Hoắc-Khư-Bệnh 霍去病 qua núi Yên-chi-sơn 焉支山 được pho tượng đồng của Hưu-đồ-vương 休屠王 đem về, vua bắt thờ vào cung Cam-tuyền 甘泉.

Năm thứ 4 hiệu Vĩnh-bình (61) đời Hán Minh-đế 漢明帝 đạo Phật đại-thịnh ở Tàu, vua có sai bọn sứ-thần là Sái An 蔡愔 sang Tây-vực tức là Ấn-độ lĩnh được 42 chương kinh, và thỉnh được hai vị cao-tăng là Ma-đăng 摩騰 và Trúc-pháp-lan 竺法蘭 rước về lập chùa ở Lạc-đương 洛陽, dịch 42 chương chữ Phạn ra chữ Hán.

Phật-giáo sang An-Nam ta trước tự vị sư Vô-ngôn-thông 無言通, kinh *Truyền-đăng* viết là Bất-ngữ-thông 不語通, vì là tính ông diêm-mặc không hay nói.

Ông họ Trịnh 鄭 nguyên người Quảng-châu 廣州 Tàu, còn bé theo học sư cụ chùa Song-lâm 雙林 ở Vụ-châu 婺州. Rồi lại theo sư bạn sang Giang-nam 江南 học vị Bách-trượng-hoài-hải thiền-sư 百丈淮海禪師, khi đắc-đạo trở về trụ-trì chùa Hòa-an 和安 là quê Vụ-châu cũ.

Tháng chín năm canh-tí (821) đời Đường-Hiến-tôn 唐憲宗 năm Nguyên-hòa, ông mang y-bát sang làng Phù-dồng 扶董, huyện Tiên-du 仙游 ta. Có khởi công một nóc tinh xá (精舍, vihá-ra) tục gọi là chùa Kiến-sơ 建初.

Ngày 12 tháng giêng năm bính-ngọ (827) là triều Đường-Kính-tôn 唐敬宗 năm Bảo-lich thứ hai, ông không bệnh mà mất. Cảm-thành thiền-sư 感誠禪師 tức là kẻ đệ-tử thụ-ký ở ông.

Lúc đó ta đương nội-thuộc Tàu lần thứ 4. Vô-ngôn-thông là sư Tàu sang ta, còn chính sư Ấn-độ thì tự vị Phật-đà-bạt-tha-la 佛陀跋他羅 khởi hành trước nhất.

Sách *Phật-tổ thông-ký* chép: Vị Phật-đà là người Ấn-độ, kết bạn cùng người Tàu là Tuệ-Nghiêm 慧嚴 chu-du khắp nước Đông-phương, có tự-đồ ở quận Giao-chi 交趾 ta (Hà-nội, Hưng-yên, Thái-bình, Nam-định nay), sau lại về Tàu 24 năm, cùng bạn sư là Cư-ma-la-thập 鳩摩羅什 thiết-giáo ở Trường-an.

Từ đây về sau nước ta bề Phật bành-trướng, sản-xuất nhiều vị thiền-sư có giá-trị, không một bọn hạ-dân mà cả các bậc vua chúa, bậc sĩ-phu cũng sùng-mến tôn-trọng. Đời Đinh Tiên-hoàng (丁先皇 968-980) định ra «tăng-đạo giai-cấp 僧道階級». Đời Lê Đại-hành (黎大行 981-1001) có vị sư là Khuông-Việt 匡越 ứng đáp thơ-từ cùng sư Tàu. Đời Lý (李 1010-1225) có Vạn-Hạnh 萬行 và Khánh-Văn 慶文, rồi lại có ba vị thánh-tổ: Nguyễn Minh-Không 阮明空 húy Chi-Thành 至誠, Nguyễn Giác-Hải 阮覺海 húy Quốc-Y 國伊, Từ Đạo-Hạnh 徐道行 húy Từ-lộ 徐路. Nói đến thời-kỳ sôi-nổi thì rõ đến triều Trần 陳 (1226-1413) hơn cả.

Lâu nay các tôn-giáo khác cò-vũ đương mạnh, Phật-giáo có phần sút kém, không một riêng xứ Đông-dương

ta, mà cả các nước lân-cận thuộc về Á-tế-á đều thế. Sợ chỉ hầu dứt ai hay nổi, ngọn lửa sắp tắt ai hay tiếp? Nghĩ nông-nổi đó, bậc có nhiệt-huyết, có tư-tưởng chắc cũng mau-mau tìm phương bở-cứu. Bậc đó xứ Bắc-kỳ ta là ai? Tôi sở biết có vị hòa-thượng tọa-định ở Cồ-lê 古禮, người đời thường gọi tắt là «cụ Cồ».

Cụ Cồ húy là Viêm 炎, tự là Quang-tuyên 光宣, phát-hiệu là Giác-linh thiền-sư 覺靈禪師, ngài sinh năm tân-hợi, triều Tự-đức năm thứ 4, tây-lịch 1851. Thân-phụ húy là cụ Phạm Quang-Miền 范光冕 quán ở xóm Văn-ấp Đông-lân 文邑東鄰 xã Quần-phương-thượng 羣芳上, thân-mẫu húy là cụ Trần Thị-Tú 陳氏秀, quán xã Quần-phương-trung 羣芳中, đều thuộc về tổng Quần-phương 羣芳, huyện Hải-hậu 海後 Nam-định.

Ngài được bốn anh em trai, lúc làm-bồn cụ thân đều thấy điềm «hoa sen ửng mộng». Lớn lên anh cả là Quang-Khâm 光欽 theo một vị sư di mất, vị sư ấy không biết tên họ là gì, quê-quán ở đâu. Anh thứ hai là Quang-Lịch 光歷 tu ở một chùa thuộc tỉnh Thanh-hóa, năm quý-dậu (1873) triều Tự-đức, nước nhà có loạn, ông bị mất. Còn ngài là thứ ba.

Ngài vốn tính thông-minh, gồm tài mẫn-tiếp, còn bé theo học cậu là một cụ kếp, và lại thụ-nghiệp cụ «Nhi Nhạ» ở Hoàn-nha. Bảy tám năm trời nấu sử sôi kinh, niên-xỉ càng trưởng-dại thì chí-khí càng hiên-ngang, cảnh-ngộ càng nghiêu-khê thì tài-năng càng lỗi-lạc, nhờ đó văn-chương lưu-loát, đạo-đức dồi-dào, những bạn đương-thời ít người có chí như vậy.

Nhưng xét ra tâm-sự ngài lúc ấy dường như phân-vân bất-quyết, chỉ lo Phật-giáo nước nhà dầm-chìm đã lâu, sai-lạc đã nhiều, nếu không ra tay mà nắm lấy trách-nhiệm, thì cái bề trăm-

luận sâu-thẳm kia ai lấp cho đầy. Vì vậy từ-giã thân-thuộc đi theo sư cụ Thanh-Tuấn 清倅 chùa Nội, và sư cụ Sinh-Ý 生意 chùa Thượng-phúc, đổi tái đàn cặp sách làm đá mõ bồ kinh, thay trò đi-lối cạnh-tranh làm tấn hư-vô tịch-diệt. Năm đó vừa 20 tuổi, triều Tự-đức năm canh-ngọ thứ 23 (Tây-lịch 1870).

Tu-hành tinh-tiến lắm, hai thầy giao cho chùa riêng, cổ từ không nhận, tự nghĩ trên trời dưới trời, đạo Phật độc-tôn hơn cả, mình đây học-hành có gì, dám dẫu đương nổi cái địa-vị nặng-nề to-lại. Nhân bạch hai thầy xin du-học chùa Vi-xuyên 渭川 Nam-định, trong lúc tăng-môn nhàn-rỗi, lại được vào bình-văn trường quan Đốc-học Cồ-chất.

Tiết thường thăm-thoát, xuân đã sang hè, chùa Liên-phái 蓮派 Hà-nội theo lệ thường vào khóa hạ, bọn tăng-đồ từ-xứ xô đến như nê-m, mà chính ngài cũng dự vào trong bọn đó. Khi tổ-sư thuyết-pháp nghe được câu: « Vọng tình dị tập, chỉ đạo nan văn, bại-tục siêu quần, duy nhân mãn học » 妄情易習。至道難聞。拔俗超羣。惟人敏學。 tự-nhiên tinh-thần khoan-khoái, tri-não tiêu-tao, sức vậy như người ngủ đã tỉnh-sự.

Khoá hạ xong, các sư bình-phẩm về thiền-học, mỗi người chủ-tri một lý-thuyết đề tự tán-đương công-đức, mà cái lý-thuyết các sư cũng không thấy gì sở-đặc là mới-mẻ lạ-lùng, chỉ lâm-nhảm phụ-hội những câu sáo cũ. Người thì bảo: « Thân ta như cây bồ-đề, tâm ta trong-sáng như mảnh gương treo, thời-thường sửa-sang bao-quét, nhất-thiết không cho như bụi bậu tới. » (身是菩提樹。心如明鏡臺。時時勤拂拭。不使有塵埃)。Người cãi lại mà có ý cao-kiến hơn, thì nói rằng: « Bồ-đề vốn không có cây, gương sáng cũng chẳng phải dài, bản-lai không có vật gì là chân-tướng, như thế như-bụi bậu vào nơi nào? » (菩提本無樹。明鏡亦非臺。本來無一物。何處惹塵埃。)

Cụ Cồ lúc ấy còn hồi-tàng, còn là sư ông, chưa thật là cụ Cồ, song ta cũng gọi trước đi, nhắc cho duyệt-giã dễ nhận. Cụ Cồ phản-đối ngay hai cái lý-thuyết trên, mà cái lý-thuyết tối-tân của ngài khám-phá được chốn huyền-bí đạo Phật, mở rộng được then khóa, xưa nay chưa thấy.

Ngài bảo: « Các sư tuy tập-cồ, song ngộ-nhận mất rồi, thuyết thứ nhất các ông nói đến « bồ-đề » và « mảnh gương », bồ-đề là một loài cây, mảnh gương là một vật chơi, thế thì chẳng phải toàn-thị là sắc-sắc đấy dư? Thuyết thứ hai các ông lại nói: bản-lai không có vật gì, thế thì lại chẳng phải toàn-thị là không-không đấy dư? Đạo Phật rõ dễ mà hóa khó, lại cũng rõ khó mà hóa dễ. Nay xin tỉ-dụ giống như luồng gió, lúc đặc-ý thì vù-vù vụt-vụt, âm-ỹ có tiếng kêu, đó là sắc-sắc; kịp lúc ta đưa con mắt vật-chất mà coi, thì ra tuyệt-nhiên vô hình, đó là không-không. Có không mà không sắc, không phải là đạo Phật, có sắc mà không không, cũng không phải là đạo Phật. Đạo Phật cốt là sắc, không, không, sắc, trong chốn sắc phải có không, trong chốn không phải có sắc ».

Ấy tông-phái cụ Cồ khác hẳn với tông-phái các sư hiện-thời, đại-khải chia rẽ từ đây.

Xuân-thu đã cao, tăng-ni tới thụ-giới nhiều, các dân nghe tiếng kinh-phục, rước về sửa chùa, cộng cả là ngót 90 cảnh, song ngài thật nhận có 13 cảnh thuộc về tỉnh nhà, mà trong số đó ngài chỉ đi về có 8 cảnh, sẽ kể như sau, còn 5 cảnh như Đào-dương 陶陽 Xối-thượng 霽上, v. v., khi sửa-sang xong, làng nào cũng trả về làng ấy.

Triều Thành-thái năm canh-dần thứ 2, lịch Tây 1890, tuổi 40, bắt đầu lập chùa Chùy-kê 槌溪 thuộc huyện Giao-thủy, làm tinh cột đá hoa, và trang-hoàng các phật-tượng.

Triều Thành-thái năm đinh-dậu thứ 9, lịch Tây 1897, tuổi 47, sửa chùa Tương-nam-thôn-nội 瀾南村內 thuộc huyện Nam-trực.

Triều Thành-thái năm canh-tí 12, lịch Tây 1900 tuổi 50, sửa cảnh Thượng-phúc 上福 thuộc huyện Giao-thủy, năm sáu năm sau lại xây tòa cửu-phẩm cao 9 tầng, và trang-hoàng hơn 40 tòa phật-tượng.

Triều Thành-thái năm bính-ngọ 18, lịch Tây 1907, tuổi 56 lại về cảnh Thôn-nội đào hồ vượt thồ, trồng các cây-cối. Năm sau sông Cái gần nơi lở bạo, cuốn hết cả đền bách-linh và nghĩa-chủng, ngài lại đốc-sức xây rời về phía bắc chùa.

Triều Duy-tân năm canh-tuất thứ 4, lịch Tây 1910, tuổi 60, sửa cảnh Thủy-nhai 水涯 thuộc huyện Giao-thủy, nền cao cuốn vòng, qui-mô cách-thức toàn là lối mới. Sau đây vài năm lại sửa cảnh Thuận-yên 順安 cũng thuộc huyện Giao-thủy.

Triều Khải-định năm mậu-ngọ thứ 3, lịch Tây 1918, tuổi 68, đưa chùa Diên-phúc 延福 tục gọi chùa Cả, sáp-nhập vào chùa Thôn-Nội làm một. Nguyên chùa Cả đức Minh-Không làm tự triều Lý, nay vì sông Cái lở, nên phải thiến-tiến như vậy. Chùa sửa xong, trang-hoàng các phật-tượng và xây một tòa tam-quan.

Triều Khải-định, tháng chín năm canh-thân thứ 5, lịch Tây 1920, tuổi 70, làng Cồ-lễ 古禮 thuộc huyện Trực-ninh, thỉnh ngài ở Thủy-nhai về sửa chùa. Ngài bảo: "Ta chỉ có gậy tích nón tu, tối là nhà, ngả là giường, còn làm việc chùa tốn đến tài-lực, ở đâu ầu đấy, phép Phật cấm không được lấy dây gậy đó."

Ngày mai cờ trống đến rước không thấy ngài, khi về thì đã ở nhà, đồng-dân ngạc-nhiên nửa mừng nửa sợ, mở công-quĩ được 500 bạc, làm lễ kiến-diện. Ngài thuyết-pháp hồi lâu, rồi

trao trả số bạc dân về mua vôi gạch. Ấy tiếng cụ Cồ khởi-thủy tự đây.

Cồ-lễ một làng mà ba chùa cũng đức Minh-Không lập tự thế-kỷ 12. Làng này văn - phong sẵn sớm, triều Trần Duệ-tôn 陳睿宗 năm Long-khánh 龍慶 thứ 2, có ông Đào Sư-Tích 陶師錫 đồ Trạng-nguyên, tự hương-thi cho tới đình-thi đều đứng đầu cả. Địa-mạch cũng linh-dị, vườn-ruộng gần chùa không ai dám đào-xẻ, nếu cố tự-bạo đi nữa, dân làng nhao-nhác đá động.

Tháng 11 năm ấy, cụ Cồ ngài bắt giải hạ cả ba chùa, và nhân chùa đầu làng, giáp giới Tương-đông, bắt đào hồ xẻ sông, vượt lên tòa mới, chu vi nền chùa một sào, cao 5 thước, nền giữa cao 20 thước. Dân làng cả sợ, ngài bảo: «Làm việc ích chung đừng lợi riêng mình, công-đức càng to» (公事莫私圖。功德尤大). Từ đây dân làng phá được mọi sự «tin nhảm», kết-quả thành được nóc chùa vĩ-đại, có công đại-kiến-trúc trong trường tăng-giới.

Chùa Cồ số nhiều là truyện quái-dẫn, tin đến quái-dẫn không phải là phái nho-học, song phái nho-học cốt phải cùg-lý, thì lại phải nói qua đến quái-dẫn trước đã. Dù thế nào mặc lòng, cụ Cồ ngài cũng không vì câu chuyện quái-dẫn nhỏ mọn ấy mà tăng-tôn cho con đường đức-hạnh, chắc đồng-bào ta ai ai cũng đã hiểu.

Một hóm chính-tọa xây xong, cụ Cồ ngài ước tạo một pho tượng Phật-tổ Thích-ca-Như-lai, cao 16 thước. Ngay sáng sau có người đưa bè về cũng rất nhiều gỗ vàng-tám và đinh-hương, hỏi tên họ thì không nói. Sau lại đúc 20 pho tượng đồng cao 3 thước, và đúc luôn 7 quả chuông cao ngoài 3 thước, xây đền cất phủ, đắp đường mở chợ, cuốn năm chiếc trường-kiều, xây hai cây giả-sơn, tuyết-nhiên không phải khuyến-hóa.

Một hôm dân làng vào hội bơi, cò-lệ cứ 4 năm lần, thân, tị, hội, mỗi năm đến tháng 9 mở hội bơi bốn ngày, tiền của hao-tồn, muốn bỏ chẳng được. Ngài gọi bảo: «Nước nhà có tiếng văn-hiến với lân-quốc, vả lại đức Minh-Không cứu-dân hộ-chúa, công-nghiệp còn truyền, ta nên mỗi năm kỷ-niệm thêm 6 ngày». Nghe nói mà sợ, thấy sợ mà giải-tán cả. Ngài phả-đạo cho rằng: «Việc phải nghĩa nên làm, dốc lòng chờ ngăn-ngại» (善事義當爲一心無受礙). Dân làng miễn-cưỡng phải theo, mà rồi từ đấy đến nay có phần phong-phú trù-mật hơn cũ.

Một hôm đắp cốt phật-tượng, thợ đúc tính đồng còn thiếu, ngài bảo: «Thiếu rồi đủ». Gần tối có một cụ tóc bạc râu trùng, quần áo rách-rưới, gánh hai rổ đồng vào cùng rồi ra, nhà chùa sai tiểu theo sau không kịp. Đồng ấy bắc lên cân được là 2 tạ 5 yến. Giờ thân mai rót tượng vừa đủ, không thừa không thiếu.

Một hôm đương vào đám chay, có một chàng thiếu-niên, trạc 20 tuổi, người cao da ngăm-ngăm đen, áo the khăn xếp, giầy bóng ó cánh gươm, cách ăn-mặc cử-chỉ đúng cách công-tử, thẳng vào phòng sư cúng 150 đồng bạc. Sư hỏi quê-quán đâu tá, trả lời một cách kỳ-quặc rằng: «Năm trước đã cúng về việc âm-hồn, bây giờ xin cúng về việc tế-độ chúng-sinh. Còn như họ tên quê-quán, không cần phải hỏi».

Các sư đưa lai-lich vào bạch cụ Cồ, thì ra chàng ấy năm xưa đã vào chùa Thủy-nhai cúng 80 đồng và 2 con hạc bạc. Cụ có hỏi họ tên, đáp rằng: «Đã có mặt-trạng, phật-thánh chứng-minh cho rồi, hòa-thượng không phải kỷ-lượng cho nữa».

Lại hỏi nguyện cúng việc gì; đáp rằng: «Những mỗ vô-chủ ai mà viếng-thăm, nghĩa là làm phúc các âm-hồn vô-lừa-nhận».

Triều Bảo-đại năm dinh-mão thứ 2, lịch Tây 1927, tuổi 77, đắp cốt chuông lớn, cao 15 thước.

Ngày 12 tháng giêng, triều Bắc-đại năm mậu-thìn thứ 3, lịch Tây 1928, tuổi 78, định ngày rót đồng, thợ ở Hải-phòng đưa máy đúc về. Quan hội-chủ việc chuông là ông tri-huyện sở-tại Nguyễn Huy-Xương 阮輝昌 trai-khiết lễ Phật, bói được quẻ thẻ 36, mục «cầu mưu» có câu:

Tiền thì nhân sự báo quân tri,
Thu hậu kinh doanh toại ý thì;
Nhược ngộ tam-dương khai-thải
Tư thì danh-lợi xứng tâm kỳ. [nhật,

先	時	人	事	報	君	知
秋	後	經	營	遂	意	時
若	遇	三	陽	開	泰	日
斯	時	名	利	稱	心	期

Dịch nghĩa:

Trước đem nhân-sự báo ông hay,
Kinh-lý thu sau mớ: gặp ngày;
Vị gặp tam-dương là tháng Tết,
Bấy giờ danh-lợi thỏa lòng ngay.

Sau quả-nhiên quả phúc không thành, tổn-phí công-sá kể đến vài nghìn, thợ đúc đồ cho thợ cốt, thợ cốt đồ cho trời âm. Quan chủ-hội Nguyễn, nghĩ việc phúc mà bức, Cụ Cồ khuyên-giải rằng: «Tục-ngữ người Tây có câu: thất-bại là mẹ thành-công, việc này của tiểu-tăng tôi, xin các ngài đừng ngã lòng».

Tháng 2 năm ấy, quan Nguyễn làm giấy đệ Hà-nội, thỉnh ông giáo-trưởng kỹ - nghệ, người Nhật - bản tên là Thạch-xuyên-hiệu-dương 石川浩洋, về đúc chuông lại. Ông giáo nghe thấy kể cách-thức, gặt đầu mà khen, cho là việc công-đức đáng khen. Liền vẽ kiểu chuông, và vẽ kiểu đôi rồng đôi Đường (thế-ký thứ 9) thay cho đôi hổ-lao. Chuông này thấp mà rộng hơn trước, trừ số đồng phải mua thêm là 5 nghìn (5.000\$), cộng cả đồng mới cũ giá là 12 nghìn 5 trăm (12.500\$).

Không lâu ông giáo đưa học-trò về khởi-công, và cùng quan Nguyễn lập tờ hợp đồng 12 khoản, vào ngày mồng 2 tháng 8 năm 1928 ở Hà-nội :

Khoản thứ 1. — Thạch-xuyên-hiệu-dương xin đoan đúc chuông ở Cồ-lễ, trong tháng 2 năm 1929, theo như mẫu chuông ở tờ hợp-đồng này.

Khoản thứ 2. — Mẫu chuông tự lợi đến rồng, cao là 13 thước 7 tấc 5 phân, thông-thủy tinh lợi rộng là 6 thước 6 tấc. Đúc phải kêu, có tiếng ngân trong 15 giây đồng hồ.

Khoản thứ 3. — Thạch-xuyên sẽ được tiền công về chuông là 3 nghìn (3000 \$).

Khoản thứ 4. — Phải vẽ kiểu một cái nhà để che khuôn đúc, khỏi mưa ẩm, và phải vẽ cái bệ xây sâu xuống đất để nước khỏi ngấm vào cốt chuông.

Khoản thứ 5. — Nhà chùa phải làm cái nhà và xây cái bệ.

Khoản thứ 6. — Khi làm nhà xây bệ, chủ đúc phải cho người trông nom.

Khoản thứ 7. — Xem nhà và bệ đã được thì chủ đúc phải khởi-công.

Khoản thứ 8. — Nhà chùa mua đồng, thiếc, than, gỗ cho đủ dùng, và phải lấy cả gạch đất nện khuôn.

Khoản thứ 9. — Nếu đúc lần đầu không thành, thì chủ phải đúc lại cho đến được thì thôi, mà không lấy thêm đồng tiền công nào nữa.

Khoản thứ 10. — Nếu đúc hỏng mà trong năm sau không đúc lại, thì chủ đúc phải hoàn số tiền đã nhận.

Khoản thứ 11. — Lúc ký tờ hợp-đồng này sẽ giao chủ đúc một trăm bạc (100\$). Đến khi khởi công sẽ giao 9 trăm nữa (900\$). Còn 2 nghìn (2.000\$) lúc nào thành công, sửa-sang thử tiếng ưng ý, thì sẽ phải trả cả hai nghìn ấy.

Khoản thứ 12. — Các khoản trên này, hai bên đã xem lại, và cam-nhận ký tên làm bằng.

Triều Bảo-dại ngày 16 tháng 4 năm canh-ngọ, lịch Tây ngày 14 tháng 5 năm 1930, tuổi 80, cốt chuông làm xong, mở hội rớt đồng, quan Nguyễn cùng chủ đúc là ông Thạch-xuyên vận áo trùng thụng đỏ, chít chiếc khăn vuông điều, ngồi làm chủ-tọa. Lại quá, một tay quan-trưởng, một tay văn-minh cơ-xảo, tiêm-nhiêm màu thiền, say-đắm màu thiền, giọt nước dương-chi làm cho bát-ngát lòng người đến thề.

Đứng ngoài hai ông chủ-tọa thì thiện-nam tín-nữ nô-nức xao-xát, không một lương-dân mà cả giáo-dân cũng tranh nhau tới góp. Ai nấy một lòng cầu cho quả phúc viên-thành, họa ra « An-Nam tứ-khí 安南四器 » lại thấy ngày nay. Tiếng pháo tiếng trống lẫn cùng tiếng người niệm Phật lẫn tràng âm-ỹ, diễn ra như một cái trường nào-kịch, một tiếng sấm nổ nơi đất bằng.

Ngờ đâu hai tiếng « hoàn-danh » xưa nay vẫn làm cho tạo-vật sáu ghét, quả chuông lần thứ hai này thành cũng thất-vọng như trước. Cồ-nhân thường bảo : « Đời người những việc bất-như-ý, mười phần thường xảy tám, chín » (人生不如意事十常居八九), nghĩ kỹ mà thật. Ông Thạch-xuyên dậm chân ngã đùng ra, quan Nguyễn cũng đại-biêu cho thập-phương, thồ-lộ trước mấy hơi thở dài, mà từ-giã lại tắc lòng hi-vọng mấy lâu.

Tin báo cụ Cồ, ngài đời buồn làm vui, thay khóc làm cười, mà cũng không chắc ngài có buồn thật, có áy-náy thật.

Ngài đứng trước đàn-việt an-ủy cho công-chúng rằng :

« Nay các quan, các thập-phương nam-nữ, tiểu-tăng tôi mưu đúc quả

hồng chung, không phải có mục-dịch khoe-khoang về sự hảo-huỳên, trước đối tam-bảo, sau đối quốc-dân, tuyệt-nhiên không chút tư-vị. Ước-ao rằng chuông cho thanh, tiếng cho kêu, chiều chiều sớm sớm mấy tiếng khanh-tương, vượt tới cõi pháp, trên bích-lạc dưới hoàng-tuyền nghe lọt, đôi khi giải được u-uất, tiêu được phiền-lụy, đó là đại-nguyện. Vả lại hồng-trần là cõi đại-mộng, nay Trang-sinh, mai hồ-diệp, biển-ảo phi-thường, vậy khi đêm mưa trời tối, muốn đem chuông ấy thúc-giục canh trường. Bất-hạnh nay lại xảy ra câu chuyện không ngờ, có lẽ cái cảnh ưu-thích trời kia có ý ngọc-thành. Phải biết trời giáng đại-nhiệm cho người, tất tiên phải khổ tâm-trí, lao tâm-cốt, làm cho rồi bết công-việc, muốn cho động lòng nhẩn-nại, lãng-ích mọi chốn chưa hay. Tuy-nhiên sự thất-bại đây có hai nguyên-nhân, nguyên-nhân thứ nhất đã nói ở trên, còn nguyên-nhân thứ nhì là tự mục-dịch mình chưa đạt tới, cho nữa kết-quả được tốt-lành, sau đây lại sợ như chuông Vĩnh-lại 永 願 鐘, như vạc Phổ-minh 普 明 鼎, chỉ làm tài-liệu cho khi khống-tống phong-trần. Nay các ngài, các ngài tự-bỉ cho ».

Nhớ lại câu đối: « Thiên-lý trọng kim chung, Cồ-tự chủ chung, thanh truyền nam bắc. 千 里 重 金 鐘。古 寺 鐘 聲 傳 南 北。 » của cụ Nguyễn Tấn-Cảnh 阮晉境 Tuần phủ Yên-báy ra cho học-trò bấy nay, ngài nói đến « chủ-chung » mà thật, thành ra câu sấm. Sở dĩ chuông chùa Cồ phải đúc đi đúc lại, là quan-hệ tại chưa thoát-ly được một chữ « chủ ».

Cảnh chùa tụng-tiệm sửa xong, anh em Trung, Nam, Bắc, ba kỳ nức tiếng đến « qui », tối 15 người, tối 30 người, tất cả bà Tây bà Khách, quan cho chỉ đàn, không mấy bữa xem lại cuốn sớ, qui-tính được ngót vạn.

Đường vào chùa liên cả đi thủy đi lục, nghĩa là đứng ngay bên đường giấy thép và sông Cái. Ngày 24 tháng 4 năm Mậu-thìn, các quan có qua tham-thiền, quan Thiếu Hà-đông, quan Thượng-thư Phạm, quan An Hưng-yên, quan Tổng-đốc Trần, Phạm tiên-sinh chủ-bút Nam-Phong, cùng là ba ông Tri-huyện Vũ-bản, Nam-trực và Mĩ-lộc. Khi ấy cụ Cồ đương mắc sửa cảnh Mạt-lăng 抹 陵, tự-nhiên sốt-sắng ngài về, bên tu-hành, bên chiêu-trị, hai ngọn phong-trào tiếp-xúc nhau, thành riêng một cõi thế-giới sa-bà.

Chùa Mạt-lăng bên đông chùa Cồ, chùa Cồ hướng tây chùa Mạt hướng nam. Nguyên trước vẫn sẵn chùa mà nhỏ, sau thỉnh cụ Cồ về thì ngài đào sông khơi hồ, lập lên chùa mới, chu-vi một mẫu bốn sào, chính-diện nền vuông tám khẩu, cao 30 thước, chùa thờ đức Di-đà lập cao ở trên nền, và hai dãy hành-lang kép, 25 gian, thành 50 gian một chiếc, hai chiếc cộng là 100 gian, chưa kể, vì là mới phò-thác chưa xong. Còn chùa cũ thì ngài sửa sang rộng ra, làm nơi trú-tất. Khởi công tự năm Mậu-thìn thứ ba triều Bảo-đại, lịch Tây 1928, tuổi 78, cũng đồng thời xây miếu bách-linh và sửa chùa Xối-dòng hạ-thôn 澗 東 下 村 gần đấy.

Gia-thế nhà ngài tích-đức đã nhiều, quả tu đã dày, kể dòng-dối thì khởi từ cụ tổ Phạm-công Kim-cập 范 公 金 及, sắc phong Dục-bảo trung-hưng trung-đẳng thần 翊 保 中 興 中 等 神, là một cụ trong bốn cụ Trần 陳, Vũ 武, Hoàng 黃, Phạm 范, khai-thác ra xã Quần-phương (Lê Hồng-thuận năm thứ 3, lịch Tây 1512).

Bốn anh em ngài đã xuất-gia ba, còn một lệnh-lang thứ cuối húi là Quang-Ngôn 光 言 phải đảm-nhiệm việc nhà, sinh hạ được một trai ba gái. Trời xanh độc-địa, thông cõi huyền già, từ đó lệnh-lang cũng buồn mà xuất-gia theo anh (cuối đời Thành-

thái), ra tâm học-tập, cầu đến chí-xứ. Cụ Cồ cho thiền-hiệu là Thanh-cát 淸吉, cất làm giám-tự chùa Nội, tục gọi cụ Giám.

Lạ quá, phúc-hậu quá! một nhà tu hành đã hiếm có, lại thêm một nhà tu hành hiếm có nữa. Nói riêng về nhà cụ Giám thì cụ tu đã vậy, dần-dần cô gái cả cũng tu, thiền-hiệu là Thanh-quán 淸觀, cậu trai cũng tu, nay đã lên giới sư ông, giữ chức tri-khách chùa Cồ, thiền-hiệu là Thanh-lọng 淸龍, thiền-tư xem ra cũng dĩnh-ngộ khác thường, những nhà tin về phong-thủy đều cho là « được đất ».

Triều Bảo-dại nhâm-thân thứ 7, lịch Tây 1932 tuổi 82, cụ Cồ ngài đương coi sóc bên Mặt-lăng, bỗng xảy ra căn-cốt suy-nhược, âm-thực sút-kém, các sư muốn tìm thầy lang. ngài khước-rằng: « Sinh-tử có mệnh, nếu trốn được sỏ trời, Biền-thước, Hoa-đa đã còn ».

Bệnh ngày thấy nhọc, ít ăn biếng nói, các sư cố dâng đơn thuốc, ngài miễn-cưỡng cất bút phê đầu đơn rằng: « Nước Phật trót hện, nghĩ lại hiếu-tâm các người, ta không nỡ phụ » (佛國有約。念汝等。孝心。奚負)。

Uống thuốc thấy đỡ, dân Cồ-lễ đưa võng-lọng thỉnh về, lúc đó vào 9 giờ tối đêm 25 tháng 3 (30 tháng 4 Tây). Tới chùa ghé võng phù vào phòng, đồng-hồ vừa báo 11 giờ, ngài cố phả-đạo mấy lời từ-biệt cuối cùng, nghe rất ung-dung nhàn-nhã, rồi liền chấp tay qui tịch. Lời rằng: « Nam-thiên cực-lạc, là chùa Cồ-lễ đây rồi! » Tây-thiên thì mới cực-lạc, sao đây lại nói là Nam-thiên, không phải ngài lẫn đâu, nghĩa là bốn chữ « Nam thiên cực lạc 南天極樂 » là biểu-hiệu riêng chùa Cồ-lễ, tự ngài thủ-bút ra khi mới lạc-thành.

Nghe đâu lúc ngài nằm mệt, có di-chức bảo ba năm qui-tịch sau phải cải-

mộ mà thiêu hài-cốt, than còn lại chia làm 14 phần, gọi là xá-lị-tử 舍利子, 13 phần cho vào cây tháp 13 chùa, như Cồ-lễ, Thủy-nhai, v. v., còn 1 phần thì buông ra bề.

Ngày mồng 4 tháng 4 (mồng 9 tháng 5 năm 1932) dân các chùa đến làm lễ đại-táng ở Cồ-lễ, cùng cả con qui ba kỳ, tăng-ni các chùa, mọi người thăm viếng mọi nơi, tỏ ra một cái tang chung, xô-xát trên dưới hàng vạn. Nơi nhà lá có bốn chữ: « Pháp-thân thường-trụ 法身常住 ». đó là cái bảo-tàng xếp chặt hài-cốt của một vị cao-tăng nước nhà mới đây từ-trần vậy.

Kể ngày từ-trần là ngày Phật-tổ rước về, cho tới ngày cất đám, rông-rã chín mươi ngày đêm, xét đến văn, trạng, đối, trướng ngót vài trăm, sẽ xin lược-sao mấy bức như sau, gọi là cho đủ các phải các thể.

1.— Phái Pháp-tử 法子 là các sư ở với ngài

Đặng-tiền pháp ngữ tăng văn, trần-lâm đồn lĩnh;

燈前法語曾聞。塵心頓醒。

Phương-ngoại du-tung thủ-biệt, di-ảnh độc tồn.

方外遊蹤此別。遺影獨存。

2.— Phái Giới-tử 戒子 là các sư ngài thụ-giới cho

Giới-hải minh-châu, nan tái-đắc tôn-sư chỉ-thị;

戒海明珠。難再得尊師指示。

Liên-đài bảo-tọa, duy nguyện-kỳ hòa-thượng siêu-thăng.

蓮臺寶座。惟願祈和尚超昇。

3.— Phái Tam-qui-tử 三皈子 cả Trung, Nam, Bắc

Nhân-duyên thập-nhị hương tùy độ;

因緣十二香隨度。

Thế-giới tam-thiên lập-thức tàng.

世界三千粒候藏。

4.— Phái tam-qui-tử ở Hắc-ninh.
Pháp-duyên giảng-thuyết trần-tâm tỉnh;
 法蓮講說塵心醒。
Tĩnh-thở qui-tàng đại-đức lưu.
 靜土歸藏大德留。

5.— Phái Mộc-ơn-tử沐恩子 Hà-nội.
Thập-gia âm-ll bờ-đề thụ;
 觀家蔭庇菩提樹。
Phật-quốc vận-khai bát-nhã thuyền.
 佛國運開般若船。

6.— Hương-lâm hội 香林會
 Hành-thiện.

Giải-thoát mê-đồ phương hữu vọng;
 解脫迷途方有望。
Khai-minh giác-lộ thượng tùy duyên.
 開明覺路尙隨緣。

7.— Duyên-thọ hội 延壽會
 Hành-thiện.

Liên-tọa tam qui hân hữu chủ;
 蓮座三皈欣有主。
Liễu xa nhất bát hạt vong tình.
 柳車一拜易忘情。

8.— Phái công-văn 攻文派.

Mãn-nguyệt kim phù, cổ-quốc quả
sinh chân-tướng phật;

Trà nguyệt kim phù, cổ-quốc quả sinh chân-tướng phật.
Thừa vân dao khứ, văn-dân không
ức đại-tôn-sư.

乘雲遙去。文壇空憶大宗師。

9.— Bản-chi-tộc 本支族 ở Quần-phương-thượng.

Tổng đốc xuất gia, thiện-niệm hà
tăng vong bản-thủy;

總督出家。善念何曾忘本始。
Mình tâm thành phật, ly-tình vô ná
hệ tôn-chi.

明心成佛。離情無那系宗支。

10.— Họ ngoại Trần-tộc 陳族 ở
 Quần-phương-trung.

Tam thừa viễn mộ khang-cường lão;
 三乘遠慕康強老。

Nhất biệt thiên mang thích-thuộc nhân.
 一別偏忙戚屬人。

11.— Xóm cũ Văn-ấp-đông-lân
 文邑東鄰

Bất vong cố-cửu tình, hoạt-phật
hữu ca văn liễu-hạng;
 不忘故舊情。活佛有歌聞柳巷。
Ngẫu đàm không-sắc sự, kim-liên vô
ảnh đạo chi-viên.

偶談空色事。金仙無影到祇園。

12.— Giáp cổ-hương 甲六 ở
 Quần-phương.

Phật-gia khởi vô linh, phần-ấp kỷ
thu tài thiện-quả;

佛家豈無靈。粉邑幾秋栽善果。
Hóa-nhi chân mạc trác, trà-ti nhứt
dạ lạc đăng-hoa.

化兒真莫測。茶毗一夜落燈花。

13.— Xã Quần-phương-thượng
 桑芳上社

Từ-miếu trợ thành, đàn-viết hương
lưu tán đồng vũ;

祖廟助成。檀越香留新棟宇。
Phật-dài thử khứ, tử-phần cảm-hé
cổ giang-sơn.

佛臺此去。梓粉感係故江山。

14.— Xã Cồ-lễ 古禮社

Bộ thế từ-bi tâm-hải khoáng;
 度世慈悲心海闊。

Lại dân công-đức khẩu-bi truyền.
 在民功德口碑傳。

15.— Nê-tượng phả 泥匠譜

Chuyên-ngõa lịch niên lai, công-giới
đồng-nhân mông tế-độ;

磚瓦歷年來。工界同人蒙濟渡。
Tang-thương kim nhật cải, thiên-
phương hà xứ nhiệm tiêu-dao.

桑箱今日改。大方何處任逍遙。

16.— Chú-tượng phả 鑄匠譜

Cụ thiên-sư theo sửa chốn danh-lam,
đức bề công ngàn, đại kỷ-niệm tượng
« đồng » thêm rạng;

Bức bồ-lát rước về nơi đình-độ, đạo
thầy nghĩa lớn, buổi phân-ly dạ «sắt»
khôn cầm.

17.— Thạch-tượng phả 石匠譜

Hằng hà chỉ trụ.

恆河砥柱。

18.— Phái kinh-tế : Xuân-lai hiệu

春來號

Linh sơn qui phật.

靈山歸佛。

19.— Xuân-lễ hiệu 春禮號

Công-đức vô lượng.

功德無量。

20.— Phái Hoa-kiều: Vạn-sinh-

đường 萬生堂

Hốt-hề nhi lai, trác nhĩ lễ-đình tiêu
bảo-sát.

忽兮而來。卓爾禮亭標寶刹。

Phiêu-nhiên thử khứ, hoặc ư lạc
quốc hiện kim-thân.

飄然此去。或於樂國現金身。

21.— Phái hương-hào : viên Chánh-
tông Tam-thái

Thảo-mộc hàm bi.

草木含悲。

22.— Phái nho-học : ông kép Đặng

Vũ-Khái 鄧武概, ông cử Đặng

Vũ-Bân 鄧武彬 Hành-thiện

Phật-pháp hữu duyên, vị liễu tam
sinh vong bạch-phát;

佛法有緣。未了三生忘白髮。

Từ-bi vô lượng, nguyện siêu cửu-hữu
nhập thiền-môn.

慈悲無量。願超九有入禪門。

23.— Ông Nhất Thuần 淳 Hạc-châu

Công-đức do tồn, Cồ-tự minh-minh
bach-bach;

功德猶存。古寺明明白白。

Tĩnh-thần như tại, Lễ-môn mộ-mộ
chiêu-chiều.

精神如在。孔門暮暮朝朝。

24.— Ông Tú Trần Xuân-Hàn 陳泰
折 Quăn-phương-trung

Phật-thuyết đối song đàm, bất thi
như cao-sơn, như thâm-thủy;

佛說對箇談。不曾如高山。如深水。

Tiên-dung hà xứ mịch, kỳ hoặc vi
cảnh-tĩnh, vi khánh-vân.

仙容何處覓。其或爲景星。爲慶雲。

25.— Phái quan-trường: quan
Nguyễn Huy-Xương 阮輝昌 Thương-
tá Hải-dương, (tri-huyện chủ việc đúc
chuông trước)

Giác nhĩ hóa.

覺而化。

26.— Văn tế của chư-lăng

Than ôi ! Cờ kim kim cờ, cõi nhân-
gian xoay máy bất-thường ! Không sắc
sắc không, bầu phật-giới treo gương
tự-tại.

Hoa in còn đó; nước chảy đầu về.

Nhớ hòa-thượng xưa :

Bầm tính từ-bi; giàu lòng tế-độ.

Xuất-gia từ bé. lấy thuận-hòa làm
đãi-dưỡng thân-cam; phụng phật lòng
bền, lấy thành-kinh làm cúng-đường
lễ-vật.

Vâng lời phạn hiếu-sinh ố-sát, đức
phục trăm loài; nhận nghĩa thiền cứu
khô độ vong, ơn chau bốn bề.

Chăm cõi gốc thì từ-đường gây-
dựng, bi-ký có đề; nghĩ sâu-xa thì
nghĩa - địa sửa sang, phong - sương
không quản.

Chín mươi cảnh xây chùa đức tượng,
trước sau kể mấy công-trình; tám
nghìn quy điển kệ truyền kinh, sớm tối
dám nề phiền-não.

Văn tượng ngày dài tháng rộng, tám
chín mươi cho đến cõi vi-kỳ; ai ngờ
sao lặn đuốc tàn, tám hai tuổi đã tìm
phương tịch-cốc.

Hay là mến cõi tiên vui-thả, vượt
sông mê mà thăm đến non Bằng; hay là

đam nước Phật thanh-nhân, bay gây
lệch mà vội về bến Giác.

Hay là chán cõi đời tranh-cạnh, lời
Giáo-tri cho khuất bụi trần-ai; hay là
thương bề khổ trầm-luân, sang Hằng-
thùg để buông giây bảo-phiệt.

Chúng con nay :

Nương bóng bồ-đề; nối dòng y-bát.

Nghi tình ly-biệt, ngày nay mà thêm
nhớ ngày xưa; giữ đạo thủy-chung, lễ
tâng phả trước dâng lễ diếu.

Ngồi rồi bàn về « tang-lễ » nước
nhà, bảo thế-kỷ thứ ba, đời nội-thuộc
Tấn, có ông Đào-Huỳnh làm Đô-
đốc quận Vũ-xương, sau lâm-chung
cả dân thương-khóc, vẫn cho làm
ngờ... Ngày nay lại xem tương-sự cụ
Cồ lại cho là lạ... Rút lại không kỳ
to nhỏ, cốt ở cái « đức », khéo sửa
đức thì người ta phục, quốc-dân phục
cụ Cồ là phục về « tôn-giáo tinh-
thần »...

Bình-nhật cụ Cồ rất nâng cao về
chủ-nghĩa « Pháp-Việt đề-huê », từ
khi đảng phiến-dộng làm ồn-ào, nhiều
người lo-sợ, ngài bảo trình-độ nước
nhà còn ấu-trĩ, chỉ nên thờ triều-đình
như cha, coi Đại-Pháp như thầy, thế
là xong việc. Ngài ăn mặc rất khò-
hạnh, khi vào cùng Phật, suốt sáng
không nghỉ, khi độ-vong, gây độ không
kết hôn-bạch, thời-thường cấm con
quy không được mê-tín lắm-nhảm,
không được dùng áo hải-hội, khi quá-
cổ không được dốt sắc tam-quy mà bỏ
vào quan.

Các sư bạch ngài là « tổ sư », ngài
bảo đã có tổ tây tổ nam, tiên-tổ các
tộc, không nên gọi thế. Các sư trả lời :
« Đệ tử đã lên « cụ-túc giới » 具足戒,
coi thầy như tổ ». Ngài bảo : « Vẫn biết
có lòng tốt, thôi gọi là Hòa-thượng
和尙. Phật dạy ai ngồi đủ mười hạ,
tinh-thống nghĩa tam-tạng, được gọi

tên ấy. Hòa 和 là lễ-bái cho thập-
phương nhiều. Thượng 尙 là phò-độ
cho cả tứ-ơn phụ mẫu ».

Trong chùa lúc nào cũng dùng ba
hiệp thợ, thợ nề xây-đắp, thợ Nam-
lạng khắc bia, thợ Hồng-lục cắt kinh.
Kính Phật ngài tu sửa lại nhiều, còn
tự-soạn văn nôm thì có bộ Di-dà-kệ
彌陀偈, bộ Thánh-lồ-kệ 聖祖偈, cùng
sách cáo-bạch viết bằng văn xuôi 38
trang. Lại có thiêu-tài xướng-họa về
thơ, lời văn phác-thực mà nhanh.

Hội bơi tháng 9 năm Quý-hợi, làng
Xối-dông có vị thần linh-ưng, về đồng
xưng là Văn-biên phó-sứ 雲翬副使
bát-tặng 3 bài nam-âm, sai người đưa
đến Cồ-lễ.

1

Vào hàng bồ-tát hiện thân đây,
Sảng-khải sùng-tu nhất cảnh này;
Lên cõi kỳ-di còn khỏe sức,
Xây nền công-đức quyết ra tay;
Tượng ngồi thăm-thẳm ngang đầu
núi,

Chùa đứng cao-cao trạm áng mây;
Nức tiếng gần xa in dấu thánh,
Hồ-thiên Cồ-sát mấy đời nay.

2

Linh-ưng xưa rầy tiếng ở đây,
Cho nên mới gặp có duyên này;
Tìm người đạo-đức ra thay mặt,
Chọn bậc tu-hành đến thử tay;
Tượng Phật Thích-ca ngồi sánh núi,
Chùa làng Cồ-lễ đứng liền mây;
Tiền-tung thánh-tích nghìn thu trải,
Thắng-cảnh ngày nay kẻ tự nay.

3

Ngoài tuần bảy-chục bậc chân-lu,
Khải-sáng già-lam đã mấy chùa;
Tựa cửa ngọc-môn vào đồ chói,
Như hang thạch-động dừng xanh mù;
Sức trong một xã công-phu khó,
Cửa ở mười phương chuyển-vận cho;
Muôn đời ơn trên ngài tế-độ,
Tiếng thơm chép đề mãi nghìn thu.

Cụ Cồ tiếp được, họa vắn gửi ngay.

1

Duyên-nợ bao xưa đây với đây,
Cho nên xưng-lân có thơ này;
Vịnh câu liên-cú vàng gieo giọng,
Bay bút thần-chương ngọc cất tay;
Cá mếu chuồng chiều khi quấy nước,
Chim vờ mổ sớm lúc chen mây;
Muôn năm bia đá truyền công-đức,
Lợi-lạc âm-dương nhớ mãi nay.

2

«Trạch đặc long-xà» ba cảnh đây,
Thật ngài linh-ứng tự ngôi này;
Mở-mang cửa thánh cho ra mặt,
Lọc-lũa ai hiền đứng đỡ tay;
Bất-nhật thành-chỉ hình mọc núi,
Kỷ-niên luân-hoán rạng liền mây;
Thế-gian tình-vảo trông càng lạ,
Phật-kiểu hay là thánh-kiểu nay.

3

Già đời tình lại kiếp chân-tu,
Khải-sáng rằm ba cái nóc chùa;
Cồ-lễ xong cao cơn gió nhẹ,
Thủy-nhai quét sạch hạt sương mù;
Giang-sơn hết sức kinh-dinh mãi,
Phật-thánh nhờ ơn ứng-lễ cho;
Những khách tham-thiền như có biết,
Kìa nền công-đức dấu xuân-tau.

Ông nhì Trần Túc-Phủ 陳肅甫
mừng hội bơi:

Nhờ thánh muôn dân được thanh-
thời,

Nay mừng quý-xã đến trương bơi;
Ba vòng quanh liệng ca châu thánh,
Bốn giáp vui reo tiếng khắp trời;
Người phất cờ cao người mổ dịp,
Tiếng hò loa vắng, tiếng trai ơi;
Mỗi năm khánh-hội gần xa tới,
Sự tốt vang-lừng khắp mọi nơi.

Cụ Cồ ngài họa:

Bình-an hai chữ sức còn thời,
Tháng chín mười châu rước tế bơi;

Xe, kiệu, lọng, phan, cầu rợp đất,
Loa, kèn, chuông, trống, mõ vang trời;
Mái chèo tế-độ khua làn sóng,
Câu kệ thăng-trầm lẫn tiếng ơi;
Giải thánh cho rồi dâng tiệc chúc,
Tung-hô ba tiếng tạ về nơi.

Ngài lại nghĩ theo một bài Đường-
luật:

Bất thị Bồng-lai dữ Tuyết-lăng,
不是蓬萊與雪陵
Thần-quang Cồ-lễ tủng thiên tầng;
神光古禮登千層
Cao để bích lập quần sơn củng,
高低壁立羣山拱
Thâm thiền ngân thu nhất thủy trùng;
深淺銀收一水澄
Bán mẫu liên-hồ khai tuệ-giám,
半畝蓮湖開慧鑑
Lưỡng luân nhật-nguyệt tác thiền-đăng;
兩輪日月作禪燈
Di-cao tọa-thượng phương hà-nhi,
彌高座上芳遐邇
Khách đáo nhàn lai bộ-bộ đăng.
客到閑來步步登

Năm 1926 chùa Cồ sửa tượng đức
Thích-già xong, ông Trục-viên Phạm-
Văn-Nghị 范文誼 qua chơi, có hai bài
hi-vịnh (xem Nam-Phong số 145).

1

Chót-vót ngồi chi đây, hỡi ông?
Ba nghìn thế-giới rộng mênh-mông;
Chúng-sinh lục-lục bao sâu-khê,
Có chịu ra tay tế-độ không?

2

Gặp gỡ ông đây thử hỏi ông,
Kìa vùng khồ-hải nước mênh-mông;
Thuyền từ đâu tá không đem thả,
Chót-vót ngồi cao có mắt không?

Cụ Cồ-lễ họa lại như sau:

1

Sen một tòa cao, tượng một ông,
Bốn phương già trẻ được ơn mong;

Cái gương « mặc-lương » là kim thể,
Hay mặc ai hay, không mặc không.

2

Công-đức ai bằng công-đức ông,
Đem chuông « tôn-giáo » gọi quần mông;
Thuyền là không phải là ki ông thả,
Kiá chồn huỳnh-vi sắc ăn không.

...

Kinh Phật nhiều nghĩa khó hiểu,
ngay hời các sư cũng ngập-ngừng, lúc
thư-nhàn ngài thường dẫn cho nghe hết
cả. Nay muốn theo mà giải ra đây,
song sợ dài quá, vậy chỉ lược-giải mấy
chữ khẩu-dầu.

1) Nam-vô * 南無. — « Nam-vô » hay
đọc là « Na-mô », nghĩa đen cũng như
« quy-y 皈依 », cũng như « đảnh-lễ
頂禮 ». Lại còn một nghĩa riêng khác
nữa, trong kinh đã dẫn cũng có 6 chữ
« Nam-mô-a-di-dà Phật 南無阿彌陀佛 » ra 3 bài thơ, gọi là « lục tự hồng
danh 六字洪名 ».

I

Nhân năng bố-thí thị vi * Nam *,

人能布施是爲南

Tri-giới vi * Vô » đại giả tam :

持戒爲無大名

Nhân-nhục nhu-hê-a * A » nâ -đạo,

忍辱柔和阿耨道

Tín-thần lễ-bái * Di » cồ đư-m ;

精神禮拜彌瞿曇

« Đà » thiên bát đức thanh trần lực,

陀八德清塵慮

« Phật » tri ba-la tế nhân kh-m ;

佛智波羅濟忍辱

Bảo-kinh trạch đồ năng dọn quý,

寶鏡淨則能遣累

Tín làm lục độ khô nhi cam.

信心六度苦而甘

II

Thùg tri lục-tự lượng hồng-danh,

證知六字證洪名

Ôc vạn trình đồ khoảnh niệm sinh ;

億萬程途頃念生

« Nam » tức tân kim lưu hắc tính,
南即辛金流黑性

« Vô » lòng ất mộc thượng hồng-
性 ;

無從乙木上紅情

« A » vi thủy quý ngưng hoàng-chất,
阿爲水癸凝黃質

« Di » thị hỏa đĩnh vượng bạch-
性 ;

彌是火丁旺白形

« Đà » tị thổ sinh thanh mộc sắc,
陀己土生青木色

« Phật » kiểm ngũ tính lợi nhân
hạnh.

佛衆五性利人行

III

« Nam » viết quy y phi nhân địa,
南曰皈依非忍地

« Vô » vân cải hối khảng lăng thiên,
無云改悔肯凌天

« A-di » tự tính chân-như tính,
阿彌自性真如性

« Đà-phật » linh đăng cửu-phẩm
liên.

陀佛令登九品蓮

2) Phật 佛. — Phật nghĩa là tỉnh,
tỉnh-ngộ mọi lẽ, lại hay khai tỉnh cho
mọi người, cũng như giấc mộng là
tỉnh.

3) Như-lai 如來. — Sinh tri là như,
học-tri là lai, một đảng thì bản-giác,
một đảng thì kim-giác.

4) Bát nhã ba-la-mật, 般若波羅蜜.
— Là chiếc thuyền tế độ đầy qua bể
giác.

5) Tăng, ni 僧尼. — Tăng là sư
nam, ni là sư nữ.

6) Ưu-bà-tắc 優婆塞, ưu-bà-di, 優
婆夷. — Ưu-bà-tắc là con quy nam,
ưu-bà-di là con quy nữ.

7) Bồ-đề 菩提. — Bồ-đề là toàn-
giác 全覺, nghĩa là tỉnh hết mọi lẽ, chỉ
chỗ Phật hóa gọi là bồ-đề.

8) Viên-tịch 圓寂. — Viên-tịch cũng như trà-tì 茶毗, nghĩa là công-hạnh đã viên-mãn, tiêu-diệt hết các nghiệp-chướng mà tịch-mịch, tức là lúc Phật-tổ hóa.

9) Nát-bàn 涅槃. — Nát-bàn nghĩa cũng giống như Viên-tịch, là khi Phật-tổ quá-khứ, cùng với khi-hóa tiêu-dao, không phải luân-hồi như chúng-sinh nữa.

10) Đàn-việt 檀越. — Đàn là lễ huệ-thí 惠施, việt là siêu-việt 超越, nghĩa là làm lễ huệ-thí thì hay siêu-việt được bề khô.

11) Bồ-lát 菩薩. — Bồ cũng như nghĩa chữ Phổ 普 là khắp, tát là tế-độ 濟渡.

12) Trú 呪. — Đọc lầm-nhầm ở đầu lưỡi gọi là trú,

13) Tích 蠶. — Chữ tích có 28 nét, ứng với nhị-thập-bát-tứ. Sách phù-thủy chép: người chết ra ma, ma chết ra tích, người khiếp ma, ma sợ tích, vì vậy đầu Lừa thường viết để trừ tà.

14) Tam thân 三身. — Pháp-thân 法身, báo-thân 報身, hóa-thân 化身.

15) Tam-bảo 三寶. — Phật 佛, pháp 法, tăng 僧.

16) Tam-tạng 三藏. — Kinh-tạng 經藏, luật-tạng 律藏, luận-tạng 論藏.

17) Tứ-trí 四智. — Nhãn 眼, nhĩ 耳, tỉ 鼻, thiệt 舌.

18) Tứ-sinh 四生. — Thai sinh 胎生, thấp-sinh 濕生, noãn-sinh 卵生, hóa-sinh 化生.

19) Tứ-diệu-đề 四妙諦. — Khổ 苦, tập 集, diệt 滅, đạo 道.

20) Tứ-dại 四大. — Địa 地, phong 風, thủy 水, hỏa 火.

21) Ngũ-giới 五戒. — Giới-sát 戒殺, giới-tham 戒貪, giới-dâm 戒淫, giới-khi 戒欺, giới-tửu 戒酒.

22) Ngũ-nhãn 五眼. — Thiên-nhãn 天眼, nhục-nhãn 肉眼, pháp-nhãn 法眼, tuệ-nhãn 慧眼, thần-nhãn 神眼.

23) Ngũ-uẩn 五蘊. — Sắc-uẩn 色蘊, thọ-uẩn 受蘊, tưởng-uẩn 想蘊, hành-uẩn 行蘊, thức-uẩn 識蘊.

24) Lục-thông 六通. — Thiên-nhãn-thông 天眼通, thiên-nhĩ-thông 天耳通, tha-tâm-thông 他心通, thần-túc-thông 神足通, túc-mệnh-thông 宿命通, như-ý-thông 如意通.

25) Bát-chính-đạo 八正道. — Chính kiến 正見, chính-tư-duy 正思惟, chính ngữ 正語, chính-nghiệp 正業, chính-mệnh 正命, chính-tinh-tiến 正精進, chính-niệm 正念, chính-định 正定.

26) Thập-nhị nhân-duyên 十二因緣. — Vô minh 無明, hành 行, thức 識, sắc-danh 色名, lục-nhập 六入, xúc 觸, thọ 受, ái 愛, thủ 取, hữu 有, sinh 生, lão-tử 老死.

27) Tam-thừa 三乘. — Đại-thừa 大乘, trung-thừa 中乘, tiểu-thừa 小乘, tức là ba cỗ xe. Bồ-đề 菩提 làm đại-thừa, vận-tải không ngần, phở độ hết mọi chúng sinh. Viên-giác 圓覺 làm trung-thừa, nửa chở mình, nửa chở người. Át-nan-hán 阿難漢 làm tiểu-thừa, duy chở được một mình, không độ được thêm ai.

28) Tam-quy 三皈. — Quy-y-phật 皈依佛, quy-y-pháp 皈依法, quy-y-tăng 皈依僧.

29) Tam-thiên-thế-giới 三千世界. — Đại-thiên-thế-giới 大千世界, trung-thiên-thế-giới 中千世界, tiểu-thiên-thế-giới 小千世界.

30) Lục-cung-lục-trần 六供六陳. — Tâm 心, tính 性, can 肝, tì 脾, phế 肺, thận 腎, là sáu lễ cúng bên trong, gọi là nội-cung 內供. Hương 香, hoa 花, đăng 燈, trà 茶, quả 果, thực 食, là sáu lễ trần bày ngoài, gọi là ngoại-trần 外陳.

Soạn bộ đặt sử xong, lại thêm bồi-hồi thương cụ phục cụ; thương là cụ đã quá-cổ, đã tiêu-dao sang Phật-quốc, cõi trần mơ-mộng, sau đây ni nổi bước chân-ta; phục là cụ tổ-chức và cải-lương lại chính-mạch lối Đại-thừa trong lúc tân cựu giao-thời, có tài uyển-chuyển làm cho mỗi đạo thích-hợp với thời-dại, liên-lạc với xã-hội. Xem như các sư khác tụng một câu kinh, khua một tiếng mõ, vẫn còn khư-khư nắm chặt lối cũ, là cái lối căn-bã người Tàu sót lại, trái đã mấy trăm năm, theo mà chẳng chán, ngờ mà không giải, tự cho là thoát-tục, là độc-thiện, là hoàn-toàn tư-cách. Ôi, cái tai-hại không biết nhận chân, không biết thấu-thái đó, còn đâu mà mong cho hậu-vận nước nhà.

Tôi nói đây không phải là nịnh Phật, không phải là bênh-vực cụ Cồ. Dù có dua-nịnh, có bênh-vực đến đâu, cũng chỉ là một sự gián-tiếp, để duy-trì lấy đạo đức, bảo-tồn lấy phong-hóa. Nghĩa là cụ Cồ đứng với lãng-giới ngài khác hẳn, và trái ngược hẳn cái chủ-nghĩa « vô-phụ vô-quân » từ trước. Đối với gia-tộc với lân-lý là nơi cổ-cựu, thời thường phát bồ-đề-tâm, hồi-han mừng-viếng. Đối với Phật Thánh hết lòng thành-kính, và cũng chỉ lấy hai chữ « thành-kính » 誠敬 ấy làm là bùa cứu-thế, vì trong sách nhà nho có câu: « Nhất thành tiêu được vạn nguy, nhất kính địch được thiên tai. » (一誠足以消萬偽 - 敬足以敵千邪) Ấy cái vấn-đề « Không Thích tiếp-cận 孔釋接近 » cụ Cồ xướng ra, đại-khải thế cả. Ngài có đặt ra khoa « Nam nghi 南儀 » là khoa cúng ta, cũng thế như khoa cúng Tàu là « Bắc-nghi 北儀 », song số nhiều sưu-tập cách-thức mới, kỳ-nguyện tán-dương hết thầy Phật Thánh, Vua Chúa, Thần Tộc nước nhà.

Thói thường nhà khởi-xương hoặc nhà cải-cách về chính-trị hay về tôn-giáo, người đời thường đề ý ghen-ghét, không kỳ dăng đứng ngoài, ngay bọn đồng-nghiep cũng là kẻ trong nhà, hằng ngày đứng bên chực đập đổ.

Đây sẽ nói về tôn-giáo: Phật Thích-già (釋迦 = *Bouddha*) lúc lập giáo, Ấn-độ có sáu phái triết-học lớn, gọi là « ngoại-đạo lục-sư » (外道六師 = *tirthika*) đối văng mặt Phật thường phản-đối kịch-liệt. Và lại em họ là Đề-bà-đạt-da (提婆達多 = *Dēvadatta*) thường thả voi điên ngăn Phật, thường lượm đá cuội ném Phật, thường đem dăng-nữ vu cho Phật. Thánh Không phu - tử hồi chu - du liệt - quốc, bị Hoàn - Khôi 桓魋 ác - cảm ở đất Tống宋. Chúa Gia-tô Cơ-đốc (耶穌基督 = *Jésus-Christ*) bị bọn Bi-lap đa 彼拉多 làm khổ trên cây thập-tự. Còn như ông Mã-đích-lê-đắc (馬的例得 = *Martin Luther*, 1493 - 1456) dời Gia-giáo ra Cơ-đốc tân-giáo (基督教 = *Protestantisme*) ở Đức; ông Mã-hán-mô-ch (馬漢陌 = *Mahomet*, 570 - 630) lập ra Hồi-hồi-giáo (回回教 = *Mahométisme*) ở A-lập-bá; tuy gặp được hoàn-cảnh êm-đềm, song cũng nhiều khi bị bọn giáo-dồ cũ họ công-kích. Phàm bậc xuất-thế thành-nhân, trong lúc bị mỉa-mai sỉ-mạ, khổ-đốn nguy-ngập, đức-nghiep lại càng quang-minh sán-lạn.

Phái cụ Cồ đây ít khi bị phải cái số dương-cửu như vậy, nghĩa là vốn dĩ khiêm-tốn huề-hợp, phòng-nhân cần-thận. Duy trong khóa hạ năm 1931, ở Nam-thành có cánh sư mặt thớt, đòi lối tu-hành đi thanh-lâu, lính cảnh sát bắt được, vu-xưng là môn-đồ Cồ-lễ. Sau cứu đến được, thì ra bọn sư « chồ-mang » nay đây mai đó. Một con ngựa đau, cả tàu không ngon cỏ, một người dở-dại, làm hại chín người khôn. Chừa Cồ một phải lưới oan, dư-luận nổi lên khắp

nơi. Song kinh Phật đã nói « nhất thiết tai-uơng hóa tác vi-trần » (一切災殃化作微塵) tự đối với lương-tâm, soi đến gương cổ-nhân nghìn xưa nghìn cũng không hại.

Và năm nay nhà khảo-cứu các nước thường điều-tra về Phật-học, trong tập « Phật-giáo tổng-luận » có hợp-cộng đại-khái những số người ở thế-giới theo đạo Phật, được là 430 triệu.

411 triệu theo về Đại-thừa, là Chi-na, Nhật-bản, Mông-cổ, Tây-tạng, Ấn-độ và An-Nam ta.

19 triệu theo về Tiểu-thừa, là Tiêm-la, Diến-diện, Tích-lan, Ai-lao, Cao-miên.

Than ôi ! nghĩa Phật không cùng, trí người có hạn, vì không cùng nên huyền-vi u-huyền vì có hạn nên tin hão ngờ hoài. Đặt cân thăng-bằng mà coi, nếu kẻ tai mắt ở đời ai cũng Tô-Đông Pha (蘇東坡 mộ Phật) thì ai là Hàn Xương Lê (韓昌黎 phản Phật), ai cũng Trương Hán-Siên 張漢超, cũng Vũ Phạm-Hải (武范每 phản Phật), thì ai là Trúc-lâm đầu-đá Tịch-tuệ giác-hoàng (竹林頭陀淨慧覺皇)? Kể sinh về trước mấy người như Giác-

linh thiền-sư, kể nối về sau ai là Giác-linh thiền-sư? Đồng-thời mà nay còn, thì có cụ tổ Liên-phái Hà-nội, cụ tổ Vĩnh-nghiêm Bắc-giang, ngật về hai cụ hối-tích không truyền, hoài-bảo về chính-sách thủ-trì. Còn như đứng về phương-diện duy-tân, ngoài Giác-linh thiền-sư ngài ra, nào tìm còn ai? Hữu-mai tiên-sinh 友梅先生 là bậc túc-nho hiện-thời, có phê-bình cái nghị-lực kiến-trúc của ngài, cái mưu-mô thi-trương của ngài, cũng đồng-nhất ví với cụ cổ Trần Lục 陳陸 ở Phát-diệm, và khen rằng : « Từ bi đích-trung, hữu chân anh-hùng đích đích thủ-doạn, 慈悲的中、有真英雄的的手段 » . Thật thế, không phải là ngoa,

Mong rằng cái nước « bán-khai » là cái nước một phần phía đông xứ Ấn-độ-Chi-na (印度支那) ta, sau tiếp theo Nho-giáo đã có Phật-giáo, Lão-giáo, tiếp theo Phật-giáo Lão-giáo lại có Gia-giáo, bốn giáo hợp-nhất, ngày càng dễ-huê, càng thân-mật, lại nhờ các ông giáo-chủ ra đời, nhiệt-thành cả như Giác-linh-thiền-sư, ngô-hầu con Hồng châu Lạc có ngày tiêu-biểu riêng được một nền tôn-giáo, đứng với hoàn-cầu.

NHÀN-VÂN-ĐÌNH



Giáo-dục phổ-thông phải lấy tinh-thần làm trọng

Kỳ trước tôi đã nói về vấn-đề giáo-dục ở thôn-quê, mà bàn xin hai Chính-phủ lập cho mỗi làng mỗi phố có một trường sơ-học, mỗi tỉnh có một trường thành-chung, hợp với mỗi thành-tỉnh, mỗi phủ huyện-lỵ đã có một trường kiêm-bị tiểu-học rồi, thì sự phổ-thông giáo-dục mới tiệm đủ. Nay lại xin bàn về phần tinh-thần của sự giáo-dục ấy.

Nếu mai-mốt mà có đủ được ba thứ trường phổ-thông giáo-dục như trên ấy, mà cái chương-trình giáo-dục hiện nay không tăng-bổ cho về phần tinh-thần thì vẫn còn là khuyết-diểm. Tinh-thần là gì, tức tục quen gọi là cái học nghĩa-lý đó. Cái nghĩa theo ngày nay thì là ba khoa : triết-học, đạo-đức-học và văn-học. Ba khoa ấy là những cái học để yên tâm-tĩnh, định ý-tướng cho người ta, nhất là ở những nước cổ-cựu đã từng có giáo-hóa thì không có thể một ngày nào mà bỏ thiếu đi được. Chỉ có nhà giáo-dục khéo chủ-trương, khéo đưa dắt mà lợi-dụng lấy là hơn mà thôi. Bởi thế cho nên các triều-đại khi xưa, lúc mới gây-dựng cơ-đồ hay là lúc nhân-tâm hoang-hoặc, việc hạ-thủ trước nhất là cổ-lễ giáo-hóa, chấn-hưng văn-học vậy. Làm như thế, vì dân một phần mà tự vị cũng một phần. Nghĩa là để khiến cho tâm-tĩnh của dân được yên mà chí-tướng của dân có sở-định đó mà thôi. Tôi nói thế chính là lời chân-tâm, không phải ý du-thuyết.

Dân-tộc Việt-Nam ngày nay, há không phải đương xữ vào cái thời-kỳ tinh-thần cũ suy-đồi hoặc giải-l tán mà tinh-thần mới thì chưa dần-bổ vào được đầy dư? Thế mà thường thấy phụ-huynh răn bảo con em, bề trên khuyên dỗ bậc dưới rằng : « Phải yên chí, chớ nghe bậy ». Lời vàng ngọc dạy

bảo không phải là không đáng quý. Song ngặt vì bọn con em, bọn bậc dưới kia đương nay lại không có cái gì để làm cho chí được yên, để phân cho biết thế nào là phải với bậy. Thế mà các phụ huynh, các bề trên cũng chỉ nói qua rồi thôi, chứ không hề đem cái tri từng-trải của mình mà chỉ đường dắt dắt cho kẻ thiếu-niên tới cái chốn tinh-thần tự-chủ được như ý muốn của mình. Như vậy có khác gì đương khi đói kém ngã người, những bậc tôn-trưởng không hề tư-cấp cho lũ bà con đói ba ngày chưa được một bữa, được lưng cơm bát bẹ nào, mà chỉ dạy rằng : « Chớ ăn bậy, hại vệ-sinh », thì phỏng có ích gì cho bọn đó không? Mà họ có nghe ra là làm sao không?

Coi đó thì biết cái học về nghĩa-lý, sự giáo-dục về tinh-thần không những cần riêng cho một người để tự-tu mà lại cần cho các quốc-gia để hóa-dân nữa. So với cái học cách-trí để mở-mang trí-tuệ, nó không những không kém mà lại còn hệ-trọng hơn. Cho nên trong sự giáo-dục không những đợi đến bậc chuyên-môn mới dạy tường về ba khoa trên mà ở các lớp phổ-thông đã phải lo-liệu cho có lược-bị. Vẫn biết hiện nay trong lớp học phổ-thông là sơ-học, tiểu-học và thành-chung, nhất là hai lớp trên, ngoài mấy môn sử-ký, địa-dư, cách-trí, toán-pháp sơ-lược ra, cũng có những môn về luân-lý, thi-ca, chứ không phải không. Song vì phần Pháp-văn còn nhiều hơn mà niên-học có hạn, nên không còn thì-giờ mà rèn-tập thẩm-nhuần về những môn tinh-thần nghĩa-lý kia được. Vậy muốn tăng-bổ cho phần tinh-thần, tưởng có hai ý kiến như sau : một là tùy lớp từ dưới trở lên hoặc bỏ cả hoặc bớt nhiều phần Pháp-văn đi mà thay phần quốc-ngữ vào ; hai là dịch biên đủ những sách

triết-học, đạo-đức-học và văn-học của các đảng hiền-triết Đông-Tây, chia ra từng lớp, tường - lược cao - hạ khác nhau.

Nói về ý-kiến trên, Pháp-văn cổ-nhiên là cái lợi lớn cho dân-tộc Việt-Nam ngày nay, không những ở cái lợi nhỏ-mọn để giao-thiệp, đi làm việc, mà chính ở cái lợi rất to là cầu học. Song có nhiều chỗ bất-liện không có thể dùng làm thứ văn-tự phổ-thông như Hán-văn được. Hán-văn với quốc-ngữ cùng một thứ « độc-âm », lại giáo-hóa tiêm-ma đã lán đời, Hán-văn đã thành một nửa của tiếng quốc-ngữ rồi. Học được mười tiếng là dùng ngay được năm. Nay Pháp-văn là tiếng « đa-âm », không thích-hợp với quốc-ngữ. Giáo-hóa tiêm-ma lại mới, muốn cầu học tới cõi tinh-thần nghĩa-lý phải đến bậc trung-học đại-học mới thành-công. Còn phổ-thông dù tới bậc cao-đẳng-tiểu-học cũng còn là thời-kỳ luyện-tập về văn-tự âm-hoại chưa xong. Nếu đến đấy mà thôi học, thành bán đồ nhi phế, đối với phần tinh-thần nghĩa-lý vẫn chưa từng sở-đắc điều gì.

Bấy giờ quay ra cầu cái lợi nhỏ đi làm việc thì mệt mỏi rui nhiều, khó len-lỏi được. Muốn tự-tu thêm về phần tinh-thần nghĩa-lý, thì sách chữ tay bậc cao chưa thấu - triệt, sách chữ Hán không biết. Dùng ra quốc-ngữ thì triết-lý văn-pháp Đông-phương chưa từng giảng, thành ra « nước lợi thì có, nước uống thì không », mà cái vạ tinh-thần khủng-hoảng, kinh-tế khủng-hoảng là ở đó.

Cứ xem chính ngay chỗ tôi ở, là nơi chợ phố, hiện giờ các cậu tốt-nghiệp tiểu-học hoặc học lớp thành-chung đã tới ba bốn năm có đến mười cậu, mà xem ra ai nấy đối với gia-đình, xã-hội đều mang một cái u-hoài như người khách lạ chưa định ở yên. Tôi chắc họ sở-di cảm phải cái bệnh tinh-thần như thế, cũng chỉ là thiếu cái công-phu hàm-

dưỡng về nghĩa-lý, nên không tự-chủ được thân-phận đó mà thôi.

Phương-chi ở nhà quê, cho trẻ con đi học lúc ban đầu thì đông mà sau cho theo tốt-nghiệp được lớp sơ-học thì ít. Thế mà lớp đồng-ấu cũng phải học Pháp-văn rồi thì thực là làm phí công của đứa trẻ con vào chỗ vô-dụng.

Nay ví muốn cho nhân-dân được tâm-nhuận về giáo-trạch một cách thật-thà, được có chốn mà yên tâm-tĩnh, định ý-tưởng, để giúp nên cái sự-nghiệp khai-hóa ở đất này, chỉ cho bằng về cái học phổ-thông, bớt cho kẻ học-trò phần dụng công vất-vả mà được hiện-quả ít, để dùng vào phần nghĩa-lý, công-phu ít mà được hiệu-quả nhiều có hơn không. Bেম những món thực - học, thực-dụng, những tư-tưởng đạo-đức tiền-hiền hai phương, thế nào là chân-chính thuần-túy mà thay vào. Bậc dưới thì luyện-tập khai-thông cho, bậc trên thì đọc sách, làm văn, suy-luận cho nhiều. Học đến đâu được đến đấy, có dụng đến đấy đi đã. Còn có dư-thể dư-lực theo lên các trường cao-đẳng hoặc chuyên-môn, bấy giờ thuận bằng Pháp-văn lại càng ích-lợi, vừa trực-tiếp vừa dễ thấu-hiểu.

Nói về ý-kiến dưới là việc dịch các sách nghĩa-lý của các hiền-triết Đông-Tây cho học phổ-thông, có một điều này làm chứng.

Một hôm làng X... có tế đình, tôi thấy mấy cậu độ tám chín tuổi cả, đang tha-thần chơi ở đầu làng, tôi hỏi sao các em không đi xem tế rồi lấy phần. Các cậu đều đáp : « Chúng tôi đi học, nhà trường cũng có bài nói về tế đình, nhưng chúng tôi không thích sự phần-phò xói thịt, vì là hủ-lục ». Xem thế thì biết sự khai-thông tri-thức cũng là thời-thế xui ra, kích-thích từ đứa trẻ con kia rồi. Vậy nhà giáo dục chỉ có thể lựa chiều mở-mang cho thuận với trào-lưu thế-giới mà lợi-dụng một cách

chân-thực mà thôi, chứ thuần-nhiên dạy người thủ-cự cũng không có công hiệu gì.

Việc đời rút lại đến sự-thực là hết. Có thực hiệu được sự đời mới biết tự-lượng và yên tâm định chí được. Có sở-

đắc sâu mới cảm được thâm. Và người mà vô hồn thì dùng làm việc gì cũng không được. Cho nên cái đạo trị quốc hóa-dân xưa nay chăm-chăm về đường tinh-thần nghĩa-lý cũng là vì thế.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

KHẢO VỀ LUÂN-LÝ-HỌC SỬ NƯỚC TÀU (1)

V

TIẾT THỨ III. TỬ-TƯ 子思

Tử-Tư tên là Cấp 伋, cháu đức Khổng tử, con ông Bá-Ngư 伯魚 tên là Lý 鯉. Bá-Ngư mất trước đức Khổng, thế thì biết rõ Tử-Tư sinh ra khi đức Khổng hãy còn. Khổng-tử thường dạy Bá-Ngư học kinh Thi, kinh Lễ (Luận-ngữ) còn như Tử-Tư có được trực-tiếp thụ-giáo ở Khổng-tử không, thì không được rõ. Hàn Dũ đời Đường cho rằng học-vấn thầy Tử-Tư mà học đến đại-thành, là bởi tự thầy Tăng tử. (Cũng có thuyết bảo là bởi học trò thầy Tăng dạy bảo). Nay xét trong sách Lễ-ký và các sách ghi chép lời Tăng-tử với Tử-Tư vấn-dáp, thì cái thuyết ấy thực tin là có căn-cứ. Xét Hán-thư Nghệ-văn-chí: Tử-Tư làm ra sách có hai mươi ba thiên, mà nay truyền lại chỉ còn có một thiên sách Trung-dung. Khi ấy cái tư tưởng về phái Hoàng, Lão, Dương, Mặc đương thịnh-hành, uy-quyền Nho-giáo hãy còn thấp-kém mà phái Đạo-gia là một cường-dịch với phái Nho-giáo. Vì rằng Đạo-gia xướng lên cái tư-tưởng triết-học cao xa, cốt làm đảo-áp cái thuyết thường-thức với lối thực-tiến của phái Nho-giáo. Bởi vậy Nho-giáo mới phải theo trên giáo-ngĩa mà thuyết-minh ra

những lời lý-luận có căn-cứ, đề đối-kháng với những thuyết phái Đạo-gia. Tử-Tư mà làm ra sách Trung-dung, mục-dịch cốt-tử cũng là vì thế. Song thời ấy cách đời Khổng-tử chưa xa mấy, mà tư-tưởng của Nho-giáo đã hỗn-loạn hẳn mất cả truyền-thống, lo rằng đạo-thống thất-truyền, đó cũng là một cái mục-dịch thầy Tử-Tư làm ra sách Trung-dung vậy.

Trung-dung với Đại-học nguyên là một thiên trong sách Lễ-ký, từ đời Lưu-Tổng ông Đới Ngung 戴顒 mới trích ở trong Lễ-ký ra, soạn làm hai quyển Đại-học với Trung-dung truyện. Về sau Võ-đế đời Lương, Lý Tường đời Đường, đời Tống thì những ông Tư-Mã Ôn-công, Phạm Văn-Chính Châu Mậu-thúc, Trình Minh-đạo, Trình Y xuyê đều tôn trọng sách Trung-dung. Chu-tử 朱子 mới làm ra sách Trung-dung chương-cú, hợp với sách Đại học, Luận-ngữ, Mạnh tử gọi là tứ-thư 四書. Từ đấy nước tiếng thiêu-hạ mới nhiều người học. Sách Đại-học có nhiều pho định-bản, Trung-dung thì ngoài sách chương-cú của Chu-tử ra, lại còn sách Trung-dung phát-huy của Y-Đẳng Nhân-trai 伊藤仁齋. Trung-dung giải của Vật-tồ-lai 物徂徠. Trung-dung nguyên-giải của

(1) Nguyên-văn của người Nhật Tam-phổ-dăng-lác soạn ra ; Trương Tôn-Nguyên Lâm Khoa-Đường dịch ra chữ Hán. Xem N. -P. từ số 168.

Thái-diễn Cầm-thành 太田 錦城 đều là những sách trứ-danh cả.

Thuyết triết-học. — Muốn cho cái thuyết thực-tiễn của Nho-giáo mà có cái lý-luận căn-cứ, đề đối-kháng với những thuyết của phái Đạo-gia, Tử-Tư mới thuyết-minh cái gốc đạo người là bản tự đạo trời, gọi đạo trời là một đạo thành 誠, thành là một tư-tưởng còn bản về triết-học của Tử-Tư, mà tức là cái còn-đề về thuyết luân-lý.

Thành. — Thành là gì ? Nghĩa là chân-thực không cần không dối, cứ thể-xét về cái khái-niệm đạo thành trong sách *Trung-dung* thì biết.

1) Thành-thực là đạo trời mà là gốc của đạo người ; nên trong sách *Trung-dung* nói rằng : « Thành-thực tự-nhiên là đạo của trời, phải nghĩ sao cho thành-thực là đạo của người ». Đạo trời vốn tự-nhiên mà bốn mùa vẫn vận-hành, trăm vật vẫn phát-sinh, suốt vạn cổ mà không một phút nào sai lầm, vậy nên Tử-Tư mới cho cái lẽ tự-nhiên thành-thực ấy là đạo trời ; vả cho đạo trời là bản-nguyên của đạo người, thì cái tư-tưởng « thiên-nhân hợp-nhất » của Nho-giáo lại càng rõ vậy.

2) Thành-thực là bản-thể của vạn-vật. Cái bản-tính của người với vạn-vật đều là thành thực cả. Xem như con diều bay lên tận trời, con cá nhảy ở dưới vực, cùng là loài cây cỏ bốn mùa khi rụng khi nở, đều là tự chân-thành phát-hiện ra cả. Vậy nên *Trung-dung* nói rằng : « Đạo thành-thực là thủy chung mọi sự-vật, nếu chẳng thành-thực thì không có sự-vật gì cả ». Tức là nghĩa ấy vậy.

Luận về tính người. — Sách *Trung-dung* mở đầu nói rằng : « Trời phú-bẩm cho người lấy cái lẽ tự-nhiên ấy gọi là tính ; cứ thuận theo cái tính tự-nhiên ấy mà làm gọi là đạo ; phải dạy bảo sửa sang cho hợp đạo gọi là giáo ». Giải-

thích về trời kể ra có nhiều nghĩa. Nhưng đây mà gọi là trời tức là một ông thần chủ-tể sáng-tạo ra muôn vật trong vũ-trụ. Tính là loài người ta với muôn vật sinh ra sở-dắc tự lúc tiên-thiên. Đạo là đường, người ta cứ theo cái tính tự-nhiên của trời (là ông chủ-tể vũ-trụ) phù cho, noi một đường đó mà đi gọi là đạo. Tuy rằng đạo vốn đủ ở trong tính trời tự-nhiên ấy, nhưng không phải là bậc thánh sinh-tri, thì lúc làm ra thực-sự, vị-lắt đã hay hợp với đạo, chẳng khỏi có kẻ quá người bất-cập. Vậy nên thánh-nhân phải sửa sang lại cứ theo đạo mà làm để dạy bảo người, mà làm phép cho thiên-hạ, tức gọi là giáo vậy. Chu-tử giải nghĩa chữ tính cho là lý, mà nói rằng : « Trời lấy cái khí âm dương ngũ-hành, hóa-sinh ra muôn-vật, khí đã đúc thành hình, thì cũng liền phú cho cái lý. Vì thế nhân-vật sinh ra đều được cái lý tự trời phú-bẩm cho, để làm cái đức ngũ-thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) hòa-nhã mà mạnh mẽ, tức gọi là tính vậy ». Song cứ xét như cái tư-tưởng thầy Tử-Tư, thì cái thuyết tính-lý của thầy Chu giải-thích như trên chưa chắc đã phải.

Cứ như thuyết thầy Tử-Tư thì cho rằng tính là vốn tự mệnh trời phú cho, noi theo cái tính tự-nhiên ấy mà làm thì tức là đạo, vậy thì đạo cũng là tự trời phú cho. Nói cho rõ ra đạo người cũng tức là đạo trời vậy. Đạo trời vốn thành-thực tự-nhiên, thì phú cho tính người đều là thiện cả, xem thế thì Tử-Tư cũng là luận về tính thiện.

Bản-tính người ta vốn là thành-thực, cứ theo bản-tính mà làm, thì tự khắc là hợp với đạo, cần gì còn phải sửa sang dạy bảo cho hợp đạo nữa ? Song phải biết rằng cái tính thành-thực mà trời phú cho đó, chỉ có bậc sinh-tri an-hành mới không cần phải tu-đạo, mà vẫn giữ được bản-tính. Còn như thế-

gian có phải là ai cũng sinh-tri an-hành như bậc thánh cả đâu, còn có bậc phải học mới biết, lợi mà làm; lại có bậc khôn khờ mới biết, cố gắng mà làm, vậy nên Tử-Tư cho những bậc ấy cần còn phải tu-đạo, thế là cho tính người có bậc khác nhau.

Thuyết luân-lý. — Thuyết luân-lý của Tử-Tư rất là có mật-thiết quan-hệ với thuyết triết-học của ông ấy, thuyết triết-học chẳng qua cũng bàn cho đủ thêm cái thuyết luân-lý ra mà thôi. Tử-Tư đã cho đạo thành là đạo trời, và là gốc cả đạo người, thế thì đạo trời chẳng qua là cái nền hình-nhi-thượng ở trên đạo người mà thôi.

Luận về lý-tưởng. — Tu được cho đạt đến đạo trời (tức là giữ được chân-thành là gốc của đạo người) chính là mục-dích của đạo-đức. Chân-thành là lý-tưởng của đạo-đức, cái người chí-thành tức là bậc thánh-nhân. Vậy nên nói rằng: «Bậc chí-thành thì không phải cố-gắng mà tự-nhiên làm gì cũng hợp đạo, chẳng phải nghĩ-ngợi mà tự-nhiên biết được hết đạo, là bậc thánh-nhân vậy.» Cái cõi chí-thành là trung-hòa, vậy nên nói rằng: «Khi cái tình mừng, giận, thương, vui nó chưa phát ra thì gọi là trung; phát ra mà đều đúng hợp tiết-độ cả thì gọi là hòa, Trung là cái gốc lớn trong thiên-hạ; hòa là cái đạo suốt cả thiên-hạ. Suy cho cùng được đạo trung hòa, thì trời đất đều bày ngôi dẫu ra dấy cả, muôn vật đều phát-dục thịnh-vượng hết cả». Nguyên là mừng, giận, thương, vui là cái cảm-tình người ta, cảm-tình khi nó chưa phát ra thì còn là tính, lúc nó chưa tiếp-xúc với ngoại-vật, thì thiên-tính vốn hồn-nhiên, không có thiên-ý, cho nên gọi là trung. Lúc nó đã tiếp-xúc với ngoại-vật rồi mà vẫn không sai lẽ chính-trung đều hợp về tiết-độ cả, nên gọi là hòa. Trung là thể mà hòa là dụng; thể với dụng gồm đủ cả gọi là trung-hòa. Vậy suy cho cùng-

cực trung-hòa, thì trời đất đều bày ngôi dẫu yên dấy, muôn vật đều phát-dục hay hết cả, như thế là đạt đến được cõi chí-thành. Chí-thành với trung-hòa không khác gì nhau, duy nói về phần hình-thức thì gọi là trung-hòa, mà nói về phần nội-dung thì gọi là chí-thành mà thôi.

Trung-hòa với Trung-dụng nó vốn quan-hệ với nhau mà không lìa ra được. Trung-dụng nghĩa là chẳng thiên-ý bên nào, không quá mà không bất-cập, là cái lẽ bình-thường; từ đời Nghiêu Thuấn trở lại, các bậc thánh-hiền vẫn lấy làm tôn-trọng. Trung-dụng vốn không phải là tên một đức-mục, chính là cái tiêu-chuẩn khắp cả cho mọi đức, mà là cái nguyên-lý của đạo-đức vậy. Cái lẽ chẳng thiên-chang ý, không quá không bất-cập nó như thế nào? Tức là cái thường-đạo của loài người ta phải thực-tiễn theo đó mà làm, thầy Trình nói rằng: «*Trung* là cái chính-đạo trong thiên-hạ, *dụng* là cái định-lý trong thiên-hạ». Trung-dụng là cái nguyên-lý về phần hình-thức đạo người, tuy là nguyên-lý hình-thức đạo người mà tức là nguyên-lý hình-thức của đạo trời, nên Tử-Tư bảo rằng đạo trời chỉ là chí-thành. Mà kết-luận về đạo trung-dụng, cũng chỉ quy về mặt hình-thức của đạo chí-thành. Tóm lại trung-dụng chẳng qua là một cái tên dễ hình-dung cái đạo chí-thành nó vốn trung-chính không di-dịch, bền lâu mà không biến đổi vậy.

Luận về cách tu-vì. — Chân-thành là bản-tính của người ta. Cứ nói theo bản-tính mà động-tác, thì tự hay đạt đến bậc chí-thành. Nhưng không phải là bậc thánh sinh-tri an-hành, thì cái kết-quả về sự tu-vì không thể đạt đến bậc chí-thành được. Vậy cần phải bàn đến cái công-phu tu-vì như thế nào.

Tử-Tư có tiêu-yết lên hai cái cương-lĩnh nói rõ về cái công-phu tu-vì, tức

là hai việc cần phải tôn-trọng giữ-gìn lấy đức-tính và noi theo đường văn-học. Tử-Tur lại nói rõ cái công-phu thận-độc, để làm cái phương-pháp tôn-trọng giữ-gìn lấy đức-tính, nói rằng: « Đạo vốn ở trong đức-tính là cái đường ai cũng phải noi theo hằng ngày, không thể vụt chốc mà lia-bỏ đi được ; nếu khá lia bỏ được thì không phải là đạo vậy. Thế cho nên người quân-tử tu-đạo, những lúc người ta không trông thấy lại càng phải kính-cần ; những khi chẳng ai nghe biết lại càng phải sợ hãi. Trong tâm là chỗ rất kín, mà chẳng gì rõ bằng ; khởi-niệm là sự rất nhỏ, mà lại chẳng gì tỏ bằng ; cái chỗ ẩn-vĩ ấy là chỗ một mình mình biết, người quân-tử lại càng phải cần-thận lúc một mình ». Đến như cái mục nói về phương-pháp noi theo đường học-vấn, thì bảo rằng : « Trước phải học cho rộng, hỏi cho kỹ, nghĩ cho cần-thận, biện cho rõ ràng, rồi làm cho thiết-thực chắc-chắn ». Tử-Tur lại nói rằng : « Người nào mong giữ lấy chân-thành, thì phải kén chọn lấy điều thiện mà giữ cho vững », thế thì những việc học rộng, hỏi kỹ, nghĩ chín, biện-bác rõ ràng, đều là để chọn lấy điều thiện vậy ; mà làm thì phải thiết-thực chắc-chắn tức là giữ cho vững vậy. Như thế thì việc học trước phải có trí-thức, rồi mới hay thực-hành, tư-tưởng thầy Tử-Tur cũng thuộc về cái thuyết « tiên-tri hậu-hành » vậy ».

Luận về bản-vụ và ba đức. — Trung-dung chia ra có năm đạo-đạo, tức là thầy Tử-Tur luận về bản-vụ vậy. Năm đạo-đạo là những gì ? Trung-dung nói rằng : « Đạo vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, và đạo bè bạn giao-du, năm điều ấy là đạo-đạo trong thiên-hạ vậy ». Tư-tưởng về đạo ngũ-luân Khổng-tử chưa nói ra cho rõ, đến thầy Tử-Tur mới chất-thực nói ra rất hoàn-toàn, mà đến thầy Mạnh-tử mới thực là đại-thành. Tử-Tur luận về đức tức là cái thuyết

ba đạo-đức. Trung-dung nói rằng : « Đức trí, đức nhân, đức dũng, ba đức ấy là đạo-đức trong thiên-hạ vậy ». Phân-loại về những mục đức trên này là vốn theo thuyết của Khổng-tử ; nhưng ngoài ba đạo-đức ấy, Tử-Tur lại nói thêm ra những đức nhân, nghĩa, lễ và trung thứ.

Thành là một lý-tưởng ; năm đạo-đạo là bản-vụ ; ba đạo-đức là luận về đức. Muốn cho đạo-đạo đến chân-thành, thì phải làm năm đạo-đạo ; hay làm được năm đạo-đạo thì phải có ba đạo-đức. Nói trái lại sở dĩ làm được năm đạo-đạo là vì có ba đạo-đức ; sở dĩ làm được ba đạo-đức là vì có bụng thành duy-nhất. Chân-thành với năm đạo-đức ba đạo-đạo, đều có cái quan-hệ đan-diêu nhau không thể lia ra được.

Tử-Tur lại căn-cứ về cái tư-tưởng côn-bản của Nho-giáo, bàn về chính-trị thì thuật theo chủ-nghĩa đức-trị. Lại nói rằng : « Bậc thánh-nhân có đức lớn thì trời tất cho được ngôi làm vua, được lộc mà hưởng, được danh truyền-tụng, được thọ lâu năm ». Đó là luận về trời người hợp nhất vậy. Tử-Tur lại nói có chín đạo thường-kinh để làm phép trị nước : « Một là sửa mình, hai là tôn kính người hiền, ba là thân-yêu kẻ thân, bốn là kính-trọng bậc đại-thần, năm là thể-lượng cho kẻ quần-thần, sáu là yêu kẻ thứ-dân như con, bảy là chiêu-hợp trăm nghề thợ, tám là khoan-nhu đãi người xa lạ, chín là võ-về các nước chu-hầu ». Sở dĩ làm được chín đạo kinh-thường ấy, chỉ cốt tại một điều thành-thực. Đạo cửu-kinh trên này cùng với sách Đại-học lấy điển tu-thân cho làm gốc lớn việc chính-trị, đại-thể cũng giống nhau.

Tử-Tur lại thuật về thuyết quỷ thần, cho rằng quỷ thần có ba hạng : Thiên-quỷ, nhân-quỷ và sơn thủy-quỷ. Thiên-quỷ là bậc thiên-thần ; sơn thủy-quỷ là bậc sơn-linh hà-bá ; nhân-quỷ là tổ-tiên chi linh. Tán về đức quỷ-thần

nói rằng : « Quĩ thần thiêng-liêng, đứơc sao thịnh vậy ! Quĩ thần vốn không có hình, trông chẳng thể thấy đứơc ; vốn không có thanh, nghe cũng chẳng thể biết đứơc ; thế mà thể khắp cả mọi vật mà không sót, thủy chung mọi vật đều không ngoại khí âm dương tụ tán cả ; hay khiến người trong thiên-hạ phải trai-giới sạch-sẽ cung-phụng tế-tự, đầy-dẫy vậy như là quĩ thần ở trên, như là ở bên tả bên hữu. Kinh 7 hi nói rằng : « Quĩ thần cảm-cách không biết đâu mà lường đứơc, phương chi dám chán nản mà chẳng kính ư » Ồi, quĩ thần vốn là ẩn-vi không nghe thấy, mà thể khắp mọi vật không sót thì rất là rõ ràng, nguyên chỉ là một lẽ thành-thực nó phát hiện ra không thể che giấu đứơc vậy ».

Phê bình. — Cái đặc-sắc về học-thuyết của Tử-Tư, là ở chỗ luận về tính người thì chủ về tính-thiện, luận về đạo-đức thì xét bàn về động-cơ. Tử-Tư tuy chưa nói rõ tính người là thiện, nhưng luận về tính người đã có ý ám-thị cho là thiện rồi. Tử-Tư cho tính là tự mệnh trời phú-bẩm cho người, nguồn gốc đạo là vốn ra tự trời, mà đủ cả ở thân ta không thể lìa bỏ đi đứơc, vậy cốt phải tu-thân mà trọng nhất là cái công-phu thận-độc. Họ tức là xét về đạo luân-lý mà luận về động-cơ vậy.

Học-thuyết của Tử-Tư chỗ sơ-trường là cốt thực-hành lấy đạo-đức Nho-giáo mà vẫn còn-cứ về triết-học. Cái công của Tử-Tư sở dĩ lâu bền mà không thể diệt-di đứơc. Tử-Tư cũng có điều sở-doan là ở về trên tư-tưởng cũng có thuyết mâu-thuẫn nhau, như là cho tính là bởi tự mệnh trời, noi theo tính mà làm là đạo ; mà tự-trung tại phận tính ra có mấy hạng, phải có cái công-phu tu-vi ; nghị-luận như thế là chưa đứơc thông-suốt hết cả.

TIẾT THỨ IV. — MẠNH-TỬ 孟子

Mạnh-tử tên là Kha 軻, tên tự là Tử-Dư 子輿, nhất-thuyết là Tử-Xa 子車 sinh về đời Liệt-vương nhà Châu năm thứ tư (372), người nước Châu 鄒 (nay là huyện Châu tỉnh Sơn-dông). Khi nhỏ nhờ bà mẹ chọn chỗ ở ba lần dời đi để dạy con, lớn lên học thầy Tử-Tư. Đấy nước Châu cách nước Lỗ là chỗ sinh Khổng-tử, chỉ độ sáu dặm, vậy nên thầy Mạnh rất là tôn-kính Khổng-tử, và cũng trộm nghe đứơc điều hay mà học riêng. Khi học đạo đã thành, mới đem cái đạo trị thiên-hạ bảo cho vua Huệ nước Lương, vua Tuyên nước Tề, không vua nào dụng đứơc. Khi ấy thiên-hạ rối loạn, các nước đều chuông kế tung-hoàn, chuyên việc chinh-chiến, cùng nhau tranh-cường ; mà thầy Mạnh chỉ bàn đạo-đức, thuyết nhân nghĩa, thuật những việc tự đời Đường, Ngu, Tam-dại, chủ-trương về vương-dạo, người ta đều cho là vu-khoát chẳng thiết sự-tình, không ai nghe cả. Đến vua Văn-công nước Đổng mới tin dụng lời nói, đã sửa đổi chính-trị, chẳng may vua lại mất sớm. Thầy Mạnh không đứơc đem cái tài-học mình báo-phụ ra mà thi-bành, mới lui về cùng với lũ học-trò là Vưu-Chương cùng giảng-bàn vấn-đáp, làm ra sách *Mạnh-tử* bảy thiên, để cho sáng tỏ giáo-nghĩa Khổng-tử. Đời Noãn-vương nhà Châu năm thứ hai mươi sáu (289) thầy Mạnh-tử mất, thọ 84 tuổi.

Mạnh-tử cùng với Tô-Tần 蘇秦, Trương Nghi 張儀 đồng-thời, mà cường-ngạnh chủ-trương một học-thuyết khác hẳn, có khi tranh-biện với Cáo-tử 告子, bài-xích lũ họ Dương họ Mặc, cốt cho tỏ sáng cái bản-nghĩa thánh-học, hó-hào khắp cả thiên-hạ. Thế thì đạo-học của thầy Mạnh không phải là nhạt-nhẽo khô-khạn, thầy Mạnh là một người vĩ-nhân hoạt-động muốn hiển-thân cho thế-đạo nhân-

tâm; mà một mặt lại là người quân-tử, và cũng là tai mắt một nhà chính-trị nữa; một mặt cũng là người nghĩa khái, có nói ra một đôi câu về nghĩa dụng-quyền. So với cái nhân-cách của Khổng-tử rất là ôn-hậu viên-mãn, thì thầy Mạnh không khỏi là người khí-cốt lừng-lừng, ông Khổng thì như gió xuân hòa nhã, thầy Mạnh thì như sương mùa thu trời mùa hạ vậy.

Nội-dung trong bảy thiên sách Mạnh-tử. — Truyền được tư-tưởng thầy Mạnh là bởi có bảy thiên sách *Mạnh-tử*. *Sử-ký* chép: thầy Mạnh lui về cùng với lũ học trò là Vạn Chương làm ra bảy thiên sách *Mạnh-tử*, thế thì cho rằng thầy Mạnh tự làm ra sách *Mạnh-tử*. Nhưng nếu là tự làm, thì không lẽ nào lại đặt ba chữ: « *Mạnh-tử* viết 孟子曰 lên đầu » Bảy thiên *Mạnh-tử* tuy là thầy Mạnh tự làm ra, nhưng cũng có phần người sau phụ thêm vào, hoặc là có sửa đổi một đôi phần. Bảy thiên là: 1° *Lương Huệ-vương*; 2° *Công-Tôn Sửu*; 3° *Hằng Văn-công*; 4° *Lý Lâu*; 5° *Vạn Chương*; 6° *Cáo-tử*; 7° *Tận-lâm*. Thiên *Lương Huệ-vương* là thuật những lời vấn-đáp với vua Lương Huệ, vua Tề Tuyên, và vua Văn-công nước Đằng, cốt là bàn-luận về chính-trị. Thiên *Công-Tôn Sửu* là thuật về khí hiệu-nhiên, tính trắc-ân, luận về đường tinh-thần. Thiên *Hằng Văn-công* là thuật về chế-độ của thánh-nhân, đạo-đức của Khổng-tử và bài-sách họ Dương họ Mặc. Thiên *Lý-lâu* luận về nhân-nghĩa suy ra đề trị thiên-hạ. Thiên *Vạn-Chương* thuật những việc vua Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Khổng-tử và các bậc thánh-hiền khác, cùng là những cách giao-tế ở đời. Thiên *Cáo-tử* luận về tính thiện và chính-trị đạo-đức. Thiên *Tận-lâm* thì tập-hợp hết cả lời thầy Mạnh mà kết-thúc lại.

Suốt cả trung-tâm tư-tưởng trong bảy thiên *Mạnh-tử* là lời bàn về tư-doan tức là luận về tính thiện vậy. Đó

là triết-học tư-tưởng của thầy Mạnh, mà cũng là cái cơ-sở về thuyết luân-lý, thuyết chính-trị vậy.

Thuyết triết-học. — Thầy Mạnh luận về triết-học chỉ có những lời bàn về tính người. Thầy Mạnh cũng như các nhà học-giả khác nói về thống-hệ Nho-giáo, chỉ dạy bảo về mặt phải thực-tiên lấy đạo-đức, chứ không có đem suy xét về đường triết-học cao-xa; bàn về tính người cũng chẳng qua để làm căn-cứ cho đạo-đức luận mà thôi.

Luận về tính thiện. — Thầy Mạnh nói rõ tính người ta là thiện, cho rằng người ta tính vốn thiện, vốn là đạo-đức. Tính người ta vốn thiện như là nước bao giờ cũng chảy xuống chỗ thấp, đó là vốn tự-nhiên, có nói rằng: « Tính người vốn là thiện cũng như nước vốn chảy xuống chỗ thấp. Người không ai là chẳng thiện, cũng như nước không khi nào là chẳng xô xuống chỗ thấp ». Cái lý-do thuyết về tính-thiện thì thầy Mạnh có hai đường lập-luận: Một là viện-dẫn lý-luận mà thuyết-minh ra, tức là dẫn-chứng những lời cổ-thư nói về tính thiện. Như là kinh *Dịch* kinh *Thi*, *Luận-ngữ*, *Trung-dụng* đều là sách sót của thánh hiền, cũng đã nói qua về tính thiện. Kinh *Dịch* nói rằng: « Một khi âm một khi dương hợp lại là đạo, bầm-thụ nổi lấy khí âm dương ấy là thiện, thành ra là tính vậy ». *Luận-ngữ* nói rằng: « Tính người ta ai cũng gần giống nhau cả, chỉ vì tập-nhiệm nên mới khác xa nhau vậy ». *Trung-dụng* nói rằng: « Mệnh trời phú cho người gọi là tính, cứ noi theo bản-tính tự-nhiên mà làm gọi là đạo ». Những lời kinh truyện trên ấy tuy không nói rõ tính là bản-thiện, nhưng cũng đã nói phác tính thiện ra đấy, thế thì tính người thật rõ là thiện vậy. Hai là xét về thực-tế mà thuyết-minh tính thiện, tức là lấy những sự thực về tâm-lý làm cốt, rồi rút lại chứng cho rõ là

tính thiện, cho rằng người ta ai cũng có cái lòng bất-nhân, đến khi gặp việc mới tỏ rõ ra, có nói rằng: « Nay người ta trông thấy đứa trẻ con kia sắp sa ngã xuống giếng, ai là không chột dạ thương xót. Không phải là muốn kết-giao với cha mẹ đứa trẻ ấy, không phải là cầu tiếng khen với bè bạn làng xóm, cũng không phải là ghét cái tiếng chê cười mà phải thương xót vậy. Xem thế thì người mà không có lòng thương xót thì chẳng phải là người; không có lòng hổ-thẹn thì chẳng phải là người; không có lòng nhún-nhường thì chẳng phải là người; không có lòng biết phải trái thì không phải là người». Lại nói rõ rằng: « Lòng thương xót là đầu mối nhân; lòng hổ-thẹn là đầu mối nghĩa; lòng nhún-nhường là đầu mối lễ; lòng biết phải trái là đầu mối trí; đó tức là tứ-đoan (bốn đầu mối). Người ta ai cũng có cái tứ-đoan ấy, cũng như là người ai cũng có tứ-thể». Ôi! người ta mà có lòng thương xót, biết hổ-thẹn, biết nhún-nhường, biết điều phải trái, có đủ cái đức tứ-đoan ấy, thì thật là tính thiện không sai vậy.

Nếu tính người ta quả là thiện, thì lẽ nào trên cõi đời vẫn còn có người ác? Đương đời Chiến-quốc, nào là kẻ loạn-thần lặc-tử nổi nhau ra đời, đạo-đức đồi-bại hết cả, là tại có sao? Thầy Mạnh cho rằng cái khởi-nhân ra sự ác là bởi tại vật-dục. Tính người ta tuy rằng thiện nhưng có cái nó che đi thì không hay tỏ điều thiện ra được. Cái gì nó làm che đi? Tức là vật-dục. Tính thiện bị phải vật-dục nó che đi nên mới thành ra ác, chứ người ta sinh ra vốn không có tính ác. Thầy Mạnh cho rằng người ta cần phải tu-dưỡng, có thể làm được đến bậc thánh-nhân, nên mới xướng lên cái thuyết muôn người cũng cùng một tính.

Biện-luận cùng Cáo-tử.— Mạnh-tử thường cùng với Cáo-tử luận về tính người rất là khích-liệt. Cáo-tử bảo

rằng người ta sinh ra trong tính vốn không thiện không ác, phải do giáo-dục mới phân ra có thiện có ác. Nay kể những chỗ yếu-điểm của thầy Mạnh tranh-biện với Cáo-tử như sau.

1) Cáo-tử nói rằng: « Tính người ta giống như gỗ kỷ gỗ liễu, điều nghĩa cũng như cái chén, cái chậu; uốn tính người mà làm nhân nghĩa, cũng như uốn gỗ kỷ gỗ liễu mà làm chén làm chậu vậy». Thầy Mạnh bác rằng: « Nhà người hay thuận cái tính cây kỷ liễu để làm chén làm chậu đấy ư? hay là còn phải đẽo gọt cây kỷ liễu mới làm được chén chậu? Nếu còn phải đẽo gọt cây kỷ liễu để làm cái chén cái chậu, thì cũng phải đem đẽo gọt người đi để làm nhân-nghĩa đấy ư? » Ý Cáo-tử cho rằng người ta không phải lúc mới sinh ra đã có nhân-nghĩa, lấy người mà làm nhân-nghĩa, cũng như uốn gỗ kỷ gỗ liễu để làm cái chén cái chậu, đều là bởi tự người làm. Ý thầy Mạnh thì cho rằng tính người dầu chưa phải là nhân-nghĩa, song tính người nếu không có cái chất nhân-nghĩa sẵn, thì dầu có gia thêm cái cách giáo-hóa của người, cũng không thể làm nhân-nghĩa được.

2) Cáo-tử nói rằng: « Tính người cũng như nước chảy quanh vậy, khoi sang phương đông thì chảy phương đông; khoi sang phương tây thì chảy phương tây; tính người không phân-biệt thiện với bất-thiện, cũng như nước không phân-biệt phương đông với phương tây vậy. » Thầy Mạnh bác rằng: « Nướcđánh là không phân-biệt phương đông phương tây, nhưng lại không phân-biệt chỗ cao chỗ thấp đấy ư? Tính người vốn thiện, cũng như nước vốn chảy chỗ thấp vậy ». Ý Cáo-tử cho rằng tính người như nước chảy quanh, khoi sang phương nào thì chảy về phương ấy, vốn không có phân-biệt thiện với ác, chỉ bởi tại người ta khai-đạo khác nhau, nên mới phân ra thiện với ác. Nhưng ý thầy Mạnh thì cho

rằng tính người vốn thiện, cũng như nước vốn chảy chỗ thấp; hoặc cũng có bất-thiện thì cũng như nước bị tức mà vọt cao lên, đó là tại cái thể một lúc bị khích-bác, chứ không phải là bản-tính vậy. Thầy Mạnh biện-bác như thế, cũng không khỏi quá-khích vậy.

3) Cáo-tử nói rằng: « Loài sinh-hoạt mà hay tri-giác vận-động tức là bản-tính đó ». Thầy Mạnh hỏi lại rằng: « Loài sinh-hoạt tức gọi là bản-tính cũng như các loài trắng đều gọi là trắng cả đấy dư? » Cáo-tử nói rằng phải. Thầy Mạnh lại hỏi vặn rằng: « Thế thì cái tính của loài chó, cũng như cái tính của loài trâu; cái tính của loài trâu, cũng như cái tính của loài người đấy dư? » Nguyên ý của Cáo-tử cho rằng những điều tri-giác vận-động của người ta đều là bản-chất của tính; thầy Mạnh mà bác lại thì cũng chữa công-kích được đến chỗ cốt-yếu.

4) Cáo-tử rằng: « Người ta thích của ngon, ưa sắc đẹp tức là tính vậy; suy ra điều nhân-ái bởi tự tâm là ở trong, chẳng phải ở ngoài vậy; điều nghĩa để xử sự ở ngoài chẳng phải ở trong vậy ». Thầy Mạnh thì cho rằng điều nghĩa cũng là việc ở trong tâm-tính. Cáo-tử thì cho rằng cái lòng nhân-ái là bởi tự trong tâm tự-nhiên phát-động ra, cũng giống như cái lòng muốn thích của ngon, ưa sắc đẹp, cho nên cho điều nhân là ở trong bản-tính. Điều nghĩa là bởi tự ngoài cần để làm khuôn phép cho cái tâm mình, vậy nên cho điều nghĩa là ở ngoài bản-tính. Nguyên Cáo-tử chú-ý về cái chỗ chủ-quan của điều nhân, vậy nên cho là việc ở trong bản-tính; lại chú-ý về chỗ khách-quan của điều nghĩa, vậy nên cho nghĩa là việc ở ngoài bản-tính. Cái ý cho những việc khách-quan là ở ngoài bản-tính cũng là phải, nhưng Cáo-tử lại coi cả điều nghĩa là ở ngoài tâm-tính cả. Thầy Mạnh thì bảo rằng

những cái tính khách-quan của điều nghĩa, đều là có sẵn ở trong tâm tính cả.

Thầy Mạnh có nhiều cơ-trí lại giỏi tài biện, thường bắt lấy những lời biện-thuyết của người mà bẻ bác lại. Song nghi-luận có nhiều câu độc-đoán, vả chữa khám-phá được chân-ý của Cáo-tử, mà bẻ bác đi ngay, thì chỉ là lời bàn suông. Duy thầy Mạnh vẫn thừa-nhận cái tính khách-quan của điều nghĩa, cho làm nó vốn ở trong tâm-tính, thì thực là trác-kiến vậy.

Thuyết luân-lý. — Thầy Mạnh cho tính người là bản thiện, thuyết về luân-lý thì là luận về cái lương-tâm tiên-thiên, luận về động-cơ. Mục-dịch tu-dưỡng thì chỉ cốt làm sáng tỏ cái lương-tâm tự tiên-thiên mà thôi.

Luận về cái lương-tâm tiên-thiên — Người ta sinh ra đã vốn có cái lương-tâm, là lời luận tất-nhiên về tính thiện vậy. Thầy Mạnh nói rằng: « Muốn lẽ sự-vật đều đủ cả ở ta ». *Vật* là sự-vật, là những lẽ luân-lý, chứ không phải là trở những cái vật-tượng cụ-thể. Thầy Mạnh đã cho cái lương-tâm tiên-thiên ấy chính là cái bản-tâm người ta, cái tác-dụng của bản-tâm chính là những điều lương-tri lương-năng, có nói rằng: « Những điều người ta không học mà hay được là cái lương-năng vậy; những điều người ta không nghĩ mà biết được là cái lương-tri vậy. Xem như đứa trẻ con không đứa nào chẳng biết yêu cha mẹ nó; đến khi lớn lên, không đứa nào chẳng biết kính anh nó. Biết yêu cha mẹ là điều nhân vậy; biết kính anh là điều nghĩa vậy ». (Thiên *Tận-tâm* thượng). Ngày nay những nhà luân-lý-học lại phân-biệt ra *tri* 知, *Tình* 情, *Ý* 意 ba phương-diện để luận về cái lương-tâm; mà thầy Mạnh thì chỉ nói lương-tri lương-năng, chỉ phân-biệt về phương-diện *tri* với *ý* của lương-tâm mà thôi.

Luận về đức.— Thầy Mạnh tiêu-yết ra bốn đức: Nhân, nghĩa, lễ, trí, mà rất trọng đức nhân nghĩa. Thầy đáp Lương Huệ-vương rằng: «Hà-tất phải nói đến lợi, chỉ có nhân nghĩa mà thôi». Lại rằng: «Nhân là cái nhà yên-đàn của người ta, nghĩa là cái đường ngay thẳng của người ta». Vì thầy Mạnh lấy điều nhân nghĩa cho làm cái nguyên-lý còn bản về thuyết đạo-đức, ngoài điều nhân nghĩa ra không có cái lý-tưởng đạo-đức nữa. Vậy nên lại nói rằng: «Ở về điều nhân, noi theo điều nghĩa, thế đã đủ cả việc người lớn rồi vậy». Thầy Mạnh sở-dĩ cốt trọng điều nhân nghĩa, là vì đương lúc ấy học-thuyết họ Dương họ Mặc thịnh-hành lắm, mọi người học trò không theo chủ-nghĩa vị-ngã của Dương Chu, thì tất theo chủ-nghĩa kiêm-ái của Mặc Dịch, muốn bài-bác cái tư-tưởng cực-đoan ấy, thì cần phải cõ-xúy cái đạo-đức chắc chắn. Thầy Mạnh lại giải thích về đức nhân nghĩa, cho đức nhân là thuộc về cảm-tình, đức nghĩa là thuộc về lý-tính, có nói rằng: «Người ta đều có cái lòng bất-nhẫn, biết suy ra đến những việc nhần-tâm thì tự-nhiên động lòng thương xót, đó là bụng nhân vậy; người ta đều có cái lòng thẹn-thò không dám làm, biết suy ra đến những việc dám làm, thì tự nhiên cũng biết thẹn không dám làm, đó là điều nghĩa vậy» (*Thiên Tận-lâm-hạ*).

Người ta ai cũng có cái lương-trí, tự trời phú cho bốn đức: Nhân, nghĩa, lễ, trí đều vốn sẵn có ở trong tâm, quyết không phải được tự kinh-nghiệm ở bề ngoài, tức như thầy Mạnh bảo rằng: «Đức nhân, đức nghĩa, đức lễ, đức trí, không phải tự bề ngoài đức vào cho ta, ta vốn sẵn có đấy vậy». Thầy Mạnh lại nói rõ cái cơ-sở của bốn đức, bảo rằng cái tâm thương xót của người ta tức là cái đầu mối lòng nhân, cái tâm biết thẹn thò tức là đầu mối lòng nghĩa, cái tâm biết nhún-

nhường tức là đầu mối điều lễ, cái tâm biết phải trái tức là đầu mối điều trí; hay khuếch-sung bốn cái tâm ấy ra tức là bốn đức nhân, nghĩa, lễ, trí. Đó là luận về cái công-phu khuếch-sung bốn đức, thực là lời bàn đích-đăng.

Luận về tu-vi.— Thầy Mạnh đã cho tính người ta là bản-thiện, còn cái khởi-nhân ra điều ác thì chỉ tại những lòng vật-dục nó làm phương-hại; nếu hay chế được vật-dục đi, thì tính thiện lại sáng, mà bốn đức nhân, nghĩa, lễ, trí lại hoàn-toàn. Muốn chế bỏ vật-dục, đem lại tính thiện, thì phải cần đến cái công tu-dưỡng, nhưng thầy Mạnh bàn về cách tu-dưỡng, tuy rằng bảo người ta phải phục bản-tính lại, nhưng khác với cái thuyết phục bản-tính của nhà Đạo-gia. Cái cách tu-dưỡng của thầy Mạnh thì có sáu điều: 1) Cần lấy phóng-tâm lại; 2) Ít bụng vật-dục; 3) Phải giữ lấy cái khi thanh-minh lúc buổi sớm; 4) Phải xét biết lời nói; 5) Phải khéo nuôi khi hiệu-nhiên; 6) Phải khuếch-sung cái tâm cho hoàn-toàn được bốn đức.

Câu phóng-tâm.— Khi người ta khởi lòng tà-niệm, thì nó làm cho mất cái bản-tâm hư-linh đi. Thầy Mạnh bảo đó là cái lúc phóng-tâm; mục-đích học-vấn là phải tìm lấy cái bản-tâm của mình đã phóng đi mất đó, nên thầy nói rằng: «Nhân là bản-tâm của người; nghĩa là con đường ngay thẳng vậy. Nay bỏ con đường ngay thẳng mà không noi theo, phóng cái tâm mình đi mà không biết tìm lại, thương thay! Người ta khi để cho con gà con chó xông ra ngoài còn biết tìm về; thế mà có cái tâm để phóng đi mất mà chẳng biết tìm về. Cái đạo học-vấn chỉ cốt tìm cái phóng-tâm ấy trở về mà thôi» (*Thiên Cáo-tử*).

Quả-dục.— Thầy Mạnh bảo người ta phải nên quả-dục, nói rằng: «Muốn

dưỡng cái tâm thì không gì bằng quả-
 dục. Vì rằng bụng dục nhiều quá thì
 dễ mắc về đường bất-nghĩa; như là cỏ
 mọc rườm lên lan khắp cả đường cái,
 cái bụng vật-dục nó đã sinh ra thì nó
 cũng làm che lấp mất cái sáng của bản-
 tâm đi. Song bụng dục nó có nhiều
 hạng, nếu chế bớt cái bụng dục ăn để
 cầu cho sinh-tồn, thì loài người không
 thể sinh-tồn được. Thầy Mạnh thì cho
 rằng những bụng dục không nên có
 thì cần phải chế bớt đi; còn như bụng
 dục nên có là bụng dục sinh-tồn thì
 cũng nên cho đầy đủ. Tuy rằng thầy
 Mạnh nói chế-dục, nhưng không phải
 bảo cấm dục, không như Tống-nho lại
 nói nghiêm-khắc là phải tuyệt-dục đi.

Giữ lấy khí thanh-minh buổi sớm.—

Khí thanh-minh đương lúc ban đêm
 vắng vẻ, thì tâm thần yên-đón trong
 sáng, tuyệt không có một chút tà-niệm
 vọng-tưởng gì. Đến ban ngày mới giao
 tiếp với vật ngoài, nào là các vật ngũ-
 quang thập-sắc nó lóng lánh ở mắt,
 vang động ở tai, bấy giờ bụng dục mới
 khởi lên, làm che mất cả cái quang-
 minh của bản-tính. Duy lúc đêm
 khuya những bụng tà-niệm nó kích-
 thích ở bên ngoài đã tiêu đi hết, tinh-
 thần tự-nhiên đã trong sạch, nếu giữ
 được cái khí tĩnh ban đêm ấy, thì tự
 hay nuôi cho cái tính cố-hữu của
 mình. Nếu không tồn-dưỡng được cái
 khí tĩnh-mịch, thì dục-tâm khởi lên
 làm điều bất-thiện, rồi đến mất hết
 cả lương-tâm. Tức như thầy Mạnh
 bảo rằng: «Cây trên núi Ngưu-sơn
 kia nó vốn tươi-tốt, nếu thường
 đem búa rìu chẵn nó đi, lại cho
 trâu dê chẵn vào đó, như thế thì nó
 mới thành ra trơ-trọi như kia». Đó
 là nói người ta không biết tĩnh-dưỡng
 lấy cái khí thanh-minh, thì lương-
 tâm đều diệt hết cả.

Tri-ngôn.— Tri-ngôn là xét biết lời
 nói mà bỏ bốn cái bệnh ở trong tâm

đi. Bốn cái bệnh của lời nói là những
 gì? 1) Bí-từ; 2) Dám-từ; 3) Tà-từ;
 4) Độn-từ. Bí-từ là lời thiên-lệch,
 không được công minh thì biết trong
 tâm có cái nó che đi; dám-từ là lời
 phóng-dăng thì biết trong tâm có cái
 mê-hoặc; tà-từ là lời cong-queo thì
 biết trong tâm đã lìa bỏ đạo-lý; độn-
 từ là lời quanh-quẩn thì biết trong tâm
 có điều cùng-súc.

Dưỡng-khi.— Dưỡng-khi là nuôi
 lấy cái khí hiện-nhiên. Công-Tôn Sửu
 có hỏi thầy Mạnh rằng: «Thế nào là
 khí hiện-nhiên?» Thầy đáp rằng: «Khó
 nói lắm, cái khí nó rất lớn, rất cương,
 vốn phối-hợp với đạo nghĩa, phải nên
 thuận nuôi nó mà chớ làm hại» thì nó
 sung-tắc khắp cả trong khoảng trời đất.
 Cái khí ấy vốn phối-hợp với đạo nghĩa,
 nếu không có đạo nghĩa thì thành ra
 chán-nản khiếp sợ. Nhưng nó vốn hợp
 tập với nghĩa mà sinh ra, chứ không
 phải chỉ bắt chộp lấy điều nghĩa vậy;
 nếu làm điều gì mà trong lòng mình
 không lấy làm thỏa thì sinh ra chán-
 nản vậy» (*Công-Tôn Sửu thượng*). Cứ
 như lời thầy Mạnh nói trên này thì cái
 khí hiện-nhiên cũng chưa biết rõ là
 thế nào. Sau này nhiều nhà giải-thích,
 Cương-Đảo-thị 綱島氏 có giải rằng:
 «Thầy Mạnh gọi là cái khí hiện-nhiên
 thì khác với cái dưỡng huyết-khi, cái
 dưỡng tri-mưu của kẻ thế-tục, đó tức
 là chân-dưỡng-khi thuộc về đạo nghĩa
 vốn thực của mình» (*Xuân-thu luận-lý
 tư-tưởng sử*). Vũ-Dã 宇野 bác-sĩ giải
 rằng: «Khí là gì, tuy không phải là
 nhục-thể, nhưng đại-thể vẫn có ý là
 nhục-thể; có tu-dưỡng lấy nhục-thể
 rồi dần dần tu-dưỡng lấy tinh-thần, đó
 tức là dưỡng-khi» (*Trung-quốc triết-
 học-sử giảng-thoại*). Nói tóm lại khí
 hiện-nhiên là cốt xét ở trong mình
 không có khuất-tất điều gì, trong tâm
 vốn quang-minh chính-đại, cúi ngửa
 ở trong khoảng trời đất mà không thẹn
 thò vậy.

Khuếch-sung. — Tâm người ta vốn có bốn mối là thương-xót, thẹn-thò, nhún-nhường, biết phải trái, bốn cái tâm ấy là tự trời phú cho, người ta phải nên khuếch-sung ra.

Thuyết chính-trị. — Thầy Mạnh là một nhà học-giả mà lại có cái bản-chất nhà chính-trị; luận về chính-trị có cái ý-kiến làm cho người ta khuynh-thích. Thuyết chính-trị của thầy ấy thì cốt lấy cái nguyên-lý còn-bản về tư-tưởng luân-lý, mà đem ứng-dụng ra xã-hội. Tức là luận về Vương-đạo vậy.

Luận về Vương-đạo. — Thầy Mạnh cho cái lý-tưởng về chính-trị là vương-đạo hoặc gọi là nhân chính. Vương-đạo với nhân-chính là gì? Nói rút lại một câu là chỉ suy cái lòng bất-nhẫn ra mà làm cái chính bất-nhẫn đó thôi. Suy cái lòng bất-nhẫn, nghĩa là kính ông già mình suy ra kịp đến ông già người, yêu trẻ mình suy ra kịp đến trẻ nhà người, tức như Khổng-tử gọi là đạo thứ 恕. Nói cho đủ ra thì phải làm cho nhân-dân được yên-ôn, nuôi người sống đưa kẻ chết cho vẹn tròn; lại thương dân nhẹ bớt thuế má, ít việc lao-dịch, cho dân được cái hạnh-phúc an-ninh. Muốn cho dân được cái hạnh-phúc an-ninh, thì phải san-sẻ tài-sản cho dân được đủ chi-tri sinh-kế, khỏi đến nỗi thiếu ăn thiếu mặc. Thầy Mạnh có bày ra mấy phương-pháp: một là phép tĩn-diền thì cứ tùy theo nhân-khẩu mà chia cho ruộng đất; trong một nhà có cha mẹ vợ con tám miệng ăn là một phu, mỗi một suất phu thì được phần ruộng trăm mẫu; ngoài ra những người chưa đến tuổi thì gọi là dư-phu, độ mười sáu tuổi thì được phần ruộng hai mươi nhăm mẫu. Hai là phép thuế-khoá, thì tám nhà cùng cày một trăm mẫu công-diền rồi nộp vào làm sổ thuế, chứ không có thuế khác nữa. Ba là đặt ra lệnh cấm những lưới mau đánh cá và búa rìu đốn cây, phải tùy lúc mới được đánh cá đốn

cây, để khiến cho loài cá sinh nhiều, cây-cối mọc tốt. Bốn là không làm mất mùa làm ruộng của dân, lúc dân đương vụ làm ruộng thì không bắt đi phu-dịch.

Vương-đạo thì cũng cốt về đường công-lợi làm cho dân giàu, nhưng cốt phải dạy cho dân biết điều nhân, nghĩa, lễ-tiết. Đức giáo để dạy dân mới là điều cốt-tử vương-đạo; còn như cách làm cho dân lợi-dụng hậu-sinh chẳng qua là những việc bắt đầu, nên thầy Mạnh nói rằng: « Làm cho dân nuôi người sống đưa người chết không có ân-hận điều gì, đó là những việc bắt đầu làm vương-đạo vậy ».

Thầy Mạnh lại phân-biệt về đạo Vương đạo Bá, cho rằng đạo Vương thì dầu lấy công-lợi chủ-nghĩa làm thủ-đoạn, nhưng chưa phải là cứu-cánh; đạo Bá thì chỉ lấy công-lợi làm mục-dịch cứu-cánh, mà mượn lấy đạo nghĩa làm thủ-đoạn. Vậy người làm chính-trị phải nên phân biệt, khinh đạo Bá mà lợi-dụng lấy đạo-đức nhân-nghĩa của đạo Vương. Nếu chỉ lấy sức bắt người ta phục, thì không hay khiến người ta tâm phục; hay lấy đức mà trị dân thì trong tâm người ta mới hài lòng mà thành-phục vậy.

Luận về đạo-đức với kinh-tế quan-hệ với nhau. — Thầy Mạnh vẫn nhận rằng đạo-đức có quan-hệ với kinh-tế, nên thời thường chủ-ý về việc kinh-tế, thực là một điều trác-kiến vậy. Thầy bàn về đạo-đức với kinh-tế phải điều-hòa với nhau mà rằng: « Người ta không có hằng-sản mà hay giữ được hằng-tâm ấy, duy bậc sĩ là hay giữ được mà thôi. Còn như hạng dân thường nếu không có hằng-sản, thì nó không có hằng-tâm. Nếu không có hằng-tâm thì nó sinh ra phóng-tích tà-xỉ không việc gì là chẳng dám làm. Đến khi mắc vào tội, lại đem hình phạt mà bắt tội nó, thế là đánh lừa dân vậy. Ông vua nhân-đức ở ngôi, khi nào lại làm những việc

danh lừa dân ấy vậy ». (*Lương Huệ-vương thượng*). Thầy Mạnh đã cho việc kinh-tế là không nên khinh-thị, nhưng người nào trọng về đường kinh-tế quá mà chỉ đi cầu lấy phú quý thì lại không nên. Vậy thầy lại phân biệt một đảng làm thiện như ông Thuấn, với một đảng vị lợi như người Trích, khác nhau xa, vậy nên thầy nói rằng: «Mới gầy trở dậy mà đã chăm chỉ làm thiện, là lũ ông Thuấn vậy; mới gầy trở dậy mà đã chăm chỉ nghĩ đến lợi, là lũ người Trích vậy; hai đảng sở-dĩ khác nhau xa là vì một đảng vị thiện với một đảng vị lợi vậy » (*Tận-tâm-thượng*). Thầy lại chê những kẻ chỉ say về đường kinh-tế nói rằng: « Những người chỉ chăm về sự ăn uống, thì ai cũng khinh; vì là những kẻ ấy chỉ biết nuôi cái tiêu-thể là khẩu phúc mà bỏ mất cái đại-thể là cái tâm vậy » (*Cáo-lữ-thượng*).

Tư-tướng dân-chủ. — Trong thuyết chính-trị của thầy Mạnh lại có cái tư-tướng dân-chủ. Cái tư-tướng dân-chủ ở nước Tàu tự thầy Mạnh mới nói rõ ra. Thầy Mạnh cho dân là gốc nước, những người làm hại sự an-ninh của dân thì không thể làm vua được, thầy nói thẳng rằng: « Dân là quý, xã-tắc thứ hai, vua là khinh. » Thầy Mạnh lại cho ý dân tức là ý trời hiển-hiện ra vậy, vua Trụ bạo-ngược làm trái ý dân giết đi là lẽ đương-nhiên theo ý trời vậy, thầy nói rằng: « Kẻ làm hại điều nhân gọi là tặc; kẻ làm hại điều nghĩa gọi là tàn. Kẻ tàn tặc gọi là một phu. Chỉ nghe nói giết một kẻ sát-phu là Trụ, chưa từng nghe nói giết vua vậy ».

Lời phê-bình. — Xét thầy Mạnh về những chỗ tôn-trọng thánh-hiền đời cổ, cốt lấy cái tư-tướng chính-giáo nhất-trí làm cơ-sở và cái học-thuyết chỉ cốt thực-hành, thì thầy Mạnh với Khổng-tử cũng giống nhau. Thầy Mạnh cũng

là một nhà tư-tướng theo về trong vòng Nho-giáo. Học-thuyết thầy Mạnh đại-thể đều là tổ-thuật Khổng-tử mà tập đại-thành lại; tựu-trung có mấy điều rõ-ràng hơn, như là luận về tính người bản-thiện, luận về bản-vụ, luận về đức, v. v.. Khổng-tử luận về tính người chưa được rõ-ràng lắm, qua thầy Tử-Tư đến thầy Mạnh-tử mới rõ-ràng luận về tính thiện. Khổng-tử luận về bản-vụ chỉ nói qua có đạo vua tôi, đạo cha con. Đến thầy Mạnh thì nói cha con phải thân yêu, vua tôi phải có nghĩa, vợ chồng phải có phân-biệt, lớn nhỏ phải có thứ-tự, bè-bạn phải có tin, mới định thành ra năm đạo luân-thường. Khổng-tử chỉ nói đức nhân, thầy Mạnh thì phân ra có bốn đức: nhân, nghĩa, lễ, trí. Học-thuyết thầy Mạnh không phải là toàn giống Khổng-tử cả. Không những là tính-chất thầy Mạnh khác với Khổng-tử, về phần tư-tướng cũng nghĩ ra nhiều lẽ độc-sáng. Cho nên cũng có nhiều chỗ khác với học-thuyết Khổng-tử, xem như mấy điều sau này: Một là Khổng-tử chỉ căn-cứ ở những thuyết của tiên-vương, cho cái quan-niệm còn-bản về sáng-tổ đạo-đức là phần khách-quan; thầy Mạnh thì hay phát-triển cái tư-tướng của Tử-Tư, nhận rõ lương-tri lương-năng là cái bản-tính cố-hữu của người ta. Hai là ông Khổng thì cốt giữ lấy nghĩa lớn danh-phận, mà thầy Mạnh thì cực-doan luận về cách-mệnh đời. Ba là Khổng-tử ít nói việc kinh-tế mà thầy Mạnh thì lại cho đạo-đức với kinh-tế có điều mật-thiết quan-hệ, nên thường luận đến việc kinh-tế luôn.

Đạo-đức Nho-giáo tự Khổng-tử tập đại-thành, đến thầy Mạnh mới phân ra thống-hệ mà phát-triển thêm ra; đó là chỗ sở-trường của học-thuyết thầy Mạnh. Luận về tính người và luận về bản-vụ về đạo-đức, đến thầy Mạnh mới nói rõ hình-thức ra lại càng

chính-bị hơn. Luận về cách tu-vi thì cũng đã bảo phải suy-ngĩ, chẳng những là chỉ bảo thực-tiễn. Song trên phần tư-tưởng luận về động-cơ, vẫn là thủy-chung nhất-quần cả; phần lý-tưởng về đạo-đức, lại hay thích-dụng về việc chính-trị, mà lại chỉ giảng-thuyết về đạo Vương, rất là bác-sích đạo Bá; đều là những chỗ sở-trường của học-thuyết thầy Mạnh. Song có chỗ sở-trường cũng có chỗ sở-đoán. Về học-thuyết thì ít phần căn-cứ ở triết-học, tư-tưởng cũng không được quán-triệt cho lắm, đó là điều sở-đoán.

Song thầy Mạnh khác với những nhà đạo-học tầm-thường; thầy có cái thiên-tài về chính-trị, thường cậy tài-khí, phát ra bàn-luận sang-sảng, về phần luận-lý cũng có nhiều chỗ không được chính-xác. Xem như thầy cùng với Cáo-tử tranh luận thì khá biết. Cáo-tử thì chủ-ý một đảng, tuy rằng bị thầy Mạnh bài-bác nhưng cũng phần nhiều chỗ chỉ là chỗ nói bàn xông, đó là vì tư-tưởng chưa được quán-triệt vậy.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch-thuật

VIỆT-NAM TỔ-QUỐC TỬY-NGÔN

越南祖國粹言

VI

205— Làm trai đã đáng nên trai,
Hành Đông, Đông tinh, đánh Đoài,
[Đoài tan (1).

206— Làm trai có chí lập thân,
Rời ra gặp hội phong-vân có ngày (2).

207— Làm trai chỉ ở cho bền,
Chớ lo muộn vợ, chớ phiền muộn con
(3).

208— Lạy Trời, lạy Phật, lạy Vua (4),
Cho tôi mạnh-khỏe tôi xua con ruồi (5).

209— Hoa sen mọc bãi cát lầy,
Tuy rằng lầy-lấp vẫn mầm hoa sen (6).

210— Hoa thơm ai nữ bỏ rơi,
Người khôn ai nữ nặng lời đến ai (7).

211— Hoa thơm ai chẳng muốn đeo,
Người khôn ai chẳng nặng nịu bên
[minh (8).

212— Hoa thơm mất nhị đi rồi,
Còn thơm đâu nữa mà người ước-ao (9).

213— Hay quần, hay áo, hay chơi,
Mà chẳng hay người là của bỏ đi (10).

214— Ham cái nết, không hết chỉ người
(11).

1) Đoài 兌 đây là phương chính tây. đời Lê chia nước làm tứ-xứ: gọi là xứ Đông, xứ Đoài, v. v. .

Đời Hậu-Lê hai xứ Đông Đoài nhiều loạn. Đây là lời phong-dao tả một cái nhân-cách tương tài, giúp loạn an-dân và để làm gương cho kẻ làm trai.

2) Phong 風 là gió, vân 雲 là mây. Sách nói hồ gầm thì gió đến, long bay thì mây theo, để ví như có anh-hùng thì có thời-thế.

Đây nói làm trai chỉ lo lập được thân cho thành nhân-cách, chớ không lo gì không gặp thời-vận hay.

3) Vợ con là nghĩa-vụ làm trai phải có để đóng góp với xã-hội, song đương tuổi thanh-niên cần phải tu-đức tiến-nghiệp, nếu đa-mang sớm, tất không theo đuổi được mục-dích. Thế thì có muộn một chút cũng là sự hay, chớ nên lo phiền. Đây là khuyên nên bền lòng lập-chí.

4-5) Vua là các vị đế-vương về thiên-thần, nhân-thần mà người ta vẫn thờ.

Đây là lời hoạt-kê để tự-trào mình vốn có chí-khí, có phách-lực, hằng muốn ra tay xếp đặt việc đời, mà nay bệnh-tật suy-dồi, tự cử động không nổi, có câu : « mệt không buồn xua ruồi » nên cầu mạnh khỏe chỉ để xua con ruồi nó bâu vào mình mà thôi, chớ không còn mong xua đuổi loài gian lữ bạo giỡn nữa. Nói thế có ý tức-bực lắm.

Lại một nghĩa thì cho là đề trào-phúng kẻ không có chí-khí, phách-lực gì, nay lại ốm yếu, phải cầu-thần đảo-bệnh. Như thế phỏng cầu mạnh-khỏe để làm gì. Có chăng chỉ đến xua con ruồi nó đậu mép, chẳng đau cũng buồn, bất-đắc-dĩ phải xua lấy, mà không mượn ai được.

6) Mầm hoa sen tức là cái ngó. Ngó sen ở dưới bùn mà vẫn trắng nõn, Hoa sen ở dưới bùn lên mà vẫn sạch thơm. Đây là ví một cái nhân-cách thanh-khiết thì dù ở vào nơi ô-trọc cũng không chịu nhiễm.

7) Đây là nói người khôn ai cũng trọng, cũng như hoa thơm ai cũng quý.

8) Cũng giống nghĩa câu trên.

9) Đây là nói về nhân-cách người con gái. Ví như hoa, người ta quý là ở cái nhị thơm. Nay nhị thơm đã mất rồi thì ai còn ước-ao làm gì. Gái mà hư nết, thất-tiết cũng vậy.

10) Đây là chê kẻ không biết tu lấy nhân-cách thực, mà chỉ chăm sửa-sang bề ngoài. Quần áo, chơi-bời đều thạo-giỏi, nhưng chính cái ngời của mình thì không giỏi, thì là đồ vô-dụng rồi, còn quý gì.

11) Câu này hay dùng khi giạm vợ. Như nói : « Thừa cụ như cô em đây, chúng tôi thực là « ham cái nết chứ không hết chỉ người ». Nghĩa là người thì còn vạn ra đây, nào đã hết đâu. Nhưng đến cái nết thì cô em đây, thực khiến cho chúng tôi phải ham mà cầu-khẩn đến.

Coi đó biết nhân-cách là trọng ở tinh-thần.

215— Trai thì mạnh, gái thì mềm (1).

216— Trai anh-hùng, gái thùyên-quyên (2).

217— Trai tứ-chiến, gái giang-hồ (3).

218— Giá áo, túi cơm (4).

219— Gáo đồng múc nước giếng tây, Khôn ngoan cho lắm tở-thầy người ta (5).

220— Đi ra đằng soi gương đánh sập, Trở về nhà liếm láp nồi niêu (6).

221— Đêm nằm nghĩ lại mà coi, Lấy chồng hay chữ như soi gương vàng (7).

222— Đêm nằm nghĩ lại mà coi, Lấy chồng cờ-bạc như voi phá nhà (8).

223— Bất xấu trồng cây khẩng-nghiu, Những người thô-lục nói điều phàm-phu

224— Bất tốt trồng cây rườm-rã, Những người thanh-lịch nói ra qui-quyên (10).

1) Đây là nói trai gái đều phải theo cái tài-đức, tính-chất đã phú-bẩm riêng của mình mà trau-giồi để ganh-đua cho thêm phát-siễn ra. Tạo-hóa phú cho trai mạnh gái mềm không phải là cho trai hơn gái kém, mà chính là để chia công-việc theo sở-trường đó. Vậy trai mạnh thì thi nhau về sự mạnh. Nào bốn phương hồ-thỉ, trầy-trương thông-hành để giúp nhà giúp nước. Nào bơi đua, chạy thi, đá bóng giải, cho bằng chúng bạn. Cho đến đức-tính cũng phải tập cho thành nhân-cách mạnh-mẽ, cương-trực, sốc-nổi, chuông thố-chất. Phần lại thì là cái quái-vật. Gái mềm thì thi nhau về sự mềm. Nào nữ-công nội-tắc, buôn-bán cửu-canh, để gây dựng gia-đạo. Nào đường kim hộp bút, nét vẽ câu thơ cho bằng chị em. Cho đến đức-tính cũng phải tập cho thành nhân-cách mềm-mại, ôn-hòa, nhân-từ, chuộng nhã-dạm. Tiến

lên thì ra giúp việc phúc việc nghĩa, việc giáo-dục càng hay. Hơn nữa như những bậc anh-thu, nữ-khiết cũng không bỏ được cái đức mềm.

2) Thuyền-quyên 婬娟 là người con gái cực đẹp mà có tài có đức.

Đây là nói về hai cái nhân-cách tối-cao của trai gái.

3) Tứ-chiêng, tứ-chánh đều do tiếng « tứ-trấn » mà ra. Cờ-giả về bản-bộ Bắc-kỳ bấy giờ chia ra làm bốn trấn lớn thuộc về Thăng-long giám-đốc. Người không có chức-nghịep không có mục-dịch đi lang-thang khắp tứ-trấn, nay đây mai đó, trải lữa cả những cái lâu-lĩnh gọi là người tứ-trấn, sau nói sai đi thành tứ-chiêng, tứ-chánh. — Giang là ba sông Giang, hồ là năm hồ lớn, đều ở liền nhau về mé nam Trung-quốc. Vùng đó là nơi buôn-bán thông-hành đông-vui. Tiếng giang-hồ xuất-hiện từ ông Phạm Lãi 范蠡, ông làm Thừa-tướng nước Việt, báo thù được nước Ngô rồi ông từ chức chở thuyền đi chơi ngoạn-cảnh khắp Tam-giang Ngũ-hồ thì tiếng giang-hồ ấy nghĩa là đi chơi xa. Ông Phạm Lãi lại ở lại một nơi vùng đó buôn-bán thành giàu có lớn, nổi danh đại-phú-thương, thì tiếng giang-hồ ấy nghĩa lại là đi buôn-bán làm ăn xa. Nay nói gái giang-hồ thì không phải là đi chơi đi buôn-bán làm ăn, mà là hư thân đại-nết đi kiếm ăn trong đám trăng hoa.

Đây là nói về hai cái nhân-cách cực-dê của trai gái.

4) Câu này là dịch ở câu « y dá phạn nang 衣架飯囊 » của Tàu. Thân mặc áo mà như cái đá để treo áo, dạ đầy đựng cơm mà như cái túi đựng cơm. Đây là nói kẻ không có trí khôn, không có tình-tử, không làm gì được. Tuy là người mà là cái đá treo áo, cái túi đựng cơm.

5) Đây là câu phong-dao về thể « bưng », giếng tây có lẽ là cái giếng

nước không tốt mà tác-giả trông thấy bấy giờ, bèn lấy cái gáo bằng đồng là một vật quý mà đem múc cái nước giếng không tốt kia, để hứng vơi một người khôn-ngoaan tài giỏi mà chỉ làm thầy tớ cho người ta, cam chịu ô-nhục như thế thì có làm gì. Nhân bài chữ « người ta » có nghĩa là người ngoài, cho nên có người cho là câu này ở về lúc sau đời Hồ.

6) Đây là chê một cái nhân-cách ngoài sạch-sẽ mà trong bẩn-thiu của con gái. Nhân-cách thực tốt phải ngoài cũng như trong, không thì trong hơn ngoài càng hay. Nếu chỉ cốt dõm dáng bề ngoài khi ra đường, mà về nhà thì tham ăn tục uống, liếm cả nồi lẩn niêu như ả nọ, thì ai chuộng làm gì.

7) Hay chữ là học rộng văn hay, nghĩa là giỏi chữ. Gương vàng là gương bằng vàng, cỗ chưa có thủy-tinh, lấy đồng làm gương. Nay gương bằng vàng thì càng bóng.

Gương bóng biết rõ mặt người, người hay chữ là kẻ thông-minh biết rõ tâm-tinh nhau, tức là kẻ tri-kỷ. Đây là lời người học-trò tự phô nhân-cách với người con gái hay là lời người con gái đã lấy được chồng hay chữ mà há lòng.

8) Đây là lời người con gái chê kẻ cờ-bạc không chịu lấy mà nói, hay là đã lấy rồi hết cả gia-sản rồi mà than-thở.

9) Đất xấu thì cây cằn, người tục thì lời phạm, lẽ tất thế. Vậy muốn có nhân-cách tốt phải cải-lương từ gốc.

10) Quý-quyền ở đây là quý-trọng, nghĩa là lời nói đáng quý-trọng có ích cho người nghe. Chữ không phải nói cái lỗi quyền-môn hách-dịch khinh người dẫu. Trái lại nghĩa trên thì thành nghĩa này, càng tỏ ra nhân-cách phải có gốc mới có ngọn.

225— Đây song, đây cũng mây liền, Đây có một liền đây cũng sáu-mươi (1).

226— *Đầy vàng đầy cũng đồng đen,
Đầy hoa thiên-lý, đầy sen Tây-hồ (2).*
227— *Đầy ta như cây giữa rừng,
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng dời*
228— *Hã có một lượt thì thôi, [3).
Lượt này lượt nữa người đời khinh
ché (4).*
229— *Đen đầu cũng kẻ là người (5).*
230— *Thuốc cam-thảo, nước lão-thần*
231— *Đẹp độn dàng mà đi (7). [(6).*
232— *Được cả người lẫn nết (8).*
233— *Đẹp không mài mà uống (9)*
234— *Dù rách mới ra thân tàn,
Xưa kia nó cũng hồng-nhan hơn người
[10).*

1) Song với mây một loài mà song to mây nhỏ. Cờ tiền 60 đồng là một tiền quý, cũng như bảy giờ mười xu là một hào. Đây là lời người bị kẻ kia có ý khinh mà độ nhân-cách để tỏ mình cũng không kém gì.

2) Hoa thiên-lý thơm thoảng mà thanh, cánh nhỏ, hoa ra chùm, cây vẽ loài leo, sắc hoa màu lá mạ. — Tây-hồ tức hồ Tây ở Hà-nội, trồng nhiều sen. Một cái hồ to ở đô-thành, sen lại vốn là hoa thanh-quí. Đây cũng như nghĩa trên.

3) Đây là nói một cái nhân-cách trung-lập cứng-rắn. Cây mọc giữa rừng cây, cũng như người đứng trong rừng người. Ngay thẳng vững bền thì không sợ gì sự đua chen xô đẩy,

4) Đây là nói về sự phải đời lỗi. Đã lỗi một lượt thì nên ăn-năn mà thôi ngay.

5) Đây là nói nhân-cách phải trọng ở tinh-thần. Người ta trên đầu có tóc đen nên gọi đen đầu. Người ta sở dĩ quý hơn giống vật là ở thần-trí suy biết sự phải sự trái. Nếu ngu-ngốc không biết gì mà cứ lấy cái đầu đen đầu gọi là người, thì không xứng.

6) Cam-thảo 甘 萆 vị ngọt lắm, tính hòa, giải độc, điều-hòa được cả các vị thuốc khác. Cho nên không mấy đơn

thuốc là không có cam-thảo. — Lão-thần 老 臣 là người làm quan trải các chức đến bậc cao-trọng mà đã già. Tính ôn-hòa và gan-góc, hay điều-hòa được các phái mà thu-xếp ổn-thoả được những việc chính-trị lớn cũng những việc rối-loạn.

7) Đây là khinh cái nhân-cách đẹp người mà vô-dụng không giúp được việc gì

8) Đây là nói nhân-cách tốt, người đẹp nết hay.

9) Đây cũng như nghĩa câu giải (8) trên.

10) Dù là cái đồ tay cầm che mưa nắng làm bằng tre với giấy. Nay Nhật-bản còn dùng mà ta thì bỏ. Sắc dù ngoài đen, trong đỏ hoặc xanh mà có vẽ thuốc, nên nói hồng-nhan cũng như gái mà hồng quý giá. Đây là nói trước giàu sau nghèo, nhân-cách cũng nhân đó bị người khinh. Nhưng cái dù thì thế, chứ nhân-cách thì không biến đổi được.

∴

235— *Dàng chú-mây coi cũng xinh,
Cơm ngày ba bữa còn rình cơm con (1).*

236— *Chuột chù chê khỉ rằng hôi,
Khỉ lại trả lời, cả họ mày thơm (2).*

237— *Chính-chuyên chết cũng ra ma,
Lẳng-lơ chết cũng khênh ra đây đồng (3).*

238— *Chim khôn tiếng kêu rảnh-rang,
Người khôn tiếng nói dĩa-dàng để
nghe (4).*

239— *Chẳng chua cũng thề là chanh,
Chẳng ngọt cũng thề cam sành chín cây*

240— *Cha đời cái áo rách này, [(5).
Mất chúng mất bạn về may áo ơi (6).*

241— *Ăn xổi ở thì (7).*

242— *Của đời muôn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh-hùng mà thôi*

243— *Cây cao chẳng quản gió rung, [(8).
Đẻ cao chẳng sợ nước sông tràn vào (9).*

244— *Có cứng mới đứng đầu gió (10).*

1) Đây là lời giễu một cái nhân-cách tốt mẽ mà hèn tài.

2) Đây là nói kẻ chỉ biết chê người mà không biết xét mình. Chù chê khi hời mà chính nời giống mình là cực hời không ai chịu nổi.

3) Chính-chuyên là đức tốt của đàn bà, chính mà chuyên một lòng, tức cũng là đức trinh. Lẳng-lơ là nét hư của đàn-bà, tự trên hoa ghẹo nguyệt không chung-tình với ai. Đây là lời của kẻ lẳng-lơ, biết mình bị đời khinh mà không chịu sửa lại nhân-cách, bèn nói cối rắng chính-chuyên với lẳng-lơ rồi cũng chết cả. Đạo-đức với vô đạo-đức phỏng có làm gì. Song kẻ lẳng-lơ mà đã phải phát ra câu ấy đề cãi liêu thì biết nó đã bị đời bỏ ra lâu rồi.

4) Đây là nói về nhân-cách quan-bệ ở lời nói.

5) Cam sành là một giống cam ngọt lắm, nó tự chín ở trên cây lại càng ngọt.

Đây là nói nhân-cách phải có thực mới có danh. Đã thành-danh tất có thực. Cho nên đã là chanh tất chua, đã là cam sành chín tất ngọt.

6) Đây là thống-mạ cái áo rách mà tức là ngụ-ý thống-mạ xã-hội chỉ chuộng nhau ở bề ngoài. Bèn trở vào cái áo thống-mạ và bảo: « Cái áo rách này ơi, ta xem từ khi có mày tức là từ khi ta nghèo thì ta mất cả chúng bạn khi xưa. Thế không phải tội vì mày dư. Nhưng coi đó đủ biết đời họ không thân với người, không trọng nhân-cách, mà chỉ thân với quần áo, với tiền của mà thôi. Thôi đời đáng bỏ thay».

7) Đây là chê cái bụng không tràng-viến.

8) Đây là đánh thức cho người đời biết tài-sản với vinh-danh, đang nào là quý. Bọn dong-tục thấy nhỏ thì vờn ruợng, lớn thì giang sơn, bề cái gì thuộc về ai thì là của riêng người ấy. Nhưng không nghĩ trước đã bao nhiêu chủ,

sau còn bao nhiêu chủ, thì là của chung ở đời, chứ có phải riêng một ai được. Chính của riêng về một người mà không ai tranh được, không ai mua được, thì chỉ có một tiếng anh-hùng mà thôi. Cơ-nghiệp hai chiều Lý Trần chuyển-dịch chủ khác đã nhiều mà danh-giá của ông Lý Thường-Kiệt, ông Hưng-dạo-vương nay càng vinh-quang. Coi đó thì biết cái gì là của riêng.

9) Đây là nói đã có cái nhân-cách cao thì bọn tiểu-nhân hoặc sự biến-cố không chuyển-di, lấn-áp được. Cũng như cây cao với đề cao thì gió với nước không rung chuyển, không tràn vào được.

10) Đây là ví người cương-ng nghị cũng như cái cây cứng. Phàm cây đứng đầu gió phải chịu sức gió đánh mạnh hơn và che cho các cây đứng cuối, nếu không cứng tất bị gãy đổ đã lâu rồi. Thế mà cái cây kia vẫn đứng vững ở chỗ đầu gió lúc bão táp, thì biết nó cứng là dường nào. Kẻ cương-ng nghị những khi gánh vác việc đời dang con biến-loạn, có khác gì.

245— Ăn no ngủ kỹ (1).

246— Anh-hùng gấp phải khúc lươn, Khi gấp thì ngắn khi vượn lại dài (2).

247— Anh-hùng gì anh-hùng rơm, Tôi cho nằm lửa hết con anh-hùng (3).

248— Anh này rõ khéo làm ăn, Đì cày chẳng biết chít khăn mượn người (4).

249— Anh này rõ khéo ra trò, Ở nhà cả cạo, cả mò trong niêu (5).

250— Anh đừng chê thiếp xấu xa, Bởi chưng bác mẹ sinh ra thế này (6).

251— Ai cho sen muốn một bồn, Ai cho chanh khế sánh cùng lựu lê (7).

1) Đây là nói về cái nhân-cách ngu-xuẩn, không biết lo nghĩ gì. Chỉ ăn cho no rồi lại ngủ cho kỹ. Việc bản-thân cũng không lo nghĩ, phỏng còn lo nghĩ gì đến nhà đến nước.

2) Đây là nói nhân-cách giỏi thì không lo hoạn-nạn. Xem con lươn kia khi nó gấp khúc lại thì trông ra ngắn, nhưng khi nó vươn ra thì lại dài. Anh-hùng gặp vận bĩ cũng thế.

3) Đây là giễu kẻ hay tự-nhận là anh-hùng mà xem nhân-cách thì rơm-rác lắm. Nên nói khôi-hài để mà giễu. Anh-hùng rơm thì ta cho nằm lửa là ra tro, hết cả khoe khoang.

4) Đây là lời giễu kẻ ngu-dần không làm gì được mà lại hay dở việc ra.

5) Đây là lời hoạt-kê giễu kẻ vô-tài chỉ hay ăn hay uống, ăn hại gia-đình mà ăn một cách lèm-nhèm. Lại còn cổ len-lóc chen vào sân khấu xã-hội để cũng ra trò.

6) Đây là lời người con gái, xấu người mà đẹp nết, nói để cho người con trai biết trọng đến tài đức của mình tự-tu-liễn được, còn cái dung-mạo bởi tự sinh-thành có xấu-xa cũng không hại gì.

7) Bồn 盆 là cái chậu. Đây là lấy sen với muống, chanh khế với lựu lê mà ví nhân-cách có cao hạ khác nhau, thì không có thể coi làm một hàng như nhau mà đem để chung sánh liền vào với nhau được.

(Còn nữa)

ĐỒ-NAM và ĐÔNG-CHÂU

TUÔNG HÁT

TRUNG-HIỆU THẦN-TIÊN (1)

(Truyện Hưng-đạo-vương 興道王傳)

V

HỒI THỨ XIV

Kể dụ-địch quân lui về Vạn-Kiếp
Lòng thương-dân vua giá-hạnh
Hải-đông

Các vai :

Thoát-Hoan — Ô-mã-nhi — Trương
Ngọc — Hưng-đạo-vương — Dã-Tượng
— Yết-Kiên — Nhân-tôn — Hoàng-phi
— Trần Lai — Quân-sĩ.

Thoát-Hoan cùng chư-tướng ra.

Thoát-Hoan nói :

Tự Nguyên-đình phụng mệnh ; giả
đạo đánh Chiêm-thành. Toa-Đô đã theo

lối hải-trình ; quân ta cũng tới nơi
quan-ải. Chư-tướng, Ô-mã-nhi : Cửa Khả-
ly kịp tới ; tướng-quân Trương Ngọc : đồn
Châu-lộc liền qua. Ta cùng chư-tướng :
Trong Khuru-cấp không xa ; truyền
đại-binh tiết phát, a.

Nói toáng :

Đồng-trụ hà niên, Giao-chỉ do lai
thành thuộc-địa ; kim qua thử-nhật,
Trần-nam tự hậu vĩnh xưng vương
銅柱何年交趾由來成屬地。金
戈此日鎮南自後永稱王。

Hưng-đạo cùng chư-tướng ra.

Hưng-đạo nói :

Thái-tử Thoát-Hoan, ta bảo cho mi nghe:
Mi đừng khoe sức mạnh ; ta không

(1) Xem Nam-Phong số 170, 171, 172 và 173.

phải người ngu. Như nay mi mượn đường nước ta qua đánh nước Chiêm-thành: Nam-Việt này thực cũng như Ngu; Chiêm-thành nọ khác gì với Quắc. Như tao đây: Mưu gian khôn dễ mắc; kế quyết tướng không xong. Đành phải quyết thư hùng; đặng cho phân thắng phụ.

Thoát-Hoan nói:

Nghe lời đà tím ruột; thấy nói cũng căm gan. Ở Hưng-đạo-vương ta bảo cho: Nước nhỏ teo nào khác thể đàn-hoàn; người ngái ngủ há dung đầu ngoạ-tháp. Chư-tướng: Binh không cần mặc giáp, ngựa không đợi gác yên. Quân: Truyền kíp phải đánh liền; chớ đặng cho tàu-thoát.

Hai bên đánh nhau, Hưng-đạo-vương thua chạy vào.

Thoát-Hoan nói:

Mới ra oai một phút; giặc nó đã chạy dài. Khuru-cấp kia nó đã bỏ rồi; Chi-lăng nọ ta mau tiến phát.

(Đều vào)

Hưng-đạo cùng chư-tướng ra.

Hưng-đạo-vương nói:

Ôi cha chả! Quân ta đã hai đồn thất thủ; tặc đặng ầu từ diện giáp công. Đánh lại chẳng xong; giữ ầu khôn dễ. Chư-tướng, truyền thoái quân, nghe. Bỏ Khuru-cấp phải lo thoái kế; về Chi-lăng sẽ thiết đại-đồn, nghe.

(Đều vào)

Thoát-Hoan cùng chư-tướng ra.

Thoát-Hoan nói:

Mừng dưng-tướng hai đồn thủ thắng; khen mưu thần nhất kế dụng kỳ. Chư-tướng: Kíp truyền dời đóng Khả-ly; dao vọng Chi-lăng tiến phát. Truyền tiến quân.

Văn rằng:

Dao-vọng Chi-lăng tiến phát,
Quyết phen này tan nát mới thôi.

Được thua ầu cũng định rồi,
Chầu kia dám đấu với voi bao giờ.

Lại nói:

Đã đến Chi-lăng rồi mà: Muốn đặng đồn này dễ phá; ầu dùng đại-bác mới xong. Ta nhớ lại từ khi ta phụng mệnh sang đánh, vua ta có cho ta đại-tùy đại-bác, súng này dùng để đánh thành đánh lũy thời tan nát hết, mà bởi vậy cho nên: Chi-lăng kia cho vây lấy chín lần; bãi-tân nọ cũng sai riêng một toán.

Quân Hưng-đạo-vương ra, Quan Thoát-Hoan vây Hưng-đạo-vương.

Hưng-đạo-vương nói:

Ôi cha chả! Quân đã đông tựa kiến; thế thì mạnh như điều. Ít khôn chống lại cùng nhiều; tên dễ địch nhau với súng. Như thế này: Thật mắc cơn lúng-túng; khôn xiết nỗi treo-leo. Chư-tướng: ầu là ra sức đánh liền; may đặng tìm đường tàu-thoát.

Hưng-đạo-vương đánh giải vây.

Hưng-đạo-vương nói:

Nạn kia thoát khỏi một phen; đường nọ chia làm hai ngã. Ta muốn chạy theo đường bộ; Dã-Tướng: người xem có ngại gì không?

Dã-Tướng nói:

Đa dạ: Nếu chạy theo đường bộ; e Nguyên-tướng theo liền. Bãi-tân kia tướng cũng có thuyền; Yết-Kiều nọ chắc đã ở đó.

Hưng-đạo-vương nói:

Cổ cứng gặp cơn gió mạnh; tôi hiền giúp vãn nước nghèo. Dù rằng gặp buổi treo-leo; nhưng cũng tạc lòng vàng đá.

Văn rằng:

Nhưng cũng tạc lòng vàng đá,
Dù gian-nan hiểm-trở quân dàu.

Cảnh buồn chờ lấy làm sầu,
Cảnh vui chắc sẽ theo sau đó mà.

Dã-Tướng văn rằng:

May ra ta lại gặp ta,
Bãi-tân tướng cũng không xa chốn này.

Hưng-đạo-vương nói :

Ai như Yết-Kiều đó mà ?

Yết-Kiều nói :

Dạ dạ, trăm lạy đại-vương, như tôi : Từ vàng lời Nguyên-súy ; ra giữ bến Bải-tân. Trong hồi bảy giờ giặc nó đến đánh tôi cũng đã nhiều lần đó mà : Giặc đâu rằng đánh đến nhiều lần ; nhưng thế mà : tôi vẫn giữ lấy thuyền mấy chiếc. Bởi vì : Minh tôi không dám tiếc ; việc nước phải nên lo. Xin rước Đại-vương xuống thuyền đi cho : Sẵn trong thuyền đã đủ mọi đồ ; theo đường thủy chèo về Vạn-kiếp.

Hưng-đạo-vương nói :

Nước cùng duyên với cá ; mây bồng cánh cho hồng. Như khi gặp hội long-đong ; may cũng nhờ tôi giúp đỡ.

Văn rằng :

May cũng nhờ tôi giúp đỡ,
Quyết phen này trả nợ non sông.

Một mai vạn-lý thừa-phong,
Cũng vì sáu cánh mây hồng bay cao.

Yết-Kiều văn rằng :

Phận hèn bao quản công-lao,
Chúa không bằng cánh tôi nào yên tâm.

Dã-Tượng văn rằng :

Phen này rồng hãy nín tâm,
Một mai mưa gió âm-âm sẽ bay.

(Đều vào)

Nhân-tôn nói :

Từ nghe tin bại-trận ; luống e nổi hao binh. Ấu là theo lối thủy-trình ; dao vọng Hải-đông tiến-phát, a.

Hoàng-phi ra. Hoàng-phi nói :

Dạ dạ, trăm lạy Bệ-hạ, như cơ-sự thế này, xin cho tiêu-thiếp theo cùng : Cha gặp cơn bối-rối ; con xiết nỗi bi-thương. Xin cho gặp mặt phụ-vương ; sẽ dâng thỏa tình nhi-nữ.

Nhân-tôn nói :

Ta cho.

Nhân-tôn văn rằng :

Dao vọng Hải-đông tiến-phát,
Cơm buổi mai chưa kịp quân bao.

Mới hay thiên-tử ngôi cao,
Trong sung-sướng lại gian-lao thế này.

Hoàng-phi văn rằng :

Có đâu Siếu-mẫu ở đây,
Mới hay nhất phạn cũng tầy thiên-kim.

Tiêu-tốt Trần Lai nói :

Dạ dạ, trăm lạy Bệ-hạ cùng Hoàng-phi như nay : Trời cũng đã trưa quá ; ngài chưa có cơm xơi. Xin tha lỗi cho kẻ hạ-thần, vì kẻ hạ-thần có đem bát cơm đồ đi đây : Tấm lòng son dám quên phận tôi-đời ; lưng cơm đồ xin dâng lên chúa-thượng.

Nhân-tôn nói :

Hảo a : Thôi ta cùng phu-nhau nhận lấy cho đó mà : Tưởng những lúc dạ không còn đói ; mới hay rằng cơm nguội là ngon. Ngờ đâu chút phận trẻ con ; biết giữ đạo tôi làm thế. Ân đã đành xiết kẻ ; ta cho mi tước là thượng-phẩm nghe : tước cũng thưởng liền ngay.

Hoàng-phi nói :

Như thế này : Dù phận nhỏ, hữu công tắc thưởng ; nhờ ân sau mỗi phạn bất vương. Thôi thì đành cam khổ bi thương ; mong lạiặng gian-nan cộng tế.

Hưng-đạo-vương ra.

Nhân-tôn nói :

Tôi xin chào bá-phụ.

Hoàng-phi nói :

Con xin chào cha.

Hưng-đạo-vương nói :

Chẳng hay Hoàng-thượng cùng Hoàng-phi qua đây có việc chi mà hay ?

Nhân-tôn nói :

Như ta qua đây cũng bởi vì : Tin từ nghe bại trận ; lòng luống những thương dân. Như nay sinh ra cơ-sự làm vậy : Cũng bởi vì đấu lực với cường-lân ; nên đến nỗi la tai cho triệu-tính. Ta nghĩ công-việc bây giờ thôi thì hàng nó

cho xong mà : Ấu phải đánh treo cờ trắng ; thời thì e nổi máu hồng. Bởi vậy ta muốn gặp quan Nguyên-sủy đó mà : Nay được gặp nguyên-nhung ; sẽ thử xem ý-kiến.

Hưng-đạo-vương nói :

Trăm lạy Bệ-hạ, như nay Bệ - hạ bảo hàng với nó, tôi lấy làm xấu-hổ lắm mà ; Bởi đâu mỡ chứa rơi xuống đất ; chắc ngai vàng còn vững ngôi trời. Lẽ đâu mình chịu phạt tôi đòi ; để cho nước cam bề xỉ-nhục. Như nay tôi đánh cùng nó mà cứ phải thua luôn làm vậy, cũng là cái cách dụ-dịch đó mà : Bởi dụ nó dần dần thâm nhập ; rồi sẽ ta bộ bộ tiến công. Đánh một trận thì xong ; có việc gì mà ngại. Xin Bệ-hạ thuyền rồng trở lại ; cho hạ-thần thu-thập tàn-quân.

Nhân-tôn nói :

Như thế này : Nguyên-nhung đã định kế ; tiểu-tử đảng khoan-hoài. Hải-đồng nhất bộ từ - hồi ; Long-đổ tha-thời tương-kiến.

Văn-rằng :

Long-đổ tha-thời tương-kiến,
Dù mấy phen nguy-biến chẳng nao.
Chu Du chắc có tài cao,
Sẽ xem Xích-bích Tôn Tào được thua.

Hưng-đạo-vương văn-rằng :

Lo chi việc ấy mà lo,
Đầu tôi chưa mất ngôi vua hãy còn.

Hoàng-phi nói :

Tôi hết lòng với nước ; vợ trợn đạo cùng chồng. Lời này thề với non sông ; nghĩa ấy ghi vào vàng đá.

Văn-rằng :

Nghĩa ấy ghi vào vàng đá,
Tấm lòng này biết thuở nào nguôi.
Cơn buồn mà lại có vui,
Cha con hiệp mặt vua tôi một lòng.

Hưng-đạo-vương văn-rằng :

Hãy xin lắng-lặng mà trông,
Trời nam sẽ thấy cánh hồng cao bay.

Nhân-tôn cùng Hoàng-phi vào.

Hưng-đạo-vương nói :

Trông thuyền rồng đã xa cách Hải-đồng rồi đó. Quân, ấu là : mở trường bỏ sẽ ở sông Vạn-kiếp nghe.

HỒI THỨ XV

Độc hịch hội ở đồn Vạn-kiếp
Lánh nạn đánh bỏ đất Thăng-long

Các vai :

Hưng-đạo-vương — Quốc-Nghiễn — Quốc-Tảng — Quốc-Nghê — Quốc-Oai — Phạm Ngũ-Lão — Lê Phụ-Trần — Dã-Tượng — Yết-Kiên — Nguyễn-Khoái — Quốc-Toản — Thoát - Hoan — Thượng-hoàng — Thụy-ngọc phu-nhân — Thị-Nguyên — Ô-mã-nhi — Nhân-tôn — Phương-Cúc — Quân-sĩ.

Hưng-đạo-vương cùng chư-tướng ra.

Hưng-đạo-vương nói :

Chư-tướng : Nay hội-dồng chư-tướng truyền kiểm-diêm tam-quân. Khi-giờ phải nghiêm-trần ; quân-dung nên chỉnh-lúc.

Chư-tướng cùng nói :

Phụng-mệnh.

Quốc - Nghiễn, Quốc - Tảng, Quốc-Nghê, Quốc-Oai đều ra, cùng nói :

Dạ dạ, trăm lạy vương-phụ, như nay anh em chúng tôi đến đây : Nghe vương-phụ gặp cơn nguy-biến ; bởi vậy cho nên : Nên chúng con hậu-tập quân-gia. Hoặc lấy nơi La-ngạn Bàng-hà ; hoặc mộ ở Văn-tra Long-nhơn. Nhưng quân ấy là giỏi lắm đó thừa cha : Đều lựa người dũng-hắn ; dặng giúp việc chiến-tranh. Cho ấu-nhi quân lấy thân-binh ; theo vương-phụ chống cùng tặc-dân.

Hưng-đạo-vương nói :

Ta cho.

Phạm Ngũ-Lão, Lê Phụ-Trần, Dã-Tượng, Yết-Kiên, Nguyễn Khoái, Quốc-Toản đều ra cùng nói :

Từ hai trận thua cùng tặc-đảng; nhưng rứa mà: may chúng tôi thu lấy tàn-binh. Bây giờ chúng tôi đã sửa sang được như trước rồi đó mà: Quân sắc đã phân-minh; binh-nhung thêm chỉnh-túc. Trăm lạy đại-vương, cho anh em chúng tôi đánh một phen nữa mà: Trước xoe cánh còn mong sau phẩn-dực; thất đồng-ngung âu thu lại tang-du.

Hưng-đạo-vương nói:

Hào a! như nay: Đã dặng đủ vai chư-tướng; lại thêm hợp mặt bốn con. Tướng đà lựa dặng nhiều viên; binh cũng đủ hai mươi vạn. Ta khuyên các người nghe: Đừng thấy thua mà chán; dù cho được không mừng. «Sát Thát 殺 賊» đề hai chữ chàm xanh; tuân-cửu giữ một lòng son đỏ. Tờ lịch-thị rành-rành ở đó; khuyên chư-quân lắng-lặng mà nghe.

Hịch rằng:

Kỷ-Tín với Do-Vu thuở nợ, liều mình mà thay chết cho vua; Dự-Nhượng và Thân-Khoái đời xưa, tuần-quốc cũng trả thù với chúa.

Kinh-Đức phạt một chàng nhỏ nhỏ, mình che vua mà thoát được nạn kia; Chân-Khanh tói ngàn dặm xa xa, miệng chửi giặc quyết không theo lời nọ.

Trải xem tôi giỏi đời xưa; dù ở đời nào cũng có.

Giá vì khiến mấy chàng úy-tử, khu-khu mà giữ thói nữ-nhi; lại còn đâu muôn kiếp lưu phương, hách hách dặng thù danh vũ-trụ.

Truyện đời xưa còn có khả-nghi; việc cặn-thế lại càng thêm tỏ.

Tổng thần nhược Vương Kiên Nguyễn Lập, lấy một thành mà cự địch trăm muôn; Nguyên-tướng như Ngột-Ngại, Tu-Tư, dù Vạn-lý cũng mở-mang xích thồ.

Chúng ta sinh ở đời nay; các gã xem gương lấy đó.

Kia người nào, ta cũng người nào; việc lại khó, thời thêm lại khó.

Kể từ khi nguy-sử vắng lai; biết bao nỗi đạo-đồ bàng-ngộ

Hào-diều vẫy ba tấc lưỡi, dè dằn toan ép lại chiến-thư; khuyến-dương nẩy mấy gang thầy, liú cẳng không thêm chào tề-phụ.

Phụng sứ thác lời Tắt-liệt, ngọc bạch đưa còn bày cách tru-cần; giả-vương mượn tiếng Văn-nam, vàng bạc hết, còn gì là phủ-khố.

Của bao nhiêu âu dể chân lòng lang; nuôi cho lắm tướng không vừa miệng hổ.

Ta bởi vậy:

Ăn chẳng thấy ngon; nằm không nèn ngủ.

Hai hàng lệ nhỏ thường tuôn; chín khúc ruột đau như bõ.

Giận thay loài Mòng-cò, nằm da ăn thịt tướng không nguôi; căm bầy lũ cường-Nguyên, uống máu ăn gan hầu dể đủ.

Nay ta soạn tướng-lược chư-thư; giao cho đó binh-thư nhất bộ.

Nếu chịu chăm xem mà học, tình quân-thần xin kết bạn thề-thần; vì bằng biểu nhác không xem, cách thù địch gọi là đồ chúa.

Bởi thù kia chẳng chịu sống chung nhau; nên sách ấy chớ nên khinh mà bỏ.

Chư-tướng ơi!

Các người đành đem dạ vui chơi; sĩ tốt chẳng ra công dạy dỗ.

Ấy thật là không thủ địch cùng người; nào có khác cam tâm hàng với lỗ.

Chót mang ân phú tài, thân phận này đành phải nên lo; nếu chịu dứa cừu thù, diện mục ấy thôi cam chịu hổ.

Quân ra báo rằng:

Dạ dạ, Nguyên-binh chia ba đạo; thủy-lục lại tương-phùng. Năm trăm

chiếc chiến-thuyền ; đã gần sang Vạn-kiếp.

Hưng-đạo-vương nói :

Bức sông nọ giặc Nguyên hầu tới ;
Đực-thủy này trận thế bái lại. Chư-tướng
nghe ta dặn : Tả-hữu phân lưỡng-diện
tề khai ; còn như ta : chiến - thuyền tu
trung-quân đốc chiến.

Thoát-Hoan cùng Chư-tướng ra.

Thoát-Hoan nói :

Ta cũng khen cho đó mà : Dù Đực-thủy
trận bày cũng giỏi ; nhưng bạt sơn đao
vẫn nan đương. Truyền chư-tướng khai
thương : quyết trận-tiền thắng phụ.

Hai bên đánh nhau. Hưng-đạo-vương
thua chạy.

Thoát-Hoan nói :

Trận-pháp đừng còn khoe giỏi ; phen
này cũng cứ thua hoài. Quân : Truyền
quân-sĩ đuổi dài ; đặt sinh-cầm Trần-
tướng, nghe.

(Đều vào)

Hưng-đạo-vương nói :

Như nay ta phải thua làm vậy : Dù
pháp-trận bày lại cũng giỏi ; nhưng
quân ta cô nhược nan đương. Thủy
trình đao vọng Phú-lương ; sẽ tới Long-
thành cự-địch.

Văn rằng :

Sẽ tới Long-thành cự-địch,
Chắc Hồ-Nguyên khúc-khích cười ta.
Càng đi đường lại càng xa,
Khi vào đã vậy khi ra thế nào !

Quân ra báo rằng :

Đạ đạ, Quân ta đương lập trại ; giặc
nó đã cách sông. Nghe súng bắn đùng
đùng ; tới đưa tin kíp kíp.

Hưng-đạo-vương nói :

Giặc kia đã đối ngạn ; chắc nó cũng
qua sông. Âu kíp tới đèn rồng ; đặt
sẽ nghinh giá phượng, a.

Lại nói :

Thượng-hoàng hoàng-thượng cấp sự.

*Thượng-hoàng, Nhân-tôn ra, Thượng-
hoàng nói :*

Hà-sự mà bày.

Hưng-đạo-vương nói :

Nay gặp cơn hoạn-nạn, phải lánh
chốn hương-thôn. Ta phải theo ngự-
giá luôn luôn, nằng kíp phải dời chân
chống-chống, nghe.

*Thoát-Hoan, Ô-mã-nhi, Khoan-Triệt,
Lý Hằng đều ra.*

Thoát-Hoan nói :

Giặc kia đã bỏ trại ; cầu nọ đặt qua
sông. Nay ta đã chiếm đặt thành rồng ;
tướng-quân Khoan-Triệt Lý-Hằng ta dặn :
Hai gã phải đuổi theo ngự-gia.

Khoan-Triệt, Lý-Hằng cùng nói :

Phụng mệnh.

Thoát-Hoan nói :

Nay dù tiến đồn Đông-bộ ; nhưng
thế mà ta nhớ lại từ khi Toa-Đô qua đánh
Chiêm-thành đến đây, cũng đã lâu ngày đó
mà : Còn mong tin đánh Chiêm-thành.
Tướng-quân Ô-mã-nhi : Người nên theo
lối hải trình, cùng với Toa-Đô tiếp ứng,
nghe.

Ô-mã-nhi nói :

Phụng mệnh.

(Đều vào)

*Thượng-hoàng, Nhân-tôn, Hưng-đạo-
vương ra.*

Thượng-hoàng nói :

Bĩ thái thiên-cơ mạc trắc, hưng vong
quốc vận tương quan 否泰天機莫
測。興亡國運相關。 Hai vai gánh lấy
giang-san ; muôn dặm biết bao lầm-
cát.

Văn rằng :

Muôn dặm biết bao lầm-cát,
Đành vàng tan đá nát quân dân.
Nghìn năm giữ lấy kim-âu,
Có gian-truân mới phong-lưu lâu ngày.

Nhân-tôn nói :

Đất dù không nơi khan-tĩnh ; trời
thề chẳng chịu đội chung. Thảo-hoa

từ già dền rồng; khuya sớm theo châu
giá hạc.

Văn rằng :

Khuya sớm theo châu giá hạc,
Lòng đá vàng ghi tạc từ đây.

Thần-hồn cam chịu tội rầy,
Trần cam đã ít đắng cay thì nhiều.

Hưng-đạo-vương nói :

Thắng bại binh-gia thường-sự; hưng
vong dễ-nghiệp quan tâm. 勝敗兵家常事。興亡帝業關心。 Thà rằng mình
chịu nỗi cát lăm; đâu đề chúa gặp cơn
vất-vả.

Văn rằng :

Đề chúa gặp cơn vất-vả,
Tấm lòng này biết thuở nào nguôi.
Công tư lẽ ấy phân đôi,
Đã lo việc nước phải nguôi việc nhà.
(Đều vào)

*Thụy - Ngọc phu - nhân, Thị - Nguyên,
Phương-cúc đều ra.*

Thụy - Ngọc phu - nhân nói :

Tôi chúa đã dành một lối; vợ chồng
phải rẽ hai nơi. Tấc lòng luống những
bồi-hồi; nghìn dặm biết bao bất-thiếp.

Văn rằng :

Nghìn dặm biết bao bất-thiếp,
Tấm lòng này ai biết cho ta.
Đường đi một bước một xa,
Nỗi chồng vất-vả nỗi nhà gian-truân.

Thị - Nguyên nói :

Trời nổi cơn gió bụi; đất dấy trận
ba-đào. Truân-chiến thương nỗi má
đào; bất-thiếp biết bao dậm bạc.

Văn rằng :

Bất-thiếp biết bao dậm bạc,
Cơ-duyên này còn chắc về đâu.
Một mình suy trước nghĩ sau,
Gót vàng cao thấp lệ châu ngân dài.

Phương-cúc văn rằng :

Thôi thôi tôi đã biết rồi,
Mối tình ai cũng như ai phen này.

Thị - Nguyên nói :

Ồi cha ơi! không biết thế nào mà tôi đau
thế này: Đường quan-sơn bất-thiếp;
hơi sương tuyết xông - pha. Như tôi
sinh ra cơ-sự đau yếu thế này cũng là vì:
Thương mẫu-thần vất-vả nỗi nhà; xói
vương-phụ cần lao việc nước. Bởi ưu-
sầu từ trước; nên tật-bệnh theo sau.
Như tôi bây giờ: Dậm hòe bước thấp
bước cao; hồn quế cơn mê cơn tỉnh.

Thụy - Ngọc phu - nhân nói :

Nay sinh ra cơ-sự thế này: Biển lai
khôn dễ liệu; sự chi cũng không nghi.
Cam khổ cho tôi bây giờ: Chồng đương
giúp vận gian-nguy; con lại làm cơn
đau yếu. Con ơi, mẹ biết tính làm sao bây
giờ: Gắng lấy cơm lấy cháo; lo mà
thuốc mà thang. Bây giờ giữa đường giữa
sá, có lẽ đề thế hay sao? Phải phải âu là:
Mau mau chỉ lối Thiên-trường; chóng
chóng trông chừng Tức-mặc.

HỒI TƯ XVI

**Hưng-đạo-vương phù giá kíp dời
Trần Bình-Trọng liêu mình thế tử**

Các vai :

Khoan-Triệt — Lý Hằng — Thượng-
hoàng — Nhân-lôn — Hưng-đạo-vương
— Trần Bình-Trọng — Quân-sĩ.

Khoan-Triệt, Lý Hằng đều ra nói :

Nay vâng Thái-tử; truy nhiếp Trần-
vương. Nghe thừa-dur còn ở Xuân-
trường; âu tiền-lộ trông chừng Thiên-
mặc.

Văn rằng :

Tiền-lộ trông chừng Thiên-mặc,
Chắc giặc kia lán lạc khôn đương.
Làm cho biết mặt rõ-ràng,
Bao giờ cờ trắng chịu hàng mới thôi.

(Đều vào)

*Thượng-hoàng, Nhân-lôn, Hưng-đạo-
vương, Trần Bình-Trọng đều ra.*

Thượng-hoàng nói :

Này đã tới Thiên-tràng đó mà : Dù gặp cơn hoạn-nạn ; lo giữ lấy cơ-đồ : Sơn-hà nhớ cảnh cự-đồ ; tang-tử cảm tình cổ-lý.

Quân ra báo :

Đạ đạ, Thoát-Hoan sai hai tướng ; Khoan-Triệt với Lý-Hằng. Trỏ Thiên-mạc trông chừng ; dặng đuổi theo ngự-giá.

Hưng-đạo-vương nói :

Giặc đuổi theo rất kịp ; ta ầu phải lánh xa. Xin thượng-hoàng cùng bề-hạ theo tới ; Miền Hải-đông ầu kịp dời xa ; bởi Nam Triệu dặng vào Thanh-hóa.

Lại nói :

Tướng-quân Trần Bình-Trọng, ta bảo : Chúa gặp cơn hoạn-nạn ; tôi giữ dạ trung-trình. Người chống với Nguyên-binh ; ta theo cùng ngự-giá, nghe.

Trần Bình-Trọng nói :

Như tôi phen này : Giang-sơn ầu phải gánh ; sắt đá quyết không dời. Suối đen đánh giữ lấy phần tôi ; mũi bạc dặng thoát cho nạn chúa.

Văn rằng :

Mũi bạc thoát cho nạn chúa,
Nhờ đôi vàng đôi thuở chứng-tri.

Phen này tế-hiêm phù-nguy,
Kém chi Kỳ-Tín nhượng gì Do-Vu.

Khoan-Triệt Lý Hằng ra đuổi. Thượng-hoàng, Nhân-lôn Hưng-đạo-vương ra đỡ gươm. Hưng-đạo-vương thua chạy. Trần Bình-Trọng ra đỡ gươm.

Khoan-Triệt Lý Hằng nói :

Ở Trần-tướng, ta bảo cho : Ta còn theo đoạt giá ; người sao dám ngăn đường. Như xe này chẫu dễ khôn đương ; tướng dặng ấy cả ầu dâm nhầy.

Trần Bình-Trọng nói :

Ở Nguyên-tướng, ta bảo cho : Đớ đừng nên cậy mạnh ; đây vốn cũng không hèn. Giang-sơn giữ lấy một phen ; thì thạch nhiều-tha bách-chiến.

Hai bên đánh nhau, Trần Bình-Trọng bị vậy.

Trần Bình-Trọng nói :

Đánh đã hơn trăm hiệp ; sức khôn địch muôn người. Đã đành rằng chịu chết cho rồi ; khôn nỡ để quân ta phải mệt.

Ngâm rằng :

Ta nghĩ lại những đấng trung-thần nghĩa-sĩ đời xưa chẳng là đề tiếng thơn danh nghìn thu đó mà :

Bút Đồng dùi Trương chép đã rành,
Cũng vì chinh-khi mới thơn danh.

Ta nhớ lại ông cha ta, à phải phải :

Tồ-tiên công-nghiệp còn ghi đó,
Cự Tổng xưa kia vốn đại-hành.

Quân Nguyên cổ bắt được Trần Bình-Trọng. Nó đưa cơm cho cũng không ăn, như hỏi việc nước Nam cũng không nói.

Nguyên-tướng nói :

Ở Bình-Trọng, ta bảo cho : Ta có hỏi gã nên phải nói ; gã xin gì ta cũng cho làm. Nếu hàng cùng ta mà những việc gì cũng nói thực cùng ta, thì ta đã hứa cho gì không có sai đâu : Khi đã định nước Nam ; sẽ phong vương đất Bắc.

Trần Bình-Trọng nói :

Ở Nguyên-tướng, ta bảo cho : Đây đã cam một dạ ; đó chớ phải nhiều lời. Như ta phen này : Đành đã thoát nạn cho vua ; đâu nỡ chịu hàng với giặc. Như nay mi bảo ta tôi dòi như vậy, chẳng là xỉ-nhục lắm thay ! Chịu sống dục mà làm vua đất Bắc ; thà thác trong mồ làm quỷ nước Nam. Dù cho gì quyết cũng không làm ; nếu muốn hỏi đánh không chịu nói.

Nguyên-tướng nói :

Quân ! Chẳng hỏi gì thêm mệt ; thôi chém quách cho rồi. Chư-tướng : Thừa-dư đánh đã xa rồi ; Đông-bộ ầu đánh trở lại, nghe.

(Đều vào)

Thượng-hoàng, Nhân-lôn, Hưng-đạo-vương ra.

Thượng-hoàng nói :

Miễn cho yên nghiệp chúa ; ầu phải nhờ công tôi. Như bây giờ ta đi đường-sá xa-xôi làm vậy : Mệnh-móng muôn dậm bề khơi ; chan-chứa đôi hàng lệ hạ.

Văn rằng :

Chan-chứa đôi hàng lệ hạ,
Gian-nan này biết thuở nào nguôi.
Một mình muôn dậm xu khơi,
Thương thay ngựa đá mồ-hôi mấy lần.

Nhân-tôn văn rằng :

Thân này bao quân phong-trần,
Xót vì chút nỗi dưỡng-thân chưa đành.

Hưng-đạo-vương văn :

Trông chừng đã đến xứ Thanh,
Chắc là sơn-thủy hữu-tình đón ta,

Thượng-hoàng nói :

Đây đã tới Thanh-hoa rồi mà : Trông thấy sơn thanh thủy tú ; mừng vì lãng-thiếp ba-bình. Nguyên-tặc mi hỡi mi, như ta phen này : Bất dữ tặc cầu sinh ; cớ dãi thời nhi động 不與賊俱生姑待時而動.

Quân ra báo rằng :

Bảo nghĩa-vương Bình-Trọng ; dữ Nguyên-tướng giao binh 保義王平仲與元將交兵. Đã đành vị quốc quyền sinh ; chẳng chịu cam tâm hàng tặc.

Thượng-hoàng nói :

Nghe nói tắc lòng thảm-thiết ; văn ngôn đôi lệ chứa chan. Cũng vì tôi chịu nỗi gian-nan ; nên chi chúa thoát cơn nguy-hiềm.

Nhân-tôn nói :

Như người ấy thực là đáng, dồng-dối vua Lê Đại-Hành đó mà : Tuy ân cho quốc tính ; thực dồng-dối Lê-gia. Huân-lao vạn cổ sơn-hà ; trung nghĩa đôi vầng nhật-nguyệt.

Hưng-đạo-vương nói :

Tôi có nghe lúc Bình-Trọng bị quân Nguyên bắt được, nó có dụ rằng nó hỏi gì cứ nói thực với nó, rồi nó cho làm vua đất Bắc

nhưng thế mà Bình-Trọng trả lời rằng : « Ta thà làm quỉ nước Nam không thèm làm vua đất Bắc. » Nếu như vậy : Giặc đồ dành đã khéo ; lòng vàng đá không xiêu. Nếu như quỉ ấy được nhiều ; ầu chẳng ma nào dám tới.

Hồi thứ XVII

Tình văn-vương tở đã hiểu
lòng thầy

Lời khuyên giải con dành
theo ý mẹ

Các vai :

Thị-Nguyên — Phương-Cúc — Thụy-Ngọc phu-nhân — Thầy thuốc — Thầy bói — Gia-dồng.

Thị-Nguyên, Phương-cúc đều ra.

Thị-Nguyên nói :

Tôi nghĩ lại như tôi bây giờ : Bởi gặp cơn nguy-biến ; nên lỡ sự nhân-duyên. Cam khờ cho kẻ tình-nhân tôi gặp hội này, không biết còn « ống nữa hay không, bởi vậy : Cơ-hội này đâu dám chắc lời tiên ; như tôi đau yếu thế này : bệnh - não ấy tưởng không hay thuốc thánh. Phải phải : Mượn lời ngậm-vịnh, tả cảnh sầu-bi, a.

Ngậm rằng :

Như tôi sinh ra đau yếu làm vậy, cũng là tự tôi làm lấy đó mà :

Sự mình mình biết lại mình hay,
Bởi vậy cuo nều.

Thieu não lòng người đã bấy nay.
Như gặp lấy cơ-hội thế này nào có chắc gì nữa đâu :

Kiếp trước thôi thôi đành chịu vậy,
Nhưng thế mà :

Nhân duyên còn đợi kiếp sau này.

Lại nói :

Như tôi bây giờ : Sầu này khôn dễ cắt ; lòng nọ thực như bào. Đêm năm canh mộng điệp xôn-xao, ngày sáu khắc tin nhân vắng vẻ. Phương-Cúc, như ta bây giờ thực là chịu bất-hiểu với mẹ đó mà : Con lường những làm rầy cho mẹ ;

tớ phải cam giấu tiếng cùng thầy.
Như là bảy giờ không có thể sống được đâu;
Suối vàng ầu cũng gần đây; duyên
thắm mong chờ kiếp khác.

Thị-Nguyên nằm mê.

Phương-cúc nói :

Phu-nhân cấp-sự!

Thụy-Ngọc phu-nhân ra nói:

Há-sự mà hay?

Phương-cúc nói :

Dạ dạ, Bệnh cô ầu rất ngại; phận tớ
phải trình ngay. Sao mà cơn tỉnh cơn
say; đánh cũng như không như có.
Mình hạc nợ ngày càng vò-vỡ; tiếng
quyên kia đêm luống hao hao. Trăm
lạy phu-nhân: Xin phải tính làm sao;
đề qua ra sợ ngại!

Phu-nhân nói:

Như sinh ra cơ-sự thế này: Gian-nan
đành đã chịu; lo sợ biết là bao. Quá
ra khi đến thế nào; liệu trước còn
mong chưa được. Trước là mời thầy
thang thuốc; sau là xem quẻ cát hung.
Gia-đồng, cho mời thầy thuốc ra đây.

Thầy thuốc ra.

Phu-nhân nói :

Tôi xin nhờ thầy xem cái bệnh con tôi ra
thế nào?

Thầy thuốc xem mạch.

Thầy thuốc nói :

Tôi xem như bệnh quận-chúa lạ cha chả
là lạ: Mình thực còn chỉ xác; bình
khác thể trần-bi. Bởi bệnh này chi-tử
khả nghi; vì thuốc nọ linh - tiên đã
trúng. Tương-tư-thảo đành là phải
dụng; ký-sinh-tang thật cũng nên
phòng. Nếu không dùng thuốc bổ-
dương; lại sợ đến thang đoạt-mệnh.

Phu-nhân nói :

Xin thầy cho đơn bốc thuốc.

Thầy thuốc cho đơn xong thì vào.

Phu-nhân nói :

Gia-đồng cho mời thầy bói đến đây.

Thầy bói ra.

Phu-nhân nói :

Nay con tôi nhờ thầy xem cho một quẻ
bói xem thế nào.

Thầy bói nói :

Lạy bà, quẻ này lạ cha chả là lạ : Nay
vốn thật đoài là nữ-quái; hay đầu là cần
động dương-hào. Bâm bà như bệnh này,
không không không cần uống thuốc làm chi
mà : U-trình vốn thật là cao ; vật được
cũng là hữu-hỉ. Tôi nói câu này ra bà
tha lỗi cho tôi, bởi thánh đã dạy làm sao,
thì tôi xin nói làm vậy : Nếu gái ấy thập-
niên bất-tự; chắc bệnh này tam tuế bất-
hưng. Bởi vậy cho nên : Đắc-sĩ-phu-lời
ấy phải nên mừng; vật-hôn-cầu quẻ
kia xin chờ dụng.

Phu-nhân nói :

Xin cảm ơn thầy. Chào thầy lại nhà.

Thầy bói vào.

Phu-nhân nói :

Như thế này : Lời được-sự xác-tác;
quẻ bốc-sĩ rõ-ràng. Chắc vì tình một
chút tơ vương; nên chi bệnh trăm vòng
chỉ rối. Phương-Cúc ơi, duyên-có làm sao
mày phải nói thật cho bà nghe : Mày đã
hầu sớm tối; việc ầu rõ thủy-chung.
Thôi thôi nói quách cho xong; đừng có
giấu di mà bại.

Phương-Cúc nói :

Trăm lạy bà, bệnh cô tôi tưởng là dễ biết
đó mà : Bệnh này ầu dễ biết, tình nọ
chắc tương-tư. Như cô tôi bị bệnh làm
vậy, tưởng cũng đã lâu đó mà : Bệnh này
tưởng tự bao giờ ; việc ấy khôn là dễ
tính. Trăm lạy phu-nhân, tôi hầu cô tôi,
tôi chỉ thấy cô tôi thở ngắn than dài, còn
như tình-nhân là ai thì tôi có biết đâu, bởi
vậy cho nên : Tôi không tưởng danh-
tính; bà gạt lấy thủy-chung. Tôi tưởng
cô tôi thế nào cũng nói thật với bà đó mà
thôi : Có lẽ đầu lòng lại đổi lòng; ầu
cũng chắc thực xin thừa thực.

Phu-nhân nói :

Con ơi, con lại tình, con lại tình. Mẹ đành
cam hết sức; con chờ khá rồi lòng.
Như sinh ra cơ-sự làm vậy : Mẹ đã rõ hết
thủy-chung; con phải tỏ bày diên-mật.

Nếu con nói thực cùng mẹ, mẹ lo cho con đó mà : Ấu phải biết bệnh tông hà phát; đặng mà lo, chớ lấy làm gì. Con đừng e-lệ làm chi ; mẹ sẽ lo toan cho đó.

Thị-Nguyên nói :

Trăm lạy mẹ : Ân mẹ xem như con đẻ ; tình con dám giấu mẹ đâu. Tông các việc trước sau ; kẻ và lời vắn-tắt. Cũng bởi vì lúc con theo Vương-phụ ra ngoài diễn-võ-tràng, trông thấy chàng Ngũ-Lão giỏi cha chả là giỏi : Tài Ngũ-Lão đành rằng hăn-thất ; bởi vậy cho nên : lời thiên-tiên ấu cũng không sai. Thiên-cơ tướng cũng an-bài ; nhưng thế mà : nhân sự khôn hay dễ liệu. Con nghĩ rằng chẳng may cho con, gặp phải cơ-hội thế này ! Vì gặp buổi phong-trần tao-nhiều, nào chắc chi tình nghĩa vuông tròn. Như làm vậy : Trước là tủi phận cho con, sau cũng hồ duyên cùng chị. Bởi vậy : Nghĩ đà khôn xiết nghĩ ; lời ấu dám ngổ lời. Nay mẹ đã hỏi làm vậy : Con xin thú thực cho rồi ; mẹ có quở gì cam chịu.

Phu-nhân nói :

Hảo a ! Mẹ nghĩ là ai chứ như Phạm Ngũ-Lão, con còn phải nói làm chi nữa : Thực là trai anh-kiệt ; sánh với gái thuyền-quyển. Một lời duyên đã bén duyên ; muốn việc ý đành thuận ý. Con, Thôi chớ sầu chớ nghĩ ; lo lấy thuốc lấy thang. Việc này có khó chi đâu : Mẹ đành trình với phụ-vương ; con dặng sánh cùng Ngũ Lão.

Thị-Nguyên nói :

Hảo a ! Một lời mừng đã định ; trăm bệnh cắt như không. Thôi thì lòng lại dặng lòng ; đợi đó dạ đành đẹp dạ. Nhưng thế mà ta nghĩ đi nghĩ lại, lại cũng e lắm mà : Nghe chúa-thượng gặp cơn bồn-bá ; e tướng-thần lắm nỗi gian-nan. Khôn hay tắc dạ lo toan ; mượn lấy vài lời than-thở, a.

Ngâm :

Tôi nghĩ lại tác-hợp cơ trời nào có phải dễ đâu :

Tác-hợp cơ trời phải nghĩ xa,
Sao cho yên nước mới yên nhà.

Như gặp cơ-hội thế này, chẳng may chúa-thượng có điều gì chẳng nữa, không có lẽ tình-nhân tôi sống được hay sao :

Chúa như chịu nhục tôi đành chết,
Như gặp lấy cơ-sự làm vậy :
Thôi cũng nhân-duyên phải chịu già !

Phương-Cúc nói :

Dạ dạ thưa cô, trời đã hôm rồi, xin cô đi ngủ.

Thị-Nguyên nói :

Thế a, thôi thôi ta ngủ con đi ngủ ngay.

Đương ngủ, *Thị-Nguyên* nằm thấy chiêm-bao *Nguyên-tướng* đuổi *Ngũ-Lão*, mà mình *Ngũ-Lão* thì máu chảy đầm-dia, *Thị-Nguyên* ngất đi.

Thị-Nguyên nói :

Ồi chao ôi, lạ cha-chả là lạ ! Đất bằng đâu nổi sóng : trời sáng thực như gương ; Máu đầm-dia bỗng thấy một chàng : tiếng la hét thực là *Ngũ-Lão*. Thương-hại cho tình-nhân tôi còn có sống nữa đâu. Giang-sơn nọ còn đâu ngang ngọn giáo ; nhân-duyên này đành chịu khóa buồng thul Như tôi bây giờ còn sống làm chi nữa mà : Chẳng tu thì cũng là tu ; chưa chết đành như đã chết !

Phương-Cúc nói :

Phu-nhân cấp-sự.

Phu-nhân nói :

Hà-sự mà hay ?

Phương-Cúc nói :

Tôi không biết ý làm sao mà có tôi sinh ra làm vậy : Còn đương yên mộng điệp ; đâu phụt dậy đàn ong. Trăm lạy bà, tôi lấy làm sợ lắm, mà như cô bây giờ : Hai tay phụt đã lạnh đồng ; một giắc hầu êm suốt bạc,

Phu-nhân nói :

Ồi chao ôi ! Con lại tỉnh, con lại tỉnh. *Phương-Cúc* ơi, thuốc thang đâu mà lấy mà xoa bóp cho cô mày, ới con ơi có cơn-có làm sao, con phải phân lại cho mẹ nghe cùng.

Thị-Nguyên nói :

Đương đêm khuya thanh vắng ; bỗng
nổi trận chiến-tranh. Trong lúc bấy giờ
con trông thấy đẽ rõ-ràng lắm mà ; Thấy
một chàng máu chảy đầy mình, thực
Ngũ-Lão trông đã rõ mặt. Cứ như chiêm-
bao làm vậy : Người này ầu đã mất ;
việc ấy thực không ngờ. Con nghĩ như
thế chẳng là tủi hổ cho con lắm mà : Mọi
mình cam chịu bơ-vơ ; trăm việc còn
gì mong ước.

Phu-nhân nói :

Mẹ tưởng là gì, nghĩ là chiêm-bao đó mà ;
Nhân-duyên ầu đã định ; mộng triệu
cứ chi đâu. Con có sao mua nãi chuốc
sầu ; mẹ chắc sẽ ra duyên đẹp phận.
Mẹ khuyên con từ nay trở đi đừng có
tư-tưởng mà sinh ra chiêm-bao nữa nghe ;
Đừng nghĩ vợ nghĩ vãn : mà thêm yếu
thêm đau. Nghe con.

(Đều vào)

(Còn nữa)

VĂN-UYÊN

Đáp họa thơ ai người đất Bắc (1)

Đem mối tơ vương lấy mối sầu,
Sầu vương, vương cả tấm lòng nhau ;
Xuân thu đôi bức tranh hoen lệ,
Nam Bắc cùng chung một dịp cầu.

Dịp cầu trường đoạn đoạn trường
Ai thấy lòng ai mấy khúc đau ; [nhau,
Chén rượu ngậm-ngùi người bữa trước,
Cung đàn ngơ-ngẩn khách hôm sau.

Sau trước đôi phen một đoạn lòng,
Sầu xưa hận cũ gỡ bao xong !
Xuân thu mỗi độ sầu mưa gió,
Dưới nguyệt cùng ai chuốc chén đồng ?

Chén đồng dù lỡ hẹn ba sinh,
Đám buộc đời nhau, chỉ buộc tình ;
Cười gượng vẫn không ngăn nước mắt,
Trần-ai ai có biết cho mình ?

Biết mình suốt lệ vẫn tuôn dào,
Bút mực bao phen đầm máu đào ;

Mây nước bàng-khuàng tim cảnh mộng,
Than ôi ! cảnh mộng vẫn chiêm-bao !

Chiêm-bao khi tỉnh mộng khi tàn,
Sự trước tình sau những chứa-chán ;
Mở mắt trông ra đời lẻ ngắt,
Chán đời càng tiếc mộng muôn vãn !

Muôn vãn lo tình chín sai mười,
Lạnh-lẽo ngày xuân chẳng biết cười ;
Những khóc thương mình thương khóc
Bao nhiêu tâm sự bấy nhiêu lời. [ban,

Lời chôn buồng khuê tiếng đoạn-trường,
Bạn lòng, ai hỏi ! khách văn-chương !
Còn « hai giọt lệ » duyên mây nước,
Mây nước buồn lênh buồm tịch-dương !

Tịch-dương vợ-vẫn đợi ai đây ?
Đợi khách sầu thu khóc gió tây ;
Ngày tháng đợi chờ ngày tháng vắng,
Nợ duyên đành-đoảng chuyện bèo mây.

Mây hợp bèo tan bạn chuốc sầu,
Châu về Hợp-phố bạn về đâu ?

(1) Họa 10 bài liên-hoàn của H.-T. nữ-sĩ đăng ở N.-P. số 170, mục Văn-uyên.

Song sa bạn lại chờ tin nhận,
Này nhận thành Phương đáp mấy câu!

HỒNG-HỒ

1. — Ngồi đêm

Đêm qua lác-đác mưa ngâu,
Hỏi ai rằng tự vì đâu ai phiền.
Đêm qua tựa bóng hoa đèn,
Ai ơi biết nỗi vui phiền chẳng ai?
Đồng-hồ thắm-thoắt sang hai,
Tiếng gà xao-xác sao mai nháp-nhờ.
Bâng-khuâng tưởng, đợi, mong, chờ,
Hỏi đêm này độ bao giờ ru đêm?
Rón tay rót đĩa dầu thêm,
Nhủ bà con dậy xem đêm nhường nào.
Trăm năm mạn chờ quên đảo,
Đốt hương thề đề Nam-tào chứng-minh.
Gan vàng dạ sắt đinh-ninh.

2. — Đi tắm

Tay cầm hòn đá ba sinh,
Sầu đêm ran-rỉ trận huỳnh vân-vơ.
Vui tay cũng chuyện tình-cờ,
Sự đời ôi dễ vương tơ mới hèo!
Vầng trăng ngậm nước trong veo,
Bề sông chung chạ biết bèo hay sen.
Mặc dầu xưa trắng rầy đen.
Sụi trần ôi dễ làm duyên với trần!
Chẳng qua duyên cũng vì thân,
Tóc da cha mẹ, áo quần vợ con.
Nước trong, hoa nở, trăng tròn,
Nén hương thông-thả gọi hồn nghìn
Nhẹ-nhàng mảnh cát đơn thưa, [xưa.
Thử qua trong đục, xem thừa thơm
tanh,
Hoa theo gió thoảng qua màn,
Bóng gương nhìn thử xem mình lạ
quen.

3. — Trả lời chị

(Thác lời người em gái trả lời chị
về sự hứa-giá đề ngụ ý không
muốn đi thi)

Chị nhủ em đôi mày năng sửa,
Cha mẹ già vả nợ đào non;
Giở thư lòng ngẩn-ngơ buồn,

Cúi đầu nghĩ phận cánh chuồn mà
thương.

Cha mẹ đã kiếm đường sinh nở,
Trông vào mình nên quá thương yêu;
Có hay không nữa cũng chiều,
Phấn son nhường cũng ít nhiều diêm-tố.
Những mình em em dù chẳng nghĩ,
Còn ơn này dám nở thốt-ơ;
Dầu lười nhưng cũng sớm trưa,
Nhìn gương xem cũng chữa thua kém
Quen biết cũng một vài bu kẻ, [người.
So lại mình khi dễ phần hơn;
Hèn ra may cũng vuông tròn,
Mình em mỏng phận riêng còn long-
đong.

Thôi đành lòng như câu tuồng trẻ,
Cái thân người như thẻ bóng hoa;
Một lần sao cũng thành gia,
Thối kia chờ với xuân già thu non.
Lời tiền-dịnh em còn riêng nhớ,
Chữ kỳ duyên đừng nở bỏ oan;
Nay dù lỗi cả muôn vàn,
Lẽ đem thái-phượng theo đàn loạn nha.
Nợ cảnh đào tay ta trồng trước,
Vẫn còn nguyên chẳng khác non xanh;
Hôm xưa thước mới reo cảnh,
Nghề riêng xem cũng ra tình vui-vui.
Váng, dám chẳng ư lời chị nhủ,
Mượn lời này mà phụ tin may;
Vi nhau nên thử tình tay,
Nay nay, vậy vậy, rầy rầy, mai mai.
Xứ TIỀM (Hải-dương).— Đ.-N. sao-lục

1. — Ăn tết

Mới tết ngày nào đã tết a?
Không vàng không mũ chẳng xa-hoa;
Bánh chưng rằm chục là xong tết,
Lợn giết một con ấy của nhà;
Pháo khách ta buồn không sắm nhảm,
Rượu tây tầu bán chẳng mua qua;
Gánh vàng đi đò sông Ngộ mãi,
Đại mấy nghìn năm chưa biết à?

2. — Tặng bạn cố-tri tái-ngộ

Hợp hợp tan tan nghĩ cũng hay!
Eường đời quanh-quần thấy nhau đây;

Sông Thần (1) chung lái vui trăng gió,
 Hồ Nguyệt (2) đan tay ngắm cổ cây;
 Gặp gỡ bạn hiền nơi đất khách,
 Mặn-mà chuyện cũ chốn hiền tây;
 Lời quê kinh tể người tri-kỷ,
 Thanh khiết tương-tri những tự ngày.

3. — Khỏi rậm mắt ù tai

Rậm mắt ù tai đã khỏi rồi,
 Đơn hay bạn biển chẳng xin ai;
 Chuyện đời rắc-rối còn nghe chán,
 Cuộc thế vẫn xoay cứ ngó chơi;
 Hạ-hỏa thanh can đơn đã nghĩ,
 Tư âm bồ thận thuốc còn xơi;
 Sao cho thân-thể ngày thêm mạnh,
 Mà để lo toan gánh việc đời.

4. — Mong thanh-tra đến

Các cụ Thanh-tra khéo nức cười,
 Sức ngày mười-tám lại đôi-mười;
 Học-nhà công-việc đầu vào đó,
 Trường-vụ anh em sắp-sẵn rồi;
 Chả biết có không không lại có,
 Hay là thôi thế thế mà thôi;
 Việc quan cần trọng còn như thế,
 Cõi đó mà suy việc ở đời.

5. — Ngẫu-vịnh (3)

Vui bến Đằng-giang ngoại tám thu,
 Nào ai tri-kỷ chỗ giao-du?
 Gõ đầu lũ trẻ qua ngày tháng,
 Lánh mặt làng chơi chẳng chuyện-trò;
 Lúc rảnh rượu ngon vui mẩy chén,
 Khi buồn chuyện cổ đọc vài pho;
 Mặc ai bốn-lầu vòng danh-lợi,
 Kia cái ô-lô chạy bụi mù!

Huấn-đạo NGUYỄN KINH-CHU
 (Phủ Tiên-hưng, Thái-bình)

DỊCH CÔ-VĂN

Văn đời Tần

Triệu Lương nói với Thương-quân (4)

Thương-quân làm tướng nước Tần
 mười năm, người tôn-thất kẻ quý-thích
 đều oán-vọng cả. Triệu Lương vào yết-
 kiến Thương quân. Thương-quân
 rằng: « Uổng này trước nhân Mạnh
 Lan-Cao mà được gặp ông, nay Uổng
 muốn kết-giao với ông có được không? »
 Triệu Lương nói: « Tôi không dám ».
 Thương-quân nói: « Nhà thầy không
 bằng lòng cái cách ta trị nước Tần ư?
 Ông thử xem ta trị nước Tần, so với
 quân Ngũ-cổ đại-phu (Bách Lý-Hề), thì
 ai hơn? » Triệu Lương nói: « Đa của
 nghìn con dê, không bằng một mảnh
 da của con hổ; tiếng vâng dạ của
 nghìn người, không bằng một lời nói
 thẳng của kẻ sĩ. Tôi xin cứ nói thẳng,
 mà ngài không quở trách có nên chăng? »
 Thương-quân nói: « Cồ-ngũ có nói:
 Lời nói lễ mạo chỉ như hoa, lời nói
 chí-thiết mới là thực; lời nói cay-đắng
 là thuốc hay, lời nói ngon ngọt chỉ làm
 thêm bệnh. Phu-tử nếu hay suốt ngày
 nói thẳng, thì thực là vị thuốc hay cho
 Uổng này, Uổng xin tôn thờ phu-tử,
 phu-tử sao lại chối-lừ ».

Triệu Lương nói: « Ôi ! quan Ngũ-cổ
 đại-phu là một kẻ bi-nhân ở đất Kinh,
 nghe thấy vua Mục-công nước Tần là
 hiền, mà mong đến yết-kiến, nhưng
 đường đi xa mà không sẵn tiền hành-lý,
 mới tự bán mình cho người khách buôn
 trâu ở nước Tần, mình mặc áo chũi đi
 chăn trâu. Được một năm, Mục-công biết
 tiếng mới cử lên từ chỗ đi chăn trâu,

(1) Sông Thần là sông huyện Thần-kê tức là phủ Tiên-hưng.

(2) Hồ Nguyệt là hồ Bán-nguyệt ở tỉnh Hưng-yên.

(3) Bài này vịnh từ khi còn đang dạy học ở Hưng-yên.

(4) Tên là Vệ Ương 衛鞅 phong ấp ở Thương, nên gọi là Thương-quân.

mà đề lên trên cả trăm họ, người nước Tần không ai bằng. Làm tướng nhà Tần sáu bảy năm, mà phía đông đi đánh nước Trịnh, ba lần đưa vua Tần về nước lập lên làm vua, một lần cứu cho tai-vạ nước Kinh-sở. Phát-hành giáo-lệnh ở trong bờ-cõi mà cảm-hóa đến người đất Ba vào triều-cống. Thi đức-trạch ra các nước chư-hầu mà tám rợ Nhung đều qui-phục. Người Do Dư là bày tội Tây-nhung nghe tin cũng đến cửa quan xin vào yết-kiến. Quan Ngũ-cổ đại-phu khi làm tướng nước Tần, nhọc không đi xe, năng không giương lọng, đi quanh trong nước không bắt xe ngựa theo hầu, không cầm giáo mác hộ-vệ; thế mà lập được công-danh còn ghi ở phủ-khố, đức-hạnh thì về đời sau. Đến khi Ngũ-cổ đại-phu mất, suốt cả đàn ông đàn bà nước Tần đều rỏ nước mắt, đưa trẻ con không nỡ cắt tiếng ca-dao, kẻ giã gạo cũng không nỡ hát để đỡ dịp chày. Ấy đều là cảm về cái ân-đức quan Ngũ-cổ đại-phu.

« Nay Ngài khi mới vào yết-kiến vua Tần nhờ kẻ bề-nhân là Cảnh Giám chủ-trương hộ, không phải là cách lập-danh chính-dáng. Làm tướng nước Tần mà không thương gì đến trăm họ, bắt dân-phu hết sức đắp cửa Kỳ-khuyết, không phải là cách lập-công. Bắt tội đem thich chữ vào mặt quan sư-phó của thái-tử, dụng hình làm tàn-hại dân, chỉ làm cho chứa oán gây vạ. Giáo-lệnh của Ngài trị dân thâm-khắc hơn mệnh vua, dân sợ theo Ngài nhanh hơn lệnh vua. Nay Ngài lại dùng tà-đạo để lập-uy, mà bề ngoài thay đổi cả mệnh vua, không phải là để làm giáo-huấn vậy. Ngài lại ngánh mặt phương nam mà tự-xưng là quân-hân, bắt tội cả kẻ qui-công-tử nước Tần. Kinh Thi rằng : « Con chuột kia còn biết lễ, người mà vô-lễ sao không chóng chết. » Cứ như lời kinh Thi nói thế, mà Ngài xử vô-lễ cả với kẻ qui-nhân, thì không phải

là cách thọ vậy. Ngài bắt tội Công-tử Kiên phải đóng cửa không dám ra đã tám năm rồi, Ngài lại giết Chúc Hoan và thich chữ vào mặt Công-Tôn Giả. Kinh Thi rằng : « Được lòng người thì dấy lên, mất lòng người thì hỏng mất. » Những việc Ngài làm như trên đó không phải là được lòng người vậy. Khi Ngài đi ra theo sau mười cỗ xe, xe theo hầu đều chứa đồ giáp-binh cả. Lại sai một tên khỏe mạnh liền xương sườn ngồi kèm xe bên hữu để làm tham-thặng; lính hầu thì cầm giáo cầm kích bước đảo đi kèm bên xe, nếu những vật ấy mà không đủ thì Ngài không khi nào đi ra. Kinh Thi rằng : « Cậy về đức mới thịnh-vượng, chứ cậy về lực thì là nguy-vọng », cái cơ Ngài nguy-vọng như giọt sương buổi sớm, lại còn mong diên-niên ít thọ được ư? Ngài sao không đem trả cái phong-ấp mười lăm đô mà về làm vườn ở chốn thôn-quê? Khuyên bảo vua Tần đừng lấy những hiền-sĩ chốn nham-huyệt, nuôi kẻ già, thương kẻ côi, kính-trọng bậc cha anh, lục-dụng kẻ có công, tôn-kính người có đức, may ra có thể tạm yên được. Nếu Ngài còn tham cái giàu ấp Thương-ư, ham giữ lấy chính-quyền nước Tần, chỉ gây thêm cái oán cho trăm họ. Nếu vua Tần một sớm bỏ tân-khách mà không dừng ở trong triều, thì người nước Tần họ thù giết Ngài ngay, có phải là quan-hệ vừa đau, Ngài hỏng đến nơi có thể kiểng chân mà đợi được. »

Thương-quân không theo.

Lời bàn của Quá-thương-hầu. — Trong bài trên này phạm những điều gì không tiện nói với Thương-quân, thì đều mượn việc quan Ngũ-cổ đại-phu làm đối-chiếu, những chỗ nói thấu việc quan đại-phu, chính là chỗ nói bác Thương-quân đấy. Nhưng ý Triệu Lương liền-thuyết hồn-nhiên, Thương-quân không biết.

ĐỒNG-CHÂU dịch

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự-kỷ

(Từ mồng 1 đến 30 tháng 6 năm 1932)

Mồng 1 tháng 6 năm 1932. — Nghị-viện mới nước Pháp hôm nay khai-mạc, nghị-viên cao tuổi nhất là ông GROUSAU làm chủ-tịch, trong bài diễn-thuyết khai-mạc có lời cảm-động viếng quan Cố-Giám-quốc DOUMER.

— Nội-các mới VON PAPEN nước Đức đã thành-lập. Đảng trung-ương (*centriste*) là đảng của nguyên thủ-tướng BRÜNING có phát-nghị trách những kẻ ám-mưu làm cho Nội-các BRÜNING phải đổ. Xem đó có thể đoán được đảng Trung-ương tất không tán-thành cho Nội-các VON PAPEN.

Mồng 2. — Thượng-Nghị-viện Pháp tiếp-tục làm việc, phó-nghị-trưởng RABIER làm chủ-tịch, có diễn-thuyết viếng quan DOUMER. Toàn-viện duyệt-y một đạo luật tuyên-bố "quan Giám-quốc PAUL DOUMER đã có công với tổ-quốc" (*Le Président Paul Doumer a bien mérité de la patrie*).

— Đảng Trung-ương ở Nghị-viện Đức phản-đối Nội-các VON PAPEN, Nội-các không thể mong được đa-số ở Nghị-viện, liền xin giải-tán Nghị-viện, rồi mở cuộc tổng-tuyên-cử bầu Nghị-viện mới. Từ nay đến kỳ tuyên-cử, Nội-các sẽ thi-hành cái chính-sách độc-tái.

Mồng 3. — Hai Thượng-Hạ Nghị-viện Pháp hôm nay bầu tòa trị-sự mới. Ông JEANNERET được bầu Nghị-trưởng Thượng-Nghị-viện thay ông LEBRUN lên chức Giám-quốc. Ông FERNAND BOISSON thời lại được tái-cử Nghị-trưởng Hạ-Nghị-viện một hạn nữa.

— Theo thủ-tục định trong hiến-pháp, quan Giám-quốc LEBRUN chiếu-lệ hỏi ý-kiến nghị-trưởng hai Viện, rồi mời ông EDOUARD HERRIOT giao cho lập Nội-các mới. Ông HERRIOT thương-thuyết qua với các chính-hữu, rồi tổ-chức xong ngay Nội-các, có 18 chức tổng-trưởng và 11 chức thứ-trưởng. Các bộ Không-quân, Lục-quân và Hải-quân, Nội-các trước hiệp làm một, nay lại biệt-lập. Ông PAINLEVÉ lĩnh bộ Không-quân, chủ-trương liên-lạc ba bộ để tru-định các việc quốc-phòng. Hai bộ Bưu-chính và Hàng-hải trước bãi đi, nay lại khôi-phục. Ông PAUL BONCOUR, tổng-trưởng bộ Lục-quân, vẫn kiêm giữ chức đại-biểu thường-trực ở Hội Vạn-quốc.

— Ở Đức định ngày mai tuyên-bố sắc-lệnh giải-tán Nghị-viện. Tuyên-cử Nghị-viện mới có lẽ định vào ngày 17 tháng 7 này.

Mồng 4. — Ông HERRIOT thủ-tướng mới, đem các quan Nội-các mới trình-diện với quan Giám-quốc. Lại định đến ngày 7 thì Chính-phủ mới ra trình-diện với hai Nghị-viện.

— Thủ-tướng Đức VON PAPEN công bố chương-trình của Nội-các, rồi báo tin Nghị-viện giải-tán. Ngày tuyên-cử Nghị-viện mới đến tuần sau mới nhất-định.

— Ở Roumanie ông TITULESCO đương thương-thuyết lập Nội-các mới. Ở Grèce, ông VENIZELOS cũng lập Nội-các mới.

— Nghị-viện Mỹ quyết-nghị đặt các thứ thuế mới tới 27 ngàn triệu francs.

Mồng 5. — Thủ-tướng HERRIOT tiếp ngoại-giao-đoàn.

— Ở Đức, Hội-nghị địa-phương của xứ *Mecklembourg-Schwerin*, bầu-cử lại, đảng HITLER được đại-thắng, trước có hai ghế, nay được hai-mươi-chín ghế.

— Về việc định ngày tổng-tuyển-cử Nghị-viện Đức, Nội-các VON PAPEN với đảng HITLER không đồng-ý nhau, một đảng thì muốn hạn ngắn cho xong việc, một đảng thì muốn hạn dài cho có thì-giờ mà vận-động. Chính-phủ lại chính sự về sự vận-động đó thành ra bạo-động chẳng.

— Ở Roumanie, ông TITULESCO không lập xong Nội-các, vua CAROL bèn cử ông VAIDA VOIEVOD lập Nội-các mới thiên về đảng «quốc-gia nông-dân» (*national paysan*). Còn ở Grèce thì ông VENIZELOS lập xong Nội-các.

— Quốc-hội Turquie (Thổ) hạ lệnh cấm người ngoại-quốc không được làm một thủ-ngệ gì ở trong nước.

— Ở Chili đảng cách-mệnh thắng, chính-phủ của tổng-thống MONTERO bị đổ.

— Ban điều-tra của Hội Vạn-quốc ở Mãn-châu đã trở về Bắc-bình.

Mồng 6. — Việc tuyển-cử Nghị-viện mới của Đức nhất-định vào ngày 31 tháng 7.

— Ở Roumanie, Nội-các VAIDA VOIEVOD thành-lập. Nghị-viện có lẽ bị giải-tán, rồi hai tháng nữa thời bầu Nghị-viện mới.

— Ở Chili, Chính-phủ mới định thi hành chủ-nghĩa xã-hội. Lại định giải-tán các hội tôn-giáo.

Mồng 7. — Ở Thượng Hạ Nghị-viện Pháp, hai ông nghị-trưởng JEANNENEY và BOUISSON lên nhận chức. Nội-các mới ra trình diện hai Viện, ở Hạ-viện thì chính thủ-tướng HERRIOT, ở Thượng-viện thì phó thủ-tướng RENOULT đọc bản tuyên-bố chương-trình của Chính-phủ. Ở Hạ-viện, tuyên-bố

chương-trình xong, mở cuộc chất-vấn liền, thủ-tướng trả lời ngay. Sau khi hai ông LÉON BLUM và TARDIEU can-thiệp, thời Nghị-viện bỏ phiếu quyết-nghị, kết-quả Chính-phủ được 384 phiếu ủng-nhiệm đối với 115 phiếu phản-đối.

Mồng 8. — Thủ-tướng Pháp HERRIOT mời thủ-tướng Anh MAC-DONALD đến Paris để hội-thương về các việc sắp đem ra bàn xét ở hai hội-nghị Genève và Lausanne.

— Đảng Gia-tô ở Đức quyết-nghị tán-thành cái chính-sách của nguyên thủ-tướng BRÜNING và tỏ ý bất-thiệp-tác với đảng HITLER cùng Nội-các VON PAPEN.

— Ông BOUILLOUX-LAFON, nguyên phó-nghị-trưởng Hạ-nghị-viện Pháp, được quốc-vương Monaco chọn làm quốc-vụ-khanh nước ấy.

Mồng 9. — Ở Nghị-viện Pháp lập một đảng mới, nguyên thủ-tướng ANDRÉ TARDIEU làm lãnh-tụ; đảng đặt tên là « Trung-ương Cộng-hòa: đảng hành-động về xã-hội, thương-nghiệp và nông-nghiệp » (*Centre républicain, groupe d'action sociale, commerciale et paysanne*).

— Một phái-bộ của các hội nữ-quyền đến Thượng-nghị-viện thăm ông nghị-trưởng JEANNENEY, và đến Hạ-nghị-viện thăm ông nghị-viên LOUIS PROUST, ông này có tỏ ý muốn lập lại đảng bênh-vực nữ-quyền ở Nghị-viện, và định can-thiệp vào cuộc bầu-cử Thượng-nghị-viện sau này. Lại « Liên-đoàn đề đòi quyền bầu-cử cho đàn-bà » (*Union pour le suffrage des femmes*) họp hội-nghị, nhiều nghị-viên diễn-thuyết bênh-vực nữ-quyền.

Mồng 10. — Ở Hội-đồng Chính-phủ, thủ-tướng HERRIOT bày tỏ về tình-hình ngoại-giao. Rồi hội-đồng cử các đại-biểu đi Hội-nghị Genève và Lausanne. — Nhân có tin đồn Tài-chính Tổng-trưởng GERMAIN-MARTIN và Dự-toán

tổng-trưởng PALMADE, vì không đồng-ý với Chính-phủ về việc chính-đồn tài-chính, muốn xin từ chức, Chính-phủ tuyên-bố là tin ấy sai.

— Hội-nghị nước Anh với nước *Irlande* họp để xét về vấn-đề bãi lệ tuyên-thệ và trả tiền thực-điền, không thành kết-quả gì.

— Chính-phủ *Espagne* (Tây-ban-nha) định tịch-biên cả các của động-sản và bất-động-sản của phế-vương ALPHONSE XIII.

Ngày 11. — Thủ-tướng Anh MAC-DONALD và ngoại-tướng Anh SIR JOHN SIMON hội-thương với thủ-tướng Pháp HERRIOT ở bộ ngoại-vụ Pháp.

— Đại-biêu nước Pháp, nước *Belgique* và nước *Roumanie* ở *Washington* ký một bản hiệp-ước về các khoản nợ nước Mĩ được hoãn trả theo cái dự-án HOOVER.

Ngày 12. — Việc hội-thương của hai thủ-tướng Pháp và Anh có kết-quả tốt. Hai bên đồng-ý nhau về cái phương-pháp nên theo để giải-quyết các vấn-đề ở *Genève* và ở *Lausanne*.

— Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa Pháp ALBERT SARRAUT khai hội chợ thuộc-địa ở *Bordeaux*.

— Ông EUSEBIO AYALA được bầu làm tổng-thống nước *Paraguay*.

Ngày 13. — Hai thủ-tướng HERRIOT và MAC-DONALD, sau cuộc hội-thương ở *Paris*, đã cùng các viên-chức giúp việc đi *Genève*, chiều tới nơi.

— Ở Đức có sắc-lệnh Tổng-thống cho phép đảng HITLER được giữ các đội quân nghĩa-dũng do Nội-các BRÜNING trước bắt bãi bỏ.

Ngày 14. — Ban Tài-chính ở Thượng-Nghị-viện Pháp bầu ông CAILLAUX làm ban-trưởng, thay cho ông JEANNENEY, được bầu làm nghị-trưởng Thượng-nghị-viện; chức tổng-ủy-viên (*rappor-teur général*) giao cho ông HENRI ROY.

— Ở *Genève*, ông HERRIOT hội-thương với ngoại-tướng Ý là ông GRANDI. — Ở Hội-nghị Tài-bình, Ý và Nga trình một bản dự-án bị thủ-tướng Pháp HERRIOT cự-lực bác.

— Ở Đức có sắc-lệnh của Tổng-thống giảm các khoản phụ-cấp cho thợ thất-nghiệp và đặt một thứ thuế chung về tiền công thợ từ 1 $\frac{1}{2}$ 0/0 đến 6 0/0.

— Đảng Cộng-hòa nước Mĩ họp hội-nghị, về vấn-đề cấm rượu, ý-kiến phản-ván lắm.

Ngày 15. — Ban hành-chính thường-trực của đảng Xã-hội Pháp S. F. I. O. bầu tòa trị-sự mới, cử ông PAUL FAURE làm tổng-thư-ký.

— Ở *Lausanne*, đại-biêu của sáu nước đứng mời, họp một buổi hội-nghị riêng và mật, do thủ-tướng Anh MAC-DONALD chủ-tịch, để định thủ-tục việc hội-nghị.

— Ở Đức có sắc-lệnh Tổng-thống cho phép các đội nghĩa-dũng của đảng HILTER được tự-do hành-động.

Ngày 16. — Hai ông nghị-viên Pháp ABRAMI và CHATENET trình một bản dự-án luật yêu-cầu Chính-phủ nên bàn với các nước có chân Hội Vạn-quốc biên vào trong hiến-pháp mỗi nước rằng mỗi khi quyết-nghị việc chiến-tranh phải trưng-cầu ý-kiến cả bàn-dân đã (*référéndum populaire*).

— Ở Hội Hàn-lâm Pháp, văn-sĩ ABEL BONNARD được bầu vào chân văn-sĩ CHARLES LE GOFFIE tạ-thế.

— Hội-nghị *Lausanne* hôm nay công-khai, ông MAC DONALD làm chủ-tịch.

— Đảng Cộng-hòa Mĩ họp hội-nghị, cử ông HOOVER để lại ra ứng-cử Tổng-thống kỳ sau này.

Ngày 17. — Tổng-trưởng bộ Lục-quân Pháp PAUL BONCOUR tuyên-bố cho các nhà báo biết những kế-hoạch đương-trù-tình để tỉnh-giảm các khoản quân-phí.

— Ở *Paris* khánh-thành tượng kỷ-niệm nhà âm-nhạc CLAUDE DEBUSSY.

— Ở Hội-nghị *Lausanne* định trong khi hội-nghị đình cả các khoản bồi-thường cùng các khoản nợ chiến tranh. Hội-nghị hoãn đến ngày 20.

— Tổng-trưởng Bộ Thuộc-địa tự-trị Anh diễn-thuyết ở Nghị-viện nói việc phân-tranh nước Anh với nước *Irlande* không thể nào giải-quyết được.

— Ở *Chili* lại có một cuộc phản-cách-mệnh (*contre-révolution*), đánh đổ Chính-phủ cách - mệnh và lại phục quyền cho ông DAVILA.

Ngày 18. — Ông THOMÉ được cử sung chức Chánh Cảnh - bị nước Pháp (*Sureté générale*).

— Chính-phủ Pháp định đến ngày 3 tháng 7 đem di-hải ông ARISTIDE BRIAND về an-tàng ở ấp *Cocherel* của ông.

Ngày 19. — Ông HERRIOT dời *Paris* đi *Lausanne*.

— Ở *Marseille* khánh-thành tượng kỷ-niệm MISTRAL, là nhà văn-hào đã có công khôi-phục cho tiếng thổ-âm xứ *Provence*.

— Ở Đức, nhiều nơi, nhất là về miền nam, phản-đối lệnh cho các đội quân nghĩa-dũng của HITLER được tự-do hành-động.

Ngày 20. — Ở tiệc Hội Kinh-tế-học, ông PAUL REYNAUD là nguyên - tổng-trưởng Bộ Thuộc-địa, thuật về cuộc du-lịch của ông ở Đông-dương, tán-dương cái chính-sách thuộc-địa của Pháp.

— Ở *Lausanne*, phái-bộ các nước còn họp riêng, chứ chưa có hội-nghị công-đồng.

Ngày 21. — Các hội Nữ-quyền, họp tổng-hội-nghị ở *Orléans*, phái đại-biểu đến thăm nghị-trưởng Thượng-nghị-viện đề xin Thượng-nghị-viện quyết-nghị cho đạo luật cho đàn bà được quyền bầu-cử, luật này Hạ-nghị-viện đã bỏ phiếu quyết-nghị rồi.

Ngày 22. — Quan Giám-quốc LEBRUN đến thăm nhà Thị-sảnh thành *Paris*. (Theo lệ thường, quan Giám-quốc mới, lần xuất hành thứ nhất là đến thăm nhà Thị-sảnh *Paris*, cả hội-đồng thành-phố nghênh-tiếp).

— Các ban lớn ở Nghị-viện Pháp đã thành-lập : ban Tài-chính, chủ-tịch là ông MALVY ; ban Ngoại-vụ, chủ-tịch ông FRANÇOIS-ALBERT ; ban Quân-bị, chủ-tịch ông FABRY. — Ông LAMOUREUX thời cử làm Tổng-ủy-viên xét chung về toàn-thể sổ Dự-toán chi-thu.

— Ở Hội-nghị tài-bình, ông GIBSON là đại-biểu nước Mỹ trình một bản thông-cáo của Tổng-thống HOOVER về vấn-đề tài-bình. Các đại-biểu Nga, Ý và Đức tán-thành, Pháp với Anh phản-đối.

— Ở Hội-nghị *Lausanne*, phái-bộ Đức trình cho chủ-tịch MAC-DONALD một bản thuyết-minh, xin thủ-tiêu cả các khoản bồi-thường, một cách hoàn-toàn, tức-thì và vô-diều-kiện.

— Đảng Dân-chủ nước Mỹ sẽ họp hội-nghị ngày 27 này để cử người ra ứng-cử Tổng-thống kỳ sau này. Có lẽ ông SMITH được cử, ông là người phản-đối việc cấm rượu.

Ngày 23. — Bộ Tư-pháp nước Pháp trình Nghị-viện một bản dự-án luật đổi cái chế-độ hôn-nhân và bãi cái lệ « vô-tư-cách về dân-sự » (*incapacité civile*) của đàn-bà có chồng.

— Ở Thượng-nghị-viện Pháp bắt đầu thảo-luận về luật cho đàn-bà có quyền bầu-cử và ứng-cử.

— Ở *Lausanne* đại-biểu Pháp và Anh đã đồng-ý nhau, còn đương thương-thuyết với phái-bộ Đức.

Ngày 24. — Ở Kinh-đô *Bangkok* nước Xiêm, đảng binh-dân nổi loạn, đòi vua đặt chính-thể quân-chủ lập-hiến.

Ngày 25. — Ở *Berlin* đảng Nazis (là đảng Quốc-gia xã-hội của HITLER), đến phá nhà báo *l'orvaerts*, là báo cơ-quan của đảng Xã-hội dân-chủ.

— Vua Xiêm nhận đòi chính-thể chuyên-chế ra chính-phủ lập hiến.

Ngày 26. — Lãnh-tụ đảng Xã-hội nước Pháp Léon Blum diễn-thuyết ở hội «mê-tinh» của đảng ấy tại Toulouse, phản-nên rằng phái-bộ Pháp không hoan-ngênh cái thuyết tài-bình của Tổng-thống Mĩ Hoover.

— Quốc-vương Xiêm trong lời dụ cho Chính-phủ lâm-thời tuyên-bố rằng những việc của dân-đảng làm trong cuộc chính-biến là chánh-đáng cả, và vua bằng lòng theo chính-thể lập hiến.

Ngày 27. — Ở Lausanne, phái-bộ Pháp và phái-bộ Đức thương-thuyết với nhau. Phái-bộ Đức xin thủ-tiêu cả các khoản bồi-thường, nhưng không chịu nhận khoản gì bù lại, nên phái-bộ Pháp không chịu.

— Đảng Dân-chủ Mĩ họp hội-nghị ở Chicago để cử người ra ứng-cử tổng-thống sau này.

Ngày 28. — Thượng-nghị-viện thảo-luận về luật cho đàn bà có quyền bầu-sử.

— Ở Hội-nghị Lausanne, phái-bộ Đức nhất-định xin thủ-tiêu các bồi-khoản. Còn thủ-tướng Anh muốn chầm-chước thỏa-hiệp hai cái thuyết của nước Pháp và nước Anh không xong. Hội-nghị đương vào cái cảnh khó xử.

— Đại-sứ Pháp, Anh, Ý và Nga, từng người đến kháng-nghị với chính-phủ Nhật về vấn-đề quan-thuế ở Mãn-châu-quốc.

Ngày 29. — Bà Bá-tước DE MARTEL, biệt-hiệu là Gyp, tác-giả vô-số những tiểu-thuyết có thú-vị, tạ-thể, thọ 82 tuổi.

— Ở Hội-nghị Lausanne hôm nay, cái không-khí đã sáng-sủa hơn hôm qua. Sáu nước đứng mới đã họp hội-đồng để định phương-pháp tiến-hành cho ổn-thỏa.

Ngày 30. — Hội Hàn-lâm Pháp tặng phần thưởng 10.000 phật-lãng cho quyền sách của ông ALBERT SARRAUT, hiện làm Thuộc-địa-bộ Tổng-trưởng

đề là : *Grandeur et servitude coloniale* (Cái vinh với cái nhục về thuộc-địa).

— Tiêu-hội-đồng họp ở Hội-nghị Lausanne bàn nên định «khoản» (*forfait*) một số là bao nhiêu cho nước Đức nhận để bù vào các bồi-khoản. Nhưng Đức vẫn giữ cái thái-độ tiêu cực.

Nội-các Herriot lần thứ ba. —

Ông EDOUARD HERRIOT, lãnh-tụ đảng Xã-hội cấp-tiến, lần này lên cầm quyền thủ-tướng là lần thứ ba, hai lần trước là vào 1924 và 1926. Nội-các Herriot này là Nội-các thứ ba vậy.

Lần này đảng Cấp-tiến được thắng ở kỳ tổng-tuyển-cử hồi tháng 5, ai cũng biết trước rằng lãnh-tụ đảng ấy là ông HERRIOT sẽ lên cầm quyền và Nội-các TARDIEU cũ chỉ là tạm lưu lại để coi công việc thường mà thôi. Đáng lẽ thì ông HERRIOT ra lập Nội-các ngay sau khi tổng-tuyển-cử xong thì mới phải, nhưng theo thường-lệ trong chính-thể đại-nghị, quan Giám-quốc trước khi cử một nhà chính-trị nào để lập Nội-các mới, phải hỏi ý-kiến nghị-trưởng hai viện đã; nay hai viện chưa bầu nghị-trưởng thời quan Giám-quốc chưa thể vội đến ông HERRIOT được. Thượng-Nghị-viện thời phải bầu nghị-trưởng thay ông LEBRUN vừa được bầu làm Giám-quốc; còn Hạ-Nghị-viện mới bầu vừa rồi là Nghị-viện thứ 15 từ khi lập Dân-quốc đến giờ, thời đến mồng 1 tháng 6 mới bắt đầu khai-mạc, khai-mạc rồi lại phải chiếu-lệ «duyet-nhan» (*valider*) được quá nửa số nghị-viên mới, mới đủ tư-cách làm việc. Việc duyet-nhan này cũng là việc lễ-lối, kỳ này làm mau, cho nên đến ngày 3 tháng 6 đã bầu nghị-trưởng được.

Ở Thượng-viện thời ông JEANNENEY được bầu, không ai tranh, được 228 phiếu trong tổng-số 245. Ông làm nghị-viên quận Haute-Saône từ năm 1902, năm 1909 vào Thượng-nghị-viện, cũng đại-biểu cho quận đó. Năm nay 72

tuổi, vốn là bạn của CLEMENCEAU, cuối đời chiến-tranh là một tay giúp việc đắc-lực của CLEMENCEAU. Nguyên làm chánh ban Tài-chính ở Thượng-viện, hồi tháng 6 năm 1931 đã ra ứng-cử nghị-trưởng tranh với ông LEBRUN. Ở viện, thuộc về « Dân-chủ tả-đảng » (*Gauche démocratique*).

Ở Hạ-Nghị-viện thời nghị-trưởng cũ là ông FERNAND BOUISSON lại được tái-bầu, không có ai tranh, được 504 phiếu trong tổng-số 558.

Ngay chiều hôm hai viện bầu xong nghị-trưởng, quan Giám-quốc chiều lễ hỏi ý-kiến hai ông nghị-trưởng, rồi liền cho mời ông HERRIOT để giao lập Nội-các mới. Từ ngày mồng 8 tháng 5 là ngày đảng Cấp-tiến được thắng, ông HERRIOT đã có dự thời-giờ mà dự bị trước đề lên kế chân ông TARDIEU rồi. Trung-gian đảng Xã-hội lại họp hội-nghị, yêu-cầu nhiều điều đảng Cấp-tiến không thể thừa-nhận được, nên cũng đã rõ rằng đảng Xã-hội không thể tham-dự vào Nội-các mới được. Vậy thời Nội-các này là thuần người trong đảng Cấp-tiến hết, chỉ có một vài nhân-vật về đảng Cấp-tiến độc-lập và đảng Cộng-hòa tả-phái mà thôi. Ngày mồng 4 tháng 6, 11 giờ sáng thì Nội-các đã thành-lập, đến trình-diện quan Giám-quốc.

Ông HERRIOT thời giữ chức Tổng-lý Nội-các (tức là thủ-tướng), kiêm Ngoại-vụ tổng-trưởng. Như trên kia đã nói, ông làm thủ-tướng lần này là lần thứ ba : lần thứ nhất từ ngày 14 tháng 6 năm 1924 đến 17 tháng 4 năm 1926, lần thứ hai thời kế cho Nội-các BRIAND lần thứ 10, ngày 17 tháng 7 năm 1926 giữa hồi tái-chính khủng-khoảng, ngay hôm ra tiếp-xúc với Nghị-viện thời bị đổ liền. Ông HERRIOT là một nhà chính-trị trứ-danh nước Pháp, ai cũng đã biết rồi, chỉ nên nhắc rằng ông là một người có lượng, gặp hồi nguy-kịch, ông biết hi-

sinh chủ-nghĩa của mình đi mà hiệp-tác với ông POINCARÉ, lĩnh chức Học-bộ tổng-trưởng trong Nội-các liên-hiệp POINCARÉ từ tháng 7 năm 1926 đến tháng 11 năm 1928; còn cái lòng ái-quốc minh-mẫn của ông, thì dù kẻ thù ông cũng phải công-nhận.

Ông RENÉ RENOULT, thượng-nghị-viên quận Var, lĩnh Tư-pháp Tổng-trưởng, kiêm chủ-cphó-thủ-tướng. Tổng-trưởng bộ Nội-vụ là ông CAMILLE CHAUTEMPS, là một tay trai-trẻ mẫn-cán trong đảng Cấp-tiến. Nội-các TARDIEU trước gồm cả ba bộ Lục-quân, Hải-quân và Không-quân lại làm một, gọi là bộ Quốc-phòng; nay lại phân ra làm ba như cũ; Tổng-trưởng Lục-quân là ông PAUL BONCOUR, Hải-quân là ông GEORGES LEYGUES, Không-quân là ông PAINLEVÉ. Ở bộ Tài-chính thời ông GERMAIN-MARTIN, cựu-giáo-sư ở trường Đại-học luật, thật là một tay tài-chính thông-thạo. Ông PALMADE, tổng-trưởng-bộ Dự-toán chi-thu, cũng là cựu-giáo-sư trường Đại-học và cũng là một tay tài-chính chuyên-môn. Bộ Công-chính thời ông DALADIER, bộ Giáo-dục ông DE MONZIE, bộ Thuộc-địa ông ALBERT SARRAUT, bộ Lao động ông DALIMIER, toàn là những nhà obình-trị có tiếng cả. Ngoại-giã thời bộ Hưu-cấp có ông BERTHOD, là tay giáo-sư cũ, bộ Nông-vụ có ông ABEL GARDEY, thượng-nghị-viên quận Gers, bộ Bưu-chính ông QUEVILLE, bộ vệ-sinh ông JUSTIN GODART, bộ Thương-vụ ông JULIEN DURAND, bộ Hàng-hải ông LÉON MEYER. Còn chức thứ-trưởng thời có 11 vị; thứ-trưởng bộ Thuộc-địa là ông CANBACE, nghị-viên thuộc-địa *Guadeloupe*, người da đen.

Ngoài ông HERRIOT trước đã làm thủ-tướng hai lần, trong Nội-các có ba vị đã từng làm thủ-tướng trước là LEYGUES, PAINLEVÉ và CHAUTEMPS. Các vị khác thời hầu hết đã có tham-dự vào Chính-phủ rồi, trừ ông ABEL GARDEY và 9 chức thứ-trưởng.

Nói về chức-nghiệp các vị trong Nội-các mới thì có : 11 luật-sư, 8 giáo-sư, 4 nhà báo, 2 y-sĩ, 1 thương-mại, 3 kỹ-sư ; hai học-sĩ thuộc viện Hàn-lâm (là ông PAINLEVÉ và ông GERMAIN-MARTIN).

Lời tuyên-bổ chương-trình của Nội-các đã đọc trước hai Viện ngày 7 tháng 6, sau khi làm lễ tự-chức hai ông nghị-trưởng và sau khi tuyên-đọc lời thông-cáo của quan Giám-quốc cho Quốc-hội.

Lời tuyên-bổ rất ôn-hòa, không có câu nào kích-thích gì các đảng thiểu-số khác. Phần nhiều nói về việc ngoại-giao, và thuộc về vấn-đề tài-binh nói rằng việc tài-binh phải cho tuần-tự, phải cho đồng-thời cả các nước, và phải cho có cách kiểm-sát phân-minh, thuộc về vấn-đề bồi-thường nói rằng nước Pháp sẽ hết sức giữ quyền lợi không chịu bỏ thiệt ; đại-khái lời-lẽ cũng không khác gì chương trình của Nội-các TARDIEU trước.

Thời-cục nước Tàu. — Mặt đông-bắc. — Quân Nhật muốn chiếm gấp lấy Nhật-hà, phái Thạch - bản sang dụ Thang Ngọc-Lân là chủ-tịch tỉnh ấy. Thang cự-tuyệt, người Nhật liền nói vu là Thạch-bản mất tung-tích, bị quân nghĩa-dũng giết chết, cho là lại xảy ra việc Trung-Thôn thứ hai nữa. Bộ tư-lệnh Quan-dóng đã phái xe bọc sắt và máy bay đến Triều-dương, hiện đang đánh nhau dữ-dội với quân nghĩa-dũng. Song, vì phương-diện chính-phủ Tàu đã cho dò xét không có người nào gọi là Thạch-bản bị giết cả, chỉ là người Nhật bịa ra để lấy cớ xâm-lược phía bắc Trung-hoa mà thôi, cũng như việc Trung-Thôn và việc ngày 28 tháng chín năm ngoái.

Chính-phủ Trung-ương cho việc ấy có quan-hệ đến cái cơ sống còn của dân-tộc, trừ đã điện cho Trương Học-Lương phải tự-vệ đề-kháng, lại điện đến Hán-khâu giục Tưởng về Nam-kinh cùng bàn cách ứng-phó.

Sau khi viện hành-chính tiếp được tin của Trương Học-Lương báo-cáo việc Nhật-hà, ngày 22 có thông-diện cho các nhà đương-cục quán - chính các tỉnh như sau này : « Chủ-nhiệm Tuy-Tĩnh công-thự ở Bắc-bình là Trương Học-Lương điện trình rằng quân-đội Nhật chiều ngày mười-bảy dùng hai đoàn xe thiết-giáp xông tiến vào Triều-dương, quân Trung-hoa ngăn-trở, liền bị quân Nhật bắn lại, dùng năm chiếc máy bay đến Triều-dương đối với các cơ-quan giao-thông, thông-tin và quân-chính ném hơn 30 quả bom xuống, lại dùng súng cối-xay bắn tràn, đến nỗi chết và bị thương nhiều người ; trừ sức cho quân-đội đóng ở đó phải nghiêm-mật phòng giữ đề-kháng và điện cho công-sứ ở Nhật phải kháng - nghị nghiêm-trọng, lại đặc-diện đề các ngài biết. Nạn nước mỗi ngày mỗi to, mong các ngài đốc-sức anh em đồng - chí thuộc-hạ, cùng lo chống giữ, và mong thông-cáo dân-chúng cố giữ trật-tự của nước nhà. Giữ vững lòng đoàn-kết của quốc-dân, dự-bị nhiều phương, cùng tới cái mục-đích nhất-tri, đề chống kẻ cường-lân mà giữ đất nước, đó là một điều rất mong-mỏi ».

Hiện ở Bắc-bình đang có một cuộc Đại-hội-nghị quân-vụ do Trương Học-Lương chủ-tịch đề lo việc chống-cự với Nhật tại tỉnh Nhật-hà. Hội-nghị tuyên-cáo rằng : Nhật muốn đánh đổ Trương Học-Lương, dọa rằng nếu Trương đem thêm quân đến giữ Nhật-hà, thì quân Nhật sẽ đánh Thiên-lân và Bắc-bình.

Trương Học - Lương đồng ý với Tưởng Giới-Thạch đã phát-biểu lời hô-hào các tướng chỉ-huy các tỉnh hợp lực chống Nhật.

Trương Học-Lương quyết động-binh, 4 lữ-đoàn kỵ-binh, 3 lữ-đoàn pháo-binh, cộng 14 vạn đại-quân đi cứu Nhật-hà. Một bộ-phận định trước hễ phá-hoại đường sắt Đông-bắc, khiến-chế quân Mãn-châu xuất-động.

Trương Học-Lương lại sai bọn Vu Học-Trung tổ-chức ba vạn quân kháng Nhật họp ở biên-cảnh Liêu-ninh, Nhiệt-hà. Lại phái 20 chiếc máy bay bay đi Nhiệt-hà. Có tin quân Trương đã xung-đột với toàn quân Lục-âu là quân của nước Mãn-châu đóng giữ ở trấn Thạch-môn, nước Mãn-châu yếu-cầu quân Nhật cứu-viện.

Ông Tinh-Vệ chủ-tịch ban hành-chính vừa gửi một bức điện-văn cho tất cả các quan chức văn võ trong nước báo tin cho biết việc Nhật dùng máy bay và xe hỏa thiết-giáp đánh Triều-dương thuộc Nhiệt-hà, và ra lệnh cho tất cả phải cực-lực kháng-cự. Bức điện-tín ấy lại nói rằng Chính-phủ đã giao viên đại-sứ Tàu ở Đông-kinh phản-kháng với Chính-phủ Nhật.

Bộ ngoại-giao đã đem việc quân Nhật lấn Nhiệt-hà điện cho Nhan Huệ-Khánh trình Hội Vạn-quốc.

Quân cứu-quốc miền đông-bắc.— Sau khi quân Nhật lần lượt chiếm-cử các thành-trấn trọng-yếu miền đông-bắc, nhân-dân đều tỏ lòng căm giận các nhà đương-cục không chịu đề-kháng, nên cùng nhau tự tổ-chức lên các đạo quân để chống đánh quân Nhật, muốn cho được có thế-lực mạnh, cần phải tập-trung lực-lượng, cùng theo một kế-hoạch, cùng giữ một ltn-điều, mới có thể thu được thực-hiệu, nên tổng-danh gọi là Đông-bắc quốc-dân cứu-quốc quân.

Quân cứu-quốc ấy do một viên chỉ-huy tổng-giám đưng thống-suất, dưới viên chỉ-huy tổng-giám đặt ra các viên tổng chỉ-huy; dưới nữa đặt ra các viên chi-đội trưởng, dưới chi-đội là sư-trưởng, đoàn-trưởng, liên-trưởng, đội-trưởng các đội biệt-động, đội trưởng các đội bảo-an. Chi-đội thì chuyển việc đánh nhau với địch-quân ở mặt trận, đội biệt-động thì quấy rối phòng-địa

oủa địch-quân, đội bảo-an thì giữ việc duy-trì trị-an ở hậu-phương. Tại bộ tổng-giám và các bộ tổng chỉ-huy ở các đạo quân đều đặt ra các hội ủy-viên quân-sự, chính-trị, bảo-an, làm cơ-quan bày đặt mưu-kế và tư-vấn; tại các chi-đội độc-lập, các sư-đoàn độc-lập đều do bộ tổng-giám phái đến một phái viên quân-sự, một phái-viên chính-trị, thay mặt tổng-giám bộ giữ cái trách nhiệm giám-đốc và chỉ-huy.

Cứu-quốc-quân cùng theo những tín-điều sau này :

1) Đề-kháng quân Nhật.— Quân Nhật xâm-chiếm Đông-bắc, là do cái dã-tâm đã định từ lâu, nay đã nằm ở trong tay, quyết không chịu tự-động giao trả nữa. Cho nên muốn thu-phục đất đã mất, lấy lại chủ-quyền, tất phải cùng nhau ra sức đề-kháng mới có thể đạt được mục-dịch.

2) Không nhận nước nguy.— Nước nguy Mãn-châu, do nước Nhật đặt ra, các việc xếp đặt đều do người Nhật cầm đầu. Nói cho đúng, sự tổ-chức ra nước nguy ấy chỉ là cái thủ-đoạn thôn-tính biến-tướng của người Nhật, phạm là quốc-dân Trung-hoa nhất-định không thừa-nhận được.

3) Bảo-vệ địa-phương.— Mấy năm nay nền kinh-tế xã-hội đông-bắc đã khô-kiệt quá, lại từ khi xảy ra việc biến, trật-tự rối loạn, sinh-kế của nhân-dân lại càng cùng-khốn, cho nên quân đi đến đâu cần phải bảo-vệ địa-phương, duy-trì cuộc trị-an, để nhân-dân khỏi sinh lòng chán-nản, mới gây được cái thực-lực kháng Nhật.

4) Lập nên nền dân-trị.— Chính-trị không tốt, là cái nguyên-nhân trọng-yếu xảy ra nạn nước, mà muốn cải-cách chính-trị, thì cần phải dựng nên chế-độ dân-sinh. Cho nên sau khi đã lấy lại được một địa-phương nào, cần

phải giúp đỡ cho nhân-dân biết tự-trị, đề vun đắp cái cơ-sở dân-trị mà ngăn hẳn cái ngoại-hoạn không bao giờ còn xảy ra nữa.

Hiện nay hợp tỉnh các đạo quân cứu-quốc cả ba tỉnh Liêu-ninh, Cát-lâm, Hắc-long-giang được 15 vạn người.

Các đạo quân cứu-quốc, kể từ khi xảy ra việc biến đến giờ, duy có đạo quân của Vương Đức-Lâm ở Cát-lâm là chống Nhật hăng-hái và có nhiều công-trạng hơn cả, trước sau giết được quân địch chừng hai ba nghìn người và cướp được súng ống đạn-dược cũng rất nhiều, mà nhất là việc ngăn-trở người Nhật đắp đường Cát-đôn lại là một việc rất có ý-nghĩa vậy.

Mã Chiếm-Sơn từ khi lại ra đánh nhau với quân Nhật, dân-khí đông-bắc nhân thế lại càng hăng-hái. Gần đây quân-đội Mã hầu phải thua lui, nhưng nếu thực-hành được việc khiến dân-chúng hóa thành quân-đội, gây nên cái võ-lực dân-chúng chân-chính, thì quân-đội hầu có lúc phải thua lui, còn có dân-chúng có thể chống nhau với quân-địch mãi được. Thực-lực quân-đội của Mã hiện có 40 lữ-đoàn Hắc-quân, một vạn quân dân-đoàn, lại thêm 15.000 quân nghĩa-dũng bộ hạ Lý Hải-Thanh xin chịu quyền Mã chỉ-huy. Số quân nhiều, nhưng về việc tiếp-tế khí-giới và lương-thực, vì lối giao-thông ngăn-trở nên phải chịu nhiều nỗi khổ-nạn.

Hiện-trạng tỉnh Hắc-long-giang cũng khác hẳn trước, các người trong ba cơ-quan đảng, chính, quân, đều biết cùng lòng hợp sức, cùng tôn Mã làm thủ-linh.

Mã Chiếm-Sơn ở Hắc-long-giang chống quân Nhật, lại nhờ địa-thế mà gây thêm được thực-lực; nguyên tỉnh ấy nhiều núi cao rừng rậm, hình-thế hiểm-yếu, sự giao-thông bị ngăn-trở chưa được tiện-lợi như hai tỉnh Liêu-ninh và Cát-lâm. Quân Nhật đến đó, đã không rõ địa-lý, lại khó vận-tải, nên

không dám tiến vào sâu, nhân đó mà Mã-Chiếm-Sơn được ung dung nghỉ-ngơi, sắm-sửa các đồ quân-bị. Cho nên muốn thu-phục miền đông-bắc ngày nay, tỉnh Hắc-long-giang là nơi căn-cứ rất tốt, mà rất tiện mở-mang thực-lực vậy.

Mã-Chiếm-Sơn tuyên-cáo quân kháng Nhật cả tỉnh Hắc-long-giang, nói chống Nhật phải một thời kỳ lâu dài sông cạn đá mòn cũng không đổi. Vì muốn tránh sự làm rối việc cày cấy mùa xuân của trăm họ, nên phải tạm dùng-dăng với quân Nhật. Hiện nay dùng chiến-pháp du-kích, gặp dịp thì đem trọng-binh giết giặc, nếu không có dịp thì chia đường quấy rối quân địch, khiến cho nó giữ được chỗ này hổng chỗ kia. Lợi-dụng chỗ đường mà xe súng của nó không thể qua được ngòi lạch, đêm tối máy bay của nó không hoạt-động được, mà xông ra đánh, không vạch đường trợn, chỉ cần làm hại quân địch, cứ như thế mà không thôi, chỉ trong một năm, quân địch tất phải kiệt sức.

Quân Mã và các toán quân Đinh, Lý, Cung, Phùng từ sau khi dùng cách du-kích, các đạo quân phần nhiều chiếm được ưu-thế, nào là quân nghĩa-dũng Liêu-lây đánh được Hưng-thành, quân Lý-Đỗ, Đinh-Siêu lại vào Phú-cầm, toán thì thủ-hiêm ở Liêu-ninh, toán thì chen đường ở Câu-bang-lữ; hoặc đánh vào thành Thanh-nguyên, hoặc tràn sang đất Triều-tiên, thanh-thế vẫn mạnh. Lại còn quân nghĩa-dũng ở một giải Bắc-Mãn gần đây được đại-đội viện-quân giúp sức, đã dần dần cướp lại các khu trọng-yếu ở đoạn đông đường Trung-đông, chiến-sự càng kịch-liệt. Địa-vị quân Nhật lay-động. Miền Nhật-điện-pha trở về phía đông, trừ hai nơi Hải-lâm và Hoàn-đạo-hà trở ra, còn đều vào tay quân nghĩa-dũng cả.

Nga với Nhật.— Gần đây lại mới xảy ra việc Nhật lấy võ-lực chiếm hải-khẩu Cáp-nhĩ-tân. Chính-phủ Moscou, sau khi nghe tin này liền đánh điện cho tổng-lĩnh-sự Nhật ở Cáp-nhĩ-tân, phản-kháng việc Nhật-bản dùng võ-lực chiếm hải-khẩu Cáp-nhĩ-tân. Nga nói quyết rằng chính-phủ Mãn-châu phải nhận lấy hết trách-nhiệm về việc này, và các việc tổn-hại khác sẽ xảy ra nữa.

Chính-phủ Mãn-châu ở Trường-xuân tuyên-bố rằng sự chiếm đường « Đông thiết-lộ » là một điều cần-thiết để Nhật tiện bề vận lương theo đường bờ vào Tùng-hoa-giang, và để cho Nhật dễ bề độ binh đi tiêu-trừ quân phản-nghịch.

Dẫu Nga có kháng-nghị thế nào đi nữa, Nhật-bản cứ việc thi-hành chính-sách xâm-lược của mình, chớ không thoái-bộ nữa.

Về việc rắc-rối này, quan linh-sự Nga ở Nhật có tỏ cho bộ ngoại-giao Nhật

biết rằng sự chiếm-cử hải-khẩu Cáp-nhĩ-tân của Nhật là một điều vi-pháp, Nhật không kể chỉ tới những điều-ước, để gìn-giữ sự hòa-bình cho Viễn-đông nữa.

Chính-phủ Tàu lại có ý thân-thiện với Nga, về cuộc điều-đình ở Moscou để lại giao-thiệp với Nga, tiến-hành khá lắm. Tàu chẳng ngần-ngại gì, rất sẵn-sàng ký một bản hòa-ước với Nga.

Hiện nay cục-diện Đông-bắc nước Tàu càng ngày càng nguy-cấp, nước Nhật mà toàn-chiếm Mãn-châu, thì không những nước Tàu mất đất, mà nước Nga cũng mất hết lợi-quyền, tức như Trung-đông thiết-lộ và hải-khẩu Cáp-nhĩ-tân, người Nga chẳng lẽ lại chịu ngồi yên để mặc người Nhật chiếm-cử, mà người Tàu kia cũng cứ dành cho Nhật lấn vào đến Tân-hình hay sao? Nga mà nổi lên chống nhau với Nhật, thì người Tàu thế-tất phải về bờ với Nga để tự cứu lấy mình, cũng là cái thế bất-đắc-di vậy, ta thử chờ xem sao.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 31 tháng 7 năm 1932)

Quan Khâm-sứ đi kinh-lý và vào Nam-kỳ.— Ngày mồng 5, quan Khâm-sứ CHÂTEL, cùng quan chánh văn-phòng HARLEWYN, quan chánh Liêm-phóng SOGNY, đã đi kinh-lý miền nam Trung-kỳ. Xong rồi Ngài cùng các quan tùy-tùng vào Nam-kỳ để trình bày cùng quan Toàn-quyền về việc xin nước Pháp giúp tiền đề chấn-cấp cho nạn-dân bị bão lụt ở miền Nam Trung-kỳ, và bàn định các lễ-nghi đón rước đức Bảo-đại về Kinh.

Hội-đồng Chính-phủ.— Ngày mồng 5, ban Thường-trực của Hội-đồng Chính-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền Sài-gòn, do quan Toàn quyền PASQUIER chủ-tọa.

Việc cho người bản-xứ vào học các trường lớn bên Pháp.— Xưa nay các học-sinh xứ ta thi vào học các trường lớn của chính-phủ Pháp, hoặc được kể như người Pháp, hoặc kể như người ngoại-quốc, hoặc kể vào một hạng riêng. Nay quan ALBERT SARRAUT Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa và quan CANDACE Thứ-trưởng bộ ấy đã thỉnh-cầu cùng các Bộ coi các trường học lớn ấy, tự nay về sau kể học-sinh xứ ta cũng như học-sinh người Pháp. Riêng các trường quân-bị thì không được lệ này.

Hội Bắc-kỳ Trung-ương Phò-tế họp hội-đồng.— Hồi 5 giờ chiều mồng 7, Hội Bắc-kỳ Trung-ương Phò-tế đã họp hội-đồng tại Hội-quán hội Hợp-thiện đường Henri d'Orléans Hà-nội, để xét

tình-hình các chi-hội ở các tỉnh, và kết-quả cuộc lạc-quyên giúp nạn-dân Trung-kỳ.

Giảm lương và rút người làm.— Có lệnh của chính-phủ rằng từ nay các người Tây Nam làm công-nhật cho Nhà-nước đều phải giảm lương đi 10 phần trăm (10 0/0). Cả những người làm có giấy hợp-đồng nữa cũng thế.

Tại sở Địa-dư thì rút các sĩ-quan và các viên tá-sự chuyên-môn người nào đều trả về ngạch cũ của người ấy.

Quĩ để bảo trợ nông-gia đã thành-lập ở Hà-nội.— Theo Quan-báo bên Pháp đăng đạo Sắc-lệnh cho Chính-phủ Đông-Pháp được tồ-chức tại Hà-nội một quĩ « Bảo-trợ nông-gia », tiền quĩ sẽ thu ở : 1^o) Các cuộc công-thải do Chính-phủ bảo-lĩnh hoặc các cuộc công-thải do Chính-phủ cho phép trong kỳ Hội-đồng Chính-phủ ; 2^o) Tiền gốc và lãi do các món tiền xuất ra cho các nhà đồn-diễn vay hay do quĩ « giữ giá cao-xu » nay đem trả lại.

Quĩ sẽ dùng tiền ấy trả lại cho chính-phủ cả gốc lẫn lãi các khoản tiền chính-phủ đã trích trong ngân-sách, trong quĩ trữ-kim cho các nhà đồn-diễn vay trong năm 1930, 1931 và 1932.

Quĩ này sẽ đủ quyền đứng cho đến khi các nhà đồn-diễn có nợ trả hết. Quĩ lại có thể trả các món tiền xuất ra cho quĩ « giữ giá cao-xu » và các món tiền ngân-sách trữ của quĩ cao-xu.

Quan Toàn-quyền đi kinh-lý miền Hậu-giang xứ Nam-kỳ— Ngày mồng 9, quan Toàn-quyền PASQUIER cùng quan Thống-đốc EUTROPE, quan chánh sở Công-chính GASSIER và quan chủ sở cho vay về đồn-thổ đã đi kinh-lý các tỉnh miền Hậu-giang xứ Nam-kỳ, là Vĩnh-long, Sa-đéc và Long-xuyên, để xem xét tình-hình nông-dân và các đồn-chủ lớn. Ngài tiếp các nhà nông

ở mấy nhà Canh-nông hội-quán các tỉnh ấy, có nói rõ tình-hình kinh-tế hiện-thời, cùng các cơ-quan của Chính-phủ mới lập ra để cứu-cấp mấy người đồn-chủ thiếu nợ mà chưa trả được.

Ngày mồng 10, ngài đi thăm mấy làng thực-dân ở hai bên bờ kênh mòi đào, thông từ Hà-tiên qua Rạch-giá. Một làng ở Hà-tiên toàn người Bắc-kỳ, có viên Linh-mục trông coi, Chính-phủ cấp đất ruộng cho từ năm ngoài, thì nay nhân-dân phần nhiều tản-mát cả. Còn mấy làng do dân Nam-kỳ lập lên thì có phần thịnh-vượng lắm, như làng Bình-sơn do quan Thống-đốc lập ra năm ngoài, nhà nước cấp cho mỗi chủ là 10 mẫu tây, Nông-nghiệp tương-tế ngân-hàng ứng tiền cho vay không lấy lãi, năm ngoài mới có 140 nóc nhà, năm nay đã được 250 nóc, năm ngoài cày cấy được 300 mẫu, thu-hoạch được 12.000 giá lúa, năm nay đã khẩn được tới 900 mẫu, làng ấy đã có một cái chợ, một đồn cảnh-sát. Một làng nữa mới lập ra đầu năm nay ở Sóc-sơn (Triton), diện-tích có 2.160 mẫu tây và có 140 nóc nhà ở, năm nay đã khẩn được 300 mẫu cày cấy được. Một làng nữa hiện đương lập ở miền núi Ba-thê, đã cấp cho 164 người, mỗi người 5 mẫu đất. Lại còn một làng nữa phần nhiều là người dân Cao-miền đến ở, nhà nước cấp cho mỗi chủ một lô đất là 25 mẫu, đã có 250 nóc nhà ở, làng này Nhà nước không cho vay tiền, dân-cư dùng nghề đánh cá và đốn gỗ làm sinh-nhai. Quan Toàn-quyền ngợi khen nhân-dân đã cùng lòng gắng sức mà mở-mang được những nơi đất bỏ hoang từ xưa đến nay. Tới Rạch-giá, ngài có hội các đồn-chủ lại để bảo cho biết rằng hiện nay Chính-phủ đã tìm phương-kế để cứu-giúp cho. Xong đây các quan lại đi thăm quận Long-mỹ.

Ngày 11, các quan đi thăm tỉnh Sóc-trang và Bắc-liêu, đến đầu cũng cất

nghĩa cho những điền-chủ nghe Chính-phủ đã lập ra các cơ-quan để giúp đỡ cho trong buổi khó-khẩn này.

Ngày 12, các quan đi thăm Cần-thơ rồi về Sài-gòn, đi dọc đường ngài có ghé thăm những chỗ lấy nước và những công-trình thí-nghiệm về nông-phố của Nông-doàn ở Vĩnh-long làm chung với sở Canh-nông.

Đến ngày 26, ngài lại đi kinh-lý mấy tỉnh nữa là Tân-an, Bến-tre và Trà-vinh. Ngày 27 đi Mỹ-tho. Tại hội-quán hội Nông-phố Mỹ-tho, ngài có đọc diễn-văn nói tóm-tắt về tình-thế hiện-thời và các phương-pháp cứu giúp các nông-gia bị nợ. Ngài bác hẳn những phương-kế muốn làm sụt giá đồng bạc để cho giá lúa được cao, mà quyết rằng cần phải giữ vững cái trụ-cốt tài-chính của Đông-Pháp là đồng bạc đó, và dù tình-thế khủng-hoảng vẫn giữ ngân-sách được thăng-bằng. Lại nói qua các cuộc công-thải mà Chính-phủ Pháp đã cho phép cùng là các phương-kế thi-hành.

Đức Bảo-đại nhận chức « Danh-dự công-dân » ở Vichy. — Ngày 17, ông xã-trưởng Vichy bên Pháp đến dâng đức Bảo-đại chức « Danh-dự công-dân » (*citoyen d'Honneur*) của thành-phố Vichy. Ngài tỏ ý rất cảm-động và vui lòng nhận chức ấy. Thành-phố Vichy định dùng hoàng-hiệu Ngài đặt tên một phố ở Vichy.

Tin đức Bảo-đại về nước nhà. — Có tin đích rằng ngày 12 tháng 8 tới đây ngài sẽ đáp tàu d'Artaignan ở Marseille để về bản-quốc, độ thượng-tuần tháng 9 thì về tới nơi. Đến Cap Saints-Jacques sẽ có chiếc chiến-hạm đón Ngài về Tourane.

Việc cứu nạn-dân miền nam Trung-kỳ. — Hội-đồng Trung-ương cứu-tế ở Trung-kỳ kể đến ngày 10 tháng 7 này đã thu được số tiền của các nơi gửi đến tổng-cộng là 26.521 \$ 00.

Số tiền đã phân-phát cho nạn-dân các nơi tính đến ngày 10 tháng 7, cộng là 13.730 \$ 00.

Ngoài số ấy, hội Cứu-tế Nam-kỳ lại gửi cho 60 tấn gạo, đã phân-phát cả cho các nơi.

Cuộc công-thải 500 triệu quan của Đông-Pháp. — Tin Paris ngày 12, theo các đạo Luật ngày 22 tháng 2 năm 1931 và 26 tháng 4 năm 1932 cho phép, thì các quan Tổng-trưởng bộ Tài-chính và Thuộc-địa đã quyết-định phát-hành một cuộc công-thải chung cho cả Đông-Pháp là 500 triệu quan, lãi 4, $\frac{1}{2}$ %. Theo các Luật về các công-thải thì Nhà-nước cho các nhà ngân-hàng được dự phần. Vậy các nhà ngân-hàng muốn dự vào một hay vài phần cuộc công-thải này, thì hạn đến trưa ngày 18 tháng 7 năm 1932 là cùng, phải đệ đơn thỉnh-nguyện lên Ủy-ban Công-thải Thuộc-địa tại bộ Thuộc-địa. Quan-báo đăng bản cáo-thị về việc phát-hành cuộc công-thải 500 triệu cho cả Đông-Pháp, 250 triệu theo Luật ngày 22 tháng 2 năm 1931 và 250 triệu theo Luật ngày 26 tháng 4 năm 1932. Công-thải này sẽ phát-hành thành phiếu quốc-trái 1000 quan, lãi 4, $\frac{1}{2}$ %, trả dần trong 50 năm là cùng hay là trả trước hạn cũng được.

Quan Thống-sứ đi Sông-cầu. — Ngày 13, quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã lên Thái-nguyên xem cái máng nước Sông-cầu, có quan chánh lục-lộ cùng đi với ngài.

Đem lính Táy ở Thượng-hải về. — Trước có việc Trung Nhật xung-đột ở Thượng-hải, Chính-phủ Pháp có cho mấy toán lính sang đóng ở Thượng-hải để bảo-hộ tô-giới Pháp ở đấy. Nay việc xung-đột đã yên, có lệnh triệu các toán lính ấy về, chuyển tàu Sông Bờ đã chở một toán quân có 10 sĩ-quan, 47 hạ-sĩ-quan và 560 người cai đội và

lành đem về đã tới bến Hải-phòng ngày 18 tháng 7 này.

Ấn-định giá đồng hoa-viên. — Quan Toàn-quyền đã trả lời cho phòng Thương-mại Hà-nội về việc phòng Thương-mại không thuận bỏ bản-vi tiền vàng là hợp-ý ngài và ngài cũng nhất-định không thay đổi giá đồng bạc hoa-viên, để khỏi xảy ra mọi điều ngăn-trở như đã từng thấy ở các nước Âu-châu sau cuộc chiến-tranh, là vì các nước ấy không có một thứ tiền-tệ vững-vàng. Ý ngài quả-quyết không có thay đổi gì về giá đồng bạc hoa-viên cả.

Nghị-định cấm men rượu. — Ngày 22, quan Toàn-quyền có ra một đạo Nghị-định cấm men rượu ở địa-hạt Bắc-kỳ như sau này :

Hai thứ men gọi là men nấu rượu và men làm rượu nếp thì cấm hẳn không được làm được mang và được bán suốt trong địa-hạt Bắc-kỳ, trừ ra mấy khoản đặc-cách đã định.

Những người làm men nấu rượu để bán riêng cho những người có phép Thương-chính cho nấu thì vẫn được làm luôn, nhưng phải theo thể-lệ sau này :

Những người có phép nấu rượu phải theo như sau này :

1) Hạn tám ngày sau khi ký nghị-định này thì phải đem trình những người làm men cho quan Công-sứ đầu lĩnh biết ;

2) Cam-đoan gửi cho quan Công-sứ một bản giấy thuê những người làm men là bao nhiêu ;

3) Từ nơi làm men đến nơi bán men phải có một cái giấy đi kèm để chứng-thực là men ấy được phép làm.

Những người làm men cũng phải cam-đoan rằng chỉ bán men cho

những người được phép nấu rượu thôi, trách-nhiệm thì do người nấu rượu chịu, cũng là phải chịu để các viên-chức Nhà-nước đến khám-xét theo như mọi cách-thức sẽ do quan hành-chính có nghị-định định sau.

Mỗi năm trong bảy ngày từ mồng 1 đến mồng 7 tháng 5 ta thì men làm rượu nếp được miễn cấm.

Tờ thông-tư của quan Chánh Đốc-học Bắc-kỳ. — Quan Chánh Đốc-học Bắc-kỳ thông-tư cho các bà đốc ông đốc các trường Pháp-Việt, các ông Thanh-tra học-chính, các quan Đốc-học Kiểm-học trong xứ Bắc kỳ :

« Vì những sự chẳng hay vừa xảy ra, quan Thống-sứ Bắc-kỳ phải dùng những phương-phép trừng-phạt những quan-chức dùng cách đánh đập đối-dãi với những người bản-xứ ở dưới quyền mình.

« Tuân lệnh quan Thống-sứ, tôi trích một đoạn sau này trong tờ thông-tư của quan Thống-sứ gửi cho ngài biết :

« Bản-chức nhờ ngài nhắc : kỹ-càng cho hết thấy các viên-chức thuộc quyền ngài nhớ rằng cấm không ai được đánh đập người bản-xứ, dù hơi khế thôi cũng không được. — Nhất là những người dưới mình, và nếu có việc nào như thế, đến tai bản-chức, thì bản-chức nhất-quyết không có dưng-thứ. »

« Tôi tưởng bắt-tất phải nhắc lại các viên-chức trong ngạch học-chính mới tuân theo cho đúng mọi điều dặn trên ấy và mới hiểu rằng nếu ai trái lệnh một tí, tức là làm phạm đến cái thanh-giá của mình đấy.

« Nhờ ngài chuyển-dạt tờ thông-tư này cho hết thấy các viên-chức thuộc dưới quyền ngài. »

Việc kỷ-niệm quan Giám-quốc Paul Doumer ở Hong-Pháp. — Quan Toàn-quyền PASQUIER mới thông tư cho các

quan Thủ-biến trong năm xứ cỏi Đông-Pháp định đặt ra một quỹ gọi tên là « *Quĩ Paul Doumer* » để làm kỷ-niệm quan Giám-quốc PAUL DOUMER ở xứ Đông-Pháp này. Quĩ ấy sẽ lấy tiền của công-chúng lạc-quyên vào, sẽ do một hội-dồng quản-trị trông-nom. Tiền lãi được bao nhiêu sẽ dùng để cấp cho nhân-dân ở Đông-Pháp trong khi có xảy ra tai-biến gì, hoặc là để làm món học-bổng để cấp cho bọn thiếu-niên học-sinh.

Cuộc công-thải 1370 triệu của Đông-Pháp. — Tin Paris ngày 27 rằng Quan-bảo đặng đạo Sắc-lệnh cho phép Chính-phủ Đông-Pháp được thực-hành phần thứ ba 250 triệu của cuộc công-thải 1370 triệu theo đạo Luật ngày 22 Février 1931. Đạo Sắc-lệnh ấy lại cho phép Chính-phủ Đông-Pháp được thực-hành cuộc công-thải 250 triệu theo đúng đạo Luật ngày 26 Avril 1932.

Các viên-chức các công-sở được ở nhà công của nhà-nước phải trả tiền thuê nhà. — Xưa nay các viên-chức công-sở, người nào giữ địa-vị quan-trọng vẫn được ở nhà công của nhà-nước không mất tiền thuê ; nếu không có nhà công, Chính-phủ lấy tiền công-quĩ thuê nhà tư cho ở. Nay công-quĩ Đông-Pháp thiếu nhiều, muốn cho số dự-toán được thăng-bằng, ngoài khoản bớt lương-bổng, Chính-phủ định rằng các viên-chức nào ở nhà công của nhà nước, từ quan Toàn-quyền trở xuống sẽ trích ra 5 phần trăm trong số lương-bổng và phụ-cấp để trả tiền nhà.

Hội-dồng Bảo-hộ. — Hồi 9 giờ sáng ngày 28, hội-dồng Bảo-hộ đã họp tại phủ Thống-sứ Hà-nội, do quan Thống-sứ THOLANCE chủ tọa.

Một cái án hội-kín ở Nam-kỳ. — Ở Sài-gòn, ngày 28, tòa Đại-hình đã đem xử vụ 39 người hội-kín ở Ba-hom, do từ ngày mồng 4 tháng 6 năm 1931 đến

đánh phá nhà việc Tấn-đảo để gỡ thoát 5 người hạn biên-tình bị các viên mật-thám bắt giam ở đó. Tòa kết án bọn này từ 6 tháng đến 5 năm tù, 10 người được trắng án.

Quan Thống-soái và quan Thống-sứ di kinh-lý. — Sáng ngày 30, quan Thống-soái BILLOTTE và quan Thống-sứ THOLANCE đã sang kinh-lý các đồn binh ở tỉnh Bắc-ninh.

Chính-trị-phạm được tha và giảm tội. — Ở Nghệ-an những chính-trị-phạm bị án từ 1 năm đến 2 năm tù, thì mới đây quan Khâm-sứ đã hạ-lệnh tha cho cả, nhưng đều phải hồi dân quân-thức, mỗi tháng phải đến trình diện quan sở-tại một lần. Một người tội tử và một người khổ-sai chung-thân cùng được giảm đều khổ-sai 13 năm.

Số tù tại nhà pha Hỏa-lò Hà-nội. — Số tù giam tại nhà pha Hỏa-lò, hiện nay có 1.463 người. Trong số đó có 97 người tù chính-trị, 20 người tội đồ, 71 người bị khổ-sai có hạn, 67 người bị tội khổ-sai chung-thân, 2 người bị tội tử ; còn ngoài ra là thường-phạm.

Lân và Cảnh bị hành-hình. — Hồi 5 giờ sáng ngày 30, Hồ Ngọc-Lân tức Thang và Nguyễn Đức-Cảnh đã bị hành hình ở trước cửa đề-lao Hải-phòng. Hai người này can vào việc bắn chết chị em Thị-Nhu và Thị-Uyên từ tháng 5 năm 1929. Kỳ Hội-dồng Đề-hình ngày 16 tháng 11 năm 1931, do quan Giám-đốc BOUCHET chủ-tịch kết tội Lân và Cảnh phải tội tử. Hai người đã chống án và xin ân-xá đều bị bác, nên mới hành-hình.

Số gạo xuất-cảng. — Số gạo ở Đông-Pháp xuất-cảng từ đầu năm đến hết tháng 6 năm nay cộng được 631.958 tấn, so với khoảng ấy năm ngoái thì tăng lên được 122.770 tấn.

Ông Bạch Thái-Bưởi tạ thế. —

Ông Bạch Thái-Bưởi là nhà doanh-nghiệp có tiếng ở Bắc-kỳ đã tạ-thế tại Hải-phòng ngày 22 tháng 7 năm 1932, thọ 58 tuổi ; ngày 28 tháng 7 làm lễ an-tàng tại sở mộ Bì-chợ của ông ở Quảng-yên, cách Hải-phòng năm chục cây số.

Ông Bạch là một người rất có công trong trường thực-nghiệp xứ Bắc. Xuất-thân hàn-vi, mà tự một tay mình, làm nên cơ-đồ lớn-lao, bắt đầu thầu-khoán làm cầu làm đường, rồi mở nhà cầm đồ ở Nam-định, rồi đóng tàu chạy các sông, cạnh-tranh với người Khách, sau cùng thời khai mỏ than, kinh-doanh không khác gì người Tây. Thật là một « tay giáo-sư nghị-lực » (*un professeur d'énergie*), theo như lời tây nói, đem cái bài học cương-cường quả-quyết mà dạy cho quốc-dân theo. Lại là một người khảng-khái hiếu-nghĩa nữa, thường nhiệt-thành về các việc công-ích.

Sau đây đăng bài diếu-văn của quan Thiếu-bảo Hoàng Trọng-Phu, Hội-trưởng hội Khai-trí Tiến-dức, đọc viếng ông Bạch khi làm lễ tang ở Hải-phòng :

« Thừa các Ngài,

« Tôi xin thay mặt Hội Khai-trí Tiến-dức đọc mấy lời kính viếng vong-linh ông Bạch Thái-Bưởi, là Phó Hội-trưởng Hội chúng tôi từ khi mới thành-lập đến giờ.

« Ông Bạch mất là Hội Khai-trí thiệt mất một nhà sáng-lập có công, một tay trị-sự đắc-lực.

« Ngay từ khi Hội mới nhóm lên, ông đã giúp công giúp của cho nên cơ-sở vững-vàng ; kịp đến khi Hội đã thành-lập, ông lại ra sức trông nom cho được mở-mang phát-đạt. Trước sau thật là tận-tâm tận-lực, khiến cho tên ông cùng với lịch-sử Hội Khai-trí vĩnh-viễn không bao giờ rời vậy.

« Ông là một nhà thực-nghiệp, nhưng rất nhiệt-thành về các công-việc xã-hội. Phàm công-cuộc gì tỏ ra cái

nghĩa đoàn-thề, cái chí hợp-quần của người mình, ông cũng sốt-sắng mà tán-thành. Ông muốn cho người Nam ta cũng biết hội-hợp nhau để mưu-linh những việc công-ích như người các nước, khỏi mang tiếng là một dân-tộc rời-rạc, không biết tương-thân tương-ái với nhau. Bởi thế nên khi mấy anh em đồng-chí bàn muốn lập một cái đoàn-thề lớn để tiêu-biểu cho quốc-dân, ông vui-vẻ nhận lời ngay, và liền xuất-tài xuất-lực, cổ-động cho thành, cùng anh em gây dựng nên cái nhà hội-quán nguy-nga kia, đã hầu thành một nơi công-quán cho cả quốc-dân ta vậy.

« Ngay từ hồi đầu ông đã được các hội-viên bầu lên chức Phó Hội-trưởng, rồi từ bấy đến nay năm nào cũng được tái-bầu mãi, cho đến tận năm nay. Mới rồi nhân họp đại-hội-đồng, ông có gửi một bức thư lên nói rằng gần đây đau yếu không thể đến dự Hội được, vậy xin từ chức trong Hội-đồng Quản-trị. Anh em được tin ấy đều lấy làm tiếc cả, muốn nghĩ một cách nào để tỏ ơn với ông. Đại-hội-đồng bèn quyết-nghị sẽ đặt tại hội-quán một tấm bia kỷ-công đề kỷ-niệm những người có công với Hội, và trong những người ấy sẽ kê tên ông vào bậc nhất vậy.

« Chúng tôi chưa kịp đến thăm ông để báo tin ấy cho ông biết, thì than ôi ! đã được tin ông mất rồi !

« Ông Bạch Thái-Bưởi từ nay đã thành người thiên-cồ rồi.

« Ông mất đi không những thiệt cho Hội Khai-trí Tiến-dức ; chúng tôi một người có công to, lại là thiệt cho cả trường thực-nghiệp nước nhà một tay kiện-tướng nữa.

« Tôi vừa nói tên ông là liền với lịch-sử Hội Khai-trí Tiến-dức, có thể nói tên ông liền với cả lịch-sử nước nhà trong hai ba mươi năm gần đây nữa.

« Nước Nam vẫn mang tiếng là một nước văn-nhược, không đủ tư-cách

ra cạnh-tranh với cái đời thực-nghiệp này. Ông đem cái tài doanh-nghiệp, cái chí kiên gan mà tỏ cho thiên-hạ biết rằng An-Nam cũng có người có tri-khôn, có nghị-lực, kinh lý được những sự-nghiệp lớn về công-thương, chẳng kém gì người ngoài. Mà ông làm được thành-công, khiến cho thiên-hạ phải phục.

« Cái sự-nghiệp thâm-dạm kinh-doanh của ông, cái nhân-cách gan-góc mạnh-bạo của ông, cái đức-tính kiên-nhẫn cần-cù của ông, thực đáng làm gương cho cả quốc-dân noi theo.

« Nhưng đáng phục hơn cả, lại là cái chí-khí của ông, vì ông không phải là một nhà doanh-nghiệp thường. Ông thủy-chung vẫn mang nặng một tấm

lòng vì nước vì nòi, ai biết ông cũng phải công-nhận như vậy.

« Cho nên hậu-thế bình-tình mà xét lại công-nghiệp ông, tất không ngần-ngại mà phê một câu rằng : Họ Bạch thật là một kẻ vĩ-nhân ở đất Bắc, một bậc trượng-phu trong thương-trường.

« Than ôi ! Mây mờ cửa Cẩm,
Gió lạnh ngàn Yên ! (1)

« Ông Bạch nay đã theo mây theo gió mà đi về nơi mả cũ bến xưa, chỉ để lại mối thương-xót cho kẻ thân-bằng sái-lệ.

« Tôi xin thay mặt đồng-nhân Hội Khai-trí cúi đầu kính-viếng trước linh-cữu ông và trân-trọng phân-ưu cùng qui-quyển. »

DỰ-LUẬN TRONG NƯỚC

Sau khi đức Bảo-dại về nước tiền-đồ viện dân-biểu sẽ ra thế nào ?

Đức Bảo-dại sẽ hồi-loan trong khoảng thượng-tuần tháng *Septembre* tới đây. Các báo Tây Nam đã đăng tin ấy, mà Nam-triều cũng đã phái đại-biểu sang nghinh-giá và trừu-định nghi-tiết triều-hạ. Thế là trong một tháng rưỡi nữa nhân-dân Trung Bắc-kỳ (trừ Nam-kỳ theo chính-thể thuộc-địa) có cái hân-hạnh sẽ trông thấy đức-chánh một đức vua mới, đức vua đã hấp-thụ môn học văn-minh và không-khí tự-do trên mười năm nay, nay về nước cùng Chính-phủ Bảo-hộ sắp - đặt công-việc chính-trị.

Cuộc sắp-đặt ấy, do đức vua và Chính-phủ Bảo-hộ và Nam triều trừu-định thế nào, dân chúng ta chưa biết đâu mà dám bàn. Duy dừng về phươg-diện quốc-dân, đối với trường-hợp mới-mẻ này, không sao không đề ý đến viện

Dân-biểu là một cái viện mang cái huy-hiệu và chức-trách đạo-đạt ý-nguyên và bênh-vực quyền-lợi cho đồng-bào ta. Mà chú-ý là lẽ cố-nhiên, vì hiện trong xứ dự-luận đối với chính-thể có ba phái :

1) *Phái cực đoan thân dân-quyền.*
— Phái này say theo học-thuyết dân-quyền tự-do, do phong-trào bề ngoài kích-thích mà không rõ nội-tình ; lại chán cho cái tệ-hại chuyên-chế lưu-truyền xưa nay, nên xu-hướng về đường cấp-tiến, nhận rằng chính-hệ chuyên-chế là do quân-chủ gây ra. Song thuyết ấy đã có kẻ bác rằng : Không nói Âu Mỹ, chỉ xem mấy nước láng-giềng ta đây, Nhật-bản Xiêm-la theo chính-thể quân-chủ mà làm nên giàu mạnh, còn Trung-hoa đổi quân-chủ sang cộng-hòa mà trong nước rối loạn không ngày nào dứt. Đó là cái chứng quân-chủ không phải toàn hại mà không lợi.

(1) Mả Bì-Chợ của ông Bạch là một sở mả than ở gần núi Yên-tử, giáp tỉnh Quang-yên và hạt Đông-triều.

(phải biết Nhật bản theo chính-thể lập-biến, Xiêm-la gần một tháng nay cũng thực-hành biến-pháp).

2) *Phái cực-đoan tôn quân-quyền.* — Phái này là phái bảo-tồn và thủ-cự, chỉ chăm giữ theo khuôn-kiểu lưu-truyền đời xưa, không rõ thời-dại mới này biến-tượng là thế nào, nên nhận rằng một nước thịnh suy bĩ thái, quan-hệ tại một người. Nếu được một vị vua anh-tuấn trị-vì thì một người có phước muôn dân đều nhờ (一人有慶兆民賴之); trăm điều thầy trông vào nơi lưng vua mà nhân-dân chỉ ngồi chờ ân-đức, không được tham-dự đến việc gì cả. Thuyết ấy trái với thời-dại dân tộc cạnh-tranh ngày nay, nên nhiều người cho là « giấc mộng Hy-Hoàng » không khi nào thực-hiện.

3) *Phái dung-hợp điều-hòa.* — Phái này ở giữa hai phái cực-đoan trên, tức là phái mà lâu nay chúng ta thường nghe nói những tiếng « lập-biến », « quân-dân cộng-chủ » v. v. . Phái này, tự-trung có đám chân-thành, có phe giả-dối, có kẻ nghe cái thuyết có hơi yêm-yêm mà phụ-họa xằng-kỳ-thực không rõ chính-thể là sao, hiến-pháp thế nào, nên xem cũng lộn-xộn, chưa thành thống-hệ gì. Tuy vậy, so với hai phái trên, phái này đối với hoàn-cảnh hiện-thời có vẻ thích-hợp hơn, vì chính-phủ Bảo-hộ đã có lời hứa về câu chuyện lập-biến, còn theo tình-thế trong nước do quân-chủ mà bước lên lập-biến, không đến nỗi xô-xáo đồ ngược, khiến cho phần đông sinh lòng kinh-bối; nên phái này ít người phản-đối, chỉ là thực-hành cùng không thực-hành mà thôi.

Thuyết lập-biến mà không thực-hành được, thì chẳng nói làm gì. Bằng như thực-hành thì cái viện Dân-biểu sau lúc đức Bảo-đại về nước, thế nào cũng có cuộc thay đổi. Vì thế mà phần đông dư-luận có hai điều suy-trắc :

Một là tiêu-cực, hai là tích-cực.

Theo thuyết tiêu-cực, người ta nói rằng :

Viện Dân-biểu xuất-hiện là căn-cứ vào tờ hiệp-ước năm 1925. Đương lúc bấy giờ, đức Khải-định thăng-hà, vua Bảo-đại còn nhỏ và đương đi du-học, quyền-chính trong nước, do Chính-phủ Bảo-hộ và Nam-triều coi sóc; trong khoảng « chủ thiếu quốc nghi » (主少國疑 = vua nhỏ, trong nước nguy-nghi), lòng người dễ sinh ra điều lăm-lạc, nên đặt ra viện Dân-biểu, cho nhân-dân được dự bàn việc nước. . . . Tờ hiệp-ước làm căn-cứ cho viện Dân-biểu chính là nhân lúc vua nhỏ chưa cầm quyền-chính mà sinh ra, có cái tính-chất tạm-thời, chớ chưa phải là vĩnh-viễn như Dân-biểu đã qui-định trong Hiến-pháp. . . .

Còn thuyết tích-cực thì phản-đối cái thuyết trên, nói rằng :

Nước Pháp là một nước đề-xướng dân-quyền làm thầy tiên-đạo cho các dân-tộc tự-do trên thế-giới, sang bảo-hộ nước ta trên nửa thế-kỷ nay, vẫn tự-nhận cái thiên-chức gieo giống văn-minh cho dân-tộc ta, từ cơ-khí tinh-xảo cho đến học-thuyết chính-thể, cũng lần lần truyền-bá. Hai chữ Dân-biểu, tuy mới xuất-hiện theo tờ hiệp-ước năm 1925, song không phải khởi đầu từ đó. Về triều Khải-định trước kia đã có viện Tư-vấn rồi, chỉ đổi cái tên mới mà thôi. Thế là Tư-vấn và Dân-biểu đều là bước đầu chính-thể đại-nghị mà Chính-phủ Bảo-hộ theo trình-độ nhân-dân trong xứ mà đặt ra; nghĩa là theo phong-trào những tư-tưởng mới mà diu-dắt dân ta bước lên con đường chính-trị, chớ không phải là vì cái cơ « vua nhỏ đi học » mà viện Dân-biểu mới xuất-hiện đâu. Xem như trong Nam Hội-đồng tham-dự chính-trị xuất-hiện đã lâu, ngoài Bắc thì viện Tư-vấn

khởi đầu từ năm 1917 kia. Nay trong Nam ngoài Bắc đã có cái cơ-quan đại-biểu nhân-dân, có lẽ nào xứ Trung-kỳ lại không được hưởng cái quyền-lợi về chính-thể văn-minh ấy.

Vậy theo hoàn-cảnh và tình-thế hiện-thời, đã nói Pháp Nam hợp-tác tất phải có một cái chính-thể nhất-định cho thích-hợp. Chính-thể thích-hợp, không chỉ hơn là theo chính-thể đại-ngị và phân-quyền. Nói tắt tức là lập-hiến. Mà nói lập-hiến thì cái viện Dân-biểu cần phải mở rộng quyền-hạn sắp-dặt, qui-mô cho đứng-dẫn hẳn-hoai. Thế là viện Dân-biểu sau này sẽ thành một bộ-phận nghị-pháp, quan-bệ to-lát là đường nào, nhất-định cần phải tổ-chức và khuếch-trương thế nào cho được thích-hợp.

Theo hai thuyết « tiêu-cực và tích-cực » nói trên thì viện Dân biểu hiện nay chính đứng vào cái cảnh-địa « nửa trên sa xuống » (半上落下). Vậy có thể kết-luận rằng : Sau khi đức Bảo-đại về nước, tiền-đồ viện Dân-biểu phải ngã về một đường : hoặc là bãi hẳn đi, hoặc là mở rộng ra, chứ không thể để như bây giờ.

Chính-phủ nghĩ sao ? Máy ông Dân-biểu nghĩ sao ? Anh em nhân-dân nghĩ sao ?

MINH-VIÊN

(Bảo Tiếng-dân ở Huế)

Nghĩa vụ tứ-dân đối với sự trị-an của đức Bảo-đại Hoàng-đế, sau khi ngự-giá hồi-loan

Có tin rằng đức Bảo-đại Hoàng-đế ta đến ngày 12 tháng Août sẽ đáp tàu hồi-loan tại thành Marseille, phỏng đến ngày 10 septembre sẽ đến Huế.

Cái tin đáng mừng rỡ ấy tưởng quốc-dân cũng đã tường-tất rồi và thấy đem

lòng nguyện-vọng mà cung-chúc sự hồi-loan vô-dạng và 'thánh-thể vạn-an ; lại cũng đã từng biết rõ rằng Thánh-học ngày nay đã đạt cái mục-dịch thành tài đạt-đức mà Tiên-đế đã ủy-thác với Pháp-đình và quan nguyên Toàn-quyền CHARLES đại-nhơn chăm nom suốt mười năm nay về sự kiến-văn học-văn.

Vả lại giang-sơn chung-tú, thông-minh vốn sẵn tính trời, Hoang-đế di du-học đến nay đã nên một vị thánh-minh văn-chất kiêm-ưu, tinh-thông Âu-Á. Nay trở về tổ-quốc lâm-dân hành-chính, trăm họ thần-dân trong nước đều nhờ ân-đức cao sâu.

Xem như thế thì càng rõ rằng Tiên-đế sở dĩ đau-dầu âu lo vì nước vì dân mà không ngại nơi xa bề thăm non cao, cất lla tình cốt-nhục chí-thâm mà đòi lấy sự văn-minh tiến-hóa, mà đức Hoàng-đế sau khi « Đỉnh-Hồ » xa ngự-giá, vâng lời nghiêm-huấn phương xa, chăm-chỉ kinh-sử dùi mài, thật là chí-hiền, chí-hiền, chí-tôn, chí-thánh vậy.

Nước ta trải bốn nghìn năm lại đây, thần truyền thánh kế, hai mươi thế-kỷ đã hầu hết 19 thế-kỷ theo văn-học Đông-Á, non một thế-kỷ tiếm-nhiễm văn-minh Tây-Âu; hiện nay trong nước có bao nhiêu tinh-tủy, bao nhiêu học-thuyết đều khuynh-hướng theo văn-minh mới, đem dung-hòa với tinh-thần cũ. Nào là phái thủ-cự, nào là phái duy tân, nam-giới nữ-giới đem ngôn-luận, đem tư-tưởng, đem học-thuyết mà tranh-cạnh nhau, xung-đột nhau, đã diễn thành một tấn kịch không có chuẩn-dịch trên chốn vũ-dài ; vì đó mà sinh ra lắm nỗi trở-ngại cho kẻ hậu-tiến, đã xảy ra lắm cảnh-ngộ đáng chán-ngán, làm cho các nhà chính-trị phải vì cuộc trị-an ra sức điều-đinh.

Ấy là vì học-thuyết chưa có thâm-vị, tinh-thần còn thiếu, vì sự « tạo-phùng »

chưa được thỏa-thích mà sinh ra tệ-đoan. Phe cựu-học và phe tân-học thấy có tư-tưởng riêng, cảm-giác khác nhau trong đực khôn phân, thực hư khó giải, thì chẳng khác nào đem hai dòng sông « Kinh », « Vị » mà hiệp lại một, thì sẽ thành ra một dòng trong đực khôn phân. Mà hai phái tân-cựu đó là ai ? Chính là tữ-dân trong nước.

Tữ-dân, Tữ-dân, nói đến các chức-vụ của tữ-dân, thì lâu nay trên báo-chương đã có liệt bọ là lời cao-dâm hùng-biện tưởng không còn sót điều nào, song sở dĩ dâm-luận đến vấn-đề ấy là vì từ xưa đến nay ta chỉ biết thiên trọng ở một nghề làm quan là « Sĩ » mà đem nâng cao cái phẩm-giá của một ông quan lên đến thang bậc nhất, dầu dưng trời xanh, cho ông quan là sang, còn ba nghề nghiệp nông, công, thương thì cho là hèn, lại đem xua dùa vào xô ngõ hẹp hang cùng, suốt đời lem dất, cho nên trong bốn cái nghề-nghiệp đệ-nhất trong một nước của người ta đều quý-trọng mà ở nước mình cho là khinh-trọng khác nhau.

Cái óc người mình tiêm-nhiễm thói khinh-trọng ấy đã lâu rồi, đã hơn 3 nghìn năm dư rồi, thì rất khó mà di-địch được, vì tự thiên-tử cho đến thứ-dân đều có một cái cảm-giác ấy giống nhau ; nếu nay không nhờ có một cái cảm-giác, một cái tư-tưởng phát-mình từ nơi cao xa đem bốn chức-nghiệp của tữ-dân ta làm một cái chức-nghiệp đại-dồng thì rất khó mà thay đổi được cái cảm-giác đã thâm-trầm của mười mấy triệu đồng-bào theo một lối sai lầm đã từng đi quen từ mấy nghìn năm về trước

Một giấc mê-man không tỉnh, lẽ nào cứ để cho tiếng chuông văn-minh cảnh-tỉnh cứ khua mãi mà không nghe !

May-mắn thay, Thánh học đã thành tài, đã luyện-đạt nhân-tính, đã đồng-minh thế - sự, đã từng tiêm-nhiễm

theo học-thức văn-minh bên Âu Mỹ, đã từng trông thấy cái chức-vụ của tữ-dân ở nước người. Nay Thánh-học đã thành-tài đạt-đức trở về hành-chính làm-dân, đem cái phương-châm đã từng kinh-nghiệm mà thi-hành, đã dành rằng chế-độ lễ nhạc tự thiên-tử xuất, song lại thêm có Chính-phủ Đại-Pháp đem ba nghĩa cả « bác-ái, bình-đẳng, tự-do » mà đề-huê, mà hiệp-tác với đưng minh-quân chân-chúa thì tưởng rằng rồi đây lại trông thấy cảnh trời Nghiêu ngày Thuấn vật-phụ dân-khương đó chứ !

Vậy thì cái nghĩa-vụ của tữ-dân đối với sự trị-an sau khi ngự-giá hồi-loan phải nên thế nào ?

Câu hỏi ấy tưởng nên đáp rằng :

Sĩ — Làm quan phải trung với nước, phải thương dân, phải thanh-liêm cẩn-thận, phải minh-chính, biết làm tròn bổn phận mình, làm thế nào cho bỏ mất tiếng tham-quan những-lại mà được tiếng hiền-lương phương-chính cho rõ mặt quan-trưởng.

Nông — Làm nghiệp nông phải nên biết cách cải-lương, có khoa-học canh-nông thay cũ đổi mới thế nào cho nông-vụ thêm phát-đạt, thu-hoạch được phong doanh, học thêm nông-nghiệp theo lối Âu-tây làm cho cái phẩm-giá của nhà nông thường kiêu-trọng, chứ có tưởng cái nghề chân bùn tay lấm là một nghề hèn. Mà nghề ấy nếu tinh thì cũng vinh-hiền như nghề sĩ vậy. Sách có câu : « Cơ tại tiện nông ». Đó là vì tiện nghề nông.

Công — Làm thợ thuyền người Âu Mỹ tối-trọng, trăm-ban vạn-sự nhờ có thợ mới nên, đã dành rằng nhất nghệ tinh nhất thân vinh, mà nếu một nước nhiều nghề tinh thì phải đến ngày giàu mạnh vậy. Vì thế mà ta phải biết theo khoa-học công-nghệ.

Thương — Nghề bán buôn thì không nói cũng đủ thấy người ngoại-

quốc đến xứ ta bao nhiêu nhà phú-thương đại-cổ được kính trọng biết bao, mà sự-nghiệp của họ to lớn bao nhiêu; ấy là nghiệp thương của người vì có khoa-học chuyên-môn thương-mại mà được lợi nguyên to.

Nếu tứ-dân mà biết làm trọn bổn-phận theo trình-độ tiến-hóa văn-minh mà thành-tựu kết-quả mỹ-mãn, thì trên có đấng minh-quân trị nước, có Bảo-hộ khuông-phù, thì chắc rằng trên con đường văn-minh sẽ trông thấy tứ-dân cùng nhau bước đến chốn vũ-dài mà thao-diễn một tấn tuồng Thái-bình thịnh-trị vậy.

VĂN-BÌNH

(Báo Tiên-long ở Huế)

Vấn-đề cử ông phái viên An-Nam sang Pháp làm thế nào cho vừa dân-nguyện?

Cái chỉ-dụ bên Pháp cho dân Nam-kỳ cử một ông đại-biểu vào Thuộc-địa Thượng-Nghị-viện đã ban-hành hơn một tháng nay, mà hiện bây giờ chưa có tin chỉ đích-xác về cái thể-cách tuyển-cử ấy.

Người thì nói quan Toàn-quyền PASQUIER sẽ định cho tất cả cử-tri (1) của hội-đồng Quản-hạt được quyền bỏ thăm.

Kể thì nói Chính-phủ Đông-dương đã định thi-hành cái thể-cách tuyển-cử đệ-tam-cấp, nghĩa là chỉ duy một mình mấy ông hội-đồng Quản-hạt, Thành-phố, Canh-nông, Thương-mại, Địa hạt được dự vào cuộc tuyển-cử ấy mà thôi.

Và người ta lại còn quả-quyết rằng chính ngay một ít ông hữu tâm về vấn-đề ấy đã cậy ông huyện Nguyễn Văn-

Của lên diện-yết quan Toàn-quyền, thì ngài cho hay rằng Chính-phủ đã nhất-định dùng cách tuyển-cử đệ-tam-cấp và nay mai chỉ đây ngài sẽ ký tờ nghị-định ấy.

Nghe vậy hay vậy, nhưng chúng tôi cũng vẫn cứ hồ-nghĩ rằng cái tin ấy là một tin không thật.

Vì có lý nào Chánh-phủ lại chịu để riêng cái quyền tuyển-cử người đại-biểu An-Nam vào Thuộc-địa Thượng-Nghị-viện cho vài trăm người An-Nam chẳng có chút chi đáng gọi là tiêu-biểu cái công-luận xứ này hết.

Ừ, thật thế, nếu như Chính-phủ nhất-định dùng cái thể-cách tuyển-cử đệ-tam-cấp, thì chỉ có 10 ông hội-đồng Quản-hạt, 10 ông hội-đồng Thành-phố, 41 ông Canh-nông Thương-mại và vài trăm ông địa-hạt được lĩnh cái chức tôn-quí một cách âm-thầm đó mà thôi.

Huống-chi, cái địa-vị của mấy ông hội-đồng địa-hạt là hạng cử-tri đại-đa-số trong trường tuyển-cử sắp đến đây, nó buộc chúng ta phải nói ngay và nói một cách rõ-ràng rằng: mấy ông đó đã không thay mặt cho ai hết mà lại là một hạng người có tiếng phược-tùng mấy ông chánh chủ-tĩnh từ xưa đến nay.

Không, tôi đây chưa phải là người có cái sức mê-tin các sự cải-cách ở xứ này cho đến nỗi tưởng rằng cái ông nghị kia sẽ giống như Diệm Cửu-Quì, hễ sang bên Pháp rồi, thì dơ gây ra bão mặt trời xé của Đông-dương trở lại đúng ngo.

Nhưng, tôi cứ lấy lòng hành-thực mà cho sự cải-cách ấy là một bước đầu dẫn chúng ta đi, sẽ lên vào cái thực-tế hiệp-tác, mà từ gần một thế-kỷ nay chúng ta chỉ nghe tiếng nói lao-xao của mấy tay đương-đạo.

(1) Người có quyền bầu-cử (tiếng Nam-kỳ):

Ừ, thời thời cũng tạm cho nó là một việc cải-cách có quan-hệ đi. Quan-hệ không phải ở nơi sự thảo-luận trong bàn hội Thuộc-địa Thượng-Nghị-viện, mà ở nơi sự chúng ta từ đây sẽ có một người đại-biểu chính-thức ở Paris, thủ-đô nước Pháp.

Thế thời đối với một việc cải-cách có ý-nghĩa như vậy, tôi tưởng Chính-phủ rất nên thận-trọng về việc lựa chọn cái thể-thức tuyển-cử cho lắm mới được.

Ài kia, chớ quan Toàn-quyền PASQUIER, ngài dư biết rằng nó là một cái dao hai lưỡi. Có khi một việc cải-cách hay đương làm cho dân-chúng có hi-vọng, rồi bởi cái cách thi-hành, mà nó lại hóa ra một mối thất-vọng, là nguồn-cội của trăm ngàn sự rắc-rối cho cuộc trị-an xứ này về sau.

DIỆP VĂN-KỲ

(Báo Công-luận ở Sài-gòn)

Báo-chí mới

Tạp-chí « Phụ-nữ Tân-tiến ». — Xuất-bản mỗi tháng hai kỳ, ngày 1 và 15, đã ra số đầu ngày 29 Juillet 1932. Tòa soạn ở số 19, Avenue Thiệu-trị, Huế Chủ-nhiệm kiêm chủ-bút là bà Lê Thành-Tường, quản-lý là ông Nguyễn Văn-Tấn. Giá mỗi số báo 15 xu, sáu tháng 2 \$ 00, một năm 3 \$ 00.

Giới-thiệu sách mới

Morceaux choisis d'auteurs annamites, précédés d'un abrégé de l'histoire de la littérature annamite, à l'usage de l'ensei-

gnement secondaire franco-indigène et des classes supérieures de l'enseignement secondaire français Par G. CORDIER. — (Sách trích-lục các thơ văn quốc âm, đề dùng vào các lớp tú-tài bản-xứ và tú-tài Pháp. Đầu sách có một bài lược-khảo về văn-học-sử nước Nam. Soạn-giả là ông G. CORDIER, chánh sở dịch đơn ở Tòa-án Hà-nội. Nha-Học-chánh Đông-dương xuất-bản). — Bán tại hiệu Lê Văn-Tân, 130 138 phố hàng Bông Hà-nội. Sách dày 336 trang. Không đề giá bán.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quân, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tục-ngữ ca-dao. PHẠM QUỲNH soạn và tập. — giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

- | | |
|-------------------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh-luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp : | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp. | |
| Quyển thứ I | 4 hào. |
| Quyển thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiểu-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE | 4 hào. |
| 10. — Phật-giáo đại-quan. | |
| (In lần thứ hai). | 5 hào. |
| 11. — La Poésie annamite. | 4 hào. |

Sắp xuất-bản :

12. — Tuồng Lôi-xích và tuồng Hòu-lạc.